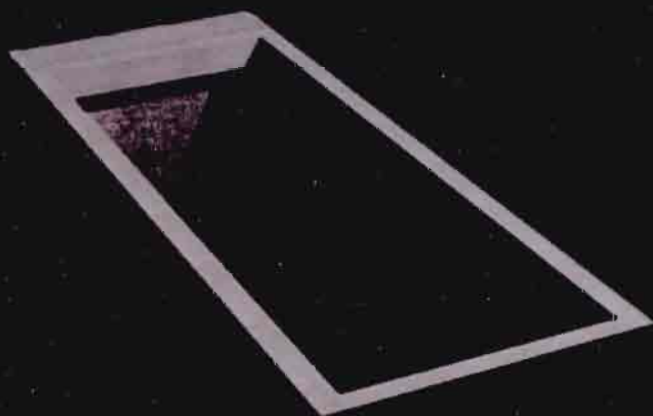


MILAN KUNDERA

Tập sách Cái cười & Sự lãng quên

Tiểu thuyết



Trịnh Y Thư dịch

Tập sách
cái cười &
sự lãng quên

Tập sách cái cười & sự lãng quên
Tiểu thuyết MILAN KUNDERA
TRỊNH Y THƯ dịch từ ấn bản Anh ngữ của
AARON ASHER, HarperPerennial xuất bản, 1999

Copyright @ 2021 by Trịnh Y Thư & Văn Học Press
All rights reserved, which includes the right
to reproduce this book or portion thereof in any form
whatsoever as provided by the U.S. Copyright Law.
VĂN HỌC PRESS, 2021

Thiết kế bìa:
ĐÀO NGUYỄN DẠ THẢO

ISBN: 978-1-666-29825-3

MILAN KUNDERA

TẬP SÁCH
cái cười &
sự lãng quên

Trịnh Y Thư dịch



Văn Học Press

MỤC LỤC

DẪN NHẬP	Lời người dịch	9
PHẦN I	Những cánh thư thất lạc	29
PHẦN II	Mama	61
PHẦN III	Thiên sứ	99
PHẦN IV	Những cánh thư thất lạc	131
PHẦN V	Litost	185
PHẦN VI	Thiên thần	237
PHẦN VII	Biên thùy	283

DẪN NHẬP
Lời người dịch

Trong bài tựa cuốn tiểu thuyết *Chuyện đùa*, Milan Kundera thuật lại giai thoại sau: Năm 1980 (lúc này ông đã cùng gia đình sang Pháp định cư), có buổi hội thảo trên kênh truyền hình nào đó nói về sự nghiệp văn học của ông. Một nhân vật trong thành phần tham dự đứng lên phát biểu, gọi cuốn *Chuyện đùa* là bản cáo trạng hùng hồn tố cáo tội ác của chủ nghĩa Stalin. Kundera nghe vậy vội vàng ngắt lời, “Ông làm ơn đừng gán ghép chủ nghĩa Stalin của ông vào tôi. *Chuyện đùa* chỉ là một câu chuyện tình.”

Quả vậy, mặc dù tiểu thuyết Kundera không thiếu những mạch đoạn viết về chính trị – đúng hơn lịch sử chính trị – và ông không bao giờ che giấu thái độ hằn học, gần như thù hận, với nước Nga, bởi quốc gia này đã gây nên không biết bao nhiêu tai họa và thống khổ cho quê hương, dân tộc ông, thậm chí cho chính cá nhân ông, nhưng thật sai lầm nếu chúng ta bới móc giữa những dòng chữ ông viết để tìm kiếm một thông điệp hay luận đề chính trị nào. Ông có vẻ dị ứng với tất cả những điều đó. Với ông, Lịch sử chỉ là tấm phông trù tượng mà ông ví tiểu thuyết gia như nhà thiết kế sân khấu kịch dùng nó để kiến dựng một tiết kịch. Câu nói “*Tiểu thuyết gia không phải là kẻ hầu của sử gia*” thường được ông nhắc đi nhắc lại trong những bài tiểu luận (ngoài vai trò một tiểu thuyết gia hàng đầu trên thế giới vào nửa sau thế kỷ XX, Kundera còn

là một ngòi bút viết tiểu luận văn học xuất sắc) như trong những đoạn viết sau:

Bởi Lịch sử, với tất cả những động thái của nó, chiến tranh, cách mạng, phản cách mạng, quốc nhục, không được chen vào can dự ngòi bút của nhà văn – không thể để nó trở thành đề tài cho nhà văn minh họa, lên án hoặc biện giải. Tiểu thuyết gia không phải là kẻ hầu của sử gia; nhà văn có thể bị mê hoặc bởi Lịch sử, nhưng bởi nó là thứ đèn giới xoay vòng chạy xung quanh hiện hữu con người, chiếu luồng sáng lên nó, lên những khả thể bất ngờ, mà ở những lúc bình ổn, khi Lịch sử đứng yên, không lộ mặt ra phía trước, chúng nằm yên phía sau, không ai thấy, không ai nhận biết.

...

Lịch sử nhẹ như đời sống cá nhân con người, nhẹ khôn kham, nhẹ như lông hồng, nhẹ như hạt bụi cuốn lên không trung, như bất cứ cái gì ngày mai không tồn tại.

Nếu vậy, đối với Kundera, chủ đề trong tiểu thuyết có hàm chứa một ý nghĩa gì đáng kể không? Hiển nhiên, như hầu hết các tiểu thuyết gia tầm vóc khác của thế giới, Kundera cương quyết chống lại mọi chủ thuyết luận đề trong văn chương. Đối với ông, chẳng có gì đáng khinh bỉ hơn một tác phẩm tiểu thuyết mà đọc không khác một văn bản tuyên truyền chính trị. Tuy vậy, bàng bạc trong những tác phẩm của ông, người ta nhận thấy những chủ đề sau hiển lộ rõ ràng: cuộc sống lưu vong; căn tính, đời sống vượt qua lằn ranh biên thù (bên kia tình yêu, bên kia nghệ thuật, bên kia sự nghiêm túc); lịch sử như cái gì liên tục trở lại; và lạc thú của một đời sống ít có những điều “quan trọng.”

Và, như phần lớn chúng ta, Kundera chẳng thể nào

đứng ngoài những biến động lịch sử khốc liệt của thế hệ ông. Thế kỷ XX, châu Âu của ông chứng kiến sự đổ nát kinh hoàng chưa từng thấy trước đó bao giờ. Hai cuộc Thế chiến, Lò thiêu, Quốc xã, Quân phiệt, Cộng sản, như những bóng ma, cho đến tận bây giờ vẫn ám ảnh tâm tư người dân lục địa đó. Bohemia của ông – miền đất tuy nhỏ bé nép mình giữa hai cường quốc Đức và Nga nhưng lại là giao điểm chính trị và văn hóa quan trọng – luôn luôn là mảnh đất chịu thiệt thòi và bị giẫm nát trong bất kỳ cuộc tương tranh lớn nhỏ nào. Ở châu Âu, ngoài Ireland, Bohemia có lẽ là quốc gia duy nhất mà nền văn học bao giờ cũng trĩu nặng tính thời đại và lịch sử. Dù sao chẳng nữa, Kundera khó lòng hoàn toàn đi trệch ra khỏi quy luật đó.

Nhưng nếu lịch sử chính trị chỉ là bối cảnh, chỉ là cái phong của tiết kịch, thì cái gì chiếm cứ phần trọng đại nhất trong tiểu thuyết Kundera? Câu trả lời giản dị lắm: Đó chính là cuộc truy tìm bản ngã con người để từ đó rất có thể lóe lên luồng sáng mới mẻ cho ta thấy rõ hơn cái ẩn mật của hiện tồn. Đưa ra một định nghĩa cho tiểu thuyết, ông nói: *“Ngay khi bạn tạo dựng một hiện hữu tưởng tượng, một nhân vật, tự động bạn đối đầu câu hỏi: Bản ngã là gì? Làm cách nào thấu triệt được cái bản ngã đó? Đây là một trong những câu hỏi cơ bản của tiểu thuyết.”* Kundera cả quyết rằng sự nảy sinh của nhân vật tiểu thuyết không giống sự ra đời của con người nơi cuộc sống bên ngoài; *“họ có mặt do một tình huống, một câu văn hay một ẩn dụ bên trong cái vỏ bọc hàm chứa những khả thể cơ bản liên quan đến con người mà tác giả nghĩ rằng chưa ai khám phá hay đề cập điều gì trọng yếu về nó.”* Xem thế, tính sáng tạo trong tiểu thuyết Kundera chủ yếu nằm ở điểm này. Và qua tác phẩm chúng ta thấy ông truy xét cái

bản ngã đó đến tận cùng. Bản ngã bị ông lật trái lật phải, lật ngang lật dọc đến chóng mặt. Nhưng không phải vì thế ông nắm bắt được điều muốn tìm kiếm; bản ngã vẫn vượt khỏi tầm tay, và ông thú nhận cuộc truy tìm bao giờ cũng chấm dứt trong nghịch lý.

Đọc Kundera, chúng ta cũng dễ dàng mắc phải ngộ nhận cho là tiểu thuyết ông chịu ảnh hưởng triết học hiện sinh. Ý tưởng phê phán nghệ thuật tiểu thuyết chẳng qua chỉ là cái gì rút ra từ các trào lưu triết học và lý thuyết bị ông đem ra phản bác gay gắt. Dẫn chứng tác phẩm văn học của các nhà văn cận/hiện-đại, ông bảo tiểu thuyết đã va chạm đến vô thức trước khi có Freud, đã luận về đấu tranh giai cấp trước khi có Marx; và trước khi các nhà hiện tượng học ra đời tiểu thuyết đã nói đến hiện tượng học. Câu nói *"tiểu thuyết nói những điều mà chỉ tiểu thuyết mới nói được"* thường được ông đem ra dùng khi cần bênh vực cho vai trò tích cực và vị thế trọng đại không thể thiếu của tiểu thuyết trong đời sống văn hóa con người.

Kundera tự xem mình là một nhà văn châu Âu, không phải Đông Âu như nhiều người gán lên ông. Ông lấy nguồn cảm hứng sáng tác từ những nhà văn truyền thống châu Âu từ thời Phục hưng như Boccaccio, Rabelais, hoặc mới hơn như Sterne, Diderot... Nhưng chính những trước tác của các nhà văn hiện đại thế kỷ XX đã tạo ảnh hưởng sâu sắc lên những trang viết của ông, đó là Musil, Gombrowitz, Broch, Heidegger, và nhất là Kafka. Ông dành nguyên một phần trong cuốn *Nghệ thuật tiểu thuyết* để nói về Kafka. Theo ông, chính Kafka, không phải Proust, không phải Joyce, đã tiên phong cho trào lưu tiểu thuyết Hiện đại mà ảnh hưởng vẫn còn vang động cho đến tận ngày nay.

Kundera cũng tuyệt đối trung thành với những ý niệm mỹ học mà ông khai triển gần như suốt văn nghiệp ông. Ở những cuốn nổi tiếng như *Đời nhẹ khôn kham*, *Chuyện đùa*, chúng ta thấy ông say sưa với những cặp phạm trù nặng/nhẹ, tâm-hồn/thể-xác, chung-thủy/phản-bội, cái-cười/sự-lãng-quên, vân vân. Thậm chí ông lấy cặp phạm trù cái-cười/sự-lãng-quên làm nhan đề cho một tác phẩm của ông, *Tập sách cái cười và sự lãng quên*. Kundera nói về cuốn sách này của ông như sau:

Sách này là cuốn tiểu thuyết viết theo dạng thức biến tấu. Những phần của sách nối tiếp nhau như những chặng đường chuyến du hành dẫn đến cái nội tại của chủ đề, nội tại một suy tưởng, nội tại một tình huống duy nhất, giản dị, mà cái hiểu cứ dần dà trôi mất về cõi xa, ra khỏi tầm nhìn của tôi.

Nó là cuốn tiểu thuyết viết về Tamina, và những chuyện diễn ra lúc Tamina bước ra khỏi sân khấu. Nó là cuốn tiểu thuyết viết cho Tamina. Cô là nhân vật chính diện và cũng là khán giả chính diện. Tất cả những chuyện khác là biến tấu dựa trên chuyện của chính cô, gập gờ đời sống cô như gương soi mặt.

Nó là cuốn tiểu thuyết về cái cười và sự lãng quên, về thành phố Praha, về Praha và những thiên sứ của nó...

Như hầu hết các tác phẩm khác ông viết trước đó hoặc sau này, cuốn sách là một tổng hợp những khía cạnh khác nhau của hiện tồn được khuếch đại, thu nhỏ, sắp xếp lại trật tự, nhấn mạnh, xem xét, phân tích, trải nghiệm... với một cái nhìn thật mới mẻ và tinh tế.

Ông viết cuốn sách vào khoảng giữa thập kỷ 70. Tác phẩm có bảy phần. Gọi mỗi phần là một truyện ngắn

cũng đúng, nhưng theo chính Kundera, ta nên xem nó là một tổ khúc, như tổ khúc âm nhạc gồm bảy hành âm mà mỗi hành âm là một cuộc truy tìm hiện hữu khác nhau. Khác nhau nhưng vẫn có sự liên lạc chặt chẽ bởi mô-típ chỉ đạo chế ngự toàn tác phẩm: cái cười và sự lãng quên. Những mã số hiện sinh ông sử dụng ở đây vẫn là những phạm trù quen thuộc lồng trong tình huống một chuyện tình buồn cười. (Các chuyện tình của Kundera đều buồn cười, nhưng là nụ cười cay đắng.) Tình dục thì luôn luôn buồn bã, như hoang mang giữa mê lộ. Và quái! Không phải quái đản, quái lạ, quái gở hay quái dị, mà quái “chiêu.” (Ở đây, tôi chỉ có thể tìm được một tiếng lóng, một từ đường phố, “quái chiêu,” để diễn tả chất “quái” trong văn Kundera khi viết về tình dục.) Tất cả quay cuồng trong bối cảnh lịch sử: cuộc sống ngột thở dưới chế độ công an trị của nhà nước Cộng sản sau khi Nga xua cả nghìn chiến xa và nửa triệu quân sang xâm chiếm Bohemia.

Cuốn tiểu thuyết đã đưa Kundera lên đài danh vọng quốc tế vào cuối thập kỷ 70. Nó là cuốn sách chẳng những phong phú ở mặt xây dựng nhân vật và câu chuyện, mà còn lạ lùng, sâu sắc ở phần tưởng tượng. Nơi đây thực tại và huyền tưởng đan xen nhau dễ dàng và tự nhiên đến nỗi người đọc khó phân biệt đâu là đời sống thật, đâu là giấc mơ. Kỳ thực, điều đó không cần thiết khi đọc tiểu thuyết Kundera. Tuyệt đối không cần thiết, bởi chính ông cũng hay nhắc nhở người đọc rằng đừng xem những gì ông viết là sự thật ngoài đời, mặc dù trong đó có rất nhiều phần thuộc dạng hồi ức tự truyện, âm nhạc, triết học hay lịch sử. Ông thường cố ý cho người đọc nhận ra các nhân vật tiểu thuyết của ông chẳng qua chỉ là những hình ảnh

ông lấy ra từ trí tưởng tượng của mình. Ông cho chủ thể ở ngôi thứ nhất trong lúc miêu thuật một câu chuyện ở ngôi thứ ba. Trong lúc viết, ông quan tâm đến các từ định đoạt tính cách và số phận của nhân vật hơn là ngoại hình. Chẳng bao giờ nghe ông miêu tả nhân dáng các nhân vật của ông ra sao, như thể trí tưởng tượng của người đọc tự động tiếp nối và hoàn tất cái nhìn của người viết. Làm như thế, người viết sẽ chú trọng nhiều hơn ở phần cốt lõi của tác phẩm. Thậm chí, thể giới nội tâm (hoặc tâm lý) của nhân vật đối với ông cũng chẳng quan thiết. Tuy nhiên, đôi lúc, tính cách đặc trưng nào đó được nhấn mạnh hầu làm sáng tỏ thêm bản chất của nhân vật.

Viết tiểu thuyết, Kundera ưa chuộng thủ pháp “tiểu thuyết tư duy.” Có nghĩa là ông không miêu thuật một câu chuyện từ đầu chí cuối, mà đưa ra một ý tưởng rồi “bịa” một hay nhiều “tình huống” để biện chứng cho ý tưởng đó. Với lối viết này, Kundera chịu ảnh hưởng nhiều từ hai nhà văn kiệt xuất người Áo của nửa đầu thế kỷ XX là Robert Musil [1880-1942] và Hermann Broch [1886-1951]. Kẻ không quen lối viết này có thể bĩu môi chê bai, “Sao mà lý sự lắm thế!” bởi đối với họ, nghệ thuật tiểu thuyết yêu cầu ý kiến tác giả đứng ngoài tầm nhìn; tất cả mọi tư duy hãy để người đọc định đoạt, nó là thành tố ngoại tại của loại hình tiểu thuyết.

Thế nhưng Kundera đã mở toang cánh cửa để tư duy tuôn tràn vào tiểu thuyết. Ông không ngần ngại tuyên bố rằng *“biện pháp bổ sung những tư duy chắc nịch một cách đầy thông tuệ vào tiểu thuyết và bằng những thủ pháp tuyệt luân đầy nhạc tính khiến nó trở nên thành phần bất khả phân ly trong tác phẩm là một trong những sáng tạo táo bạo nhất mà không phải tiểu*

thuyết gia nào cũng dám làm trong kỷ nguyên nghệ thuật hiện đại.”

Tư duy tiểu thuyết, theo Kundera, không dính líu gì đến tư duy khoa học hay triết học; nó là phi triết học; thậm chí phản triết học, có nghĩa là nó hết sức độc lập với bất kỳ hệ suy tưởng tiên nghiệm nào; nó không thẩm định; không công bố chân lý; nó ra câu hỏi, nó kinh ngạc, nó xét nét; loại hình của nó thật là phong phú: ẩn dụ, châm biếm, giả định, khoa đại, châm ngôn, bông lơn, gây hấn, huyền hoặc; và điều chính yếu là không bao giờ nó tách lìa ra khỏi cái vòng tròn ảo diệu bao quanh đời sống những nhân vật của nó; những đời sống nuôi dưỡng, chứng thực nó.

Đọc Kundera, chúng ta cũng dễ dàng nhận ra tính hài (và ở chừng mực nào đó, châm biếm) thấm đẫm trong văn ông. Kỳ thực, đối với ông, hài là một thuộc tính bất khả tách ly của văn chương. *Tập sách cái cười và sự lãng quên* không thiếu những mạch đoạn khiến người đọc cười chảy nước mắt, nhưng thật sai lầm nếu chúng ta hiểu chủ ý của ông là chọc cười độc giả. Để hiểu tính hài của Kundera, ta phải tìm hiểu tính hài trong văn Kafka. Vâng, chính Kafka đã cho ông nguồn cảm hứng bất tận đem tính hài vào văn chương. Kafka lấy mặt nạ của cái khả lý đeo lên cái bất khả lý, trong lúc tuyệt đối duy trì tính chính xác tâm lý, nó khiến tiểu thuyết của ông mang vẻ mê hoặc huyền ảo lạ lùng. *Chuyện bông đùa, giai thoại, chuyện hài hước: chúng là những bằng chứng hùng hồn nhất cho thấy giữa cảm quan nhạy bén của hiện thực và thần trí tưởng tượng, tiểu thuyết liêu lĩnh đi vào cái bất khả lý.* Kundera bảo như vậy.

Kundera cũng khai thác triệt để khía cạnh bi-hài của chủ nghĩa độc tài toàn trị, mặc dù ông quyết liệt phản

bác lại mọi phê phán xem tiểu thuyết của ông là một diễn ngôn chính trị. “*Sự lên án chủ nghĩa độc tài toàn trị không xứng đáng đem vào tiểu thuyết*” là câu nói thường xuyên ông phát biểu mỗi khi đề tài này được đem ra thảo luận. Tiểu thuyết gia Mexico Carlos Fuentes nói như sau về Kundera:

Điều thú vị ông ta [Kundera] tìm ra là sự tương tự giữa chủ nghĩa độc tài toàn trị và giấc mơ tuy mê hoặc nhưng chẳng có gì đáng nhớ về một xã hội hài hòa nơi đời sống riêng tư và đời sống công cộng nhập lại thành khối nhất thể và sự hiệp nhất đó được xây dựng xung quanh một ý chí và một đức tin.

Tính bi-hài nhiều phần đen tối ấy cho chúng ta thấy một lần nữa Kundera chịu ảnh hưởng nhiều từ Franz Kafka.

Ngày nay trong khi nhiều người mất niềm tin vào tiểu thuyết như một loại hình nghệ thuật, thậm chí có người tuyên bố tiểu thuyết đã chết, thì Kundera tỏ ra vẫn tha thiết với nó. Để hiểu nguyên do vì sao, chúng ta có thể tìm đọc lại một suy nghĩ của ông như sau:

Nhân vật trong tiểu thuyết tôi là những khả thể vô thức của chính tôi. Đó là lý do tại sao tôi yêu quý và khiếp sợ những nhân vật đó bằng nhau. Mỗi nhân vật vượt qua đường biên do chính tôi vạch ra. Chính đường biên bị vượt qua đó (bên kia đường biên, “bản ngã” của riêng tôi chấm dứt) là cái gì quyến rũ tôi nhất. Bởi bên kia đường biên là nơi khởi đầu cho cái ẩn mật cuốn tiểu thuyết yêu cầu. Tiểu thuyết không phải lời tự thú của tác giả; nó là cuộc nghiệm sinh của con người trong cái bất thể giới này đang dần dà biến thành.

... cái bấy thế giới này đang dần dà biến thành. Quá chính xác, và tôi không thể không đồng ý với ông. Bởi trong mắt nhìn của ông, thế giới hiện đại là một thế giới bị triết học bỏ rơi và hàng trăm chuyên ngành khoa học đập vỡ tan. “Chỉ có tiểu thuyết là còn lại với chúng ta như đài quan sát cuối cùng để từ đó chúng ta có thể ôm lấy đời sống con người như một toàn nguyên.” Ông nói như vậy.

Đừng kỳ vọng Kundera cho chúng ta câu trả lời về bất cứ điều gì sau khi đọc xong tác phẩm. Sẽ không có câu trả lời, và mọi chất vấn hoài nghi chỉ làm tối tăm thêm cái nghịch lý của đời sống. Hãy nhận ra nét đẹp của nghệ thuật và đó là phần thưởng duy nhất nhà văn có thể cống hiến.

Đôi dòng tiểu sử Milan Kundera

Milan Kundera sinh năm 1929 tại thành phố Brno nay thuộc Cộng Hòa Czech trong một gia đình Czech trung lưu. Cha ông là cầm thủ piano kiêm nhà âm nhạc học. Thế chiến II, ông làm nghề buôn và chơi nhạc jazz kiếm sống trước khi được nhận vào đại học Charles ở thủ đô Praha theo học Âm nhạc học, Điện ảnh, Văn học và Mỹ học. Năm 1952 ông tốt nghiệp, trở thành phó giáo sư và sau đó giáo sư khoa Điện ảnh của Viện Nghệ thuật Trình diễn ở Praha, ông cũng là giảng viên thuyết trình về văn học thế giới. Thời gian này, ông cho xuất bản một số thơ, tiểu luận, dựng kịch, tham gia ban biên tập hai tạp chí văn học *Literani Noviny* và *Listy*.

Kundera thuộc thế hệ nhà văn có rất ít quan hệ và trải nghiệm đối với nền Cộng hòa Dân chủ Tiệp Khắc.

Ý thức hệ của họ khởi nguồn từ Thế chiến II và thời gian bị Đức Quốc xã chiếm đóng. Năm 1948, cũng như các trí thức nhiệt huyết khác, Kundera gia nhập Đảng Cộng sản. Năm 1950 ông bị Đảng khai trừ vì tội danh “có xu hướng cá nhân chủ nghĩa” và những hành vi chống Đảng. Việc này được ông dùng làm chủ đề cho cuốn tiểu thuyết *Chuyện đùa* xuất bản năm 1967. Tuy thế mấy năm sau đó ông được cứu xét lại và từ năm 1957 cho đến 1970 ông trở lại Đảng. Suốt thập kỷ 50, Kundera công tác với tư cách một dịch giả, một nhà viết tiểu luận, một nhà dựng kịch. Năm 1953 ông xuất bản cuốn sách đầu tay, và mặc dù có vài tập thơ ra mắt công chúng nhưng ông chỉ được biết đến sau khi tập truyện *Những chuyện tình buồn cười* xuất hiện. Năm 1967 ông xuất bản cuốn tiểu thuyết đầu tay, cuốn *Chuyện đùa*, với chủ đề chống chủ nghĩa Stalin. Năm 1970 ông bị khai trừ khỏi Đảng lần thứ hai, bị cách chức giáo sư và tác phẩm bị cấm lưu hành vì là một trong những trí thức hàng đầu trong phong trào Mùa Xuân Praha, một phong trào tranh đấu của trí thức Tiệp đòi hỏi dân chủ hóa và bị Xô Viết xua quân sang giẫm nát năm 1968. Ông chủ trương cải tổ chứ không đánh đổ Đảng Cộng sản, và đã có những bài bút chiến nảy lửa với nhà soạn kịch Václav Havel về vấn đề này. Sau cùng, có lẽ thất vọng, ông từ bỏ mọi giấc mơ cải tổ và năm 1975 đưa gia đình di cư sang Pháp.

Tác phẩm tiểu thuyết thứ hai của ông, cuốn *Đời sống ở nơi khác* xuất bản ở Paris năm 1973. Năm 1975 ông được mời làm giáo sư thỉnh giảng tại Đại học Rennes, Bretagne, Pháp quốc. Năm 1979 cuốn tiểu thuyết *Tập sách cái cười và sự lãng quên* ra mắt quần chúng với nội dung không tốt cho chế độ cầm quyền và ông bị nhà nước Tiệp Khắc tước quyền công dân.

Năm 1981 ông vào quốc tịch Pháp và từ 1985 ông chỉ nhận trả lời phỏng vấn qua văn bản vì ông cho là trước đó người ta hay có xu hướng diễn dịch sai ý ông. Năm 1986 ông xuất bản cuốn *Nghệ thuật tiểu thuyết*, một tập tiểu luận đặc sắc và là tác phẩm đầu tiên viết bằng Pháp ngữ. Cuốn tiểu thuyết tiếp theo, *Sự bất tử*, và cho đến ngày nay, ông đều sử dụng Pháp văn cho sáng tác của mình. Ông tự cho mình là một tác giả Pháp, và yêu cầu người ta xếp loại cũng như nghiên cứu công trình trước tác của ông như là văn học Pháp. Cuốn *Lễ hội những điều vô tích sự* gần đây nhất, xuất bản năm 2014 lấy bối cảnh Paris, và mặc dù có va chạm ít nhiều đến chủ nghĩa Stalin, nhưng gần như ông không quay lại các chủ đề quen thuộc như lòng hoài niệm quê hương, sự lãng quên, cái nhẹ khôn kham, v.v.

Một người bạn sinh sống ở Praha có lần bảo tôi dân Tiệp không xem Kundera là một nhà văn Tiệp, điều đó có thể phần nào giải thích thái độ không mấy quan tâm của ông đối với quê cũ. Mặc dù vẫn giữ quan hệ viễn liên với vài người bạn thân, ông hiếm khi về thăm quê hương, và mỗi lần về đều âm thầm, không xuất hiện ngoài công chúng bao giờ.

Nhưng đối với thế giới, Kundera được xem là một trong những nhà văn hàng đầu của văn học Hậu Hiện đại Tây phương. Có người đi xa hơn, không ngần ngại gọi ông là một trong ba hoặc bốn nhà văn lớn nhất của văn học thế giới đương đại. Nhà văn Simon Leys có lần tuyên bố tác phẩm của Kundera khiến George Orwell bị lu mờ. Đâu đó người ta còn so sánh ông với Franz Kafka.

Dịch “Milan Kundera”

Giữa tôi và Milan Kundera, tính cho đến ngày nay, hiển nhiên có một gán bó trên 30 năm, một quan hệ phi vật thể vì tôi biết ông chứ ông không biết tôi là ai. Nhưng tôi thấy trên trang viết của ông những điều rất gần gũi và tâm đắc. Gần gũi vì cũng như ông, tôi không được sinh sống trên quê hương mình. Tâm đắc vì hầu như tất cả những gì ông viết, tôi đều thấy lời cuốn, cầm sách lên khó lòng buông xuống, bỏ đi làm chuyện khác. Ông suy nghĩ thay cho tôi. Ông là nhà văn với một khối óc phân tích và tổng hợp uyên áo, câu chuyện kể thường dẫn đến vô vàn những tư duy độc đáo, và đó chính là điểm mạnh của ông.

Vào quãng năm 1988, 89 gì đó, tôi đọc Kundera lần đầu sau khi đọc những bài phê bình, giới thiệu của các nhà văn Mỹ như Philip Roth, John Updike đăng trên *The New York Times Book Review*. Đó là thời điểm đế quốc Xô Viết đang trên đà sụp đổ, tan rã toàn diện và Chủ nghĩa Cộng sản bắt đầu đi vào giai đoạn cáo chung ở Đông Âu. Trí thức phương Tây bỗng chú ý đến văn học của vùng đất đang tận lực đấu tranh để thoát ra khỏi tai ách Cộng sản phủ trùm trên quê hương, dân tộc họ suốt gần nửa thế kỷ qua, và Kundera xuất hiện như một kiện tướng hàng đầu. Cũng như nhiều người khác, tôi chụp lấy cuốn *Đời nhẹ khôn kham* đọc ngẫu nhiên, và với sự khuyến khích của nhà văn Nguyễn Mộng Giác, bắt đầu dịch tác phẩm này sang tiếng Việt, rồi gửi đăng rải rác trên các tạp chí văn học thời đó như *Văn*, *Văn Học*, *Hợp Lưu*... Nhưng phải đợi đến năm 2002, tôi mới cho xuất bản cuốn sách dịch lần đầu, và mãi đến năm 2018 một ấn bản mới (dịch lại gần như toàn bộ tác phẩm theo phiên

bản Anh ngữ mới do chính tác giả hiệu đính) ra mắt độc giả Việt Nam do công ty sách Nhã Nam thực hiện xuất bản và phát hành. Cùng năm, cuốn sách được Hội đồng trao giải sách hay thuộc hai tổ chức IRED và OpenEdu trao tặng Giải Sách Hay, hạng mục Sách Văn học, thể loại Sách dịch.

Dĩ nhiên, tôi không ngừng ở *Đời nhẹ khôn kham* mà vẫn ấp ủ ý định dịch tiếp một cuốn tiểu thuyết nữa của Kundera, và thật dễ hiểu, đó là cuốn *Tập sách cái cười và sự lãng quên*.

Dịch *Tập sách cái cười và sự lãng quên* là việc làm thú vị tuyệt vời đối với tôi. Dịch xong, tôi thấy tiếc tại sao Kundera không viết thêm bấy phần nữa trong cuốn sách cho tôi dịch tiếp.

Thiết tưởng cần nói thêm đôi điều về việc dịch nhan đề sách. Bản Anh ngữ của sách là *The Book of Laughter and Forgetting*; và bản Pháp ngữ *Le livre du rire et de l'oubli*. Cả hai có lẽ dịch sát nghĩa từ nguyên tác tiếng Tiệp *Kniha smíchu a zapomnění*. Tôi đã dẫn đo khá nhiều trong lúc tìm một nhan đề tiếng Việt khả dĩ cho... “văn vẻ” một tí mà ý nghĩa không đi quá xa tựa sách nguyên thủy. Quả tình không dễ dàng chút nào. Tìm hiểu thêm, tôi biết người Trung Quốc dịch là *Tiểu Vong Thư*, ngắn gọn, súc tích, sát với tinh thần Trung văn, nhưng hiển nhiên tôi không thể bắt chước hay mô phỏng họ, dịch là “*Sách cười và quên*” được. Bạn bè cũng có vài đề nghị, nhưng sau cùng tôi quyết định dịch là: *Tập sách cái cười và sự lãng quên*, nghe không “văn vẻ,” thậm chí không thuận nhĩ đối với đa phần độc giả người Việt, vốn quen với những nhan đề bóng bẩy, “kêu.” Tuy nhiên, sau khi suy xét, tôi thấy nó phù hợp nhất với cuốn sách này của Kundera, và tôi đã làm một chọn lựa tuy khó khăn nhưng quả tình không thể

làm khác hơn.

Đúng ra nhan đề sách là *Tập sách của cái cười và sự lãng quên*, nhưng tôi bỏ chữ “của” vì ngữ pháp tiếng Việt cho phép tôi làm vậy. Nhưng tại sao lại “cái cười” thay vì “cười” hay “tiếng cười?”

Trước hết, nếu dịch là “tiếng cười” thì chẳng những không chính xác, mà còn làm hạn hẹp ý nghĩa và tinh thần cuốn sách cũng như chủ ý tác giả. Do đó, tôi có thể yên tâm gạch bỏ cụm từ “tiếng cười” ra khỏi bộ từ vựng của tôi. Còn lại chỉ có thể là “cái cười.” Mạo từ “cái” tôi thêm vào không phải là tùy tiện cho xuôi tai, bớt cộc lốc. Từ “cái” trong tiếng Việt có một hàm nghĩa rất lớn: nó đứng trước sự việc để nhấn mạnh, nhưng nó cũng cho sự việc tính phổ quát. Vâng, “cái” gì cũng có thể là “cái” được, từ cái bàn cái ghế, cái ăn cái uống, chí đến “cái con mẹ,” “té cái bịch,” “tát cái bộp,” v.v. “Cái” là “Mẹ” (Bố Cái Đại Vương, con đại cái mang); “cái” còn là to rộng, lớn lao (sông cái, đường cái). Nếu có thể làm một bảng danh mục các trường hợp từ “cái” được sử dụng trong tiếng Việt, có lẽ tôi phải mất cả trang giấy. Bởi vậy, tại sao không là “cái cười” trong trường hợp này? Và, quan hệ hơn, tôi thấy nó quá phù hợp với ý nghĩa đặc trưng của tính hài trong cuốn sách, mà tôi nhận định trong phần dẫn nhập bên trên, “Cái cười” và “té cái bịch” có lẽ nằm trong cùng một hệ cơ sở.

Rồi đến cụm từ “sự lãng quên” tôi cũng có đôi chút bối rối. Xin nói ngay, “lãng quên” có lẽ là một từ mới trong tiếng Việt, và thường được định nghĩa là: Quên mất, không chú ý đến nữa. Tôi nói “mới” bởi ở những bộ từ điển cũ như cuốn Lê Văn Đức – Lê Ngọc Trụ, không có động từ này mà chỉ có “lảng quên” hay “quên lảng,” – xin chú ý, “lảng” dấu hỏi – và được định nghĩa

là “Cố tìm việc nghĩ khác, việc làm hay thú vui để quên đi cái việc đáng buồn hay trái ý.” *Truyện Kiều* của Nguyễn Du không hề có cụm từ “lãng quên,” mà chỉ có động từ “lãng” với ý nghĩa là tản, vệt qua nơi khác, như “lãng tránh.” Như vậy, tôi nên chọn “lãng quên” hay “lãng quên,” bởi ý nghĩa của hai cụm từ đó khác nhau, cùng là “quên” nhưng một bên là “quên” do vô thức sai khiến, và bên kia, “quên” có ý thức. Vấn đề cho tôi ở đây là cả hai đều sai, cả hai đều không cùng ý nghĩa mà Kundera muốn nói đến.

Ngay trong Phần I của tác phẩm – *Những cánh thư thất lạc* – Kundera đã đưa ra định nghĩa sau về “cái quên,” và nó chính là chủ đề tái hiện hoài hoài suốt cuốn sách:

Cuộc đấu tranh của con người chống lại quyền lực là cuộc đấu tranh của trí nhớ chống lại sự lãng quên [forgetting].

Ngay tức khắc, nó cho thấy tôi sẽ không bao giờ lột dịch từ *forgetting* sao cho đúng với ý nghĩa mà Kundera muốn đặt ra. Về điểm này, Kundera nói rõ trong tập tiểu luận *Nghệ thuật tiểu thuyết*:

... con người luôn luôn ấp ủ tham vọng muốn viết lại tiểu sử của chính mình, muốn thay đổi quá khứ, muốn bôi xóa mọi dấu vết của chính hắn và kẻ khác.

Ông cũng nói thêm, nó không phải sự lừa dối, nó tuyệt đối không có công lý trong đó, nhưng cùng lúc nó đem lại nguồn an ủi.

Xem ra, “lãng quên” có vẻ gần với điều Kundera muốn nói hơn là “lãng quên.” Nhưng nếu tôi dùng từ

“lãng” ở đây thì chắc chắn có người bảo tôi viết sai chính tả! (Kỳ thực, điều đó đã xảy ra cho tôi.)

Có vẻ như tôi bế tắc.

Để chạy lãng, tôi có thể dịch là *Tập sách cái cười và cái quên*. Nhưng thú thật tôi là kẻ yếu bóng vía, dững cảm lắm cũng chỉ lân la mân mó vành ngoài chứ vành trong thì chẳng dám!

Để an ủi phần nào, tôi tự nghĩ “lãng quên/ lãng quên/ gì gì quên” đều không có kết luận, như văn chương, như nghệ thuật, không bao giờ kết thúc, không bao giờ là chân lý, không bao giờ viên mãn, nên tôi cứ việc thả cho nó bay phất phơ ngoài khí quyển mà chẳng mong có ngày nó tìm được chỗ đáp an toàn trên mặt đất.

– Trịnh Y Thư
(2021)

PHẦN I
Những cánh thư thất lạc

1.

Tháng Hai năm 1948, lãnh tụ Cộng sản Klement Gottwald bước ra bao lơn tòa dinh thự xây từ thời Baroque thủ đô Praha để hiệu triệu hàng trăm nghìn công dân đứng chật ních dưới quảng trường Phố Cổ. Đó là khúc quanh trọng đại của lịch sử Bohemia¹ – một thời khắc định mệnh.

Đứng cạnh Gottwald là các đồng chí của ông, Clementis gần nhất, ngay bên cạnh. Tuyết rơi tầm tã, trời se sắt lạnh, và Gottwald để đầu trần. Thấy vậy Clementis ân cần lấy mũ của mình đội lên đầu Gottwald.

Cơ quan tuyên truyền của đảng in ra hàng trăm nghìn bức ảnh Gottwald đứng trên bao lơn, mũ lông thú trên đầu, các đồng chí đứng bên cạnh, nói chuyện với quốc dân. Lịch sử xứ Bohemia Cộng sản khởi đi từ cái bao lơn đó. Qua bích chương, sách vở, bảo tàng viện, đứa trẻ nào cũng biết rõ bức ảnh.

Bốn năm sau họ khép Clementis vào tội phản quốc và đem ông ra treo cổ. Ngay tức khắc cơ quan tuyên truyền của đảng bôi xóa ông khỏi lịch sử và, dĩ nhiên, ra khỏi tất cả những hình ảnh họ công bố trước đây. Từ lúc đó trở đi, Gottwald đứng một mình trên bao lơn.

Nơi Clementis đứng giờ đây chỉ còn lại bức tường trơ trọi của tòa dinh thự. Clementis hoàn toàn tan biến, chẳng còn lại gì, ngoại trừ cái mũ lông thú trên đầu Gottwald.

2.

Đó là năm 1971, Mirek bảo: Cuộc đấu tranh của con người chống lại quyền lực là cuộc đấu tranh của trí nhớ chống lại sự lãng quên.

Đó là cố gắng bào chữa cho cái mà bạn bè anh gọi là bất cần: kỳ khu viết nhật ký mỗi ngày, giữ kỹ thư từ, sổ tay ghi chép nội dung những buổi hội thảo trong đó họ trao đổi tình hình thời sự và suy luận về đường đi tương lai. Anh bảo bạn anh: Chẳng có gì vi hiến những việc chúng ta làm. Che đậy và mang mặc cảm tội lỗi trong người là bước khởi đầu của chiến bại.

Tuần trước, trong lúc lao động cùng toán thợ trên nóc tòa nhà cao tầng đang xây dựng, anh nhìn xuống bên dưới và bỗng thấy xây xấp mày mặt. Mất thăng bằng anh ngã xuống và bị cây cột đóng hờ đè lên người. Thoạt đầu có vẻ anh bị thương nặng, nhưng sau đó, khi biết chỉ bị nứt nhẹ xương cánh tay, anh thấy vui vui trong lòng bởi nhờ thế anh có vài tuần nghỉ ngơi ở nhà và cuối cùng anh có thể thanh toán các việc vặt vãnh mà trước đây anh chẳng bao giờ có thời gian làm cho xong.

Cuối cùng anh công nhận bạn bè anh có lý. Hiến pháp quả có bảo đảm quyền tự do ngôn luận; nhưng luật pháp trừng phạt bất kỳ ai có hành vi bị xem là có hại cho an ninh quốc gia. Người ta chẳng bao giờ biết lúc nào nhà nước hét to chữ này từ kia phương hại an

ninh quốc gia. Thế là anh quyết định đã đến lúc phải cất giấu vào nơi an toàn những giấy tờ, hồ sơ có hại kia.

Nhưng trước hết anh muốn thu xếp cho ổn thỏa vấn đề Zdena. Anh gọi điện cho cô, thành phố nơi cô sinh sống cách Praha khoảng trăm cây số, nhưng cô không có nhà. Anh phí mất bốn ngày trời chỉ để gọi cô và mãi ngày hôm qua anh mới nói chuyện được với cô. Cô hứa chiều nay ở nhà chờ anh đến.

Cậu con trai mười bảy tuổi của Mirek phản đối: Bố sẽ không thể nào lái ô-tô được với cánh tay bó bột như thế kia. Quả nhiên anh lái xe thật khó khăn. Cánh tay bị thương đeo băng cứ ỳ ra đong đưa một cách vô tích sự trước ngực anh. Lúc sang số xe, anh phải buông tay lái.

3.

Hai mươi lăm năm trôi qua từ ngày anh có mối tình với Zdena, và tất cả những gì còn lại chỉ là đôi ba kỷ niệm.

Một hôm có hẹn đi chơi với anh, cô xuất hiện tay cầm khăn chấm nước mắt và cứ thế sụt sùi. Anh hỏi cô chuyện gì. Cô bảo một yếu nhân Nga mới qua đời ngày hôm trước. Cái ông nào tên là Zhdanov, Arbuzov, hay Masturbov gì đó. Căn cứ vào những giọt nước mắt lăn chã từ mắt cô rơi xuống, cái chết của ông Masturbov này còn làm cô đau buồn hơn cả cái chết của chính cha đẻ cô.

Có thật thế không? Hay đây chỉ là sản phẩm của sự căm ghét trong lòng anh ngày hôm nay, nó khiến anh tưởng tượng ra những giọt nước mắt bi thương cô

dành cho cái ông Masturbov nào đó. Nhưng dĩ nhiên, sự thật là cảnh huống xảy ra lúc đó làm bằng chứng những giọt nước mắt có thật và đáng tin, nhưng giờ đây chẳng còn lưu lại chút gì trong trí nhớ anh, vì thế nó trở nên xộc xệch như một bức biếm họa.

Tất cả những gì anh còn nhớ về cô đều như thế. Hai người làm tình với nhau lần đầu tại căn hộ anh ở trọ rồi sau đó anh lấy xe điện đưa cô về. (Mirek thấy hả dạ vì anh hoàn toàn quên bằng chuyện anh có làm tình với cô, thậm chí một giây phút âu yếm anh cũng không tài nào nhớ lại được.) Thân hình cô chắc khỏe, cao hơn anh (người anh bé nhỏ, mảnh khảnh), cô ngồi trên băng ghế góc xe, thân hình tung lên tung xuống vì xe chạy xóc, khuôn mặt tư lự của cô trông buồn bã và già nua quá đỗi. Anh hỏi cô chuyện gì khiến cô trầm tư như vậy, cô bảo anh cô không thỏa mãn chuyện làm tình vừa rồi. Cô nói anh làm tình với cô như một trí thức.

Trong mớ thuật ngữ chính trị thời đó, “trí thức” là một từ xấu. Nó ám chỉ kẻ không thức thời, thiếu am hiểu đời sống và bị mọi người xa lánh. Tất cả những người Cộng sản bị những người Cộng sản khác treo cổ vào thời đó đều bị dán lên người danh hiệu này. Khác với những kẻ có đôi bàn chân bám chặt mặt đất, người ta bảo họ nổi lênh bênh trong không khí. Thế rồi, ở ý nghĩa nào đó, khi bị trừng phạt, mặt đất dưới chân họ bị lấy đi, và xác thân họ treo lơ lửng trên mặt đất.

Nhưng Zdena muốn nói gì khi cô lên án anh làm tình với cô như một trí thức?

Bởi nguyên do nào đó anh không làm cô vui, và y như chuyện cô có khả năng hòa nhập liên hệ trừu tượng (liên hệ giữa cô với Masturbov, một kẻ hoàn

toàn xa lạ) vào cảm xúc cụ thể nhất (dưới dạng nước mắt), cô có khả năng gán ghép ý nghĩa trừu tượng lên một hành vi cụ thể nhất, hoặc một danh hiệu chính trị cho cái cô không thỏa mãn.

4.

Nhìn vào kính chiếu hậu, anh nhận ra anh đang bị chiếc xe khác bám sát đuôi. Anh không bao giờ đặt câu hỏi anh bị theo dõi, nhưng cho đến thời điểm này hành vi của họ kín đáo đến mức thượng thừa. Hôm nay chuyện đó đột biến: Họ muốn anh biết họ đang có mặt.

Khoảng hai mươi cây số ngoại thành Praha, giữa đồng không mông quạnh có cái hàng rào cao nghệu, đằng sau có trạm xăng và ga-ra sửa chữa ô-tô. Anh có người bạn làm việc trong đó và anh cần đưa xe vào để bạn anh thay cái cơ phận kích hoạt bị hỏng. Anh dừng xe trước cổng ra vào, một thanh đà ngang bằng gỗ sơn hai màu trắng đỏ. Đứng bên cạnh cổng là một mục đàn bà dáng người to béo. Mirek chờ mục nâng thanh đà ngang lên cho anh lái xe vào, nhưng mục cứ đứng ỳ ra, nhìn anh không chớp mắt. Anh nhấn còi inh ỏi mà mục vẫn không di chuyển. Anh thò hẳn đầu ra khỏi xe.

“Chưa bị bắt à?” Mục hỏi anh.

“Chưa.” Mirek trả lời mục. “Này, nhờ tí. Nâng cái cổng lên được không?”

Mục đứng nhìn anh chăm chăm thêm chập nữa, quai miệng ngáp dài, đoạn bỏ vào trạm gác, ngồi xuống ghế quay lưng lại phía anh.

Thế là anh phải chui ra khỏi xe, đi vòng qua cổng vào tận chỗ sửa xe tìm người thợ máy quen. Anh thợ

theo anh ra cổng và tự tay nâng thanh đà ngang lên (mụ đàn bà vẫn ngồi bên trong trạm gác, mắt nhìn ra vô hồn) cho Mirek lái xe vào.

“Đáng kiếp! Ai bảo cậu cứ chường mặt mũi lên truyền hình làm gì.” Anh thợ sửa xe bảo Mirek. “Tất cả những con mụ đó đều biết rõ mặt cậu.”

“Mụ ấy là ai thế?” Mirek hỏi bạn anh.

Anh thợ sửa xe bảo anh cuộc xâm lăng của lính Nga vào đất Bohemia đã làm đảo lộn mọi thứ, mụ ta chợt thấy có dấu hiệu giúp mụ ra khỏi chỗ tầm thường. Chứng kiến cảnh đổi đời của những người đang ở địa vị cao (tất cả mọi người đều ở địa vị cao hơn mụ) bỗng nhiên bị tước đoạt mọi thứ, từ quyền hành, chức tước, nghề nghiệp cho đến thức ăn thức uống hằng ngày chỉ vì lời tố cáo vu vơ nào đó, mụ hồ hởi lắm và mụ bắt đầu đi tố cáo hết người này đến người kia.

“Thế tại sao mụ vẫn đứng gác cổng? Tại sao họ không cắt nhấc mụ lên?”

Anh thợ mỉm cười. “Đếm từ một đến mười mụ ta còn không biết. Họ kiếm không ra việc khác cho mụ làm, đành để mụ tự do đi tố cáo người khác. Với mụ, đó là lên chức rồi!”

Anh mở mui xe thò đầu vào xem xét.

Mirek bỗng thấy gã đàn ông lạ đứng cách anh mười bước. Anh quay người lại nhìn: Gã mặc sơ mi trắng, cổ thắt cà vạt, áo khoác ngoài màu xám, quần nâu. Gã có cái cổ to khỏe, khuôn mặt phì nộn, mái tóc hoa râm uốn dợn sóng. Gã đứng đó quan sát anh thợ khòm lưng sửa máy xe.

Lát sau anh thợ máy cũng nhận ra sự có mặt của gã, anh đứng thẳng người lên hỏi: “Ông tìm ai?”

Gã trả lời: “Không, tôi chẳng tìm ai cả.”

Anh thợ lại cúi xuống tiếp tục lúi húi xem máy xe.

Anh bảo Mirek, “Cậu biết chuyện này không? Giữa quảng trường Wenceslaus ở Praha có kẻ bị ối mửa. Kẻ khác đi ngang thấy vậy đứng lại nhìn rồi lắc đầu bảo, ‘Tôi hiểu ý ông muốn nói gì.’”

5.

Vụ ám sát Allende nhanh chóng làm lu mờ trí nhớ vụ Nga xâm lăng Bohemia, cuộc thảm sát đẫm máu ở Bangladesh khiến vụ Allende rơi vào lãng quên, âm thanh rùng rợn của chiến tranh sa mạc Sinai khóa lấp tiếng rên xiết của Bangladesh, vụ thảm sát ở Kam Pu Chia khiến người ta quên mất Sinai, và cứ thế tiếp diễn cho đến lúc tất cả mọi thứ đều bị mọi người quên lãng.

Thuở xưa khi lịch sử còn di chuyển với tốc độ chậm rãi, vài ba biến cố dễ dàng ăn sâu vào trí nhớ con người, nó kết hợp thành bối cảnh, mọi người đều hay biết, và trước bối cảnh đó đời sống riêng tư mở ra những trò mạo hiểm. Ngày nay, lịch sử di chuyển với tốc độ nhanh vùn vụt. Chỉ qua đêm chẳng còn ai nhớ đến nữa, sáng sớm hôm sau biến cố lịch sử chỉ là giọt sương mai lóng lánh, và bởi thế nó không còn là bối cảnh của người kể chuyện nữa, chính nó là cuộc mạo hiểm kỳ thú, được dựng lại đằng trước bối cảnh cuộc sống riêng tư tầm thường, vô vị.

Bởi chẳng còn biến cố lịch sử nào rót lại đậm nét trong trí nhớ chúng ta, bắt buộc tôi phải xem những biến cố cách đây ít năm như thể chúng xảy ra cả nghìn năm trước: Năm 1939, quân Đức tiến vào Bohemia, và quốc gia Tiệp bị xóa sổ. Năm 1945, quân Nga tiến vào Bohemia và quốc gia này một lần nữa được gọi là một

cộng hòa độc lập. Dân chúng vô vậ lấy nước Nga vì Nga đánh đuổi Đức ra khỏi xứ sở họ, và bởi đảng Cộng sản Tiệp là cánh tay trung thành của Nga, người dân quay sang hướng về phía họ. Thế là hôm tháng Hai năm 1948 Cộng sản lên nắm chính quyền giữa tiếng hò reo vang dậy của một nửa dân chúng mà không hề có máu đổ hay bạo động xảy ra. Xin ghi nhớ: phân nửa dân chúng hò reo là những người năng động hơn, thông minh hơn, tài giỏi hơn.

Vâng, bạn cứ việc nói thế, người Cộng sản là người thông minh, vượt trội. Họ có trong tay chương trình vĩ đại. Dự án cho một thế giới hoàn toàn mới mẻ trong đó mỗi người đều có thể tìm ra chỗ đứng của mình. Phe chống đối chẳng có giấc mơ lớn nào, chỉ vài ba nguyên tắc đạo lý, cũ mòn và ngắc ngoải, để vá víu cái quần rách bươm của nền trật tự cũ. Vì thế, chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi kẻ nhiệt tình, kẻ với tinh thần phấn chấn dễ dàng chiến thắng kẻ lừng khừng, nhút nhát. Họ không để phí phạm thời gian và đã nhanh chóng biến giấc mơ của họ thành hiện thực: kiến tạo khu vườn thượng uyển của công lý cho tất cả mọi người.

Tôi nhấn mạnh: khu vườn thượng uyển cho tất cả mọi người, bởi con người chúng ta luôn luôn vọng tưởng lên khu vườn nơi có tiếng hót của con họa mi, nơi tuyệt đối hài hòa, nơi thế gian không xa lạ với con người và không có cảnh người ức hiếp người, thế giới và tất cả con người trở nên đồng dạng cùng một thể chất như nhau. Nơi đó, mỗi con người là một nốt nhạc trong bản *fuga* tuyệt vời của Bach² và bất cứ ai không chịu trở thành nốt nhạc đó sẽ là chấm đen, cần tóm cổ nó ra và bóp nát giữa hai ngón tay như bóp chết một con muỗi.

Có những kẻ ngay tức khắc đã tự hiểu mình không đủ tính cách thích ứng cho khu vườn thượng uyển như vậy và mong ước của họ là lia bỏ quê hương ra đi. Nhưng bởi định nghĩa cơ bản của vườn thượng uyển là thế giới cho tất cả mọi người, những kẻ muốn bỏ xứ di cư lộ nguyên hình là bọn người chối bỏ vườn thượng uyển, thế là thay vì ra nước ngoài họ vào tù nằm. Chẳng bao lâu nhập bọn với họ là hàng nghìn, hàng chục nghìn người khác, trong đó có cả nhiều người Cộng sản như ông Ngoại trưởng Clementis, người đã cho Gottwald mượn cái mũ lông thú. Những tình nhân nhút nhát nắm tay nhau trên màn bạc, kẻ ngoại tình bị đem ra tòa án nhân dân xét xử thật nặng, họa mi vẫn hót, và xác thân Clementis đang đưa như cái chuông đang đổ rền vang giữa buổi bình minh của nhân loại.

Thế rồi những kẻ cấp tiến thông minh trẻ tuổi đó bỗng có cảm tưởng lạ lùng, đó là họ đã phóng thả ra thế giới bên ngoài một hành trạng và giờ đây nó có đời sống khác mất rồi, nó không còn giống cái ý tưởng nguyên thủy khi xưa nữa, và nó chẳng đoái hoài gì đến những kẻ đã tạo dựng ra nó. Thế là những kẻ thông minh trẻ tuổi bắt đầu kêu la mắng chửi cái hành trạng đó, họ kêu gọi nó hãy trở về, họ trách móc nó, họ chạy đuổi theo nó, săn tìm nó. Giả như tôi viết một cuốn tiểu thuyết về thế hệ những kẻ cấp tiến tài giỏi đó, tôi sẽ đặt nhan đề cuốn sách là *Đuổi bắt một hành trạng hư hỏng*.

6.

Anh thợ máy đóng sập mui chiếc ô-tô, Mirek hỏi anh bao nhiêu tiền.

“Có gì đâu. Tôi làm không công cho cậu.” Anh thợ trả lời.

Mirek thấy cảm kích, anh lên xe ngồi sau tay lái. Anh thấy mất hết mọi hứng thú tiếp tục chuyển đi. Anh chỉ muốn ở lại nghe bạn mình kể chuyện phiếm và tán gẫu với anh. Anh thợ chui nửa người vào xe vỗ vai anh, đoạn ra mở cổng.

Trong lúc Mirek lái xe ra khỏi cổng, anh thợ hất hàm về phía chiếc xe đang đậu phía ngoài.

Gã đàn ông cổ to khỏe và mái tóc dợn sóng đứng cạnh cổng mắt không rời Mirek. Gã ngồi sau tay lái cũng thế. Cả hai đều trơ trên lì lợm, chẳng biết ngượng là gì. Mirek lộ vẻ khinh bỉ ra mặt lúc anh lái xe ngang hai gã.

Qua kính chiếu hậu, anh thấy gã đứng ngoài nhảy vọt vào xe rồi chiếc xe quay đầu tiếp tục bám đuôi theo anh. Linh cảm cho anh biết anh phải làm cái gì đó để tẩu tán mớ giấy tờ có hại cho anh và bạn bè anh. Phải chi ngay hôm đầu tiên nghỉ ở nhà anh thực hiện việc này thay vì chờ đợi nói chuyện với Zdena trên điện thoại thì có lẽ mọi chuyện đã đâu vào đấy và anh không bị nguy hiểm nào đe dọa. Nhưng đầu óc anh cứ mãi vương bận chuyển đi thăm Zdena. Thật ra, anh đã tính chuyện đi thăm cô từ mấy năm nay. Và cách đây mấy tuần anh có cảm tưởng anh không thể nào lần nữa thêm được nữa, bởi số mệnh anh đã sắp đến đoạn cuối và anh phải làm tất cả những gì có thể để mọi chuyện tốt lành, đẹp đẽ hơn.

7.

Những ngày tháng xa xôi đó, sau khi chia tay Zdena anh thấy tự do phơi phới và mọi chuyện trong đời anh bỗng nhiên dường như trở nên thuận buồm xuôi gió. Ít lâu sau anh lập gia đình với người đàn bà mà nhan sắc cô khiến lòng tự tin của anh cao vọt hẳn lên. Thế rồi người vợ xinh đẹp của anh qua đời, để lại anh đứa con trai. Anh sống cảnh gà trống nuôi con nhưng chỉ là hình thức độc thân màu mè đơm dăng để lôi cuốn sự mến phục, chú ý và ân cần thăm hỏi từ nhiều phụ nữ khác.

Cùng lúc, anh cũng thành công vượt bậc trong sự nghiệp khoa học, anh trở thành khoa học gia danh tiếng và nhờ thế tránh được nhiều điều phiền toái. Bởi nhà nước cần những người như anh nên anh không ngần ngại phát biểu những câu tuyên bố với giọng điệu chính trị khiêu khích và thẳng thừng trước khi người khác dám làm. Đó là lúc phe phái những kẻ kêu gọi cái hành trạng hãy trở về với nguồn cội đang nắm thế chủ động, anh xuất hiện càng lúc càng thường xuyên trên màn ảnh truyền hình, và chẳng bao lâu anh trở thành nhân vật tầm tiếng trong xã hội. Khi người Nga đặt chân đến, anh không chịu từ bỏ niềm tin của mình, thế là họ sa thải anh khỏi cơ quan và cho công an chìm bao vây, săn đuổi anh.

Xin hiểu giùm tôi: Tôi nói anh yêu định mệnh anh chứ không phải yêu chính anh. Đó là hai điều hoàn toàn khác biệt. Như thế đời sống thoát ly ra khỏi anh và đột nhiên nó có những ý muốn khác của riêng nó, không dính dáng gì đến bản thân Mirek nữa. Tôi tin thế, đó là cách làm thế nào biến đời sống thành định mệnh. Định mệnh chẳng thèm nhắc ngón tay cho

Mirek (cho hạnh phúc, sự bình ổn, yên vui, hoặc sức khỏe của anh), trong khi Mirek sẵn sàng làm bất cứ điều gì cho định mệnh anh (cho cái vĩ đại, cái trong sáng, cái đẹp, cái phong cách, cái ý nghĩa tuyệt đỉnh của nó). Anh thấy anh có trách nhiệm với định mệnh anh, nhưng định mệnh thì không hề có trách nhiệm gì với anh.

Thái độ của anh đối với đời sống tương tự nhà điêu khắc với bức tượng của mình hoặc nhà văn với tác phẩm tiểu thuyết mình là tác giả. Sửa chữa tác phẩm là quyền hạn không thể tách rời của nhà viết tiểu thuyết. Nếu không vừa ý đoạn mở đầu, ông ta có quyền viết lại hoặc xóa hết. Nhưng sự hiện hữu của Zdena tước bỏ đặc quyền nhà văn của Mirek. Zdena nhất quyết trụ lại ở những trang đầu của cuốn tiểu thuyết. Bôi xóa cô ư? Không đời nào.

8.

Nhưng vì sao anh thấy quá xấu hổ về Zdena như thế?

Cách giải thích dễ dàng nhất là: Mirek là người ở phe nhất quyết săn tìm cho bằng được cái hành trạng xổng chuồng, trong lúc Zdena vẫn luôn luôn trung thành với khu vườn nơi họa mi cất tiếng hát. Gần đây thậm chí cô còn gia nhập hai phần trăm dân số vui mừng chào đón chiến xa Nga.

Vâng, điều đó đúng, nhưng tôi không thấy nó đủ sức thuyết phục. Nếu chỉ vì cô vui mừng đi chào đón chiến xa Nga thì anh chỉ việc lớn tiếng công kích cô trước công chúng là đủ, anh chẳng cần phải chối đây đẩy chẳng hề quen biết cô bao giờ. Không, Zdena đã có lỗi rất lớn với anh. Cô là người đàn bà không nhan sắc.

Nhưng điều đó quan hệ lắm lắm không bởi hơn hai mươi năm nay anh có ngủ với cô nữa đâu?

Điều đó quan hệ lắm: Từ khoảng cách xa như thế nhưng cái mũi to tướng của Zdena vẫn nhằng nhằng dõi theo phủ cái bóng lên cuộc đời anh.

Cách đây ít năm anh có cô tình nhân xinh đẹp. Có lần cô viếng thăm thị trấn nơi Zdena sinh sống, lúc về nhà cô khó chịu bảo anh, “Này, tôi không hiểu làm sao anh có thể lên giường ngủ với con đàn bà xấu khổ xấu sở đến thế?”

Anh nói chỉ quen sơ người đàn bà đó thôi và chối phăng chẳng bao giờ có áp phe tình ái với cô ta.

Bởi anh cũng biết rõ một bí mật lớn của đời sống: Đàn bà không đi tìm đàn ông đẹp trai, họ tìm đàn ông có đàn bà đẹp xung quanh. Bởi thế có tình nhân xấu là một sai lầm nghiêm trọng chết người. Mirek gắng hết sức tẩy xóa mọi dấu vết của Zdena ra khỏi cuộc sống anh, và bởi những kẻ yêu họa mi càng lúc càng ghét anh, anh hy vọng Zdena, kẻ đang bận rộn trèo lên nấc thang quyền lực trong đảng, sẽ nhanh chóng và vui vẻ cho anh vào quên lãng.

Nhưng anh lầm to. Cô nói về anh bất cứ nơi đâu, bất cứ lúc nào có cơ hội. Trong một lần tình cờ tai hại hai người chạm trán nhau nơi công cộng, và cô không ngần ngại đem ra nói những sự kiện ám chỉ xa gần mối quan hệ thân mật giữa anh và cô.

Anh tức giận đến điên người.

Lần khác, một người bạn biết khá rõ về cô hỏi anh: “Nếu cậu ghét cô ta đến thế, tại sao cậu lại dính dáng với cô ta dạo đó?”

Mirek giải thích rằng lúc đó anh là cậu trai ngu ngốc mới hai mươi tuổi, trong khi cô già hơn anh, cô được nhiều người ái mộ, mến phục, cô có uy quyền! Cô

quen biết gần như không thiếu một ai trong Ủy ban Trung ương! Cô giúp đỡ anh nhiều, đẩy anh lên, giới thiệu anh với những kẻ quyền thế!

“Tôi là thằng bon chen. Cậu hiểu không?” Anh hét to. “Đó là lý do vì sao tôi bám lấy cô ả. Tôi chẳng cần biết cô ả xấu đến độ nào!”

9.

Mirek đã không nói thật. Zdena và anh bằng tuổi nhau. Mặc dù Zdena quả có khóc lóc khi hay tin lão Masturov nào đó qua đời, nhưng lúc đó cô làm gì có những quen biết lớn, và lợi thế trong tay để thăng tiến sự nghiệp cho chính mình cô còn chẳng có thì làm sao cô giúp kẻ khác được.

Thế tại sao anh phải bịa đặt ra chuyện đó? Tại sao anh dối trá?

Một tay lái xe, nhìn vào kính chiếu hậu anh thấy xe của hai gã công an chìm, đột nhiên anh nóng bừng mặt. Một kỷ niệm anh tưởng đã quên bằng bất ngờ quay lại:

Khi cô trách móc anh làm tình lần đầu với cô như một trí thức, anh cố chứng tỏ anh không phải thế, mà ngược lại là đẳng khác. Thế là từ ngày hôm sau, anh cho cô thấy sự đam mê rạo rực bùng phá trong lòng anh. Không, anh đâu có quên tất cả những lần hai người làm tình! Riêng chuyện này anh nhớ rất rõ: Anh trườn mình trên thân thể cô với vẻ cuồng nhiệt giả tạo, từ miệng anh tuôn ra những âm thanh gầm gừ như con chó trong nhà chiến đấu với đôi dép của chủ nó, cùng lúc anh quan sát (khá ngạc nhiên) người đàn bà tỉnh táo, yên lặng, gần như thụ động đang nằm

đuổi ra bên dưới.

Tiếng động cơ xe phát ra nghe như tiếng gầm gừ của anh vọng về từ hai mươi lăm năm trước, tiếng kêu đau đáu khôn kham của phục tông, của cơn sốt muốn làm tôi đòi, âm thanh của sẵn sàng quy thuận và chấp nhận, của tình huống nan giải buồn cười, của nỗi tâm khổ đắng cay.

Vâng, sự thật là thế. Mirek thà bảo mình là kẻ bon chen chứ anh không dám công nhận sự thật: Anh làm tình với người đàn bà không nhan sắc bởi anh không dám theo đuổi đàn bà đẹp. Anh chẳng bao giờ dám với đến người nào xinh đẹp hơn Zdena. Ý chí yếu đuối, sự thua thiệt đó của anh là bí mật anh luôn luôn tìm cách che giấu.

Tiếng máy xe làm anh nhớ lại tiếng gầm gừ cuồng nhiệt của đam mê, nó đang cố thuyết phục anh rằng Zdena là bóng ma cần được bôi xóa nếu anh thật sự muốn đục bỏ cái thời tuổi trẻ đáng ghét của anh.

Anh dừng xe trước cửa nhà cô. Xe hai gã công an cũng tắt vào tắt máy đỗ ngay sau xe anh.

10.

Biến cố lịch sử phần nhiều mô phỏng lẫn nhau đến mức nhàm chán, nhưng tôi có cảm tưởng ở Bohemia lịch sử đã bày ra một thử nghiệm chưa từng có bao giờ. Tại đó, sự việc không tuân tự đi theo cái quy luật cũ kỹ theo đó một nhóm người (một giai cấp, một quốc gia) nổi lên chống lại nhóm người khác. Thay vì thế, mọi người (cả một thể hệ nam cũng như nữ) nổi lên chống lại chính tuổi trẻ của họ.

Họ cố hết sức đi bắt lại và dẩy dổ cho thuần thực cái

hành trạng do chính họ kiến tạo trước kia, và có lúc xuýt chút nữa họ đã thành công. Suốt thập kỷ 60 họ càng lúc càng nắm thế chủ động, và bước vào năm 1968 thế chủ động của họ gần như là toàn diện. Đây là thời kỳ thường được mệnh danh là “Mùa Xuân Praha”: những kẻ canh gác vườn thượng uyển trông thấy chính họ đến từng tư gia khắp nơi tháo gỡ máy ghi âm lén, họ mở cửa biên giới, và những nốt nhạc đua nhau trốn bỏ bản tấu khúc hoành tráng của Bach để cất lên tiếng hát của riêng mình. Tinh thần họ vui tươi chưa từng thấy. Một cuộc hội hè đình đám!

Nước Nga, nhà biên soạn khúc *fuga* hoành tráng cho toàn cầu, không thể nào đứng yên nhìn những nốt nhạc tự tan rã như thế. Ngày 21 tháng 8 năm 1968, họ xua đoàn quân nửa triệu lính vào Bohemia. Ít lâu sau, một trăm hai mươi nghìn người Tiệp lìa bỏ quê hương, và trong số những người ở lại, chừng năm trăm nghìn người bị ép buộc phải từ bỏ chức nghiệp đang làm để về miền quê hẻo lánh lao động tại những nhà máy, hăng xưởng xa xôi, hoặc lái xe tải – nghĩa là, những nơi chốn không ai nghe tiếng nói của họ nữa.

Và để ngăn ngừa cái bóng ký ức không mấy đẹp đẽ đó trở về quấy phá khu vườn thượng uyển vừa được tái tạo, cả hai thứ, Mùa Xuân Praha và chiến xa Nga, vết nhơ trên trang sử tươi đẹp, phải được tẩy xóa thật kỹ cho đến khi nào chúng hoàn toàn tan biến. Đó là lý do vì sao ở Bohemia ngày nay mỗi năm ngày 21 tháng 8 đi qua lặng lẽ và tên tuổi những kẻ nổi lên chống lại chính tuổi trẻ họ được cẩn thận bôi xóa ra khỏi ký ức quốc gia, như lỗi sai trong bài tập làm ở nhà của đứa trẻ học sinh.

Họ cũng bôi xóa tên tuổi Mirek. Và trong lúc trèo lên bậc thang dẫn đến cửa phòng Zdena, anh thật ra

chỉ là vết nhơ trắng bạch, một mảnh vụn hữu hạn của hồ thủy tuyết vọng, và bây giờ nó đang đặt từng bước chân lên cái cầu thang xoắn ốc.

11.

Anh ngồi đối diện Zdena, cánh tay bị thương đang đưa trước ngực. Cô không nhìn thẳng vào anh, ánh mắt cô né về hướng khác, giọng nói cô gấp rút:

“Tôi không rõ anh đến đây với mục đích gì. Nhưng dù sao tôi cũng thấy vui. Tôi có đem chuyện anh ra thừa vớ với vài đồng chí. Thật là điên rồ nếu anh định suốt đời làm lao động xây dựng như thế này. Đảng chưa hoàn toàn đóng sập cánh cửa với anh đâu. Tôi biết thế. Chắc chắn như thế. Vẫn còn thời gian.”

Anh hỏi cô anh phải làm gì.

“Anh phải yêu cầu một phiên tòa điều trần. Chính anh phải là người chủ động làm chuyện đó.”

Anh trông thấy chuyện gì đang diễn ra trước mắt mình. Họ cho anh biết anh còn năm phút đồng hồ, năm phút cuối cùng để công bố trước bàn dân thiên hạ rằng anh phủ nhận tất cả những gì anh từng phát biểu hoặc làm trước đây. Anh biết rõ mười mười trò buôn bán này của họ: Họ sẵn sàng trao đổi tương lai để lấy quá khứ. Họ muốn ép buộc anh xuất hiện trên truyền hình và ghen ngào giải thích rằng anh quả sai lầm khi anh công kích người Nga và những con họa mi. Họ buộc anh phải vứt đi đời sống anh và biến thành cái bóng, anh trở thành kẻ không quá khứ, một diễn viên không vai trò, thậm chí họ còn muốn biến cái đời sống anh đã vứt đi kia, ngay cả vai trò người diễn viên rũ phúi, tất cả thành cái bóng. Chỉ khi nào

hoàn toàn biến anh thành cái bóng họ mới để anh sống yên.

Anh nhìn Zdena: Tại sao cô nói nhanh thế và tại sao giọng nói cô có cái gì không ổn? Tại sao cô không nhìn thẳng vào anh, tại sao cô né tránh ánh mắt anh?

Chuyện rõ ràng như ban ngày: Cô đang đưa anh vào tròng. Cô đang thi hành công tác theo mật lệnh của đảng hay công an. Công tác của cô là khuyên anh nên đầu hàng.

12.

Nhưng Mirek nghĩ vậy là sai! Chẳng ai giao cô công tác đi thương lượng với anh. Không. Thời điểm đó không kẻ quyền thế nào có thể thi ân cho Mirek một phiên tòa điều trần cho dù anh van xin cầu khẩn thiết tha đến đâu chẳng nữa. Đã trễ quá rồi.

Zdena hối thúc anh làm cái gì đó để cứu vớt chính anh và cô bịa đặt ra lời kêu gọi các đồng chí cấp trên nhả xuống, cô nói vậy chẳng qua chỉ vì thật lòng cô muốn tìm cách giúp đỡ anh nhưng cô lại quá rối trí và vô vọng. Và cô nói nhanh, mắt không nhìn thẳng vào anh, chẳng phải bởi cô có trò lường gạt nào giấu trong tay áo mà chỉ vì hai tay cô hoàn toàn trống trơn.

Mirek có bao giờ hiểu cô không?

Anh luôn luôn nghĩ Zdena là người tuyệt đối trung thành với đảng bởi cô là kẻ cuồng tín chính trị.

Anh lại sai. Cô trung thành với đảng bởi cô yêu anh.

Sau khi anh bỏ cô, nguyện vọng duy nhất trong lòng cô là cho thấy giá trị của sự thủy chung, cô muốn mình chứng giá trị của nó cao hơn rất nhiều các phẩm chất khác. Cô muốn mình chứng anh là kẻ không chung

thủy trên mọi bình diện, còn cô là người chung thủy trên mọi bình diện. Sự cuồng tín chính trị nơi con người cô chẳng qua chỉ là cái cớ, một ngụ ngôn, một biểu hiện cho lòng chung thủy, một lời than vãn bóng gió cho mối tình chấm dứt trong thất vọng.

Tôi hình dung ra cô một buổi sáng tháng tám đẹp trời bị đánh thức bởi tiếng máy bay phản lực gầm thét kinh hoàng trên bầu trời. Cô phóng ra đường, người chạy trên hè phố hót ha hót hải bảo cô lính Nga đã tràn qua biên giới chiếm đóng Bohemia mất rồi. Cô phá lên cười như điên dại! Chiến xa Nga đã đến, họ đến để trừng phạt tất cả những kẻ phản bội! Cuối cùng cô sẽ chứng kiến ngày tàn của Mirek! Cuối cùng cô sẽ thấy anh quy gối! Cuối cùng cô – người biết chung thủy là gì – sẽ cúi xuống nâng anh lên.

Mirek quyết định phải chấm dứt câu chuyện không đi tới đâu này.

“Cô biết là hồi đó tôi viết thư cho cô nhiều lắm. Tôi muốn lấy lại những lá thư đó.”

Cô ngược lên nhìn anh, mặt đầy kinh ngạc. “Những lá thư?”

“Vâng, những lá thư của tôi. Lúc đó tôi viết cả mấy chục lá cho cô.”

“Vâng, những lá thư của anh. Tôi biết rồi.” Đột nhiên cô không nhìn chỗ khác nữa, cô nhìn thẳng vào mắt anh. Mirek có cảm giác không vui là cô có thể nhìn thẳng vào đáy tâm hồn anh, và cô biết chính xác anh muốn gì và tại sao.

“Những lá thư của anh, vâng, những lá thư của anh.” Cô lặp đi lặp lại. “Tôi cũng vừa đọc lại thư của anh. Tôi thắc mắc người như anh làm sao có được những cảm xúc bùng cháy dữ dội đến thế.”

Cô lặp đi lặp lại cụm từ “cảm xúc bùng cháy” đến

mấy lần, giọng nói cô bây giờ không gấp gáp nữa mà chậm rãi, từ tốn như thể cô đang nhắm kỹ mục tiêu cô không muốn bắn hụt, mắt cô không rời nó, cô muốn cái mục tiêu đó không chạy đi đâu được và cô bắn một phát là phải trúng ngay hồng tâm.

13.

Cánh tay bị thương vẫn đóng đưa trước ngực, mặt anh đỏ bừng: trông anh như vừa bị ai tát một cái thật mạnh.

Vâng, những lá thư anh viết cho cô quả là rất tình cảm. Bằng mọi giá anh cần chứng tỏ cho chính anh đó là tình yêu chứ không phải sự yếu đuối và cảnh nghèo khó đã buộc anh vào người đàn bà này! Và chỉ có nỗi đam mê thật sự to lớn hơn bình thường mới có thể biện minh cho cái áp phe với một cô gái xấu đến thế.

“Anh nhớ trong thư anh gọi chúng ta là đồng chí khoác tay nhau trong công cuộc đấu tranh không?”

Nếu có thể, sắc đỏ trên mặt anh chắc phải đậm thêm bậc nữa. Chữ nghĩa lỗ bịch đến vô hạn, cái từ “đấu tranh!” Cuộc đấu tranh của họ gồm những gì? Tham dự những buổi hội thảo bất tận, hết buổi này sang buổi khác, mông đít họ phồng giộp, nhưng khi đứng lên phát biểu điều gì cực đoan (kẻ thù của giai cấp phải nhận lãnh sự trừng phạt nặng nề hơn nữa, cần phải soạn thảo ý tưởng này ý tưởng nọ bằng những ngôn từ rõ ràng hơn nữa), thì họ có cảm tưởng họ là các nhân vật anh hùng tiết liệt trong tranh nháy ra: anh, súng trong tay, đang ngã gục xuống đất vì vết thương đâm máu trên vai; và chị, cũng súng ngắn trong tay, bước đi về phía trước, về miền đất nơi

không có anh.

Thời đó mặt anh đầy mụn trứng cá của tuổi dậy thì, và để che đậy, anh đeo lên chiếc mặt nạ của kẻ phần nộ và nổi loạn. Anh nói với mọi người rằng anh bỏ nhà, bỏ người cha làm ruộng giàu có dưới quê và anh căm ghét sâu sắc cái truyền thống hàng thế kỷ dưới làng quê bám vào đất đai, tài sản. Anh kể chuyện anh cãi cọ với cha anh như thế nào và anh đã phải dứt áo ra đi. Chẳng có một phân sự thật nào trong đó. Bây giờ nhìn lại, anh chẳng thấy gì ngoài truyền thuyết và những điều trá ngụy.

“Thuở ấy anh là người hoàn toàn khác.” Zdena bảo anh.

Anh hình dung anh bước ra khỏi nhà Zdena với gói thư. Dừng lại tại một thùng rác gần nhất, anh lấy hai ngón tay nhón cái gói như thế bên trong đựng toàn cắt rồi thả nó vào thùng rác.

14.

“Anh định làm gì với những lá thư?” Cô hỏi anh. “Tại sao anh muốn lấy lại?”

Anh chẳng thể nào bảo cô anh muốn vứt chúng vào thùng rác. Thế là anh bẻ giọng nói cho trầm xuống rồi bảo cô anh đã đến tuổi ngồi lại muốn nhìn ngược về quá khứ đời mình.

(Anh thấy bất ổn với chính anh khi nói vậy. Anh có cảm tưởng câu chuyện chẳng có sức thuyết phục chút nào và anh thấy xấu hổ.)

Vâng, anh đang nhìn lại đời anh bởi ngày nay anh không còn nhớ anh là ai thuở còn trẻ. Anh biết anh đã thất bại. Đó là lý do vì sao anh muốn biết anh từ đâu

đến để hiểu rõ hơn tại chỗ nào anh đã đi sai bước. Đó là lý do vì sao anh muốn lấy lại những cánh thư anh gửi cho Zdena để tìm ra bí mật thời tuổi trẻ, buổi khởi đầu, điểm ra đi của anh.

Cô lắc đầu. “Tôi sẽ không bao giờ trả lại anh những lá thư đó.”

Anh gạ gẫm cô: “Tôi chỉ muốn mượn lại thôi.”

Cô vẫn lắc đầu.

Anh không gạt bỏ được ý nghĩ những cánh thư đó vẫn nằm đâu đây trong căn hộ của cô, và cô sẵn sàng cho bất cứ ai đọc. Anh không thể nào chịu nổi ý tưởng một phần đời anh vẫn nằm trong tay cô, và anh hết sức muốn lấy cái gạt tàn thuốc lá bằng thủy tinh trên bàn đập lên đầu cô rồi giật phăng những lá thư và bỏ chạy. Nhưng thay vì làm thế, anh lại lải nhải câu chuyện anh muốn nhìn lại quá khứ và cần biết thêm về cái thuở ban đầu của mình.

Cô nhướng mắt nhìn anh và ánh mắt cô khiến anh im bặt. “Tôi sẽ không bao giờ trả lại anh những lá thư. Không bao giờ.”

15.

Lúc Zdena tiễn anh ra khỏi khu chung cư, hai chiếc xe vẫn nằm đấy, chiếc này sau chiếc kia, ngay trước cửa. Hai gã công an chìm đi lên đi xuống phía bên kia đường. Hai gã dừng bước lỗ mắt nhìn sang khi thấy Mirek và Zdena từ phía trong bước ra.

Anh chỉ tay về phía hai gã: “Hai bác đó theo đuôi tôi suốt buổi trên đường đến đây.”

“Thế à?” Giọng cô ngờ vực, thậm chí mỉa mai. “Có thật mọi người ai cũng ngược đãi anh không đấy?”

Làm sao cô có thể đứng đưng đến độ xem hai gã đàn ông bên kia đường, lộ liễu và xác xược đến thế, chỉ là người lạ tình cờ đi ngang?

Chỉ có duy nhất một giải thích cho câu hỏi mà thôi. Cô đang chơi trò chơi của hai người, trò chơi cứ xem như không có công an chìm và chẳng ai bị ngược đãi. Hai gã hấp tấp băng qua đường, chui vào xe ngay trước mặt hai người.

“Tạm biệt cô.” Mirek nói trong lúc mắt anh nhìn ra hướng khác. Anh cũng chui vào xe ngồi sau tay lái. Nhìn vào kính chiếu hậu, anh thấy hai gã công an chìm vẫn bám sát theo anh. Anh không thấy Zdena đâu. Anh không muốn gặp cô nữa. Anh không bao giờ muốn gặp cô thêm lần nữa.

Và vì thế anh không biết cô đứng trên vỉa hè nhìn theo anh lâu lắm. Sắc diện cô lộ đầy vẻ sợ hãi.

Không, cô không đứng đưng chút nào, không phải cô không nhìn thấy hai gã đàn ông đi lên đi xuống phía bên kia đường là công an chìm. Cô chết điếng trong lòng bởi sự việc đã tồi tệ quá mức rồi. Cô muốn che giấu sự thật, cô che giấu sự thật để cả anh lẫn cô đều không thấy.

16.

Đột nhiên có chiếc xe thể thao màu đỏ chen vào giữa Mirek và hai gã công an chìm. Mirek nhấn mạnh chân ga. Phốt sá bắt đầu xuất hiện. Đến đoạn đường cong, nhận thấy hai gã trong vài giây không thấy anh, anh quật xe vào con đường nhỏ. Tiếng bánh xe nghiêng mặt đường nghe rợn óc, có đứa trẻ đang định băng qua đường thấy vậy vội vàng nhảy lùi lại vừa kịp tránh.

Nhìn vào kính chiếu hậu, Mirek thấy chiếc xe đỏ chạy ngang nhưng không thấy xe hai gã công an chìm đâu nữa. Lúc sau, anh luồn xe vào con lộ khác và thoát hiểm khỏi tầm nhìn của hai gã công an.

Anh bỏ tỉnh lý bằng con đường khác. Anh lại nhìn kính chiếu hậu. Không ai theo đuôi anh cả, mặt đường không một bóng xe.

Anh tưởng tượng hai gã công an chìm xui xẻo kỳ này về sẽ bị cấp trên mắng cho một trận nên thân. Anh phá lên cười. Cho xe chạy chậm lại, anh nhìn sang cảnh vật hai bên đường. Đúng ra, trước đây anh có thưởng thức cảnh đẹp dọc đường bao giờ đâu. Bao giờ anh cũng chỉ biết cắm cúi đi đến một nơi nào đó, để thu xếp hoặc thảo luận chuyện gì, với anh, không gian của thế giới này là tiêu cực, là phí phạm thời gian, là chướng ngại vật ngăn cản những sinh hoạt của anh.

Cách đầu xe không xa, hai thanh cản sơn đỏ trắng từ từ hạ xuống. Anh đạp thắng cho xe dừng lại.

Đột nhiên, anh cảm thấy mệt mỏi vô cùng. Tại sao anh đi gặp cô? Tại sao anh muốn xin lại những lá thư? Anh cảm thấy như bị xúc phạm bởi tất cả những gì phi lý, lỗ bịch và trẻ con về chuyển đi. Anh đi chỉ vì anh không cưỡng lại được cái gì thôi thúc trong lòng anh chứ không phải vì lý lẽ hay toan tính nào. Anh muốn vươn cánh tay thật dài về quá khứ và đấm nó một cú bằng quả đấm của anh. Anh muốn rạch nát bức tranh khắc họa chân dung tuổi trẻ anh. Lòng mong mỏi sôi sục anh không chế ngự nổi và điều đó giờ đây không được thỏa mãn.

Anh cảm thấy mệt mỏi quá sức chịu đựng. Có lẽ anh chẳng còn cơ hội nào tẩu tán mớ giấy tờ nguy hại vẫn nằm yên trong nhà anh. Mọi chuyện kết thúc thật tồi tệ. Công an chìm theo sát anh ngày đêm, họ sẽ không

để anh yên. Trễ quá rồi. Vâng, mọi chuyện đều đã quá trễ tràng.

Anh nghe tiếng còi tàu từ xa vọng lại. Người đàn bà đầu cột khăn đỏ đứng trước trạm gác. Tàu chạy chậm, một bác nông dân dáng người vạm vỡ, ống vố cầm trong tay, thò đầu ra ngoài nhổ bãi nước bọt xuống mặt đất. Đoạn có tiếng chuông reng và người đàn bà đầu cột khăn đỏ bước lại quay cần máy nâng thanh cản lên và Mirek cho xe tiếp tục chạy về phía trước. Xe đưa anh đến một ngôi làng, con đường dài chấm dứt nơi trạm ga: ngôi nhà nhỏ, một tầng, sơn trắng có hàng rào gỗ xung quanh, qua đó bạn có thể trông thấy sân ga và đường rầy.

17.

Cửa sổ trạm ga được bài trí với những chậu hoa hải đường. Mirek dừng xe. Anh ngồi sau tay lái, mắt nhìn ngôi nhà có những chậu hoa màu đỏ nơi cửa sổ. Từ quá khứ xa xăm hiện về tâm trí anh hình ảnh một ngôi nhà sơn trắng khác nhưng cửa sổ cũng đỏ lên sáng rõ những cánh hải đường. Đó là ngôi nhà nghỉ nho nhỏ tọa lạc trong một sơn trang nơi anh về nghỉ hè. Nơi cửa sổ, giữa những cánh hoa, một cái mũi cực lớn xuất hiện. Mirek vừa tròn hai mươi tuổi; anh nhìn lên cái mũi và thấy lòng mình tràn ngập yêu thương.

Anh muốn đạp thật mạnh chân ga để thoát ra khỏi ký ức đó. Nhưng lần này tôi sẽ không để bị lừa nữa, và tôi kêu gọi cái ký ức đó hãy lưu lại đây trong chốc lát. Và tôi lặp lại: nơi cửa sổ, giữa những cánh hải đường, khuôn mặt Zdena hiện ra, với cái mũi to tướng, và trong lòng Mirek tràn ngập yêu đương.

Có thể thế chẳng?

Có thể lắm chứ. Tại sao không? Một cậu trai yếu đuối sao không thật lòng yêu một cô gái xấu xí được?

Anh bảo cô anh chống lại người cha phản động của mình, cô chửi rửa thành phần trí thức, mông đít hai người nổi giộp, và họ nắm tay nhau. Họ đi họp, tố cáo người đồng hương, nói dối, và yêu nhau. Cô khóc lóc thảm thiết vì ông quan chức Nga Masturov nào đó qua đời, anh gằm gừ trên thân thể cô như con chó, và không ai có thể sống thiếu người kia.

Anh muốn bôi xóa cô khỏi bức ảnh đời sống anh không phải bởi anh không yêu cô mà bởi anh có yêu cô. Anh bôi xóa cô, cô và tình yêu của anh cho cô, anh cố gạch bỏ hình ảnh cô cho đến khi nào nó tan biến như khâu tuyên truyền của đảng làm Clementis tan biến khỏi cái bao lớn nơi Gottwald đọc bài diễn từ lịch sử. Mirek viết lại lịch sử cũng như đảng Cộng sản làm, như tất cả những đảng phái chính trị làm, như tất cả các giống dân, như loài người vẫn làm. Họ hét to rằng họ muốn tạo dựng tương lai tốt đẹp hơn, nhưng điều đó không đúng sự thật. Tương lai chỉ là khoảng trống thản nhiên không ai thêm đoái hoài, nhưng quá khứ thì ngập ngụa đời sống và diện mạo nó thì khó chịu, gớm ghiếc, thương tích đến độ nó muốn triệt hủy hoặc vẽ lại tất cả. Chúng ta muốn làm chủ tương lai chỉ bởi chúng ta muốn có quyền lực thay đổi quá khứ. Chúng ta đánh nhau chỉ để giành giật quyền vào phòng thí nghiệm nơi chúng ta có thể tô vẽ lại hình ảnh và viết lại tiểu sử, lịch sử.

Anh dừng trước trạm ga tàu hỏa đó trong bao lâu?

Và điều này có ý nghĩa gì?

Nó chẳng có ý nghĩa gì cả.

Anh lập tức xóa nó khỏi trí óc để hình ảnh ngôi nhà

trắng nhỏ có những đóa hải đường không còn lưu lại tí gì trong trí nhớ anh. Một lần nữa không gian của thế giới chỉ là vật chướng ngại cản trở sinh hoạt của anh.

18.

Đỗ ngay trước cửa nhà anh là chiếc xe anh vừa chạy thoát. Hai gã đàn ông cũng đứng gần đó.

Anh cho xe lên đỗ sau xe hai gã rồi chui ra. Hai gã nhìn anh nở nụ cười gần như thân thiện như thể việc anh trốn thoát họ là một trò chơi tinh quái thú vị. Lúc anh đi ngang mặt họ, gã đàn ông cổ to khỏe và tóc dợn sóng nhìn anh cười, đầu gật gật. Mirek thấy trong lòng quặn thắt nỗi âu lo với sự thân mật này, nó có nghĩa là từ đây anh sẽ phải thân thiết hơn nữa với bọn họ.

Không buồn chớp mắt, Mirek đi thẳng vào nhà. Anh tra chìa khóa mở cửa. Đầu tiên anh thấy cậu con trai anh, mặt nó cổ đè nén nỗi lo lắng. Một gã lạ mặt đeo kính bước lại Mirek và tự giới thiệu. “Anh cần xem trát tòa không?”

“Cần.” Mirek cộc lốc đáp lời gã.

Có thêm hai người lạ nữa trong nhà anh. Một người đứng cạnh bàn làm việc của anh, trên đó giấy tờ, sổ tay và sách vở xếp thành chồng. Gã đang kiểm điểm từng món một. Ngồi nơi bàn giấy là gã thứ hai, gã đang ghi chép xuống giấy những gì gã thứ nhất xướng lên.

Gã đeo kính rút từ túi áo phong giấy gấp đôi đưa cho Mirek xem. “Đây, đây là trát tòa và kia” – gã chỉ về phía hai gã đàn ông khác – “chúng tôi đang lập danh sách cho anh ghi nhận những thứ chúng tôi tịch thu.”

Giấy tờ, sách vở vương vãi đầy sàn nhà, cửa tủ mở toang, đồ đạc bàn ghế bị xô đẩy ra khỏi tường nhà.

Cậu con trai lại gần anh nói nhỏ: “Bố đi được năm phút thì họ đến.”

Nơi bàn làm việc, hai gã đàn ông ghi chép những giấy tờ bị tịch thu: thư từ bạn bè Mirek gửi cho anh, hồ sơ từ những ngày Nga mới chiếm đóng, bài phân tích tình hình chính trị, sổ tay biên bản những buổi hội thảo, họp hành.

“Anh thật là người chẳng biết lưu tâm cho bạn bè gì cả.” Gã đeo kính bảo anh, gã hất hàm về phía đồng giấy tờ bị tịch thu.

19.

Những kẻ bỏ xứ ra đi (một trăm hai mươi nghìn) và những kẻ ở lại bị bịt miệng và mất việc làm (nửa triệu) dần dà biến mất như đoàn diễu hành đi vào sương mù, tan biến và bị lãng quên.

Nhưng nhà tù, cho dù nó bị bốn bức tường bao bọc xung quanh che kín, vẫn là cảnh sắc huy hoàng chói lọi của lịch sử.

Mirek từ lâu biết rõ như thế. Suốt năm vừa rồi, anh bị cái quang vinh của nhà tù mê hoặc. Có lẽ nó giống như Flaubert bị mê hoặc bởi chuyện Madame Bovary tự tử. Không, Mirek không thể tưởng tượng ra đoạn kết nào tốt đẹp hơn thế cho cuốn tiểu thuyết cuộc đời anh.

Họ muốn bôi xóa hàng nghìn đời sống ra khỏi ký ức và quét sạch mọi thứ để còn lại chỉ là thời đại trong sạch của khu vườn thượng uyển trong sạch. Nhưng Mirek sắp sửa đắp cái thân hình cón con của anh xuống khu vườn thượng uyển đó, như một vết nhơ.

Anh sẽ ở trên đó như cái mũ của Clementis trên đầu

Gottwald.

Họ bắt Mirek ký xuống tờ danh mục những thứ bị tịch thu rồi yêu cầu cha con anh đi theo họ. Sau một năm biệt giam họ đem anh ra tòa xử án. Mirek lãnh án sáu năm tù, con trai anh hai năm, mười người bạn của anh và của con anh, mỗi người từ một đến sáu năm.

Chú thích của người dịch:

¹ Bohemia, tên gọi từ thời thế kỷ XIX trở về trước miền đất ngày nay là Tiệp Khắc. Trong các tác phẩm của mình, tiểu thuyết hay tiểu luận, Kundera thích gọi quê hương mình bằng cái tên cổ này thay vì Czechoslovakia, hay Cộng Hòa Czech, tên gọi chính thức hiện nay.

² Johann Sebastian Bach với những nhạc bản *fuga* chưa có người thay thế dù sau hơn ba thế kỷ. Kundera đặc biệt yêu thích nhạc của Bach. (Xem thêm *Những chúc thư bị phản bội*, tiểu luận văn học.) Tuy nhiên, trong ngữ cảnh ở đây, *fuga* lại được sử dụng như một hoán dụ cho nước Nga thù địch, khiếp hãi.

PHẦN II

Mama

1.

Có thời Marketa không ưa mẹ chồng mình. Đó là thời gian vợ chồng cô chung sống với gia đình chồng (bố chồng cô còn tại thế) và Marketa phải triền miên chịu đựng tính khí riết róng, dễ giận của bà. Cuối cùng vợ chồng cô chịu hết nổi và dọn ra riêng. Châm ngôn của hai người lúc đó là “càng xa Mama càng tốt.” Họ dọn về một thị trấn tọa lạc tuốt đầu bên kia đất nước và mỗi năm chỉ một lần về thăm.

Thế rồi một hôm cha Karel qua đời và Mama sống một mình. Họ gặp lại bà tại đám tang, trông bà thiếu nảo, khổ sở, hình như thân hình bà co rút lại so với dạo trước. Cả hai có cùng một ý nghĩ trong đầu: “Mama, về ở với tụi con. Mama không thể ở đây một mình được.”

Câu nói xoay vòng vòng trong đầu hai người, nhưng không ai có thể thốt thành lời. Lại càng không thể nói vào hôm sau đám tang lúc ba người ra ngoài đi dạo, một buổi đi dạo chẳng vui tí nào, vì trong lúc đi, buồn bã chán chường như thế mà miệng Mama vẫn không ngớt trách móc con trai và con dâu, tất cả mọi tội lỗi vì sao bà khổ sở, khổ nạn như ngày hôm nay, bà trút cả lên đầu lên cổ vợ chồng Karel. “Không có gì trên đời này có thể thay đổi con người Mama.” Karel bảo vợ lúc hai người ngồi trên tàu hỏa về nhà. “Đáng buồn thật,

nhưng chắc mình đành phải tiếp tục ‘càng xa Mama càng tốt’ thôi.”

Năm tháng trôi qua, Mama vẫn thế, nhưng có lẽ Marketa mới là người có nhiều đổi thay, bởi đột nhiên cô nhận ra những gì mẹ chồng cô đối xử với hai người thực ra đều vô hại, và chính cô mới là kẻ thực sự gây thương tổn cho mối quan hệ mẹ chồng nàng dâu chỉ vì cô đã đặt nặng cái tính khí hay căn nhằn của bà, xem nó quá quan trọng. Lúc trước cô nhìn bà như đứa trẻ nhìn lên người lớn, nhưng bây giờ vai trò hai người đảo ngược, Marketa là người lớn và, từ khoảng cách xa xôi, trong mắt cô, Mama trông bé nhỏ và yếu đuối như đứa trẻ. Marketa cảm thấy lòng mình trở nên khoan dung và cô kiên nhẫn hơn với bà, thậm chí cô bắt đầu biên thư thường xuyên cho bà. Bà già chẳng mấy chốc quen lệ, khẩn khoản cô cứ viết thật nhiều, càng nhiều càng tốt, bởi chỉ những lá thư của cô mới giúp bà tạm xóa nỗi sầu cô quạnh bà đang gánh chịu.

Cách đây không lâu, câu nói xoay vòng vòng trong đầu hai người hôm đám tang cha Karel lại quay về. Nhưng một lần nữa chính anh con trai là người ngăn chặn lòng tử tế của cô con dâu, thay vì bảo “Mama, về ở với tụi con,” hai người mời bà sang chơi một tuần lễ.

Đó là mùa lễ Phục Sinh, cậu con trai lên mười không có nhà. Cuối tuần sau mới có buổi hẹn hò với Eva. Họ sẵn sàng tiếp đón bà sang chơi suốt tuần lễ, trừ ngày Chủ Nhật. “Mẹ sang chơi với chúng con nguyên tuần nhé,” họ bảo bà. “Từ thứ bảy này đến thứ bảy sau. Chủ Nhật sau chúng con bận rồi. Chúng con có việc phải đi.”

Chẳng việc gì phải khai báo với bà về Eva, họ mập mờ bảo bà như thế. Trên điện thoại, Karel lặp đi lặp lại

hai ba lần, “Từ thứ bảy này đến thứ bảy sau. Chủ Nhật sau chúng con bận rồi. Chúng con có việc phải đi.” Bà trả lời, “Được mà, các con dễ thương lắm, lúc nào các con muốn mẹ về, mẹ sẽ về ngay, các con đừng lo. Mẹ chỉ mong thoát cảnh sống cô độc này được chút nào hay chút đó thôi.”

Thế nhưng tối thứ bảy khi Marketa hỏi mấy giờ sáng mai cô đưa bà ra ga tàu hỏa thì bà tỉnh bơ nói sẽ ở lại đến thứ hai mới về. Marketa ngạc nhiên nhìn bà trong lúc bà nói tiếp: “Karel bảo tôi là vợ chồng cô thứ hai bận việc đi đâu đó nên sáng thứ hai tôi lấy tàu về nhà.”

Dĩ nhiên Marketa có thể bảo bà, “Mama, mẹ nhầm rồi, mẹ về ngày mai, Chủ Nhật, chứ không phải thứ hai,” nhưng cô không đủ can đảm nói thế. Cô không thể bịa ra một địa danh nào đó cho câu nói dối. Và sau khi nhận ra mình đã không tính toán kỹ bịa chuyện vắng nhà, cô im lặng, trong lòng đành chấp nhận bà sẽ ở lại cho đến hết ngày Chủ Nhật. Cô tự trấn an dù sao bà ngủ trong phòng thẳng con tuốt phía bên kia căn hộ, chắc sẽ không có gì phiền toái. Cô bảo Karel, giọng trách móc:

“Anh, đừng khó khăn với mẹ. Nhìn mẹ kìa. Chỉ nhìn mẹ thôi, em đã thấy xoắn xang trong dạ.”

2.

Karel nhún vai chịu thua. Marketa nói đúng: Mama thực sự đã thay đổi. Bà vui lòng với mọi thứ, bà biết ơn, toại ý với mọi thứ. Trước khi bà đến, Karel đã phập phồng chờ đợi một tuần lễ trong nhà đầy tiếng chì tiếng bắc chỉ vì những chuyện vợ vẫn không đâu.

Nhưng không, không hề có chuyện đó xảy ra.

Hôm qua hay hôm kia gì đó, trong lúc ra ngoài đi dạo, nhú mắt nhìn về khoảng cách xa xa, bà hỏi anh: “Cái ngôi làng trắng trắng xinh xinh ở đằng kia là cái gì thế, con?” Có ngôi làng nào đâu, chỉ là những khối đá người ta xếp chồng lên nhau làm biên giới. Karel thấy thương xót mẹ, mắt bà kém lắm rồi.

Nhưng thị giác không tinh tường nữa của bà hình như biểu hiện cái gì cơ bản hơn: cái họ thấy to, bà thấy nhỏ; đá biên thù, trong mắt bà, là nhà cửa làng mạc ở khoảng cách xa xa.

Thực ra điều ấy chẳng mới có nơi con người bà. Sự khác biệt là có lúc nó khiến hai người khó chịu. Thí dụ, vào một buổi tối, xứ sở hai người bị đoàn xe tăng từ quốc gia láng giềng khổng lồ sang xâm chiếm. Chuyện ấy gây cú sốc dễ sợ khiến ai nấy kinh hoàng trong một thời gian dài và không ai còn tâm trí đâu nghĩ việc gì khác. Lúc đó là tháng tám, lê trong vườn đã chín. Tuần lễ trước đó, Mama gọi ông dược sĩ đến hái lê. Nhưng ông ta không đến và cũng chẳng buồn nhắn lại một lời xin lỗi. Mama không thể tha thứ ông ta được, điều này khiến vợ chồng Karel nổi cáu. Hai người trách bà: Mọi người ai nấy đang rối tinh lên với xe tăng quân cướp nước, còn mẹ thì chỉ nghĩ đến những quả lê. Rồi họ dọn nhà đi xa, đem theo ký ức những chuyện vặt vãnh như thế về bà mẹ.

Nhưng có thật xe tăng thì hệ trọng hơn lê? Thời gian trôi qua Karel nhận ra trả lời câu hỏi này không hiển nhiên như anh từng suy nghĩ, và trong lòng anh dấy lên mối thương cảm bí mật với cái nhìn của mẹ anh, một cây lê thật to ở tiền cảnh và đâu đó tuốt đằng xa một chiếc tăng không to hơn con cánh cam bao nhiêu và sẵn sàng bay lên mất dạng bất cứ lúc nào. A,

đúng rồi! Sự thật là Mama đúng: tăng có thể bị tiêu diệt, chứ lê thì vĩnh cửu.

Trong quá khứ, Mama muốn biết tất cả về anh con trai, bà lên cơn giận nếu anh giấu giếm bất cứ thứ gì về cuộc sống anh. Bởi thế bây giờ, để làm vừa lòng bà, họ kể hết cho bà nghe những gì họ đang làm, chuyện gì xảy ra trong cuộc sống, cả những trù tính cho tương lai, họ đem ra nói hết. Nhưng không bao lâu họ nhận ra rằng bà lắng nghe họ kể chỉ vì lịch sự thôi, thì thoảng bà ngắt lời họ, nói về con chó lông xù bà nhờ người hàng xóm trông nom hộ trong lúc vắng nhà.

Trước đây, Karel xem thái độ đó là tính tự kỷ của bà, nó nhỏ nhặt, không đáng nói; nhưng bây giờ anh biết không phải thế. Thời gian trôi qua lâu hơn là anh nhận biết. Mama đã vứt bỏ cây roi chỉ huy của ông thống chế, của chức năng làm mẹ, và đặt chân vào một thế giới khác. Trong một buổi đi dạo khác, ba người bị một cơn bão bất ngờ đổ xuống. Họ xốc nách bà, mỗi người một bên, giữ cho gió không thổi bay bà đi. Nhắc thân thể nhẹ hẫng của mẹ trong tay, Karel thấy xốn xang trong lòng, anh nhận ra mẹ anh thuộc về cảnh giới những loài sinh vật khác: nhỏ bé hơn, nhẹ hơn, dễ bị thổi bay đi hơn.

3.

Khoảng xế trưa Eva đến nơi. Marketa lái xe ra ga tàu hỏa đón cô, bởi cô xem Eva như một người bạn. Cô không ưa bạn gái Karel. Nhưng với Eva thì khác. Sự thật là chính Marketa gặp Eva trước.

Chuyện ấy xảy ra sáu năm về trước. Vợ chồng cô đang nghỉ mát tại một thị trấn khoáng tuyến. Cứ cách

ngày cô lại đi tắm hơi. Trong lúc ngồi trên băng gỗ dài bên cạnh những người đàn bà khác trong phòng tắm hơi, toàn thân mồ hôi tươm ra nhể nhại, cô thấy một cô gái dáng người cao ráo, trần truồng, bước vào. Mặc dù không quen biết nhưng hai người đều nở nụ cười xã giao thân thiện, cô gái nhanh chóng bắt chuyện với Marketa. Bởi cô gái là người cởi mở và Marketa ưa tính cách thân thiện đó của cô nên hai người làm quen thật dễ dàng.

Cái duyên dáng trong tính cách khác thường đó của Eva đã thu hút Marketa: Cách nói chuyện của cô gái ngay lập tức khiến Marketa có cảm tình với cô! Như thể hai người hẹn hò gặp nhau nơi đó. Thay vì bắt đầu câu chuyện bằng những điều dông dài thông thường như tắm hơi rất tốt cho sức khỏe, ăn ngon ngủ ngon này nọ, cô gái bắt chuyện nói thẳng về chính cô, giống như người ta đăng báo tìm bạn bốn phương và ngay trong lá thư đầu đã cố nhồi nhét thật nhiều thông tin về mình gửi cho người bạn tương lai.

Theo chính miệng cô gái nói về mình thì Eva là con người như thế nào? Cô là một phụ nữ chuyên đi chinh phục đàn ông, với tất cả vui tươi, hào hứng. Chinh phục đàn ông nhưng cô không muốn cưới họ. Cái lối cô chinh phục đàn ông giống như đàn ông chinh phục đàn bà. Với cô, không có tình yêu mà chỉ có tình bạn và xác thịt. Bởi thế cô có nhiều bạn: đàn ông không sợ cô đòi cưới, đàn bà không sợ cô giật mất chồng. Hơn nữa, giả như có ngày cô lấy chồng thì anh chồng cô cũng chỉ là người bạn và cô cho phép anh ta làm bất cứ thứ gì anh ta thích và cô cũng chẳng đòi hỏi anh ta làm cái gì cho cô.

Sau khi tâm sự tất cả những điều này với Marketa, cô bảo Marketa có một thân hình tuyệt mỹ và điều đó

hiếm hoi lắm, bởi ít ai trên đời có được một thân hình thật sự đẹp. Cô nói tự nhiên đến nỗi nếu câu nói ngợi khen ấy thốt từ miệng một người đàn ông, chưa chắc Marketa đã thấy sung sướng bằng. Cô gái khiến trí óc Marketa xoay chuyển. Cô có cảm tưởng như đặt chân vào cảnh giới của chân thật, và cô hẹn Eva hai hôm nữa lại gặp nhau trong phòng tắm hơi, cũng quãng giờ này. Sau đó, cô giới thiệu Eva với Karel, nhưng trong mối quan hệ tay ba này Karel luôn luôn là kẻ đứng ở ngôi vị thứ ba.

“Mẹ chồng tôi sang thăm, bà đang ở trong nhà,” Marketa bảo Eva, giọng ngượng ngùng, lúc cô lái xe đưa Eva về nhà. “Tôi sẽ giới thiệu cô là em họ tôi. Hy vọng cô không thấy phiền hà.”

“Trái lại là đằng khác,” Eva đáp lời, rồi cô bảo Marketa kể chuyện gia đình cho cô nghe.

4.

Mama chưa bao giờ tỏ ý muốn biết về gia đình cô con dâu mình, nhưng tất cả những danh xưng gọi nhau trong gia đình như anh-em, cháu-chắt, chú-dì này nọ làm tim bà ấm áp: chúng ở cùng một cầu vục bình yên bao gồm những cảm nghĩ quen thuộc.

Điều bà đã biết từ lâu bây giờ được xác nhận: anh con trai bà là một kẻ lập dị hết thuốc chữa. Như thế sự có mặt của bà trong nhà lúc có người bà con khác đến thăm gây khó chịu cho mọi người. Họ muốn nói chuyện riêng tư ư? Nhưng đấy đâu thể là lý do họ muốn đẩy bà về sớm một ngày. May thay, bà biết cách xử trí. Bà chỉ việc nói mình nghe sai, và bà cười thầm trong bụng vì cái cô con dâu dễ thương đã không biết

làm thế nào để đuổi bà ra khỏi nhà sáng Chủ Nhật.

Vâng, bà công nhận họ quả dễ thương hơn so với dạo trước. Ít năm trước đây, ở hoàn cảnh tương tự, Karel chỉ lạnh lùng mời bà ra khỏi nhà. Cái mẹo vặt bà làm hôm qua thực ra đã giúp hai người nhiều lắm. Chỉ ít, lần này họ không phải tự trách đã đuổi mẹ mình về lại cái nơi chốn hiu quạnh buồn chán ấy của bà mà chẳng có lý do nào chính đáng.

Hơn nữa, Mama rất vui gặp cô gái bà con này. Cô gái thật dễ thương. (Cô làm bà nhớ đến một người nào đó. Nhưng là ai?) Suốt hai tiếng đồng hồ, Mama ngồi trò chuyện với cô. Thuở còn con gái, Mama chải tóc kiểu gì? Bà thất bím, dĩ nhiên rồi, đó là thời Đế quốc Áo-Hung, Vienna là thủ đô. Mama theo học tại một trường Trung học Czech, Mama là một cô gái yêu nước. Bỗng nhiên bà muốn hát cho ba người nghe những bài ca ái quốc mà bà hay hát thuở đó. Hay đọc thơ! Bà vẫn thuộc nằm lòng nhiều bài thơ. Ngay sau khi chiến tranh chấm dứt (vâng, đương nhiên là cuộc chiến 1914, chính xác là năm 1918 khi Cộng hòa Czechoslovak được thành lập, Chúa ơi, cái con bé này không biết Cộng hòa được công bố thành lập năm nào à!), tại buổi lễ mừng trong trường, Mama được gọi lên đọc một bài thơ. Buổi lễ mừng nước nhà độc lập, Đế quốc Áo cáo chung! Và không thể tin được, đọc đến khổ thơ cuối thì đầu óc cô nữ sinh bỗng nhiên trống rỗng; cô không thể nào đọc nốt những vần thơ cuối! Cô im bật, mồ hôi từ trán tuôn ra ướt đầm hai hàng lông mày, cô xấu hổ muốn chết. Nhưng ngay lúc đó, thật bất ngờ, tiếng vỗ tay vang lên như phá vỡ hội trường! Mọi người ai nấy đều nghĩ là bài thơ chấm dứt ở đó, chẳng ai biết còn một khổ nữa mới hết! Dầu vậy cô gái buồn lòng lắm. Xấu hổ quá, cô chạy bay

xuống rồi chui vào toa-lét khóa cửa lại. Chính ông hiệu trưởng đã phải chạy đi tìm cô nữ sinh đáng thương, ông đập cửa toa-lét kêu cô gái đừng khóc nữa và ra ngay bởi vì cô đã thành công ngoài mức tưởng tượng.

Cô gái cười ngất khi nghe chuyện, trong lúc Mama nhìn cô chăm chăm một lúc thật lâu: “Chúa ơi, con làm bác nhớ đến một người mà bác không biết người nào. Thật rõ chán...”

“Nhưng lúc chiến tranh chấm dứt, mẹ đâu còn học Trung học nữa.” Kerel cất tiếng.

“Anh nói cái gì thế, tôi phải biết chứ, tôi phải biết tôi học Trung học thời gian nào chứ.”

“Nhưng mẹ ra trường năm trước khi chiến tranh chấm dứt. Lúc đó đất nước vẫn còn thuộc Đế quốc Áo-Hung mà.”

“Tôi biết rất rõ tôi ra trường năm nào, anh chẳng cần nhắc nhở tôi,” bà lộ vẻ khó chịu ra mặt trả lời Karel. Nói thế nhưng bà biết Karel nói không sai. Đúng vậy, bà tốt nghiệp lúc chiến tranh vẫn còn tiếp diễn. Vậy thì kỷ ức cái buổi lễ mừng chiến tranh chấm dứt tại trường học kia từ đâu ra? Đột nhiên Mama ngập ngừng và bà im bặt.

Marketa phá vỡ bầu không khí im lặng bằng cách quay sang nói chuyện với Eva, và những điều cô nói chẳng liên quan gì đến buổi đọc thơ của Mama hay cái năm lịch sử 1918.

Mama cảm thấy như bị bỏ rơi, bà chìm đắm giữa những hồi tưởng của riêng mình, đột nhiên không ai quan tâm đến chuyện của bà nữa, cả cái kỷ ức thảm hại của bà như đều quay lưng lại bà.

“Các con ở ngoài này nói chuyện vui vẻ nhé, các con còn trẻ, có nhiều chuyện để nói với nhau, mẹ đi nghỉ đây.” Bỗng dừng lại biến thành nạn nhân của cái phiền

muộn không vui, bà bỏ vào phòng thẳng cháu trai.

5.

Trong lúc Eva tới tấp hỏi chuyện Mama thì Karel đưa mắt nhìn cô với vẻ dịu dàng, triu mến. Mười năm trời biết cô, lúc nào anh cũng thấy cô như vậy. Thẳng thắn và dạn dĩ. Anh quen cô (lúc đó vợ chồng còn chung sống với cha mẹ) dễ dàng y như vợ anh ít năm sau đó quen cô. Một hôm, anh nhận được lá thư từ người đàn bà xa lạ. Cô bảo cô thấy anh ngoài đường và cô quyết định biên thư làm quen vì đối với cô những quy ước xã hội chẳng có nghĩa lý gì khi cô cảm thấy người đàn ông quyến rũ, thu hút. Cô bị Karel thu hút và cô là người đi săn đuổi đàn ông. Một người săn đuổi đàn ông đầy kinh nghiệm khó quên. Cô không tin vào tình yêu, cô không cho phép nó xảy ra. Chỉ là tình bạn và đam mê nhục dục. Kèm theo lá thư là bức ảnh một cô gái khỏa thân trong tư thế kêu gọi.

Thoạt đầu Karel nghĩ đây là trò đùa bốn kẻ nào mạo danh gạt anh cho vui, và anh chần chừ chưa hồi âm cô gái. Nhưng sau cùng không cưỡng lại được, anh biên thư rủ cô đến căn hộ nhỏ mượn từ một anh bạn. Eva đến nơi, dáng người cao gầy, ăn mặc lôi thôi lếch thếch như một thiếu nữ mới lớn cao ngồng, vớ đại bộ quần áo của bà ngoại mình khoác lên người ra đường. Cô ngồi giải thích cho anh nghe về quan niệm của cô, rằng những quy ước xã hội chẳng có nghĩa lý gì đối với cô nếu có người đàn ông nào đó quyến rũ, thu hút cô. Chỉ là tình bạn và đam mê nhục dục. Thế thôi. Khuôn mặt cô bỗng thoáng hiện lên đôi nét ngượng ngùng và gắng sức, điều này khiến Karel cảm thấy ái ngại cho cô

chứ không thấy ham muốn. Nhưng rồi anh tự nhủ không nên bỏ lỡ bất cứ cơ hội nào.

“Tuyệt vời!” Anh nói như trấn an cô. “Cuộc hội ngộ của hai kẻ săn đuổi.”

Suốt thời gian ngồi xuống bây giờ anh mới mở miệng được, và với câu nói này, cuối cùng anh ngắt lời cô gái, một bản tự thú tràng giang đại hải. Ngay tức khắc cô gái lấy lại can đảm, cô thấy nhẹ nhõm sau khi một mình dũng cảm biện bạch gần mười lăm phút đồng hồ.

Anh bảo cô bức ảnh cô kẹp trong phong thư đẹp lắm, đoạn anh hỏi (với tính cách một kẻ săn đuổi) cô có thấy hưng phấn khi khóa thân như thế không.

“Em là người thích khoe của, anh ạ.” Cô nói với tất cả sự ngây thơ, như thể cô đang thú nhận với anh cô là một tín đồ giáo phái tái thanh tẩy.

Anh bảo cô anh muốn nhìn thấy cô khóa thân.

Thấy nhẹ người, cô hỏi anh trong căn hộ này có máy hát không.

Có chứ, có máy hát, nhưng anh bạn này của Karel nghe toàn nhạc cổ điển – Bach, Vivaldi, Wagner *opera*. Karel cảm thấy cảnh tượng sẽ rất kỳ khôi nếu anh để cô gái thoát ý theo tiếng hát *opera* cao vút của Isolde. Eva cũng chẳng chọn được đĩa nào. “Không có đĩa nhạc *pop* nào ở đây sao?” Không, chẳng có đĩa nhạc *pop* nào. Không tìm ra giải pháp, Karel đành đặt vào máy một tổ khúc của Bach. Anh nhắc ghế ngồi ở góc phòng để có thể quan sát toàn diện.

Eva gắng gượng uốn éo thân hình theo nhịp điệu khúc nhạc, nhưng chỉ được một lát cô bảo anh cô chẳng thể nào làm được với tiếng nhạc như vậy.

Cất cao giọng, anh trả lời như quát: “Câm miệng! Cởi quần áo ra!”

Nhạc Bach cao vời vợi như vọng xuống từ thiên đình tràn ngập gian phòng, Eva tiếp tục nhẫn nại uốn éo thân hình. Cái âm thanh đó, không ai trên đời có thể khiêu vũ theo nó được, chỉ làm Eva khổ sở trăm bề. Karel thầm nghĩ từ khoảnh khắc cô cởi chiếc áo len đến lúc cô tụt cái quần lót, phải là một quãng thời gian dài vô tận đối với cô. Tiếng nhạc vẫn vang lên đều, Eva vịn mình theo nhịp điệu sinh-cổp, ném hết mảnh vải này đến mảnh kia xuống sàn nhà. Cô không nhìn vào Karel mà hoàn toàn tập trung vào chính cô cùng những động tác như một cầm thủ vĩ cầm đang trình tấu từ trí nhớ một đoạn nhạc khó và sợ bị phân trí nếu nhìn xuống khán giả. Lúc không còn mảnh vải che thân nào, cô quay mặt vào tường đưa tay xuống bùm lấy hạ thể. Karel lúc đó cũng đã tụt hết áo quần, nhìn lưng cô gái đang thủ dâm, toàn thân anh bốc lửa. Thật tuyệt vời, và thật dễ hiểu, kể từ lúc đó trở đi Karel bao giờ cũng làm tình với cô từ phía sau.

Hơn nữa, cô là người đàn bà duy nhất không thấy khó chịu vì tình yêu Karel dành cho Marketa. “Vợ anh nên hiểu anh yêu cô ấy nhưng anh là gã đàn ông đã mang say mê theo đuổi đàn bà, tuy rằng điều ấy không đe dọa cô ấy. Nhưng không người đàn bà nào hiểu được. Không, ngàn lần không, không người đàn bà nào trên đời hiểu được đàn ông.” Cô nói thêm, nét mặt trở nên đăm chiêu, buồn bã, như thể chính cô là người đàn ông bị hiểu sai.

Đoạn cô bảo anh cô sẵn lòng làm bất cứ điều gì để giúp anh.

6.

Phòng đưa cháu nội cách phòng vợ chồng vốn vẹn sáu mét, qua hai lần tường mỏng, Mama ngủ trong đó. Cái bóng của bà vẫn dõi theo tâm trí hai người. Nó ám ảnh Marketa.

Rất may Eva nói chuyện huyền thuyên. Khá lâu rồi cô không gặp lại vợ chồng Karel, và có nhiều chuyện xảy ra trong thời gian vắng mặt: cô dọn nhà sang một thị trấn khác và, điều quan trọng nhất, cô kết hôn với một người đàn ông lớn tuổi, ông chồng tìm thấy nơi cô một người bạn tuyệt vời, không ai có thể thay thế được, và bởi, như chúng ta biết, Eva có một tính cách đặc biệt rất tốt để làm bạn và cô chối bỏ tình yêu, một tình yêu vương vীu những thứ lòng nhùng rất phiền toái như lòng ích kỷ và tính điên rồ.

Cô cũng có việc làm mới. Lương khá nhưng cô bù đầu bù cổ, không kịp thở. Ngay ngày mai cô đã phải quay về đi làm rồi.

Marketa chừng hửng: “Cái gì? Mấy giờ cô đi?”

“Có chuyển tốc hành lúc năm giờ sáng.”

“Chúa ơi, cô phải dậy từ bốn giờ sáng! Mệt chết!” Thốt nhiên cô thấy buồn bực trong lòng, nếu không muốn nói là nổi giận, vì Mama không chịu về sớm. Ở cách xa nhau lại không có nhiều thời gian, Eva đã gắng thu xếp dành ngày Chủ Nhật này cho Marketa, vậy mà chỉ vì cái bà mẹ chồng như bóng ma luẩn quẩn trong nhà khiến cô không toại ý, không có thêm thời gian cho Eva.

Đang vui trong lòng, Marketa bỗng xịu xuống, và trời đang mưa nhỏ bỗng chuyển thành dông tố, có tiếng chuông điện thoại reo vang. Karel bước lại nhắc điện thoại. Giọng anh ngập ngừng, có cái gì mơ hồ,

không rõ rệt trong câu trả lời kiểu nhát gừng của anh khiến Marketa có cảm tưởng anh đang chọn chữ chọn câu để cố tình che giấu ý nghĩa những điều anh đang nói. Cô chắc mẩm trong bụng anh lại đang hò hẹn với người đàn bà nào đó rồi.

“Ai gọi thế, anh?” Cô hỏi. Karel bảo một người bạn đồng nghiệp ở thị trấn gần bên, tuần sau cô ấy sang đây bàn chuyện công việc với anh. Từ lúc đó trở đi, Marketa giữ thái độ im lặng, nửa lời cũng không nói.

Chẳng lẽ cô ghen đến thế sao?

Thuở hai người mới yêu nhau, dĩ nhiên, cô ghen. Nhưng năm tháng trôi qua tính ghen tương bây giờ có lẽ chẳng qua chỉ là một thói quen.

Nói cách khác: bất cứ quan hệ yêu đương nào cũng dựa trên một giao kết bất thành văn, ký kết nhưng không hề suy tính, giữa hai người yêu nhau trong vòng vài tuần lễ đầu tiên của cuộc tình. Lúc đó họ còn sống như trong giấc mơ, nhưng cùng lúc, chính họ cũng không hề hay biết, họ đang đặt bút ký, như một luật sư không khoan nhượng, vào bản hợp đồng với những điều khoản cực kỳ chi tiết. Ôi, những kẻ yêu nhau! Hãy cảnh giác những ngày mới yêu! Một lần bạn bụng khay điểm tâm vào giường, bạn sẽ phải bụng suốt đời, trừ phi bạn sẵn sàng chấp nhận bạn là kẻ không biết yêu, là kẻ phản bội.

Những tuần lễ đầu của cuộc tình, giữa Karel và Marketa đã có sự thỏa thuận, đó là, Karel sẽ là kẻ không chung thủy và Marketa sẽ phải chấp nhận nó, nhưng Marketa có quyền đóng vai trò người tốt lành hơn và Karel phải nhận tội lỗi về phía mình. Không ai biết rõ hơn Marketa, làm người tốt lành hơn buồn bã như thế nào. Cô tốt lành hơn thật đấy, nhưng chỉ vì chẳng có cái gì tốt lành hơn.

Dĩ nhiên, Marketa biết rõ cú điện thoại chính nó chẳng có ý nghĩa gì. Điều quan hệ không phải cuộc đối thoại, mà là cái gì nó *biểu hiện*. Nói một cách ngắn gọn, nó tượng trưng cho toàn thể cảnh huống cuộc đời cô: tất cả những gì Marketa làm, cô làm cho Karel và vì Karel. Cô chăm sóc mẹ anh. Cô giới thiệu người bạn thân thiết nhất của cô cho anh. Cô tặng cô gái cho anh như một món quà. Chỉ cho anh và cho thú vui hoan lạc của anh. Tại sao cô làm tất cả những điều ấy? Tại sao cô phải tự chuốc vào người nỗi đau đớn buồn khổ? Tại sao cô phải làm như Sisyphus lăn tảng đá ngàn cân lên đỉnh núi? Cô làm cái gì thì Karel cũng vô tư, chẳng hề quan tâm. Anh hẹn hò với đàn bà khác, bỏ cô một mình trốn nhà đi chơi.

Thời học Trung học, cô là một cô gái bất trị, nổi loạn, căng tràn sự sống. Ông thầy dạy toán hay bỡn cô: “Marketa à, sẽ chẳng ai trị được em! Chưa chi mà thầy đã thấy ái ngại cho người chồng sau này của em!” Cô phá lên cười hãnh diện, dường như câu nói của ông thầy là một điềm báo vui. Thế nhưng không hiểu sao mọi sự đảo nghịch, cuối cùng cô biến thành vai trò hoàn toàn trái ngược, ra ngoài mọi tiên liệu, mọi ý nguyện, mọi phẩm vị cô hằng ấp ủ. Và tất cả những việc này xảy ra chỉ vì cô đã lơ lảng, không chịu đọc kỹ bản hợp đồng vào tuần lễ đầu tiên của cuộc tình.

Cô không thấy thú vị nữa với vai trò người tốt lành hơn. Đột nhiên tất cả những năm tháng của cuộc hôn nhân đè lên cô như cái bao tải nặng trĩu.

7.

Marketa càng lúc càng buồn rầu, còn mặt Karel thì đã

bắt đầu lộ ra nhiều dấu hiệu bức bối. Eva hốt hoảng. Cô có cảm tưởng mình là kẻ gây nên sự bất hòa trong đời sống vợ chồng Marketa, cô liền thoảng nói luôn miệng để phá tan đám mây mù đang phủ lấp gian phòng.

Muốn giải hòa lắm, nhưng khốn nỗi cô chỉ làm cho không khí trở nên căng thẳng thêm. Karel ngoan cố im lặng, lòng ứ tràn cơn giận vì anh nghĩ Marketa đã giận hờn một cách quá vô lý. Và bởi vì không thể trấn át nổi cay đắng trong lòng hay không đủ bao dung để hóa giải cơn giận của chồng, Marketa đứng dậy bỏ vào bếp.

Ở lại ngoài này, Eva hết lời khuyên giải Karel, cô bảo anh đừng làm hỏng buổi tối mà cả ba người chờ đợi bấy lâu. Nhưng Karel vẫn không nguôi ngoai chút nào: “Đã đến lúc tôi không thể chịu đựng thêm được nữa. Tôi chán cái cảnh này lắm rồi! Lúc nào tôi cũng là kẻ có tội, không tội này thì tội kia! Tôi chán làm kẻ luôn luôn bị nhồi nhét cái cảm giác tội lỗi vào người! Tội lỗi gì ba cái vật vãnh đấy! Toàn chuyện vật vãnh băng quơ! Không, không, tôi chịu hết nổi cô ấy rồi! Chịu hết nổi rồi!” Anh đi vòng vòng quanh phòng, miệng lặp đi lặp lại câu nói mặc cho Eva khẩn khoản van nài.

Thế là cô bỏ mặc anh ngoài phòng khách, vào bếp tìm Marketa. Trốn trong bếp, Marketa biết rõ chuyện đáng tiếc lẽ ra không nên xảy ra. Eva cố giải thích cô không nên nghi ngờ Karel chỉ vì một cú điện thoại vu vơ. Tận tâm tâm Marketa biết rõ lần này cô không có chứng cứ rõ rệt, nhưng cô trả lời Eva: “Nhưng tôi không thể tiếp tục sống như thế này được nữa. Lúc nào cũng thế. Năm này qua năm khác, tháng này qua tháng khác, toàn là đàn bà và dối trá. Tôi mệt mỗi lần rồi. Mệt mỗi, thật là mệt mỗi. Chừng đó đủ rồi.”

Eva nhận thấy cả vợ lẫn chồng đều bướng bỉnh như

nhau. Cô quyết định sẽ đem ra áp dụng cái ý tưởng lẳng đặng thoảng hiện trong tâm trí cô lúc trên đường đến đây, cái ý tưởng thoát nghe thì có vẻ khiếm nhã nhưng biết đâu sẽ là cái gì hay ho. Nếu cô muốn giúp vợ chồng Karel vượt qua khó khăn này thì cô không nên rụt rè mà phải chủ động. Hai người yêu thương nhau, nhưng họ cần người thứ ba lấy đi gánh nặng họ đang gánh vác trên người. Một người khác đứng ra cứu giúp họ. Dự tính của cô trong chuyến đi này nếu thực hiện được sẽ đem lại lợi ích chẳng riêng gì cho cô (vâng, không thể chối cãi lợi ích cho cô là trên hết, và nó chính là nguyên do khiến cô hơi lo ngại, bởi cô không bao giờ muốn làm bất cứ hành vi ích kỷ nào đối với bè bạn) mà nó còn đem lại lợi ích cho cả Marketa và Karel.

“Cô nghĩ tôi phải làm gì?” Marketa hỏi Eva.

“Chị ra ngoài bảo anh ấy đừng buồn giận nữa.”

“Nhưng tôi chịu không nổi nữa. Tôi không muốn nhìn thấy con người đó chút nào.”

“Vậy thì chị hạ mắt chị xuống đi. Làm thế chị sẽ lấy lại cảm tình của anh ấy ngay.”

8.

Buổi tối không bị phá hỏng. Marketa cầm một chai rượu đem ra đưa tận tay Karel. Mặt anh tươi tỉnh hẳn lên, anh mở chai rượu với động tác trịnh trọng như người bắn súng làm hiệu cho cuộc chạy đua Olympic vòng chung kết. Rượu rót ra ba ly, Eva vừa đi vừa nhún nhảy về phía cái máy hát. Cô chọn một đĩa nhạc rồi tiếp tục uốn éo nhún nhảy khắp phòng theo tiếng nhạc (lần này không phải Bach mà là Duke Ellington).

“Anh nghĩ Mama đã ngủ chưa?” Marketa hỏi chồng.

“Tốt nhất mình nên vào chúc mẹ ngủ ngon.” Karel đề nghị.

“Anh mà vào chúc mẹ ngủ ngon bây giờ thì mẹ sẽ giữ lại nói chuyện cả tiếng đồng hồ nữa cho xem. Anh đừng quên sáng mai Eva phải thức dậy thật sớm ra ga đón tàu về.”

Marketa thấy mình đã phí phạm quá nhiều thời gian, cô nắm tay cô bạn gái, và thay vì vào chúc Mama ngủ ngon, cô dẫn Eva vào buồng tắm.

Còn lại một mình trong phòng với tiếng nhạc Ellington, Karel cảm thấy vui vui trong lòng vì đám mây mù đã tan nhưng tối nay thì anh chẳng chờ đợi gì khác. Cái sự cố cú điện thoại chẳng ra gì ấy đột nhiên hiển lộ điều anh vẫn chối, không chịu thừa nhận bấy lâu: anh cũng mệt mỏi lắm rồi và chẳng còn ham muốn gì nữa.

Ít năm trước đây, Marketa dụ dỗ anh thử làm tình tay ba với cô và một cô nhân tình của anh mà cô ghen khùng khiếp. Đề nghị của cô khiến anh như thác loạn vì hưng phấn! Nhưng buổi tối hôm đó, anh chẳng thấy khoái cảm chút nào. Ngược lại là đằng khác, đó là một trải nghiệm kinh khủng! Hai người đàn bà ôm nhau hôn trước mắt anh, nhưng không phút giây nào họ tạm ngưng vai trò tình địch mà cứ canh cánh xem chừng anh chú ý đến ai, ai là người anh tỏ ra âu yếm hơn. Anh phải cẩn thận cân nhắc mỗi lời nói, đong đếm từng cái vuốt ve. Anh làm tình với hai người như thể anh là nhà ngoại giao ân cần một cách cẩn trọng, gắng gổ, nhã nhặn, và vô tư, chứ không phải một người tình. Dù sao chẳng nữa, anh hoàn toàn thảm bại. Thoạt tiên cô nhân tình bật lên khóc ngay giữa pha làm tình, rồi đến phiên Marketa chìm sâu vào im

lặng.

Giả như anh tin rằng Marketa chỉ muốn đem lại tí khoái cảm nhục dục thuần túy – giữa hai người, cô là kẻ xấu hơn, ít tốt lành hơn – thì có lẽ anh đã thỏa mãn. Nhưng đằng này, theo đúng giao ước từ thuở ban đầu anh là kẻ xấu hơn, trong mắt anh cái trò mây mưa trụy lạc cô bày ra chỉ là sự tự hy sinh đau đớn, một cố gắng từ tấm lòng bao dung, độ lượng để tiên liệu cái thói trăng hoa, đa tình, đa mang của anh và chuyển hóa nó thành những vật dụng nhằm tạo dựng một hôn nhân hạnh phúc. Thói ghen tương của Marketa là con dấu đóng lên anh suốt đời, và chính anh đã tự gây nên vết thương ở những ngày đầu yêu nhau. Lúc thấy cô nằm trong vòng tay người đàn bà khác, anh chỉ muốn quỳ xuống xin cô tha thứ.

Thế nhưng các trò dâm ô trụy lạc như thế có thật là buổi tập diễn để người ta biết ăn năn, hối lỗi không?

Anh nghĩ rằng để cái trò làm tình tay ba này đem lại lạc thú, Marketa chẳng nên để lộ ra ngoài mặt thái độ gây hấn đối với tình địch của cô. Chắc cô nên rủ một người bạn của cô vào trò chơi, một người đàn bà không quen Karel và cũng không thích anh. Đó là lý do vì sao anh lập mưu cho Marketa và Eva gặp nhau tại phòng tắm hơi. Âm mưu đó thành công: hai người đàn bà trở nên thân thiết, trở thành đồng minh của nhau, toa rập hãm hiếp anh, chơi đùa với anh, dùng anh làm trò vui thú, và cùng đam mê ham muốn anh như nhau. Karel hy vọng Eva sẽ khôn khéo làm cách nào hóa giải được mối ưu tư trong lòng Marketa về tình yêu, để cuối cùng anh được giải phóng, giải phóng ra khỏi mặc cảm tội lỗi.

Nhưng giờ đây anh thấy không cách nào thay đổi được cái đã quyết định từ nhiều năm về trước. Mar-

keta vẫn như cũ, và anh vẫn là kẻ có tội.

Nhưng nếu thật như thế thì tại sao anh lại tạo cơ hội cho Marketa và Eva gặp nhau? Tại sao anh làm tình với hai người đàn bà? Anh làm thế cho ai? Bất cứ kẻ nào khác, chẳng cần đợi đến bây giờ mà từ lâu lắm, đã biến Marketa thành người đàn bà vui tươi, gợi cảm và hạnh phúc. Bất cứ kẻ nào, ngoại trừ Karel. Anh thấy chính anh mới là Sisypheus.

Sisypheus ư? Có phải Marketa mới là người tự ví mình là Sisypheus?

Vâng, đúng thế, nhưng thời gian trôi qua, vợ chồng biến thành anh em sinh đôi, có chung một ngôn ngữ, chung một ý tưởng, chung một định mệnh. Người này cho người kia, người kia cho lại người này món quà tặng Eva, cốt để đem hạnh phúc cho nhau. Người nào cũng có cảm tưởng mình đang lăn tảng đá ngàn cân ngược lên đỉnh núi. Người nào cũng mệt mỏi.

Karel nghe tiếng nước chảy rào rào và tiếng cười đùa nghịch ngợm của hai người đàn bà trong phòng tắm. Anh bỗng chạnh nghĩ anh chưa bao giờ được sống cuộc đời như anh muốn, chưa bao giờ có đàn bà như anh muốn, chưa bao giờ có đàn bà như cách anh muốn. Anh ước ao anh có thể chạy trốn ra khỏi nơi đây, tìm một chốn nào để anh dết câu chuyện của riêng anh, chính tay anh dết theo phẩm vị của anh và không bị con mắt yêu thương nào nhòm ngó.

Thật sâu trong tâm khảm, anh chẳng buồn dết câu chuyện của anh, làm cái đếch gì, anh chỉ giản dị muốn được yên thân một mình.

9.

Sốt ruột, Marketa trở nên lú lẫn. Cô ngỡ Mama ngủ rồi và cô không vào chúc bà ngủ ngon. Chuyển thăm viếng vợ chồng anh con trai lần này, đầu óc Mama làm việc hơn mức bình thường, và buổi tối hôm đó, đầu óc bà cứ rối tinh lên. Tất cả chỉ vì cái cô gái em họ của Marketa trông giống một người nào đó thuở bà còn trẻ. Nhưng ai là người đó? Ai là người bà thấy giống cô gái trẻ này?

Cuối cùng ký ức bà bật mở: Nora! A, đúng rồi, cũng thân hình đó, cũng dáng điệu đó, cũng cặp chân dài, đẹp, đi cùng khắp thế gian.

Nora không mấy tử tế, lại thiếu đức tính khiêm tốn, và Mama thường bị hành vi của bà ta làm tổn thương. Nhưng lúc này bà đâu nghĩ đến chuyện đó. Điều quan hệ đối với bà bây giờ là tại nhà anh con trai lần này đột nhiên bà tìm thấy lại những mảnh vụn quá khứ khi bà còn trẻ; khuôn mặt, hình dong từ khoảng cách nửa thế kỷ thốt nhiên hiện về chào mừng bà. Bà thấy lòng mình tràn ngập nỗi vui không đè nén được với ý nghĩ những gì bà trải nghiệm từ thuở xa xưa đó vẫn còn hiện hữu trong tâm khảm, phủ trùm nỗi niềm cô đơn của bà và nó hiện về chuyện trò cùng bà. Mặc dù bà chẳng bao giờ thích Nora, nhưng bà rất vui mừng gặp bà ta ở đây, hơn nữa, bởi vì hiện thân bà ta bây giờ hiện thực hơn nhiều với một cung cách quý mến, trân trọng Mama.

Nghĩ đến đó bà chỉ muốn chạy ra ngoài nhập bọn với lũ trẻ. Nhưng bà kềm lại. Bà biết rất rõ bà ở lại đêm nay là do bà gạt chúng nó, và tốt nhất nên để hai đứa con khùng khùng điên điên ấy có thời gian riêng tư với cô em chúng. Ừ, hãy để chúng nó kể cho nhau

nghe những bí mật cuộc đời! Một mình trong phòng thẳng cháu nội, bà vẫn có trò tiêu khiển, bà có thể đàn len, đọc sách báo, và hay nhất là đầu óc bà luôn luôn bận rộn suy nghĩ điều gì đó. Karel đã đảo lộn ý nghĩ của bà. Vâng, anh con trai nói đúng, dĩ nhiên rồi, bà tốt nghiệp Trung học trong lúc chiến tranh vẫn còn tiếp diễn. Bà mới là người nhớ sai. Sự cố bà đọc bài thơ mà quên khuấy khổ cuối cùng xảy ra năm năm trước đó. Đúng, đúng là bà có trốn trong toa-lét đoạn khóa cửa lại và ngồi bên trong khóc òa, ông hiệu trưởng có đập cửa toa-lét gọi bà ra. Nhưng năm đó bà mới vừa tròn mười ba tuổi, và chuyện xảy ra tại buổi lễ Giáng Sinh trong trường. Trên sân khấu có cây Nô-en trang trí thật đẹp, ban nhạc thiếu nhi hát thánh ca Giáng Sinh xong, đến phiên bà đọc một bài thơ ngắn. Đọc đến khổ thơ cuối thì đầu óc bà trống trơn, và bà không tài nào tiếp tục được nữa.

Trí nhớ kém cỏi khiến Mama cảm thấy xấu hổ. Bà nên nói với Karel như thế nào đây? Bà có nên thú nhận với anh là bà đã nhầm lẫn không? Vợ chồng anh bây giờ xem bà như một bà già, bà thấy chừ. Hai người tử tế, dễ thương với bà, đúng đấy, nhưng bà thấy trong cách cư xử của họ, bà là một đứa trẻ, với sự nuông chiều chỉ khiến bà khó chịu. Bây giờ nếu bà xác nhận Karel hoàn toàn đúng và bà đã lẫn lộn buổi trình diễn mừng Giáng Sinh của đám thiếu nhi trong trường với một buổi lễ chính trị thì hai người sẽ càng lớn hơn và bà càng cảm thấy nhỏ bé hơn. Không, không, không đời nào bà chịu thua hai người, không đời nào bà chịu cho hai người niềm vui đắc thắng đó.

Bà sẽ nói với vợ chồng Karel là quả thật bà đã đọc bài thơ tại buổi lễ mừng nước nhà độc lập sau khi chiến tranh chấm dứt. Đúng, lúc đó bà đã tốt nghiệp

Trung học rồi, nhưng ông hiệu trưởng nhớ bà có biệt tài đọc thơ, và ông đã mời cô cựu nữ sinh đến đọc thơ tại buổi lễ trọng đại đó. Một vinh dự to tát! Nhưng Mama xứng đáng nhận lãnh vinh dự đó chứ! Mama là người yêu nước mà! Hai người làm sao hiểu được cái cảm giác sau khi chiến tranh chấm dứt, Đế quốc Áo-Hung sụp đổ! Ôi, vui sướng xiết bao! Tiếng hát vang lừng, bóng cờ rợp đất! Và rồi bà lại thấy nung nấu trong lòng chỉ muốn chạy bay ra ngoài kể lể cho anh con trai và chị con dâu nghe về thế giới thời thanh xuân của bà.

Hơn nữa, bây giờ bà cảm thấy gần như bà có bốn phận ra gặp vợ chồng anh. Mặc dù bà hứa không làm phiền vợ chồng anh, nhưng đây mới chỉ là phân nửa sự thật. Nửa kia là Karel đã không biết bà tham gia buổi lễ mừng nước nhà độc lập sau chiến tranh như thế nào. Mama là một bà già trí nhớ kém cỏi. Bà chậm chạp, đã không giải thích sự việc ngay lúc đó cho anh con trai hiểu, nhưng bây giờ bà nhớ ra, và bà không thể giả vờ quên câu hỏi của anh. Làm thế không đẹp tí nào. Bà sẽ ra gặp (dù sao chẳng nữa, chúng nó có điều gì quan trọng nói với nhau đâu) và xin lỗi chúng nó: mình không muốn làm phiền chúng nó, nhưng chắc chắn mình sẽ không quay về phòng nếu Karel không hỏi làm thế nào mình lại có thể đọc thơ tại buổi lễ mừng nước nhà độc lập tại trường học sau khi đã tốt nghiệp.

Đoạn bà nghe tiếng cửa đóng, mở. Bà nghe tiếng hai người đàn bà nói chuyện rồi lại tiếng mở cửa, kể đó là tiếng cười và tiếng nước chảy. Chắc hai đứa đang tắm để chuẩn bị đi ngủ. Đây là lúc tốt nhất để ra gặp chúng nó nếu bà muốn nói gì thêm với chúng.

10.

Thấy Mama ra, Karel mừng rỡ như bắt được của. Bà càng sai giờ, sự có mặt của bà ở nhà ngoài càng đúng lúc. Bà chẳng cần xin lỗi bởi Karel đã dồn dập hỏi bà đủ thứ chuyện linh tinh, nào là suốt buổi chiều bà làm gì, bà có gì buồn lòng không, tại sao bà không ra sớm hơn?

Mama bảo anh người trẻ luôn luôn có nhiều điều trao đổi với nhau và người già phải biết không nên làm phiền.

Lúc này hai người đàn bà đã tắm xong, cười giỡn như con nít, bà nghe tiếng chân chạy ngoài cửa phòng. Eva vào trước, trên người mặc một cái áo thun màu lam dài vừa vắn chạm vùng tam giác trái cấm đen mượt. Thấy Mama trong phòng, cô khựng lại nhưng không lẽ thoái lui, cô nhìn bà nở nụ cười rồi chạy lại ngồi vào chiếc ghế bành như cố thu vén che đậy thân thể gần như lồ lộ.

Karel biết Marketa sắp vào, chắc chắn cô cũng mặc đồ ngủ. Và trong ngôn ngữ phòng the của vợ chồng thì đồ ngủ là một sợi chuỗi hạt đeo cổ và cái đai lưng nhung đỏ quấn hờ ngang hông. Anh biết anh phải can thiệp ngay, không cho cô bước vào để tránh Mama bị sợ hãi bất ngờ. Nhưng anh làm gì được? Anh có thể kêu to, “Em, đừng vào!” hay là, “Em, mặc quần áo vào, Mama đang ở trong này!” được ư? Có thể có cách khác, khôn khéo hơn, để giữ Marketa đừng vào, nhưng trong một hai tích tắc đó anh chẳng nghĩ ra cách nào. Ngược lại là đằng khác bởi thần trí anh như chìm đắm trong mê muội hoan lạc và anh mất tất cả mọi khả năng suy nghĩ. Anh không làm gì cả, và Marketa bước vào phòng, trần truồng, ngoại trừ sợi chuỗi

hạt trên cổ và cái đai thắt ngang hông.

Ngay lúc đó, Mama quay sang Eva với nụ cười khả ái: “Chắc cháu đã đến giờ đi ngủ, bác chẳng muốn giữ cháu ngoài này làm gì.” Eva liếc mắt thấy Marketa đi vào, cô vội vã nói to, “Không, không sao, bác ạ, bác cứ nói chuyện.” Cô to giọng như muốn lấy tiếng mình che đậy thân thể lỏa lồ của Marketa. Marketa ngẩn ngơ trong một giây nhưng cô chợt hiểu và vội vã thụt lùi ra ngoài hành lang.

Lát sau Marketa trở lại với chiếc áo choàng tắm trên người. Thấy cô, Mama lặp lại câu nói bà vừa nói với Eva, “Marketa, mẹ không muốn bắt các con thức khuya, chắc đã đến giờ các con đi ngủ.”

Marketa định trả lời bà, đúng vậy, con buồn ngủ lắm rồi. Nhưng cô chưa kịp mở miệng thì Karel đã vui vẻ lắc đầu: “Chưa đâu, Mama à, chúng con rất vui có Mama ra ngoài này nói chuyện với chúng con.” Thế là Mama cuối cùng có cơ hội kể lại câu chuyện bà đọc thơ tại buổi lễ mừng nước nhà độc lập sau cuộc chiến 1914, sau khi Đế quốc Áo-Hung sụp đổ, tại trường học và ông hiệu trưởng đã mời cô cựu nữ sinh lên đọc bài thơ yêu nước như thế nào.

Hai người đàn bà trẻ chẳng ai buồn để tai nghe Mama nói gì, nhưng Karel thì thú vị lắng nghe. Tôi muốn xác định cho thật rõ ràng ở đây: Câu chuyện về cái khổ thơ bị quên không làm anh thú vị, anh đã nghe nó và quên nó không biết bao nhiêu lần. Cái làm anh thú vị không phải câu chuyện của Mama mà là Mama kể chuyện. Mama và thế giới của bà, một thế giới có quả lê khổng lồ, trên đó chiếc tăng của quân đội Nga nhỏ xíu như con cánh cam đang hạ xuống. Cánh cửa toa-lét ông hiệu trưởng đập liên hồi gọi cô nữ sinh bước ra hiện lên ở tiền cảnh, và tuốt đằng sau, thật

mờ nhạt là hai người đàn bà trẻ đang mất dần kiên nhẫn.

Đó là điều làm Karel vui thích. Anh khoan khoái nhìn Eva và Marketa. Thân thể nóng bỏng của hai người đàn bà bên dưới lớp áo thun và áo choàng tắm run rẩy vì mất kiên nhẫn. Trong khi đó, anh vẫn chăm chú hỏi mẹ thêm về ông hiệu trưởng, về ngôi trường, về cuộc chiến tranh 1914, và sau cùng anh còn yêu cầu mẹ đọc lại cho anh nghe bài thơ yêu nước mà bà quên bémng khổ chót.

Mama ngẫm nghĩ trong giây lát đoạn bà tập trung hết tinh thần nhớ lại bài thơ hôm lễ hội trong trường năm bà mười ba tuổi. Thay vì bài thơ yêu nước thì bà đọc mấy câu vắn ca ngợi cây Nô-en và ngôi sao Bethlehem. Nhưng chẳng ai chú ý chi tiết đó. Thậm chí Mama cũng không. Bà chỉ bận tâm một điều duy nhất: liệu bà nhớ những câu ở khổ thơ chót không? Và bà nhớ. Sao Bethlehem soi sáng và Ba Vua đến quỳ bên máng cỏ. Đọc xong, thành công mỹ mãn, thích quá, bà vừa cười vừa lắc lắc cái đầu.

Eva vỗ tay tán thưởng. Nhìn cô, Mama chợt nhớ ra lý do quan trọng nhất lôi bà ra ngoài này: “Karel, anh biết cô em họ vợ anh làm tôi nhớ đến ai không? Nora!”

11.

Karel nhìn sang Eva, anh không tin nổi điều vừa nghe. “Nora? Bà Nora?”

Anh nhớ rõ bà bạn của mẹ mình thời anh còn thơ ấu. Bà có vẻ đẹp lộng lẫy, thân hình cao, với khuôn mặt quý phái như một nữ hoàng. Karel nhớ là anh chẳng thích bà ta tí nào bởi tính tình bà kiêu căng và

khó thân cận. Tuy vậy lúc đó mắt anh cứ dán miết vào bà. Chúa tôi, giữa bà ta và Eva nồng ấm này thì có cái gì giống nhau cơ chứ!

“Đúng, chính là Nora,” Mama trả lời. “Chỉ cần nhìn con bé là thấy ngay, cũng chiều cao, cũng dáng đi ấy, và khuôn mặt!”

“Eva! Em đứng lên cho anh xem.” Karel bảo.

Eva không dám đứng lên vì cô sợ cái áo thun không che kín được hạ thể, nhưng Karel nói mãi và cuối cùng cô đành gượng gạo vâng lời. Cô đứng lên hai tay ép sát hai bên hông, kín đáo kéo áo thun xuống. Karel quan sát cô thật kỹ và quả nhiên cô có nét của bà Nora thật. Không giống như đức và không dễ dàng nhận ra, nó chỉ hiện trong chớp nhoáng, và nếu Karel gắng giữ nó trong đầu thì qua Eva anh thấy bà Nora đẹp tuyệt trần.

“Eva! Xoay người lại!” Anh lại ra lệnh.

Cô ngần ngừ vì vẫn không ngót lo lắng làm thế nào che hạ thể cho bớt lỏa lồ. Nhưng Karel không tha, anh luôn miệng bảo cô xoay người, đến nỗi Mama phải kêu lên phản đối: “Con bé đâu phải lính tập mà anh bắt nó thao diễn như thế!”

Karel nhất quyết đòi cô xoay người cho bằng được, và cuối cùng một lần nữa cô vâng lời.

Chúng ta đừng quên thị lực của Mama rất kém. Bà nhìn đá biên thù ra làng mạc, bà lẫn lộn Eva với Nora. Nhưng nếu với hai mắt nửa nhắm nửa mở thì Karel cũng thể thôi, anh cũng nhìn đá biên thù ra nhà cửa. Có phải suốt tuần anh đã thầm ao ước có cái nhìn lên sự vật như mẹ mình đấy ư? Với hai mắt khép hờ, anh nhìn thấy trước mắt anh người đàn bà tuyệt đẹp quay về từ quá khứ xa xăm.

Nó là bí mật khó quên mà anh vẫn ghi sâu trong ký ức. Một lần, khi đó anh khoảng bốn tuổi, anh, Mama

và bà Nora đi tắm hơi (ở đâu? anh hoàn toàn không nhớ), và anh phải đợi hai bà trong phòng thay quần áo yên tĩnh không một bóng người. Anh kiên nhẫn một mình ngồi đợi bên cạnh một núi quần áo đàn bà. Bỗng một người đàn bà trần truồng, thân hình cao, tuyệt đẹp bước vào, day lưng về phía cậu trai bốn tuổi, với tay lấy chiếc áo choàng tắm treo trên móc. Người đó là bà Nora.

Hình ảnh thân thể tuyệt mỹ của người đàn bà trần truồng, đứng day lưng về phía anh, phô tẩm lưng dài các, không bao giờ phai mờ trong ký ức anh. Lúc đó dĩ nhiên anh còn bé lắm và anh chiêm ngưỡng thân thể đó từ phía dưới, từ viễn cảnh của một con kiến. Với chiều cao anh bây giờ, bà Nora phải là bức tượng cao năm mét. Anh ở thật gần thân thể ấy nhưng cũng thật xa, xa vô hạn. Khoảng cách xa gấp đôi. Trong chiều kích không gian và thời gian. Nó hiện ra nhô cao trước mắt anh nhưng cũng xa, xa thăm thẳm nghìn trùng, với năm tháng mịt mờ, dằng dặc. Khoảng cách dài gấp đôi khiến cậu trai bé nhỏ chóng mặt. Lúc này cảm giác chóng mặt y như thể trở lại với người đàn ông mạnh khỏe bội phần.

Anh nhìn Eva chăm chăm (cô vẫn day lưng về phía anh) và trong mắt anh cô gái là bà Nora. Anh chỉ cách bà hai mét và một hai phút đồng hồ.

“Mama, mẹ ra nói chuyện, chúng con vui lắm, nhưng bây giờ hai cô mệt lắm rồi, đã đến giờ đi ngủ.” Anh bảo mẹ, và bà ngoan ngoãn lui về phòng.

Mama đi rồi, Karel mơ màng ngồi kể cho hai người đàn bà nghe cái ký ức của anh về bà Nora. Đoạn anh phủ phục dưới chân Eva, bắt cô day lưng lại và lần mò cổ moi lại hình ảnh trong tâm trí cậu bé từ thuở ấu thơ xa xăm ấy.

Đột nhiên sức mạnh không biết từ đâu ủa về, anh vật cô xuống sàn, cô nằm sấp, anh lại quỳ phục dưới chân cô, đưa mắt chậm chạp đi từ gót chân lên hông cô gái, đoạn anh nhảy chồm lên, đi sâu vào cô.

Anh có cảm tưởng cú nhảy lên thân thể Eva là cú nhảy vọt qua khoảng cách thời gian mịt mù, cú nhảy của cậu bé phóng mình từ tuổi thơ trở thành người lớn. Và rồi, trong lúc nhấp nhối trên thân thể Eva, dường như anh không ngớt lặp đi lặp lại một chuyển động, từ ấu thơ thành người lớn và ngược lại, từ người lớn trở về tuổi thơ, trở về cái cậu bé con tội nghiệp ngược nhìn lên thân thể khổng lồ người đàn bà, và rồi tích tắc sau cậu bé biến thành người đàn ông to khỏe ôm chặt thân hình ấy, chế ngự nó. Mỗi chuyển động, nếu đo được thì dài lắm cũng bất quá mười lăm xăng-ti mét, nhưng nếu để vô thức cảm nhận thì nó là thời gian ba mươi năm.

Hai người đàn bà chịu trận dưới trận bão vui liễu dập hoa toi bời của anh, anh đi từ bà Nora sang Marketa, rồi lại trở về bà Nora, cứ thế mà làm. Lâu lắm anh mới thôi, anh phải ngưng một lát để nghỉ mệt. Cảm giác cực kỳ khoan khoái tràn ngập trong lòng, anh cảm thấy khỏe khoắn hơn bao giờ. Nằm ngửa trên ghế bành, tay chân dang rộng, anh suy nghĩ về hai người đàn bà đang nằm lá trước mặt anh trên cái đi-văng to rộng. Trong khoảng thời gian nghỉ ngơi ngắn ngủi đó, anh không nghĩ đến bà Nora, anh nghĩ đến những người đàn bà đi qua đời anh, đến hai chứng nhân cuộc đời anh, Marketa và Eva, anh có cảm tưởng anh là tay đấu cờ kỳ tài và anh vừa hạ đo ván hai đối thủ cùng một lúc trên hai bàn cờ. Anh thấy khoái chí hết sức với so sánh này và anh phá lên cười sảng sặc, vừa cười vừa hét to: “Haha! Ta là Bobby Fischer! Ta là

Bobby Fischer!"

12.

Trong lúc Karel hét to ví mình với Bobby Fischer (ông này vừa đoạt chức vô địch cờ Vua thế giới tại Iceland cách đó không lâu), Eva ghé sát mặt thì thầm vào tai Marketa: "Chị OK không?" Hai người vẫn nằm co quắp trên đi-văng.

Marketa gật đầu nhẹ, đoạn cô áp sát môi mình lên môi Eva.

Trước đó một giờ, lúc hai người còn trong phòng tắm, Eva rủ Marketa hôm nào sang nhà cô chơi (nó chính là cái ý tưởng lảng đãng thoáng hiện trong tâm trí cô lúc trên đường đến đây, cái ý tưởng nghe có vẻ khiếm nhã khiến cô không ngót bắn khoăn). Cô cũng muốn rủ Karel đi theo, nhưng cô sợ cả Karel lẫn ông chồng cô đều không chịu nổi sự có mặt của một người đàn ông khác trong cuộc vui.

Lúc thoát nghe đề nghị khiếp hải này của Eva, Marketa nghĩ làm sao chuyện đó có thể xảy ra được và cô chỉ cười với Eva. Nhưng sau đó ít phút, trong lúc những câu nói lảm nhảm của Karel và Mama vang lừng bùng trong tai, đột nhiên cô thấy như bị ám ảnh bởi đề nghị của Eva, chỉ vì thoát đầu nó có vẻ như không thể nào chấp nhận nổi. Bóng ma ông chồng Eva hình như lẫn khuất đâu đây.

Rồi tới lúc Karel quác mồm hét to bảo mình là thằng bé con bốn tuổi và anh phủ phục dưới gót chân Eva trong lúc cô gái đứng thẳng người thì Marketa mơ hồ cảm thấy Karel là thằng bé con bốn tuổi thật chứ không phải chồng mình, như thể anh đã thoát xác bay

về tuổi ấu thơ, bỏ lại cái thân thể cực kỳ cường tráng và hiếu dâm cho hai người đàn bà, một thân thể cứng như sắt nguội, cứng đến nỗi nó như chẳng còn chút con người nào, hoàn toàn trống rỗng, và bất cứ tâm hồn một người nào khác cũng có thể nhập vào nó. Thậm chí, nếu cần, có thể là tâm hồn ông chồng Eva, một kẻ hoàn toàn xa lạ, không mặt mũi, không hình thể.

Marketa để cái thân thể vô hồn cứng như sắt nguội làm tình với mình, rồi nhìn nó nhấp nhúm giữa cặp đùi Eva, nhưng cô tránh nhìn mặt nó để cố nghĩ đây là thân thể một kẻ lạ. Một lễ hội mặt nạ hóa trang. Karel đeo mặt nạ bà Nora lên mặt Eva rồi tự đeo cho mình mặt nạ thằng bé con bốn tuổi. Cái đầu của Karel bị Marketa lấy ra khỏi thân thể anh. Anh là người đàn ông có mình nhưng không đầu. Karel biến mất và phép lạ hiện ra: Marketa được giải phóng, và chao ôi là sung sướng!

Nói đông dài như thế, phải chăng tôi đang cố xác định lại mối nghi ngờ của Karel, cho rằng, đối với Marketa, cái trò dâm ô trụy lạc còn con con ba người bày ra trong phòng the chẳng qua chỉ đưa đến sự tự hy sinh và khổ đau?

Không, hoàn toàn không, nói như thế tức là giản lược sự việc đến mức tối đa. Marketa thật sự ham muốn những người đàn bà mà cô xem là nhân tình của Karel, với hết cả tâm hồn lẫn thể xác cô. Đầu cô cũng bảo cô hãy ham muốn đi: để chứng nghiệm lời tiên tri của ông thầy dạy toán, cô muốn – chí ít ở những giới hạn của bản hợp đồng tai hại – cho thấy cô là người biết mạo hiểm, biết vui chơi hưởng thụ, và cô muốn làm Karel kinh ngạc.

Thế nhưng, ngay khi nằm trần truồng bên cạnh cô

nhân tình của Karel trên giường, tất cả khoái lạc lan tỏa trong người cô lập tức tan biến, và chỉ cần nhìn thấy chồng mình là cô quay về vai trò của cô, vai trò con người tốt lành hơn, người nhận lãnh biết bao thiệt thòi đau khổ. Ngay cả khi cô nằm với Eva, người cô yêu và không ghen, sự có mặt của người đàn ông cô quá yêu vẫn đè nặng lên cô, chặn đứng mọi hoan lạc.

Giây phút cô lấy đầu anh ra khỏi thân thể, một cảm giác lạ lùng và say đắm chế ngự tâm khảm cô, cô cảm thấy mình như được giải phóng. Từ cái thân thể không tên tuổi kia, đột nhiên cô khám phá nó là thiên đường. Với chút vui sướng lạ lẫm, cô dẹp sang bên cái tâm hồn thương tổn, lúc nào cũng cảnh giác quá mức của cô, và biến thành một xác thân đơn giản không quá khứ hay ký ức, có lẽ hơn thế, một xác thân nồng ấm và khao khát đón chờ. Cô âu yếm vuốt ve mặt Eva trong lúc cái thân thể không đầu nghiêng ngả cô gái như bão táp.

Nhưng đến đây cái thân thể không đầu bỗng ngưng chuyển động, và tiếng hét vô nghĩa nghe ngu ngốc không thể nào tưởng tượng nổi thốt ra từ miệng Karel “Ta là Bobby Fischer! Ta là Bobby Fischer!” đã khiến mọi hưng phấn êm ái đột ngột tan biến trong lòng cô.

Như bị đánh thức từ một giấc mơ. Ngay lúc đó, trong lúc cô và Eva ôm nhau (như người đang ngủ say bỗng bị nắng ban mai chiếu vào phải dụi mắt vào gối), Eva ghé sát mặt thì thầm vào tai cô, “Chị OK không?” Cô trả lời bằng dấu hiệu, áp sát môi mình lên môi Eva. Cô vẫn yêu Eva đầy chữ, nhưng tối nay lần đầu tiên cô thấy cô yêu với tất cả tấm lòng và niềm rung động, cô gái, với thân thể mỹ miều, làn da mịn màng, khuôn mặt quyến rũ, tất cả trở nên say đắm với tình yêu mới mẻ mà cô đột nhiên phát hiện.

Sau đó, trong lúc nằm sắp cạnh nhau, hai cặp mông hơi nhô lên cao, da thịt Marketa có cảm giác cái thân thể cường tráng, hiểu dân cứng như sắt nguội kia lại đang mon men tiếp tục cuộc mây mưa với hai người. Cô gắng bỏ ngoài tai những câu lải nhải vô nghĩa về một bà Nora tuyệt thế giai nhân nào đó, cô cố làm sao cho cô chỉ giản dị là một thân xác không nghe thấy gì trong lúc nằm ép giữa một cô gái với làn da mịn màng và một gã đàn ông không đầu.

Tàn cuộc, Eva chìm ngay vào giấc ngủ. Marketa thấy ganh tị vì cô gái dễ ngủ như một con chó con. Cô muốn hít lấy hơi thở của Eva, muốn nhập vào giấc ngủ của cô gái. Cô ép người sát vào Eva rồi nhắm mắt giả vờ ngủ. Karel tưởng hai người đàn bà đã ngủ, anh lẳng lặng đứng dậy bỏ vào phòng ngủ kế bên.

Bốn giờ rưỡi sáng, cô mở cửa nhìn vào. Anh nhồm dậy nhìn cô, mặt còn ngái ngủ.

“Anh ngủ lại đi. Em lo cho Eva được rồi.” Cô bảo anh đoạn hôn anh âu yếm. Anh xoay người vào trong ngủ ngay không kịp nói tiếng nào.

Lúc ngồi trên xe, Eva lặp lại câu hỏi: “Chị OK không?”

Sáng nay Marketa không còn quyết tâm như tối hôm qua. Vâng, cô sẵn sàng vi phạm cái khế ước bất thành văn đó. Nhưng làm thế nào để vẫn không phá hủy tình yêu? Làm thế nào trong khi cô vẫn còn yêu Karel tha thiết?

“Chị đừng lo,” Eva bảo cô. “Karel sẽ không hay biết gì đâu. Giữa chị và anh ấy, đã có một lần xác định, nếu ai là kẻ nghi ngờ thì người đó là chị chứ không phải anh ấy. Chị không có lý do phải lo sợ anh ấy nghi ngờ bất cứ chuyện gì.”

13.

Eva ngủ gà ngủ gật trong lúc toa tàu xóc mạnh. Marketa về nhà lên giường ngủ tiếp (một tiếng đồng hồ nữa cô lại phải dậy chuẩn bị đi làm), và bây giờ đến lượt Karel đưa Mama ra ga. Hôm nay đúng là ngày tàu hỏa. Ít giờ nữa (lúc đó cả vợ lẫn chồng đều đã ở cơ quan làm việc), cậu con trai sẽ đặt chân lên sân ga và kết thúc câu chuyện này.

Đầu óc Karel vẫn đầy những hình ảnh đẹp buổi tối hôm qua. Anh biết rõ mười mười rằng, trong số hai hoặc ba ngàn động tác làm tình của anh (anh làm tình bao nhiêu lần rồi trong cuộc đời anh?), chỉ có không quá hai hay ba lần thật sự đúng nghĩa và không thể quên, trong khi những lần khác thì chỉ là tái diễn, mô phỏng, lặp lại, hay hồi nhớ. Anh biết trận làm tình tối qua là một trong hai, ba trận để đời đó, và anh cảm thấy khoan khoái vô tả.

Trong lúc anh lái xe đưa Mama ra ga tàu hỏa, bà nói luôn mồm.

Bà nói cái gì?

Trước hết bà cảm ơn anh: bà đã có một thời gian nghỉ ngơi rất thú vị tại nhà con trai con dâu bà.

Đoạn bà đổi sang giọng trách móc, bảo vợ chồng anh thuở còn chung sống dưới cùng mái nhà đã không tử tế với bà. Lúc đó anh thiếu kiên nhẫn với Mama, đôi khi tỏ ra cục cằn và không nể nang bà chút nào. Bà đã khổ sở vô cùng. Vâng, bà công nhận, lần này vợ chồng anh thật là tử tế, dễ thương, khác hẳn thuở xưa. Đúng, vợ chồng anh thay đổi nhiều lắm. Nhưng tại sao đợi mãi đến bây giờ mới chịu thay đổi?

Karel im lặng nghe bài kinh giảng than trách (anh thuộc nó nằm lòng) nhưng anh không mấy may khó

chịu. Anh liếc mắt nhìn Mama và một lần nữa ngạc nhiên về vóc người gầy ốm co rút của bà. Như thế cả cuộc đời bà là một tiến trình co rút.

Nhưng sự co rút ấy là gì?

Có phải nó là sự co rút thật sự của một con người từ bỏ chiều kích người lớn của hẳn và bắt đầu cuộc hành trình dài dằng dặc xuyên qua tuổi già và cái chết để đi đến những chân trời xa xăm nơi chỉ có cái trống rỗng không chiều kích?

Hay co rút chỉ là một ảo giác, dựa trên sự kiện Mama đang đi khỏi đây, bà ở nơi nào khác, anh chỉ thấy bà từ khoảng cách xa xa, trong mắt anh trông bà như một con cừu, một con búp bê, một con bướm bướm?

Lúc Mama tạm ngưng bài kinh giảng, Karel hỏi bà: “Mẹ, bà Nora sau này thế nào?”

“Bà ta bây giờ cũng già yếu lắm, hai mắt gần như lòa hẳn.”

“Mẹ có bao giờ gặp lại bà ấy không?”

“Anh không biết thật ư?” Mama cảm thấy hơi bị xúc phạm. Hai người đàn bà từ lâu lắm rồi đã không gặp nhau nữa, sau một trận cãi vã to, họ cắt đứt luôn quan hệ tình bạn. Karel phải nhớ chuyện đó chứ.

“Thuở con còn bé tí, mẹ nhớ mình đi nghỉ hè với bà ấy ở đâu không?”

“Dĩ nhiên tôi nhớ chứ!” Bà nói tên một thị trấn khoáng tuyến ở Bohemia. Karel biết rõ thị trấn ở đâu nhưng anh không thể nào nhớ cái phòng thay quần áo nơi anh trông thấy bà Nora trần truồng.

Anh hình dung một nơi có phong cảnh hữu tình núi đồi trùng điệp bao quanh, ngôi nhà có phòng tắm hơi với hàng cột gỗ ngoài hiên, thảo nguyên xanh ngắt lượn lờ lên xuống với đàn cừu ăn cỏ, cổ đeo chuông

phát tiếng kêu leng keng. Anh tưởng tượng ngay giữa khung cảnh ấy (như người họa sĩ trường phái cắt dán lắp ghép bức tranh) là thân thể trần truồng của bà Nora. Đoạn anh nghĩ cái đẹp chẳng qua chỉ là tia chớp lóe lên khi đột nhiên hai kỷ nguyên từ một khoảng cách thời gian mờ mịt tình cờ va chạm, cọ xát nhau. Cái đẹp ấy là sự triệt tiêu của mọi nguyên lý biên niên, cái gì phủ nhận thời gian.

Cái đẹp phủ trùm, mơn trớn tâm hồn anh, càng nghĩ anh càng cảm thấy khoan khoái trong lòng, đến nỗi anh buột miệng hỏi Mama: “Mama, không biết mẹ có muốn về ở với chúng con không? Tìm một căn hộ khác rộng rãi hơn chắc không đến nỗi khó khăn. Mẹ nghĩ sao?”

Mama thò tay qua vuốt ve tay anh. “Karel, anh tốt lắm. Rất tốt. Nghe lời chân tình ấy từ miệng anh, tôi rất vui. Nhưng anh biết là con chó lông xù của tôi, nó đã quen với mọi thứ trong nhà rồi. Và gần đây tôi cũng quen nhiều bà bạn láng giềng tốt bụng.”

Đoạn họ lên tàu, Karel chạy đi tìm buồng cho bà. Buồng nào cũng chật cứng và thiếu tiện nghi. Sau cùng anh mua vé hạng nhất cho bà và lại chạy đi tìm người soát vé để trả thêm tiền. Ví tiền vẫn cầm trên tay, anh móc ra tờ giấy bạc một trăm nhét vào tay Mama như thể bà là cô thiếu nữ đang đi đâu xa. Mama thản nhiên nhận tiền, xem như không có gì, như cô nữ sinh vẫn nhận tiền ăn quà của cha mẹ.

Rồi sau đó, Mama ngồi sau cửa kính lúc tàu bắt đầu chuyển bánh, Karel đứng dưới sân ga giờ tay vẫy vẫy theo bà một lúc thật lâu, thật lâu, cho đến khi con tàu khuất dạng.

PHẦN III

Thiên sử

1.

Rhinoceros là một vở kịch của Eugène Ionesco, trong đó những nhân vật, bị ám ảnh bởi ý muốn trở nên đồng dạng nhau, lần lượt hết người này đến người kia biến thành tê giác. Mùa hè năm đó, hai cô sinh viên người Mỹ Gabrielle và Michelle đang nghiên cứu vở kịch trong một lớp hè dành cho sinh viên nước ngoài tại một thị trấn sát bờ Địa Trung Hải nước Pháp. Hai cô là sinh viên ngoan được Madame Raphael, giảng viên phụ trách lớp học, quý mến, bởi vì hai cô luôn luôn chăm chú nghe bà giảng bài và cẩn thận ghi chép xuống vở tất cả những gì bà nói trên bục giảng. Hôm nay bà yêu cầu hai cô soạn bài cho buổi thuyết trình sắp tới trong lớp về vở kịch.

“Tôi không hiểu nó có ý nghĩa gì, tất cả biến thành tê giác, nghĩa là làm sao?” Gabrielle nói.

“Chị phải xem nó như một biểu tượng.” Michelle trả lời.

“Đúng, văn chương được xây dựng trên những dấu hiệu.” Gabrielle tiếp lời.

“Tê giác chủ yếu là một dấu hiệu.” Michelle lại nói.

“Đúng, nhưng ngay cả nếu chị cho là họ không biến thành tê giác, chỉ là dấu hiệu, thì tại sao họ là dấu hiệu đó mà không phải cái gì khác?”

“Vâng, quả là vấn đề rắc rối.” Michelle nói giọng buồn bã, hai cô gái đang trên đường về lại ký túc xá, đang nói bỗng im bặt, chân bước đều. Một lúc thật lâu sau, Gabrielle cất tiếng phá vỡ im lặng:

“Chị có nghĩ đó là biểu tượng dương vật?”

“Cái gì?” Michelle không hiểu hỏi lại.

“Cái sừng.” Gabrielle đáp.

“Đúng rồi!” Michelle kêu lên, nhưng bỗng ngập ngừng. “Nhưng tại sao tất cả mọi người, đàn ông lẫn đàn bà, ai nấy biến thành biểu tượng dương vật?”

Hai cô gái bước nhanh về phía ký túc xá, im lặng trở lại. Đột nhiên Michelle nói:

“Tôi có ý kiến.”

“Cái gì thế?” Gabrielle tò mò hỏi.

“Hơn nữa, hình như Madame Raphael ám chỉ điều đó.” Michelle nói như muốn kích thích sự tò mò của Gabrielle.

“Vậy nó là cái gì? Xin chị nói ngay cho tôi nghe.” Gabrielle nôn nóng muốn biết.

“Tác giả muốn tạo một hiệu ứng hài hước!”

Ý kiến của cô bạn khiến Gabrielle như ngộ ra chân lý, cô tập trung suy nghĩ đến nỗi hai chân từ từ chậm lại mà không biết. Hai cô gái đứng hẳn lại.

“Chị nghĩ là tác giả dùng biểu tượng tê giác trong vở kịch cốt để tạo một hiệu ứng hài hước?” Gabrielle hỏi lại.

“Đúng thế!” Michelle trả lời bạn, môi cô nở nụ cười kiêu hãnh của kẻ khám phá ra chân lý.

“Chị nói đúng.” Gabrielle gật gù bảo bạn.

Hai cô thấy vui sướng trong lòng với ý nghĩ táo bạo này, nhìn nhau, khoe môi run run vì niềm tự hào mới có. Đột nhiên hai cô ré lên những âm thanh the thé, chói lói rất khó diễn tả bằng lời.

2.

“Cười? Người ta đã có ai quan tâm đến cười không nhỉ? Tôi muốn nói cười thật sự, vượt trên đùa bỡn, giễu cợt, chế nhạo. Cười là một cảm giác vô cùng vui thích, một thú vị tột cùng...”

“Tôi bảo cô em tôi, hoặc có thể nó bảo tôi, lại đây mình chơi trò cười nhé? Chúng tôi nằm sát nhau trên giường và bắt đầu trò chơi. Giả vờ, dĩ nhiên. Bắt phải cười. Cái cười buồn cười. Cái cười buồn cười đến nỗi nó khiến chúng tôi phải cười. Thế rồi tiếng cười thật sự ủa đến, cười điên dại, cười như nắc nẻ, hai chúng tôi như bị cuốn vào cơn triều cường khủng khiếp của cái cười. Cười phá lên từng tràng, cười hồi hả, cười sảng sặc, cười không kèm hãm được, cười thỏa chí, cười tung hê, cười điên dại... Chúng tôi cười đến tận cùng của cái cười... Ôi, cười! Cười thích lắm, chẳng có gì thích bằng cười; cười là sống một cách sâu sắc.”

Trích đoạn trên lấy ra từ cuốn sách nhan đề *Parole de femme* (Lời đàn bà), xuất bản năm 1976, do một trong những nhà văn nữ thuộc phong trào Nữ quyền viết, người được xem là đã để lại dấu ấn khá rõ rệt lên khí hậu thời đại chúng ta đang sống. Nó là bản tuyên ngôn kỳ bí của cái vui sướng. Để chống lại thói ham muốn tình dục của đàn ông – vốn chỉ chú ý đến khoái lạc thoáng qua trong chốc lát của cái dương vật cương cứng, và như thế, họ chỉ biết nhập cuộc với những hành vi bạo hành tổn hại, như thể muốn ăn tươi nuốt sống người kia – tác giả cuốn sách tán dương cái *khoái cảm* của đàn bà, như một đối cực: nhẹ nhàng, chan chứa, lan tỏa một cảm giác đam mê dai dẳng còn mãi không thôi. Đối với đàn bà, người không tách rời những cốt lõi thiết yếu của bản thân, thì “ăn

uống, tiêu tiểu, sờ mó, nghe nhìn, thậm chí chỉ có mặt nơi đó,” tất cả là khoái cảm. Tác giả đưa ra không biết bao nhiêu lạc thú trên đời của đàn bà, nghe như những lời kinh nguyện tuyệt hay. “Sống là biết vui: nhìn, nghe, sờ mó, ăn uống, tiêu tiểu, nhảy xuống nước, nhìn bầu trời, khóc, cười.” Và giao hợp là một tuyệt thú bởi nó là tổng hợp của “tất cả những khoái cảm có thể có của cuộc đời: sờ mó, nhìn, nghe, nói, cảm giác, cũng như ăn uống, tiêu tiểu, hiểu biết, khiêu vũ.” Vạch vủ cho con bú là sung sướng, thậm chí sinh đẻ cũng là một khoái cảm, và kinh nguyệt là một niềm vui, với “nước dãi ấm áp, dòng sữa đặc, vệt máu đông, cái đau kèm theo nỗi vui bỏng rát của hạnh phúc.”

Chỉ có kẻ xuẩn động mới dám cả gan nhạo báng tuyên ngôn này. Tất cả những gì kỳ bí đều có chung một tính cách: cường điệu. Kẻ theo chủ nghĩa kỳ bí không được sợ người đời chế nhạo nếu hẳn muốn đi tới hạn, dù là hạn định của khiêm tốn hay của khoái cảm. Cũng như Saint Theresa mỉm cười trên nỗi thống khổ của mình, Saint Annie Leclerc (tác giả cuốn sách tôi đang trích dẫn) khẳng định rằng cái chết là một phần của niềm vui mà chỉ bọn đàn ông, những kẻ bó mình một cách đê tiện “vào cái tôi tầm thường, vào thứ quyền lực nhỏ nhoi của mình, mới thấy khiếp sợ.”
cont.

Tuốt trên cao, tại nóc vòm ngôi đền khoái cảm, là thanh âm tiếng cười, cười là “hạnh phúc ngất ngây, là đỉnh cao chói vót của mọi hoan lạc. Cười vì hoan lạc, hoan lạc vì cười.” Chẳng cần thắc mắc, cười như thế là “vượt trên đùa bỡn, chế nhạo, bỉ báng.” Hai chị em nằm dài trên giường cười không vì lý do nào đặc biệt, chẳng có gì đáng cười, nó chỉ thuần túy là hoan lạc được hiện hữu. Như kẻ đau đón nỗi kết tiếng rên la

của hắn với thời khắc hiện tại (hoàn toàn tách biệt với quá khứ hay vị lai), kẻ cười là kẻ không có ký ức hoặc ham muốn, bởi tiếng cười từ miệng hắn rơi vào khoảng khắc hiện tại của thế gian và hắn chỉ cần biết có thể.

Chắc hẳn bạn phải nhớ phân cảnh này trong hàng chục cuốn phim tồi: một cậu trai và một cô gái tay trong tay chạy dưới bầu trời xuân (hay hạ). Chạy, chạy, chạy, và cười. Cô cậu cười để công bố với toàn thể thế gian, với tất cả khán giả ngồi trong các rạp chiếu bóng, rằng: “Chúng tôi hạnh phúc, chúng tôi sung sướng được sống trên thế gian, chúng tôi là những kẻ đồng thuận với nhân sinh!” Nó là một phân cảnh ngu xuẩn, một *cliché*, nhưng nó biểu hiện tính cách cơ bản của con người: cười nghiêm túc, cười “vượt trên đùa bỡn.”

Tất cả nhà thờ, đền, chùa, tất cả nhà cắt may đồ lót, tất cả lãnh tụ, tất cả đảng phái chính trị, tất cả có chung một kiểu cười như thế, và tất cả đổ xô ra tô vẽ hình tượng đó lên tấm biển quảng cáo để đề cao tôn giáo, sản phẩm, ý thức hệ, quốc gia, giới tính, và bột rửa chén bát của họ.

Cái cười của Gabrielle và Michelle chính là cái cười đó. Hai cô từ một cửa tiệm bán văn phòng phẩm bước ra, một tay nắm tay nhau, tay bên kia mỗi cô vung vẩy một cái túi nhỏ, bên trong đựng giấy màu, tẩy, và dây thun.

“Madame Raphael sẽ thất kinh với bài thuyết trình của chị em mình cho mà xem.” Gabrielle bảo bạn, đoạn cô ré lên tràng âm thanh chói lói. Michelle gật đầu tán đồng và cô cũng ré lên y như bạn mình.

3.

Ít lâu sau khi quân đội Nga chiếm đóng đất nước tôi năm 1968, tôi bị đuổi khỏi công việc đang làm (như hàng nghìn người Czech khác), và không ai có quyền thuê mướn tôi. Vài người bạn trẻ, vì còn quá trẻ nên không bị lọt vào danh sách sổ đen của người Nga, vẫn có việc làm trong phòng biên tập báo chí, trường học, phim trường... Họ đến gặp tôi và đề nghị giúp tôi có thu nhập bằng cách để tôi viết kịch bản cho phim truyện, sân khấu, radio, TV, hoặc những bài viết linh tinh, tất cả ký tên họ, những người bạn trẻ tốt bụng mà tôi không bao giờ phản bội. Tôi nhận viết một số bài, nhưng thông thường tôi từ chối, bởi tôi không thể một mình cáng đáng hết mọi công việc họ đề nghị, và bởi nó nguy hiểm. Không phải nguy hiểm cho tôi mà cho họ. Bọn công an chìm nổi lúc nào cũng chực biến chúng tôi thành nghèo đói để chúng tôi đầu hàng và ra thú tội trước công luận. Bởi thế tại những ngõ thoát hiểm nơi chúng tôi mò mẫm tìm kiếm kẽ hở hòng thoát ra khỏi vòng vây tỏa chiết đều có nhiều con mắt theo dõi cẩn mật, và chúng trừng phạt thật nặng nề kẻ nào dám đến gần chúng tôi.

Một trong những người đến gần tôi lúc đó là một thiếu nữ tên R. (Mọi chuyện đã bạch hóa nên tôi chẳng cần giấu giếm.) Một cô gái có tính hay e thẹn, nhút nhát nhưng tinh tế và thông minh, cô là biên tập viên một tờ tạp chí có số lượng phát hành cao vì nhắm vào giới trẻ. Tờ tạp chí vào thời đó, do lệnh từ trên đưa xuống, phải đăng một lượng khủng khiếp những bài bản chính trị với nội dung ca ngợi dân tộc Nga hữu nghị, toàn những thứ rác rưởi không ai tiêu hóa nổi, nên bộ biên tập luôn luôn tìm kiếm những phương án

mới để thu hút độc giả. Và họ đã làm một quyết định táo bạo, một ngoại lệ đi trệch ra ngoài cái tinh rỗng của ý thức hệ Mác-xít bằng cách khởi xướng một cột báo viết về chiêm tinh.

Suốt thời gian bị gạt ra ngoài lề, tôi làm nghề xem tử vi, và tôi đã lấy lá số cho hàng nghìn người. Nếu Jaroslav Hašek¹ vĩ đại làm được nghề bán chó (ăn trộm chó đem đi bán và lường gạt thiên hạ bảo chó lai giống là chó nòi), thì sá gì chuyện tôi là một chiêm tinh gia. Tại sao không? Bạn bè Paris gửi cho tôi sách vở nghiên cứu chiêm tinh học của André Barbault. Tên ông ta in trên trang nhan đề cuốn sách, ngay dưới là hàng chữ hiển hách "*Président du Centre international d'astrologie*," và bên dưới, tôi viết giả mấy chữ bằng bút mực: "*À Milan Kundera avec admiration, André Barbault*." Tôi cố tình để mở những cuốn sách có chữ ký này trên bàn và nói với khách hàng ở Praha rằng tôi từng là phụ tá cho chiêm tinh gia nức tiếng André Barbault.

Khi R. đề nghị tôi viết chui một cột chiêm tinh cho tờ tạp chí cô đang cộng tác, dĩ nhiên tôi sốt sắng nhận lời. Tôi bảo cô về trình bày với bộ biên tập rằng người này là một nhà vật lý học nguyên tử xuất chúng, ông ta không muốn tên tuổi mình lộ ra ngoài vì sợ các đồng nghiệp nhạo báng, chê cười. Mưu mẹo ấy có vẻ bảo đảm lắm vì nó có đến hai tầng nguy trang: một khoa học gia không có thật và một cái tên giả.

Thế là, dùng bút danh, tôi viết một bài về chiêm tinh rất hay, rồi mỗi tháng một bài vớ vẩn ngăn ngăn về một ký hiệu chiêm tinh học, thậm chí tôi còn tự tay vẽ các ký hiệu này, nào là Kim Ngưu, Dương Cưu, Xử Nữ, Song Ngư. Tiền nhuận thì bèo lắm, và công việc cũng chẳng có gì thú vị, ghê gớm. Điều đáng nói duy

nhất là hiện hữu của chính tôi, một hiện hữu bị tẩy xóa khỏi lịch sử, khỏi văn học sử và cả cuốn niên giám điện thoại. Nó cũng là hiện hữu của kẻ đã chết nay đầu thai thành người rao giảng chân lý chiêm tinh cho cả trăm nghìn người trẻ trong một quốc gia Xã hội chủ nghĩa.

Một hôm R. báo tin cho tôi hay rằng ngài tổng biên tập tờ tạp chí rất “ấn tượng” với ngài chiêm tinh gia, và ông ta muốn lấy một lá số cho chính mình. Cái tin làm tôi sướng rơn trong bụng. Lão tổng biên tập này, được bọn Nga dựng lên, là người đã bỏ ra cả nửa đời người nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin ở Praha và Moskva!

“Ông ấy có vẻ hơi ngượng lúc nhờ em nói hộ,” R. bảo tôi, vừa nói vừa cười. “Ông ấy không muốn ai biết ông ấy tin những chuyện mê tín dị đoan từ thời Trung cổ như vậy. Nhưng ông ấy lại rất thèm...”

“Tốt lắm!” Tôi vui vẻ bảo cô gái. Tôi biết lão này quá rõ. Lão là sếp của R. và cũng là ủy viên ủy ban tối cao của đảng đặc trách cán bộ. Ở chức vị đó, lão đã hủy hoại đời sống không biết bao nhiêu bạn bè tôi.

“Ông ấy muốn hoàn toàn ẩn danh. Em chỉ có nhiệm vụ đưa anh ngày sinh tháng đẻ của ông ấy, ngoài ra anh không được biết ông ấy là ai, làm gì.”

Tôi càng thấy thú vị: “Nếu thế thì càng tốt!”

“Ông ấy sẽ trả anh một trăm đồng tiền công soạn lá số.”

“Một trăm đồng? Đúng là đồ bủn xỉn, keo kiệt.”

Sau cùng lão gửi cho tôi một nghìn đồng. Tôi viết kín mười trang giấy miêu tả cá tính con người lão, quá khứ lão (toàn những điều tôi biết tường tận) và cả tương lai. Tôi vất vả làm việc suốt tuần, thường xuyên hỏi R. xin thêm chi tiết. Với một lá số tử vi, hiển nhiên

ta có thể gây ảnh hưởng, thậm chí dẫn dắt hành vi con người. Ta có thể cố vấn họ làm một số chuyện và cảnh giác họ đừng làm chuyện khác, dẫn dụ cho họ biết khiêm tốn bằng cách cho họ làm quen với những tai họa có thể xảy ra trong tương lai.

Một thời gian khá lâu sau đó, lúc gặp lại R., chúng tôi được một trận cười no bụng. Cô cười bảo tôi sau khi đọc lá số lão tổng biên tập khá hần ra. Lão bót la mắng nhân viên. Lão bắt đầu lo sợ những điều không hay ghi trong lá số, và đặt tin tưởng vào một chút tử tế còn sót lại trong con người lão. Những lúc lão nhìn xa vắng, bạn có thể cảm nhận nỗi buồn của một kẻ bỗng chốc nhận ra rằng những ngôi sao xấu đang chờ đợi gieo khổ đau cho mình.

4. (Về hai loại cười)

Xem quỷ sứ là đại biểu cho cái Ác và thiên sứ là chiến sĩ của cái Thiện bên phía Thượng đế là chấp nhận tính xu mị của thiên sứ. Sự việc dĩ nhiên phức tạp hơn thế.

Thiên sứ không đại biểu cho cái Thiện mà là một sáng tạo thánh hóa. Mặt khác, quỷ sứ là kẻ chối từ, không chịu chấp bất cứ ý nghĩa hợp lý nào cho cái thế giới được thánh hóa tạo dựng đó.

Như chúng ta biết, quyền thế trên thế gian được chia làm hai, một bên là thiên sứ, bên kia quỷ sứ. Tuy nhiên, điều đó không ám chỉ thiên sứ ở vị thế cao hơn quỷ sứ (lúc nhỏ tôi tin như vậy), mà lực lượng đôi bên gần như cân bằng nhau. Nếu thế gian có quá nhiều ý nghĩa không ai phản bác (sức mạnh của thiên sứ) thì con người sẽ bị đè bẹp dưới sức nặng của nó. Còn nếu thế gian mất đi tất cả mọi ý nghĩa (quỷ sứ lên ngôi) thì

chúng ta cũng chẳng thể nào sống nổi.

Ý nghĩa cố hữu của sự vật bỗng chốc bị lấy đi, vị trí của nó trong một trật tự nào đó bị đảo lộn (một kẻ Mác-xít từng học ở Moskva nay tin vào khoa chiêm tinh), những điều ấy khiến chúng ta cả cười. Nguyên thủy, cười như thế chỉ có trong thế giới quỷ sứ, có cái gì như một ác ý trong tiếng cười (cái giả vờ đột nhiên biến thành cái hoàn toàn khác), nhưng ở chừng mực nào đó, nó cũng đem lại sự nhẹ nhõm ích lợi (sự vật có vẻ không trầm trọng như vẫn tưởng, chúng ta có thể sống thoải mái tự do hơn, tính nghiêm khắc của nó bớt áp chế chúng ta).

Lần đầu tiên nghe quỷ sứ cười, thiên sứ kinh ngạc tột độ. Chuyện đó xảy ra ngay giữa bữa tiệc trong một gian phòng đông người, tiếng cười của quỷ sứ dễ lây một cách đáng sợ và nó lan từ người này sang người kia. Thiên sứ biết rất rõ cười như thế là xúc phạm đến Thượng đế và công tác thiêng liêng của hắn. Hắn biết rằng bằng cách này hay cách khác, hắn phải phản ứng nhanh chóng, kéo không kịp, nhưng hắn cảm thấy yếu đuối và không tìm ra cách chống đỡ. Vô kể khả thi, hắn nhại theo đối phương. Hắn mở miệng phát ra tràng thanh âm đứt quãng nghe chói lói, the thé (hơi giống thanh âm hai cô gái Gabrielle và Michelle ré lên ngoài đường), nhưng với ý nghĩa hoàn toàn trái ngược: ý nghĩa tiếng cười của quỷ sứ là chỉ vào tính phi lý của sự vật, ngược lại, thiên sứ thì muốn ngợi khen mọi thứ sao mà trật tự, khéo sắp đặt, tốt lành, và ý nghĩa thế.

Thế là thiên sứ và quỷ sứ, hai bên giáp mặt nhau, hã hộng thật lớn quang quác cùng một thanh âm, chỉ khác ở ý nghĩa tiếng cười mỗi bên tuyệt đối trái ngược nhau. Nhìn thiên sứ cười, quỷ sứ cười to hơn, nhiều

hơn, sỗ sàng hơn, bởi thiên sứ mà cười thì hài hước không chịu nổi.

Cái cười buồn cười là một tai họa. Ngay cả thế, nhờ nó thiên sứ tiếp thu được cái gì đó. Họ sử dụng chữ nghĩa trá ngụy lừa gạt đưa chúng tôi vào tròng. Tiếng cười giả trá của họ và tiếng cười thật, nguyên thủy (của quỷ sứ), cả hai có một cái tên gọi chung. Thậm chí ngày nay chúng ta cũng không nhận ra trò phô diễn bên ngoài làm ra vẻ tương tự ấy thực chất phục vụ hai thái độ bên trong hoàn toàn trái ngược. Có hai loại cười, và chúng ta không có một từ nào để phân biệt cái này với cái kia.

5.

Một bức ảnh đăng trên tạp chí: một tập người mặc đồng phục đứng dàn hàng ngang, một tay ôm súng dài, tay kia thủ chặt khiên bảo vệ bằng *plastic*. Họ đứng canh chừng một nhóm người trẻ tuổi quần *jean* áo thun, nắm tay nhau thành vòng tròn, nhảy múa trước mặt họ.

Hiển nhiên đây là màn đạo đầu một vụ xô xát với cảnh sát trước một nhà máy điện lực nguyên tử, một trại huấn luyện quân sự, trụ sở một đảng phái chính trị, hay cửa sổ nhìn vào một tòa đại sứ. Những người trẻ tuổi lợi dụng lúc người ta không để ý đã tụ tập thành những vòng tròn, rồi miệng hát một câu hát đơn sơ quen thuộc trong lúc đôi chân nhịp nhàng hai bước tại chỗ, một bước tiến lên, đá chân trái, đá chân phải.

Tôi nghĩ là tôi hiểu họ. Họ nung nấu trong lòng một ý nghĩ cái vòng tròn họ đang vẽ trên mặt đất là một

vòng tròn màu nhiệm có thể liên kết họ thành một vòng đai thép. Ngược họ phồng to với cảm giác mãnh liệt, là họ ngây thơ, vô tội: họ liên kết nhau không phải vì họ đang *diễu hành* như một đội hình quân lính hay quân Phát-xít, mà vì họ đang *nhảy múa* như trẻ em. Cái họ muốn nhổ vào mặt cảnh sát chính là cái ngây thơ của họ.

Người phóng viên nhiếp ảnh nhìn ra họ như thế, và anh ta đã bắt được nét tương phản đầy ý nghĩa trong bức ảnh: một bên là cảnh sát, một liên kết *giả* (nghiêm chỉnh, tuân lệnh) đứng dàn thành hàng ngang, và một bên là những người trẻ, một liên kết *thật* (chân thành, tự nhiên) làm thành vòng tròn; phía bên này, những anh cảnh sát mặt mày quàu quàu đứng im phăng phắc, chờ, phía bên kia, các cô cậu nhớn nhơ vui sướng chơi đùa.

Nắm tay thành vòng tròn nhảy múa, như có một ma lực kỳ bí: nó trực thoại với chúng ta từ chiều sâu cổ đại của ký ức. Madame Raphael, bà giáo của hai cô sinh viên Gabrielle và Michelle, cắt bức ảnh từ tờ tạp chí, bà mơ màng ngắm nghía nó. Bà cũng muốn nhập bọn nhảy múa trong một vòng tròn như vậy. Suốt cuộc đời bà, lúc nào bà cũng đôn đáo chạy đi tìm một vòng tròn để cùng những người khác nắm tay nhau nhảy múa, thoát tiên là tại nhà thờ Giám Lý² (cha bà là một con chiên sùng đạo), rồi đến đảng Cộng sản, đảng Trốt-kít, đảng Trốt-kít ly khai, có lúc bà ở trong phong trào chống phá thai (đứa bé có quyền sống), lúc khác bà nhảy sang phong trào đòi hợp thức hóa phá thai (người đàn bà có toàn quyền làm gì với thân xác mình!), rồi bà lại đi tìm nó ở người Mác-xít, người tin vào Phân tâm học, người tin vào Cấu trúc chủ nghĩa, thậm chí Lenin, Phật giáo Thiền tông, Mao Trạch

Đông, người tập yoga, người đọc *nouveau roman*, và sau cùng bà mong muốn ít nhất bà có thể tạo một vòng tròn tuyệt hảo hài hòa với các cô cậu sinh viên của bà, bà và họ là một, có nghĩa là bà tìm mọi cách khiến họ suy nghĩ và hành động y như bà, nhập vào bà để biến thành một thân xác, một tâm hồn, một vòng tròn, một điệu nhảy múa.

Ngồi trong phòng ký túc xá, hai cô sinh viên Gabrielle và Michelle giở sách chụm đầu vào nhau luận bàn vở kịch của Ionesco. Michelle đọc to:

“Kẻ luận lý nói với ông già: Ông lấy ra một tờ giấy và thử làm phép tính này. Nếu lấy hai móng chân từ hai con mèo thì mỗi con mèo còn lại bao nhiêu móng?”

“Ông già nói với kẻ luận lý: Có nhiều giải đáp cho bài tính này. Một con mèo có thể có bốn móng, con kia có hai. Cũng có thể một con có năm móng, con kia có một. Nếu ta lấy hai móng trong số tám móng của hai con mèo thì có thể một con còn lại sáu móng. Nhưng rất có thể một con không còn móng nào.”

Đang đọc Michelle bỗng ngưng lại: “Tôi không hiểu làm cách nào người ta có thể lấy móng từ chân con mèo. Chắc là cắt móng nó chứ lấy thế nào được?”

“Michelle!” Gabrielle kêu lên.

“Tôi cũng chẳng hiểu làm sao chân mèo lại có đến sáu móng?”

“Michelle!” Gabrielle lại kêu lên.

“Gì cơ?” Michelle hỏi bạn.

“Chị quên rồi à? Chính chị là người nói mà.”

“Cái gì?” Michelle lại hỏi.

“Tôi cam đoan với chị mục đích của mẫu đối thoại này là tạo một hiệu ứng hài hước.”

“Ừ nhỉ, đúng rồi.” Michelle sung sướng nhìn bạn. Hai cô gái nhìn vào mắt nhau, đôi môi run run vì hãnh

diện, và sau cùng miệng hai cô lại rú lên những thanh âm chói lói ở âm vực cao nhất có thể của thanh quản. Thanh âm đó lặp đi lặp lại. “Như bị ép phải cười. Cái cười buồn cười. Cười buồn cười đến nỗi họ chẳng làm được gì khác hơn là cười. Rồi tiếng cười thật bắt đầu. Từng tràng cứ thế ào ạt tuôn ra, không kèm hăm nổi, bùng vỡ, giòn giã, điên dại. Họ cười đến tận cùng của cái cười... Ôi, cười! Cười là hoan lạc, hoan lạc là cười...”

Trong khi đó Madame Raphael một mình đi lang thang trên đường phố thị trấn sát bờ Địa Trung Hải. Bất giác bà ngẩng đầu lên như thể có một giai điệu nào theo gió bay về từ cõi xa xăm, hoặc như thể một mùi hương nồng nàn từ đâu đập vào mũi bà. Bà dừng chân đứng lại, trong đầu bà bỗng vang lên tiếng thét của cái trống không nổi loạn đang đòi hỏi được lấp đầy. Bà có cảm tưởng đâu đây ngọn lửa của tiếng cười vĩ đại vẫn đang bùng cháy, có lẽ đâu đây người ta vẫn đang nắm tay nhau thành vòng tròn nhảy múa...

Bà đứng yên như thế một lúc lâu, nhìn quanh quất, trong lòng hồi hộp, đột nhiên tiếng nhạc kỳ bí tắt ngúm (Michelle và Gabrielle đã ngưng cười; hai cô mệt mỏi, chán chường vì viễn ảnh một buổi tối thiếu yêu đương), và Madame Raphael, phiền muộn và buồn bực trong lòng, không vui một cách vô cớ, lầm lũi đi trên những con phố của thị trấn biển tìm đường về nhà.

6.

Có thời tôi cũng nhảy múa trong cái vòng tròn đó. Đó là năm 1948. Cộng sản lên nắm quyền lực trên đất

nước tôi, những ông bà đảng Xã hội và đảng Thiên Chúa Dân chủ bỏ xứ ra nước ngoài tị nạn hết, và tôi nắm tay hoặc ôm vai những anh chị em sinh viên Cộng sản khác, chân nhíp nhàng hai bước tại chỗ, một bước tiến lên, đá chân trái về một phía, đoạn chân phải phía bên kia, cứ thế đều đặn gần như mỗi tháng một lần, bởi chúng tôi luôn luôn có lễ lạt ăn mừng, kỷ niệm chu niên, hay một biến cố nào khác. Họ sửa đổi, cải cách công lý cũ, ban hành công lý mới, quốc hữu hóa nhà máy, hàng nghìn người vào tù, y tế miễn phí, cửa hàng bán thuốc lá bị tịch biên, công nhân cao tuổi lần đầu tiên đi nghỉ hè được ở trong những biệt thự bị truất hữu, và trên mặt chúng tôi ai nấy nở nụ cười sung sướng. Thế rồi một hôm tôi buột miệng nói điều lẽ ra không nên nói, tôi bị đuổi khỏi đảng và phải từ bỏ cái vòng tròn.

Đó là lúc tôi hiểu ra ý nghĩa màu nhiệm của vòng tròn. Nếu bạn bỏ đi từ một hàng ngang, bạn vẫn có thể trở lại. Hàng ngang là đội hình mở. Nhưng vòng tròn là đội hình đóng, và một khi đã bỏ đi, bạn chẳng có cách nào trở lại. Không phải ngẫu nhiên mà các hành tinh đều chuyển dịch theo đường tròn, một khối đá văng khỏi hành tinh sẽ bị lực ly tâm tổng đi mãi vào không gian huyền tẫn. Tôi bỏ cái vòng tròn và cho đến bây giờ vẫn không ngừng rơi. Những kẻ trong lúc rơi lộn cổ như thế, có kẻ được cấp cho cái chết, có kẻ nát bấy lúc chạm đất. Và có những kẻ khác (trong số có tôi) luôn luôn mơ tưởng nhớ nhưng, dù chỉ thấp thoáng, những bước nhảy vòng tròn, bởi tất cả chúng ta là cư dân một vũ trụ trong đó vạn vật xoay chuyển theo đường tròn.

Đó là một buổi lễ kỷ niệm chu niên chỉ có Trời biết là lễ gì, đường phố Praha lại đông nghẹt người trẻ tuổi

đang nhảy múa thành vòng tròn. Tôi đi lang thang giữa bọn họ, đến gần lắm, nhưng tôi bị cấm, không được nhập vào bất cứ vòng tròn nào. Đó là một ngày tháng Sáu, năm 1950, Milada Horakova vừa bị treo cổ ngày hôm trước. Bà là ủy viên đảng Xã hội, bị tòa án Cộng sản tuyên án âm mưu chống phá nhà nước. Zavis Kalandra, một thi sĩ Siêu thực, bạn của André Breton và Paul Éluard, cũng bị treo cổ cùng ngày. Những người trẻ tuổi đang nhảy múa trên đường phố Praha, họ biết mới ngày hôm qua, ngay tại thành phố này, một người đàn bà và một nhà thơ Siêu thực bị treo cổ, thân xác họ lủng lẳng đong đưa dưới sợi dây thòng lọng.

Những người trẻ tuổi nhảy múa say sưa cuồng loạn hơn, bởi họ muốn chứng tỏ cho mọi người thấy sự ngây thơ của họ, sự ngây thơ trong sáng tương phản với bóng tối tội lỗi của hai kẻ bị treo cổ, những kẻ phản bội nhân dân, phản bội hy vọng của nhân dân.

André Breton không tin Kalandra là kẻ phản bội nhân dân, hay phản bội hy vọng của nhân dân mình. Từ Paris, ông kêu gọi Éluard (trong một bức thư ngỏ đề ngày 13 tháng Sáu, 1950) lên tiếng phản đối bản án khủng khiếp để cứu người bạn khỏi cái chết. Nhưng Éluard lúc đó còn đang túi bụi bận nhảy múa trong một vòng tròn khổng lồ nối liền Paris, Moskva, Praha, Warszawa, Sofia, Athens, giữa những quốc gia Xã hội chủ nghĩa và tất cả đảng Cộng sản trên thế giới, ông còn đang túi bụi bận đọc những bài thơ tuyệt hay của ông về nỗi vui sướng một vận hội mới trong tình thương yêu huynh đệ đại đồng. Sau khi đọc thư của André Breton, ông nhảy hai bước tại chỗ, một bước tiến lên, lắc đầu không chịu bênh vực kẻ phản bội nhân dân (tuần báo *Hành Động* số ra ngày 19 tháng

Sáu, 1950). Ông cất cao giọng đánh thép đọc bài thơ:

*Chúng ta sẽ lấp đầy lòng thơ ngây
Với sức mạnh chúng ta thiếu quá lâu
Chúng ta sẽ không còn cô độc.*

Tôi lang thang trên đường phố Praha, những vòng tròn thanh thiếu niên nam nữ Tiệp nói cười, nhảy múa cuồng nhiệt xung quanh tôi. Tôi biết rằng tôi không thuộc về họ, tôi thuộc về Kalandra, kẻ cũng như tôi, bị tống ra khỏi quỹ đạo và ngã, ngã, ngã cho đến khi rơi tọt vào quan tài. Mặc dù không thuộc về họ nữa, nhưng nhìn họ say sưa nhảy múa, trong lòng tôi vẫn thấy ganh tị, vẫn khao khát, và mắt tôi không rời họ được. Đó chính là lúc tôi nhìn thấy ông, ngay trước mắt tôi.

Hai tay ông ôm vai hai người khác, với câu hát hai ba nốt nhạc đơn sơ, chân trái đá một bên đoạn chân phải đá bên kia. Vâng, đúng rồi, chính là ông, Éluard thương quý của thành phố Praha! Đột nhiên mọi người im bật tiếng hát nhưng đôi chân vẫn không ngừng đưa đẩy. Thì ra ai nấy im tiếng để nghe ông đọc thơ, giọng ông hùng hồn theo nhịp giậm chân:

*Chúng ta sẽ thôi nghỉ ngơi, sẽ thôi mê ngủ,
Chúng ta sẽ vượt qua bình minh, bỏ rơi mùa xuân
Và chúng ta sẽ nấn lại ngày tháng và mùa màng
Đúng như trong giấc mơ chúng ta hằng ấp ủ.*

Và rồi mọi người lại tiếp tục câu hát đơn sơ, nhịp điệu nhảy múa càng lúc càng nhanh. Họ đang vươn lên từ cơn mê ngủ, từ cõi ngu ngơ, họ đang vượt thời gian để lấp đầy cái ngây thơ của họ. Nụ cười rạng rỡ nở

bung trên các khuôn mặt tươi trẻ và Éluard cúi xuống một cô gái ông đang ôm trong tay, nói:

“Kẻ được hòa bình chiếm hữu là kẻ luôn luôn tươi cười.”

Nghe thế cô gái cười và bắt đầu giậm chân mạnh hơn, thân hình cô bỗng từ từ nhấc lên khỏi vệ đường vài xăng-ti mét, kéo những người khác lên theo, và một lát sau không ai chân còn chạm mặt đất nữa, tất cả đang nhịp nhàng hai bước tại chỗ, một bước tiến lên, trên không trung, vâng, họ đang bay lên cao, bên trên quảng trường Wenceslaus, cái vòng tròn họ nắm tay nhau nhảy múa trông giống một vòng hoa khổng lồ đang bay trên không, dưới đất tôi chạy theo nhìn lên họ trong lúc họ bay càng lúc càng xa, chân trái đá bên này chân phải đá bên kia vẫn nhịp nhàng đều bước, và dưới này là Praha với những quán cà phê đông nghẹt thi sĩ, những nhà tù đông nghẹt người phản bội nhân dân, và từ lò hỏa thiêu nơi người ta thiêu xác một đảng viên Xã hội và một thi sĩ Siêu thực, khói bốc lên thiên đàng như một điềm lành, và tôi nghe giọng Éluard vẫn hùng hồn sắc bén:

*Tình thương yêu cho nhau
chẳng bao giờ mệt mỏi.*

Tôi chạy theo giọng đọc đó khắp phố phường để mắt không rời cái vòng hoa xán lạn đang bay trên thành phố, tôi bỗng nhận ra một điều khiến tim tôi thất lại vì buồn bã, đó là, họ thì bay như chim còn tôi thì như tảng đá rơi xuống vực thẳm, họ có cánh bay còn tôi chẳng bao giờ có.

7.

Mười tám năm sau khi bị xử tử, tên tuổi Kalandra được phục hồi, nhưng chỉ ít tháng sau xe tăng Nga tràn vào Bohemia và chẳng bao lâu hàng nghìn người bị kết tội là những kẻ phản bội nhân dân, phản bội hy vọng của nhân dân, có người bị ném vào nhà tù, nhưng hầu hết bị mất việc, và hai năm sau (tức là hai mươi năm sau khi Éluard từ quảng trường Wenceslaus bay lên không trung), một trong những người bị kết tội này (chính là tôi) viết báo phụ trách mục chiêm tinh cho một tờ tạp chí dành cho giới trẻ. Được một năm, một hôm lúc tôi đang viết bài về sao Nhân Mã, một anh thanh niên tôi chưa thấy mặt bao giờ đến gặp tôi. Không nói không rằng, anh trao cho tôi một cái phong bì, tôi xé ra đọc nhưng phải mất một lúc khá lâu tôi mới nhận ra đó là thư của R. Nét chữ trong thư tôi không nhận ra là của R. Chắc cô đã vô cùng bối rối lúc viết, và có lẽ cô cố tình viết với giọng văn cho mình tôi hiểu, ngay cả thể tôi chỉ hiểu một nửa. Điều duy nhất tôi hiểu rõ là, sau một năm trời, tung tích nhà văn của tôi đã bị phát hiện.

Vào thời điểm đó tôi thuê một căn hộ nhỏ nằm trên phố Bartolomejska ở Praha. Đó là một con phố ngắn nhưng ai cũng biết bởi tất cả các khu nhà ở đây là của công an, ngoại trừ hai chung cư (căn hộ tôi ở thuộc một trong hai chung cư). Từ cửa sổ lớn phòng tôi trên lầu năm nhìn lên là tháp tòa lâu đài Hradcany, và nhìn xuống là sân trụ sở nha công an. Bên trên là chỗ các nhà vua Bohemia từng ngự trị một lịch sử huy hoàng, bên dưới là nơi phơi phóng một lịch sử những tù nhân tăm tiếng. Tất cả tù nhân đều phải lê bước qua khoảng sân đó, Kalandra và Horakova, Slansky và

Clementis, rồi các bạn tôi Sabata và Hubl.

Anh thanh niên (mọi điều về anh cho thấy anh phải là hôn phu của R.) đảo mắt nhìn quanh quất, khi biết chắc không ai theo dõi mới dám vào phòng. Anh sợ công an đặt máy vi âm nghe lén bên trong căn hộ, và chúng tôi ngấm ra hiệu cho nhau bước ra ngoài nói chuyện. Thoạt đầu chúng tôi yên lặng đi cạnh nhau, mãi khi đến đường Narodni đầy tiếng động ồn ào anh mới bảo tôi R. muốn gặp riêng tôi, và một người bạn anh mà tôi không biết là ai, đã đồng ý cho chúng tôi mượn căn hộ ở ngoại ô làm điểm hẹn cho buổi gặp bí mật này.

Ngày hôm sau tôi đáp xe điện ra ngoại thành Praha, hai tay tôi tê cóng vì cái lạnh tháng Chạp. Ngoài này toàn chung cư, chín mười giờ sáng phố sá vắng vẻ không một bóng người. Nhờ anh thanh niên dặn dò chỉ đường kỹ, tôi tìm ra khu nhà, lấy thang máy lên lầu tư, dò tên họ ghi trên cánh cửa và tìm ra đúng căn hộ. Tôi bấm chuông. Không nghe tiếng động nào bên trong. Đợi một lát vẫn không ai ra mở cửa, tôi bấm lần nữa nhưng vẫn không một bóng người xuất hiện. Chờ mãi không thấy ai tôi bỏ xuống đường đi loanh quanh cả nửa tiếng đồng hồ trong cái lạnh mùa đông. Tôi chờ R. trễ giờ hẹn và không chừng tôi sẽ gặp cô đi từ trạm xe điện đến đây. Nhưng chờ mãi vẫn không thấy R., tôi lại lấy thang máy lên lầu tư. Tôi bấm chuông lần nữa. Vài giây sau tôi nghe tiếng nước giọt cầu. Ngay giây phút đó tôi có cảm tưởng như có ai vừa đổ thùng đá lạnh lên người tôi. Cơ thể tôi cảm nhận được tình trạng của cô gái trẻ, cô không mở cửa được vì quá khiếp sợ và cứ phải đi tiểu luôn.

Lúc ra mở cửa, da mặt cô xanh tái nhưng vẫn nở nụ cười chào tôi, gượng gượng vui vẻ như những lần gặp

khác. Cô đùa bảo tôi cuối cùng anh em mình cũng có một không gian riêng như thế này. Chúng tôi ngồi xuống nói chuyện và cô bảo cô vừa bị công an mời lên làm việc. Họ thẩm vấn cô cả ngày trời. Hai giờ đầu họ hỏi cô toàn những chuyện vu vơ, khiến cô cảm thấy thoải mái đến nỗi cô đùa bảo chẳng lẽ họ bắt cô nhịn ăn trưa chỉ để nói những chuyện vớ vẩn ấy sao. Ngay lúc đó họ hỏi cô: Vậy thì, hỡi cô R. quý mến, ai là người viết mục chiêm tinh cho tờ tạp chí của cô? Cô lúng túng trả lời bảo đấy là một nhà vật lý học danh tiếng mà danh tính ông cô không thể tiết lộ. Họ hỏi cô: Cô biết ông Kundera không? Có, cô trả lời cô biết tôi. Biết ông ấy thì có gì sai trái không? Họ đáp: Chẳng có gì sai trái cả, nhưng cô có biết ông Kundera thích nghiên cứu chiêm tinh không? Cô bảo cô chẳng biết tí gì chuyện đó. Cô không biết thật ư? Họ cười hỏi lại cô. Cả Praha này ai cũng biết chuyện đó mà cô bảo cô không biết tí gì, là thế nào? Cô lại kể lể về nhà vật lý học, đang nói nửa chừng thì một trong mấy gã công an thẩm vấn bỗng quát lên: Cô không được nói dối quanh nữa!

Thế là cô đành khai sự thật. Cô nói bộ biên tập tờ tạp chí muốn có một cột báo chiêm tinh thú vị nhưng không biết tìm ai phụ trách, tình cờ R. quen tôi và nhờ tôi giúp. Cô biết chắc cô không vi phạm luật pháp khi làm thế. Họ bảo cô đúng, cô không vi phạm luật pháp nào cả, cô chỉ vi phạm điều lệ nội trị cấm, không được làm việc với kẻ có tội, kẻ đã lạm dụng lòng tin của đảng và nhà nước. Cô cố biện minh mình không có gì nghiêm trọng xảy ra: ông Kundera viết bài dưới một bút danh giả và như thế không ai bị xúc phạm. Còn về tiền thù lao cho ông Kundera thì chẳng đáng nhắc ra ở đây. Một lần nữa, họ bảo cô đúng: không có gì nghiêm

trọng và họ sẽ chỉ thảo một biên bản về chuyện này rồi cô ký tên vào. Chỉ thế thôi và sau đó cô không cần bận tâm gì nữa.

Cô ký tên vào tờ biên bản, hai hôm sau ông tổng biên tập gọi cô vào tuyên bố cô bị đuổi việc, ngay tức khắc. Ngay hôm bị đuổi việc, cô đến đài phát thanh, nơi cô có vài người bạn xưa nay vẫn gọi cô sang cộng tác. Họ niềm nở tiếp cô nhưng ngày hôm sau trở lại điền giấy tờ thì giám đốc phòng nhân viên, người vẫn quý mến cô bấy lâu, ra bảo cô với giọng tuyệt vọng: “Cô bé ơi, thật là một việc làm hết sức ngu xuẩn cô đã làm, cô biết không? Chính cô đã làm hại cuộc đời cô. Tôi không làm gì được cho cô đâu.”

Thoạt đầu cô chưa muốn nói chuyện với tôi bởi cô hứa với công an là cô sẽ không nói với bất cứ ai nửa lời về vụ thẩm vấn. Nhưng khi bị gọi lên làm việc lần nữa (mai cô đi gặp họ), cô quyết định lén gặp tôi để hội ý với nhau cho câu chuyện ăn khớp trong trường hợp tôi cũng bị gọi.

Xin hiểu R. là một thiếu nữ can đảm, nhưng cô còn trẻ và thiếu kinh nghiệm sống. Cô vừa bị cú đánh đầu tiên trong đời, một cú đánh phủ đầu bất ngờ và cô không hiểu tại sao mình bị, suốt đời cô sẽ không bao giờ quên. Tôi bỗng nhận ra tôi bị chọn làm kẻ đưa tin dữ cho mọi người, và tôi bắt đầu sợ hãi chính tôi.

Cô hỏi tôi, cổ họng như tắc nghẹn: “Anh có nghĩ là họ biết về một nghìn đồng tiền thù lao lá số tử vi anh nhận của lão tổng biên tập không?”

“Em đừng lo. Một kẻ từng ở Moskva cả ba năm trời nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin sẽ không đời nào dám thú nhận mình đi xin lá số tử vi.”

Cô gái cười, và mặc dù tiếng cười của cô kéo dài không quá nửa giây, nó vang vọng trong tai tôi như

một hứa hẹn tạm thời cho sự cứu rỗi. Bởi đây chính là tiếng cười tôi muốn nghe lúc tôi viết những bài ngăn ngăn vớ vẩn về Song Ngư, Xử Nữ, Dương Cưu... Nó chính là tiếng cười mà lúc cầm bút viết tôi tưởng tượng sẽ là phần thưởng cho tôi, nhưng nó đã không bao giờ đến, không thấy nó nơi đâu, bởi khắp thế gian lúc đó thiên sứ đang chiếm cứ tất cả các địa vị quyền lực, tất cả các văn phòng lãnh tụ, cánh hữu cánh tả, đều có thiên sứ ngự trị, Ả Rập lẫn Do Thái, những lãnh tụ Nga Xô, những ông bà bất đồng chính kiến với chế độ Xô-viết. Từ bốn phía họ nhìn chúng tôi với cặp mắt lạnh lùng băng giá. Cái nhìn lột trần chúng tôi ra khỏi bộ áo diễn trò vui nhộn dễ thương, nó lột mặt nạ chúng tôi và gán lên chúng tôi nhãn hiệu những kẻ giả mạo thảm thương, những kẻ làm việc cho một tờ tạp chí dành cho giới trẻ trong một quốc gia Xã hội chủ nghĩa mà không hề tin tưởng chút gì về giới trẻ hay Xã hội chủ nghĩa, những kẻ cả gan lấy lá số tử vi cho ông tổng biên tập rồi đem cả ông tổng biên tập lẫn lá số ra làm trò cười với nhau, những kẻ chỉ biết lo cắm đầu cắm cổ vào những chuyện vớ vẩn tạp nham trong khi cả thế giới xung quanh (tả và hữu, Ả Rập và Do Thái, lãnh tụ và ly khai) đang miệt mài tranh đấu cho tương lai nhân quần. Chúng tôi có cảm tưởng sức nặng của cái nhìn từ họ đang biến chúng tôi thành côn trùng và sẽ bị gót giày của họ dè bẹp dí.

Trấn át nỗi lo sợ, tôi cố bày những câu trả lời hợp tình hợp lý nhất cho R. để mai cô đi gặp công an. Trong lúc nghe tôi nói, mấy lần cô đứng dậy vào toa-lét. Lần nào quay trở ra sau tiếng nước giội cầu, gương mặt cô cũng hiện nét ngượng ngùng hốt hoảng. Cô gái can đảm đó, nỗi lo sợ khiến cô thấy xấu hổ. Một phụ nữ phẩm giá thấy xấu hổ vì cứ phải đi tiểu luôn trước

mặt một người lạ.

8.

Trên dưới hai mươi cô cậu sinh viên thuộc nhiều quốc tịch khác nhau ngồi trong lớp học chăm chú nhìn lên Michelle và Gabrielle. Hai cô đang đứng trước bục giảng chỗ Madame Raphael ngồi sau bàn giấy. Trên tay mỗi cô cầm một xấp giấy bài thuyết trình ngày hôm nay và một món vật hình thù kỳ dị làm bằng các-tông và sợi dây cao su.

“Chúng tôi sẽ thuyết trình trước lớp về vở kịch *Rhinoceros* của Ionesco,” Michelle nói xong, hơi cúi đầu đoạn đưa món vật hình thù như cái sừng làm bằng những mảnh các-tông nhiều màu dán keo vào nhau lên mũi mình rồi trông sợi dây cao su sau gáy. Gabrielle cũng làm như bạn mình. Xong, hai cô quay mặt lại nhìn nhau không ai bảo ai cùng ré lên một tràng thanh âm chói lói.

Cả lớp hiểu ra ngay hai cô gái đang cho mọi người thấy, thứ nhất, tê giác có sừng chứ không phải mũi và, thứ hai, vở kịch của Ionesco có tính hài. Hai cô quyết định biểu hiện hai ý tưởng này chẳng những bằng bài thuyết trình mà trên hết còn qua hành động của chính thân thể mình.

Cái sừng bằng các-tông nhiều màu trên mặt Michelle và Gabrielle không ngót lắc lư khiến lớp học thấy vừa thương hại vừa ngưỡng cho hai cô gái, như thể đây là người đứng trước lớp học giơ cánh tay cụt của mình lên khoe.

Chỉ có Madame Raphael là thấy cảm phục cảm hứng sáng tạo của hai cô học trò yêu, bà biểu lộ sự đồng tình

bằng cách cũng ré lên tràng âm thanh chói lói của riêng bà.

Cảm thấy hài lòng, hai cô gật gật cái mũi dài ngoằng, đoạn Michelle bắt đầu đọc phần thuyết trình của cô.

Trong lớp có một cô gái người Do Thái tên Sarah. Trước đó vài hôm, cô này hỏi mượn hai cô gái Mỹ cuốn tập ghi chép (trong lớp ai cũng biết hai cô ghi chép không thiếu một lời giảng của Madame Raphael), nhưng hai cô không chịu cho mượn: “Ai bảo chị trốn học ra biển chơi!” Từ hôm đó, Sarah thù ghét hai cô lắm và đây là cơ hội thật tốt cho cô hạ nhục hai cô gái Mỹ.

Michelle và Gabrielle thay phiên nhau thuyết trình bài phân tích vở kịch *Rhinoceros*. Cái sừng dài bằng các-tông cụp lên cụp xuống trên mặt hai cô như thể nó đang van nài ai điều gì. Sarah thấy bỏ qua dịp này rất uổng bèn lợi dụng lúc Michelle ngưng nói để ra hiệu cho Gabrielle thay phiên tiếp tục bài thuyết trình, cô đứng dậy tiến về trước lớp. Thay vì nói tiếp phần của mình, Gabrielle lại chìa cái mũi giả về hướng Sarah và đứng đó há hốc miệng. Đến gần, Sarah đi vòng ra sau lưng hai cô gái Mỹ (như thể cái mũi trĩ đầu mình xuống quá nặng đến nỗi hai cô không thể ngoái lại xem cô kia đang định giở trò gì), từ đằng sau cô lui lại vài bước lấy thế rồi phóng chân đạp thật mạnh vào mông Michelle một cú, đoạn cô làm y như thể nhắm trúng mông Gabrielle mà đạp. Xong, cô yên lặng, đường bệ bỏ về lại chỗ ngồi.

Choáng váng, cả lớp đột nhiên im phăng phắc.

Rồi nước mắt chảy dài trên mặt Michelle và Gabrielle.

Rồi cả lớp phá lên cười, cười như chợ vỡ, cười như chưa bao giờ được cười.

Rồi Sarah ngồi xuống ghế.

Rồi đến phiên Madame Raphael. Thoạt tiên vì quá bất ngờ bà sững sờ đến đờ đẫn cả người trong giây lát, nhưng rồi bà nhận ra hành động can thiệp của Sarah là một phen cảnh, mặc dù có tính cách nghịch ngợm của học trò, nhưng được chuẩn bị chu đáo với chủ ý giới thiệu lên chủ thể bài phân tích (diễn giải một tác phẩm nghệ thuật không ngưng lại ở phương cách tiếp cận lý thuyết truyền thống, mà cần một đường lối tiếp cận cách tân, đọc bằng phương tiện của tri hành, của hành động, của cái đang xảy ra). Nghĩ như thế và bởi không thấy nước mắt trên gương mặt hai cô học trò yêu đang chảy dài (đứng nhìn xuống lớp, hai cô day lưng lại bà), bà ngửa đầu ra sau phá lên tràng cười sảng khoái tán thành diễn trình độc đáo có một không hai đó.

Nghe bà giáo mình hăng yêu kính cười phía sau lưng, Michelle và Gabrielle cảm thấy như bị phản bội. Nước mắt hai cô càng tuôn ra dữ dội như vòi nước. Sự ô nhục ê chề đến nỗi hai cô vặn vẹo thân hình như thể ruột gan mình quặn thắt.

Madame Raphael thấy hai cô học trò yêu vặn vẹo thân hình lại tưởng họ đang nhảy múa, thế là ngay lập tức bà phóng ra khỏi ghế ngồi, như thể có sức mạnh nào đó mãnh liệt hơn cái trọng lực nghề giáo đẩy bật bà lên. Bà cười như điên dại, cười đến chảy nước mắt, hai cánh tay bà dang rộng, thân hình ngã nghiêng, đầu lắc lư trên cần cổ như cái chuông nhà thờ lộn ngược đổ liên hồi do người kéo chuông kéo quá mạnh. Tiến lại gần hai cô gái đang vặn vẹo, bà nắm lấy tay Michelle. Lúc này ba người hướng xuống lớp học, và cả ba đều vặn vẹo, nước mắt giàn giụa. Madame Raphael đi hai bước tại chỗ, đá chân trái về một phía, đoạn chân phải phía bên kia, và hai cô gái gượng gạo

bắt chước làm theo. Nước mắt làm ướt nhẹp cái mũi các-tông, hai cô vừa vịn vẹo vừa giậm chân tại chỗ. Rồi *Madame le professeur* nắm lấy tay Gabrielle, họ làm thành vòng tròn và cả ba, tay trong tay, chân bước tại chỗ, đoạn đá sang bên trái, sang bên phải, gương mặt nhăn nhó của hai cô gái Michelle và Gabrielle đang từ khóc biến thành cười.

Ba người đàn bà, một già hai trẻ, cứ thế vừa nhảy vừa cười, hai cái mũi các-tông lắc lư, lớp học há hốc miệng nhìn, họ không tin vào đôi mắt mình. Nhưng lúc này ba người đàn bà đâu còn biết đến ai khác nữa, họ tập trung cả vào chính họ và cảm giác kỳ diệu họ đang trải nghiệm. Đột nhiên Madame Raphael giậm chân mạnh hơn và thân hình bà từ từ nhấc vài xăng-ti mét lên khỏi sàn lớp học, kéo theo hai cô gái. Giây lát sau cả ba đã cách xa mặt đất và quay cuồng trên cao. Lúc mái tóc họ chạm trần nhà, bỗng nhiên một lỗ hổng từ từ mở ra, và qua cái lỗ hổng đó, ba thân hình càng lúc càng bay cao lên không trung, không thấy hai cái mũi các-tông đâu nữa mà chỉ thấy lỗ hổng với ba đôi giày đá tới đá lui. Sau cùng thì chẳng thấy gì nữa, đám sinh viên ngồi chờ đợi bên dưới chỉ còn nghe thấy tiếng cười càng lúc càng xa, vắng vắng vọng xuống từ cõi cao của ba tổng lãnh thiên sứ.

9.

Cuộc gặp gỡ giữa tôi và R. tại căn hộ nọ đã cho tôi một quyết định dứt khoát. Chỉ từ lúc đó tôi mới nhận ra sự thật: tôi là đầu mối tai họa cho những người tôi yêu quý, tôi không nên sống trong cùng một môi trường với họ nếu tôi không muốn họ bị hãm hại, và giải pháp

duy nhất tôi có thể thực hiện được là bỏ xứ ra đi.

Nhưng tôi cũng có một lý do khác để nhớ lại lần gặp cuối cùng với R. Trước đó tôi luôn luôn có tình cảm tốt đẹp với người phụ nữ trẻ tuổi này, một tình cảm trong sáng, không hề bợn chút tà tâm. Như thể thân thể cô luôn luôn được che đậy bởi một trí tuệ sáng láng, một nhân cách khiêm cung, và một phong cách ăn mặc có phẩm vị. Chẳng bao giờ cô để lộ kẽ hở nhỏ xíu nào cho tôi thấy cái trần truồng bên trong. Nhưng bây giờ, đột nhiên, sự sợ hãi như con dao sắc của gã bán thịt tàn nhẫn rọc phanh cô ra. Nhìn cô ngồi trước mắt tôi có cảm tưởng như nhìn một tảng thịt bò treo trên móc hàng bán thịt. Chúng tôi ngồi cạnh nhau trên chiếc đi-văng trong căn hộ mượn tạm làm chỗ gặp, nghe tiếng nước gội cầu trong toa-lét, lòng tôi bỗng nổi cơn thèm khát rồi dại muốn làm tình với cô. Chính xác hơn: cơn thèm khát rồi dại muốn hãm hiếp cô. Tôi muốn nhảy chồm lên cô, chiếm đoạt cô, bằng một động tác ôm ấp với tất cả những mâu thuẫn kích thích không kham nổi nơi con người cô, mâu thuẫn giữa bộ y phục tuyệt hảo cô mặc trên người và hệ bài tiết rối loạn bên trong, mâu thuẫn giữa lý trí và khiếp sợ, mâu thuẫn giữa tự hào và nhục nhã. Đối với tôi, hình như ẩn nấp bên dưới những mâu thuẫn này là bản chất thật con người cô, kho tàng đó, cục vàng ròng đó, hạt kim cương đó, nằm sâu giấu kín trong cô. Tôi muốn phá vỡ và lôi toạc nó ra. Tôi muốn chiếm ngự cô toàn vẹn, với tất cả cốt đái và một tâm hồn không biết nói sao cho vừa của cô.

Nhưng tôi chỉ thấy đôi mắt lo lắng đang nhìn tôi chăm chăm (đôi mắt lo lắng trên một khuôn mặt thông minh), đôi mắt ấy càng lo lắng bao nhiêu, tôi càng muốn hiếp cô bấy nhiêu – càng thấy mọi sự sao

phi lý, khủng điên, ô nhục, không thể hiểu nổi, không làm gì nổi.

Hôm đó, sau khi rời căn hộ bước xuống đường và một lần nữa đi giữa những khu chung cư (R. ở lại mãi một lúc lâu sau mới dám ra khỏi cửa vì sợ có người thấy đi với tôi), đầu óc tôi không suy nghĩ được điều gì ngoài cái ý tưởng mông muội muốn hiếp cô gái đáng yêu ấy. Ý nghĩ đó vẫn còn ở lại trong tôi, như con chim bị nhốt kín trong cái bao, thi thoảng thức dậy, vỗ cánh.

Cũng có thể cái ham muốn ngông cuồng điên loạn muốn hiếp cô gái chỉ đơn thuần là cố gắng tuyệt vọng cần bám víu vào bất cứ vật gì trong lúc đang rơi xuống vực thẳm. Bởi từ khi họ tổng cổ tôi ra khỏi cái vòng tròn, tôi vẫn rơi, vẫn đang rơi, và họ vẫn tiếp tục xô đẩy, nhận chìm cho tôi rơi sâu hơn nữa, xa hơn nữa, càng lúc càng xa đất nước tôi, đuổi tôi về chốn hoang vu của một thế giới nơi tiếng cười khiếp hãi của những thiên sứ vang vọng, nó thô bạo át mọi lời tôi muốn nói.

Tôi biết có Sarah ở đâu đó, Sarah cô gái Do Thái, Sarah cô em tôi, nhưng tôi biết tìm cô nơi đâu?

Chú thích của người viết:

Các trích đoạn là từ những tác phẩm sau: Annie Leclerc, *Parole de femme*, 1976; Paul Éluard, *Le visage de la paix*, 1951; Eugène Ionesco, *Rhinocéros*, 1959.

Chú thích của người dịch:

¹ Jaroslav Hašek [1883-1923]: Nhà văn Tiệp, nổi tiếng với những tác phẩm văn chương trào phúng, châm biếm.

² Giáo hội Giám Lý (Methodist Church): Một giáo phái Tin Lành có xuất xứ từ Anh quốc, thế kỷ XVIII.

PHẦN IV

Những cánh thư thất lạc

1.

Tôi nhắm tính mỗi giây đồng hồ trên mặt đất này có hai hoặc ba nhân vật hư cấu được rửa tội. Đó là lý do vì sao tôi luôn luôn lưỡng lự, chẳng muốn gia nhập cái đám Giảng Báp-tít đông khủng khiếp đó. Nhưng tôi làm gì được? Đẳng nào tôi cũng phải đặt tên cho các nhân vật của tôi. Lần này, để chắc chắn nhân vật nữ tôi sáng tạo là của tôi chứ không ai khác (tôi dính dáng đến cô nhiều hơn bất cứ ai), tôi sẽ đặt cho cô một cái tên xưa nay chưa người đàn bà nào có: Tamina. Tôi hình dung cô là người đàn bà đẹp, dáng người cao, ba mươi ba tuổi, gốc gác ở Praha.

Tôi thấy cô đi trên đường phố một tỉnh lỵ nhỏ bé miền tây châu Âu. Vâng, bạn nhận xét đúng: tôi nêu rõ Praha, tên miền đất xa tít tắp trong khi nơi chốn câu chuyện đang thuật thì tôi không cho bạn biết nó tên gì, chính xác nằm nơi đâu. Điều đó phá vỡ quy luật viễn cảnh, nhưng bạn đành phải chấp nhận thôi.

Tamina hầu bàn tại một quán cà phê nhỏ do một cặp vợ chồng làm chủ. Bán cà phê không khá lắm nên anh chồng phải kiếm việc làm thêm bên ngoài và họ thuê Tamina vào thế chỗ. Sự khác biệt giữa tiền lương èo uột của anh chồng và tiền lương èo uột hơn họ trả Tamina là thu nhập ít ỏi của vợ chồng chủ quán.

Tamina bùng cả phê và rượu táo cho khách uống (quán chẳng bao giờ đông khách, thông thường chỉ ngồi kín một nửa) xong, về ngồi sau quầy. Tại quầy gần như lúc nào cũng có người ngồi tán chuyện với cô. Gần như ai cũng thích chuyện trò với Tamina. Bởi cô biết nghe người khác nói chuyện.

Nhưng có thật cô biết nghe người khác nói chuyện không? Hay cô chỉ chăm chú, im lặng nhìn người nói? Tôi không biết, nhưng điều đó chẳng hề chi. Điều quan hệ là cô không ngắt lời người nói. Bạn biết đấy, khi hai người đối thoại, một người đang nói thì người kia chen vào: “Tôi cũng thế, tôi...” và lập tức thao thao bất tuyệt nói về mình cho đến khi người thứ nhất tìm được cơ hội chen vào cũng với câu “Tôi cũng thế, tôi...”

Câu “Tôi cũng thế, tôi...” nghe như tiếng vọng ưng chuẩn, là cách người ta nối tiếp ý tưởng kẻ khác, nhưng đó là ảo tưởng: nó thật ra là một phản kháng thô bạo nhằm chống lại một hành vi thô bạo khác, một cố gắng giải thoát lỗi tai ta để không bị tra tấn nữa và sử dụng sức mạnh tra tấn lại lỗi tai kẻ kia. Bởi toàn bộ cuộc sống con người với nhau chẳng là gì khác hơn bãi chiến trường nơi người ta tra tấn lỗi tai nhau. Bí quyết Tamina được mọi người ưa thích là cô không thích nói về mình. Kẻ nào muốn tra tấn lỗi tai cô, cô chịu khuất phục, không bao giờ nghe cô nói: “Tôi cũng thế, tôi...”

2.

Bibi trẻ hơn Tamina mười tuổi. Gần năm trời nay, ngày này sang ngày khác, cô không ngớt kể lể về mình

với Tamina. Cách đây không lâu (đó chính là lúc câu chuyện bắt đầu), cô bảo Tamina vợ chồng cô đang chuẩn bị sang Praha nghỉ hè.

Nghe vậy, Tamina như tỉnh giấc sau nhiều năm ngủ mê. Bibi tiếp tục nói và trái với thói quen thường lệ, Tamina ngắt lời cô:

“Bibi, em về Praha, chị nhờ em ghé nhà mẹ chồng chị lấy cho chị một gói đồ, được không? Không lớn lắm đâu, chỉ là một gói nhỏ, nằm gọn trong va li em.”

“Em làm bất cứ cái gì cho chị!” Bibi sốt sắng trả lời.

“Chị cảm ơn em vô cùng.”

“Chị yên tâm, em sẽ làm đúng lời chị dặn.”

Hai người đàn bà ngồi vu vơ nhắc lại thành phố Praha của quá khứ, hai gò má Tamina cứ nóng dần. Bibi bỗng đổi đề tài:

“Em muốn viết một cuốn sách.”

Tamina muốn giữ lâu bền quan hệ tình bạn này với Bibi vì cô nghĩ đến gói đồ ở Bohemia, cô lập tức vênh tai lên nghe: “Một cuốn sách? Về cái gì?”

Đứa bé gái một năm tuổi của Bibi bò lổm ngổm dưới chân ghế nơi mẹ nó đang ngồi, này giờ nó la hét ầm ĩ.

“Yên nào!” Bibi cúi xuống mắng con, đoạn cô ngược lên rít một hơi thuốc lá, mặt trầm ngâm. “Về thế giới này trong mắt em. Em sẽ viết về những gì em trông thấy.”

Đứa bé la hét càng lúc càng dữ, Tamina hỏi: “Em biết viết sách không?”

“Sao không?” Cô trả lời, mặt vẫn trầm ngâm. “Lẽ đương nhiên em phải đi thu thập ít thông tin về việc viết sách. Chị biết ông Banaka không?”

“Không. Ai thế?”

“Một nhà văn. Ông ấy sống ở quanh đây. Chắc em

phải đi gặp ông ấy.”

“Ông ấy viết về cái gì?”

“Em cũng chả biết nữa,” Bibi trả lời, rồi cô nói thêm, mặt đắm chiêu hơn: “Có lẽ em nên đọc một cuốn sách ông ấy viết.”

3.

Thay vì một tiếng kêu ngạc nhiên thích thú, giọng nói phát ra từ ống nghe điện thoại lạnh lùng hơn nước đá:

“Cô đấy hả? Cô còn nhớ đến tôi à?”

“Mẹ biết con đâu làm ra tiền. Gọi điện tốn tiền lắm, mẹ ạ.” Tamina trả lời, giọng phân trần.

“Cô có thể viết thư mà. Theo chỗ tôi biết, tem thư chỗ cô ở đâu đắt đến nỗi mua không nổi. Tôi chả nhớ lá thư cuối cùng cô viết cho tôi là lúc nào.”

Biết cuộc điện đàm với bà mẹ chồng mới câu đầu đã chẳng ra gì, Tamina bèn hỏi han bà đủ thứ chuyện, nào là sức khỏe bà dạo này ra sao, cuộc sống bà có gì vui không. Mãi sau cô mới thu hết can đảm nói: “Mẹ, con có việc nhờ mẹ. Lúc chúng con rời xứ ra đi, chúng con có để lại một gói đồ nhờ mẹ cất giữ.”

“Một gói đồ? Đồ gì?”

“Vâng ạ, một gói đồ, mẹ và Pavel cất nó trong cái bàn giấy cũ của bố, cậu ấy nhét vào ngăn kéo rồi khóa lại, mẹ nhớ cái bàn giấy cậu ấy có một ngăn kéo riêng không? Đoạn cậu ấy giao chìa khóa cho mẹ giữ.”

“Tôi chả giữ cái chìa khóa nào cả.”

“Con biết chắc mẹ giữ. Rõ ràng Pavel giao cho mẹ, hôm ấy con đứng ngay đấy mà.”

“Cô chả giao cho tôi cái gì cả.”

“Chắc mẹ quên đấy, dễ thường có đến mấy năm rồi.

Con xin mẹ cố tìm ra cái chìa khóa. Con chắc mẹ sẽ tìm thấy.”

“Cô muốn tôi làm gì nếu tôi tìm thấy?”

“Mẹ mở ngăn kéo xem gói đồ còn trong đấy không.”

“Cô cất ở đâu thì nó vẫn còn ở đấy chứ mất đi đâu mà sợ. Chính tay cô cất mà, phải không?”

“Dạ, vâng.”

“Việc gì tôi phải mở ngăn kéo ra xem. Cô nghĩ tôi làm gì với mấy cuốn nhật ký của cô, hử?”

Tamina kinh ngạc: Làm thế nào bà mẹ chồng biết cô cất nhật ký trong ngăn kéo? Cô đã cẩn thận gói tất cả vào một bao giấy và lấy băng keo bó chặt lại rồi mà. Nhưng cô không muốn để bà thấy mình tỏ vẻ kinh ngạc:

“Mẹ không cần làm gì nhiều, con chỉ nhờ mẹ xem có cái gì trong đó không, vậy thôi. Lần tới gọi điện con sẽ nói rõ hơn.”

“Cô không thể nói cho tôi biết đây là chuyện gì à?”

“Nãy giờ nói chuyện lâu rồi, tốn tiền lắm, mẹ ạ.”

Bà mẹ chồng nghe Tamina nói thế bỗng sụt sịt khóc: “Nếu tốn tiền quá thì cô đừng gọi tôi nữa.”

“Con xin mẹ đừng khóc nữa.” Tamina van nài bà, cô thuộc lòng tiếng khóc của bà. Bất kỳ khi nào muốn điều gì từ vợ chồng cô, bà đều khóc. Khóc là cách bà trút tội lên đầu lên cổ con trai và con dâu, chẳng có gì hung hãn hơn những giọt nước mắt của bà.

Ông nghe điện thoại rung lên với tiếng khóc của bà, Tamina đành nói: “Con chào mẹ, vài hôm nữa con sẽ gọi lại.”

Nói vậy nhưng cô không dám cúp máy cho đến khi bà thôi khóc và chào già từ. Nhưng tiếng sụt sịt vẫn còn dai dẳng và mỗi giọt nước mắt đều cộng vào giá tiền cú điện thoại viễn liên.

Tamina cúp máy.

“Nói chuyện gì mà lâu thế!” Bà chủ quán bảo Tamina, bà nhú mảy giờ ngón tay chỉ đồng hồ điện thoại. Bà tính tiền cú điện thoại gọi về Bohemia, Tamina thất kinh lúc nhìn con số. Suốt từ giờ cho đến kỳ lương tới, cô phải chắt bóp từng xu thôi, nhưng cô thản nhiên móc tiền ra trả, mắt không buồn chớp.

4.

Vợ chồng Tamina trốn khỏi Bohemia bằng cách đăng ký chính thức đi du lịch bờ biển Yugoslavia. Đến nơi hai người thừa lúc không ai để ý, tách khỏi đoàn du lịch và vượt qua biên giới Áo, rồi từ đó cứ nhắm hướng tây mà đi.

Để tránh bị chú ý lúc ở trong đoàn du lịch, họ chỉ xách theo mỗi người một cái va li lớn. Giờ cuối trước khi ra đi, họ bỏ lại cái gói kền càn gồm thư từ kỷ niệm hai người viết cho nhau và những cuốn nhật ký của Tamina. Bohemia là xứ bị ngoại xâm chiếm đóng nên họ sợ lúc hải quan bắt mở toang hành lý khám xét chắc chắn sẽ nghi ngờ tại sao đi nghỉ hè có hai tuần lễ mà đem theo cả thư khố đời tư làm gì. Thêm nữa, vì biết chắc sau khi công an phát hiện vợ chồng bỏ trốn, mọi đồ đạc trong căn hộ sẽ bị nhà nước tịch biên, nên họ không muốn vớt lại gói thư ở đó và đã nhờ bà mẹ cất giùm trong ngăn kéo bàn giấy, chỗ người cha lúc trước hay ngồi, và sau khi ông qua đời, chiếc bàn không ai đụng tới.

Ra nước ngoài, chồng Tamina ngã bệnh, cô chỉ biết nhìn chồng chết lần mòn. Sau khi anh qua đời, họ hỏi cô muốn chôn hay thiêu xác. Cô bảo thiêu. Họ lại hỏi

cô muốn giữ tro trong bình hay đem rải. Không nhà cửa, cô sợ sẽ phải ôm kè kè cái bình tro của chồng suốt đời như cái túi xách nên cô yêu cầu đem đi rải.

Tôi tưởng tượng thế giới càng lúc càng xây lên cao xung quanh Tamina như bức tường hình ống và cô lọt thỏm trong khoảnh vườn nhỏ xíu nằm dưới đáy. Mọc trên khoảnh vườn nhỏ xíu đó là một bông hồng duy nhất: ký ức của cô về người chồng.

Hoặc, tôi tưởng tượng cuộc sống hiện tại của Tamina (bao gồm hai động tác bưng cà phê cho khách và vênh tai nghe thiên hạ nói) là chiếc bè trôi lênh bênh vô định trên mặt nước, và cô ngồi trên đó ngoái nhìn về phía sau, chỉ phía sau mà thôi.

Sau một thời gian, cô cảm thấy tuyệt vọng bởi quá khứ càng lúc càng phai mờ. Tất cả những gì còn lại của người chồng là bức ảnh hộ chiếu của anh, bao nhiêu ảnh khác đều đã bỏ lại căn hộ bị tịch biên ở Praha. Nhìn bức chân dung thâm thương góc quần tít có con dấu đóng lên mặt (trông như ảnh tội phạm), cô thấy nó chẳng giống anh tí nào. Mỗi ngày nhìn bức ảnh cô thả hồn theo trí tưởng tượng cố gắng hình dung chồng mình nhìn nghiêng trông như thế nào, rồi nghiêng một nửa, nghiêng ba phần tư. Mỗi ngày vẽ lại trong trí óc đường sống mũi, hình dạng cái cằm của anh, Tamina không khỏi bàng hoàng hoảng sợ khi thấy ký ức mình mỗi lúc mỗi xa rời thêm, bởi bức phác họa chân dung tưởng tượng đó mỗi ngày đều có một điểm gì khả nghi, không giống thật.

Những lúc như vậy, cô cố hồi tưởng lại màu da của anh với tất cả những tí vết trên khuôn mặt như mụn cóc, mụn ruồi, tàn nhang, những đường gân nhỏ. Thật khó, gần như bất khả. Ký ức cô không cung cấp màu sắc trung thực, và bởi thế cô không tài nào tái tạo

được nước da anh. Cô đành chấp nhận một kỹ xảo tái tạo đặc biệt của riêng cô. Bất cứ lúc nào ngồi đối diện một người đàn ông, cô đều sử dụng cái đầu ông ta làm chất liệu một công trình điêu khắc: cô chăm chú nhìn ông ta, đoạn tưởng tượng ra gương mặt người chồng, cho ông ta một nước da sẫm hơn và điểm lên đó vài mụn cóc, tàn nhang, thu nhỏ kích cỡ hai lỗ tai, cho đôi mắt màu xanh nước biển.

Nhưng tất cả những cố gắng này đều cho thấy hình ảnh người chồng đã trôi tuột đi đâu mất, không bao giờ trở lại. Thuở hai người mới có nhau (anh lớn hơn cô đến mười tuổi nên đã có ít kinh nghiệm về sự kém cỏi của trí nhớ con người), anh bảo cô viết nhật ký để ghi chép lại quãng đời với nhau. Cô không chịu nghe lời anh, cô bảo làm thế tình yêu sẽ nhẹ đi. Cô yêu anh nhiều đến độ cái gì cô xem là vĩnh viễn không quên được, cô sẽ không bao giờ quên. Sau cùng vì anh nói mãi, cô khứng chịu nhưng không mấy hào hứng. Những cuốn nhật ký cho thấy điều đó: có rất nhiều trang bỏ trống, và những đoạn ghi chép thì rời rạc, sơ sài.

5.

Hai người sống với nhau ở Bohemia được mười một năm, và cô để lại nhà bà mẹ chồng mười một cuốn nhật ký. Sau khi người chồng mất ít lâu, cô mua một cuốn vở học trò và chia nó thành mười một phần. Dĩ nhiên cô nhớ và viết lại khá nhiều biến cố cùng sự việc còn đọng trong ký ức, nhưng cô không biết phải đưa những biến cố và sự việc ấy vào phần nào trong cuốn vở. Mọi thứ tự biên niên tan biến, cô chẳng thể nào

nhớ được.

Thoạt đầu cô cố đào bới trí nhớ tìm những thời điểm làm mốc dòng chảy thời gian và dựng một cái sườn để từ đó phăng ra quá khứ. Thí dụ, những kỳ nghỉ hè. Bắt buộc phải có mười một kỳ nghỉ hè cả thảy, nhưng cô chỉ nhớ có chín, còn hai kỳ khác, cô không tài nào nhớ được.

Đoạn cô lấp chín kỳ nghỉ hè đó vào mười một phần cuốn vở học trò. Cô chỉ có thể ghi chép lại chính xác những năm có biến cố đặc biệt không thể quên. Năm 1964, mẹ Tamina qua đời, một tháng sau vợ chồng cô đi nghỉ hè ở Tatras, một kỳ nghỉ hè buồn bã. Và năm sau thì xuống bờ biển Bulgaria. Cô cũng nhớ kỳ năm 1968 và năm sau, bởi đó là năm cuối cùng vợ chồng còn ở Bohemia trước khi vượt biên trốn ra nước ngoài.

Bằng cách này Tamina khôi phục phần nào trí nhớ và cô thành công ghi chép lại khá đầy đủ các kỳ nghỉ hè (mặc dù cô không nhớ hết ngày tháng), nhưng cô chẳng thể nào nhớ hết các kỳ Giáng Sinh và mừng năm mới. Mười một lễ Giáng Sinh, chỉ có hai còn nằm trong ngõ ngách trí óc cô, và mười hai lần mừng năm mới, cô chỉ nhớ năm.

Cô cũng cố lục lợi trí nhớ để lôi ra những biệt danh anh đặt cho cô. Chỉ hai tuần lễ đầu lúc mới quen nhau anh gọi cô bằng tên thật, còn từ đó về sau anh thường gọi cô bằng những cái tên ngộ nghĩnh anh nghĩ ra. Anh là cái máy chế biệt danh và đó là cách anh bày tỏ sự âu yếm với cô. Tên cũ chưa quen anh đã đặt cho cô tên mới. Suốt thời gian mười hai năm có nhau, cô có khoảng hai ba chục cái tên, mỗi tên thuộc về một quãng thời gian đặc biệt nào đó trong cuộc sống.

Nhưng làm thế nào để khám phá lại sợi dây kết nối

giữa biệt danh và nhịp điệu thời gian? Họa hoằn Tamina mới tìm thấy. Thí dụ, cô nhớ thời gian sau cái chết của mẹ ruột cô, chồng cô đã không ngớt thì thầm vào tai cô cái tên (tên của thời điểm, thời khắc đó), như thể anh muốn đánh thức cô dậy từ giấc mơ. Cô nhớ biệt danh đó và cô tự tin ghi xuống phần với tiêu đề “1964.” Nhưng tất cả các biệt danh khác bay vút ra ngoài thời gian, tự do, loạn xạ như bầy chim xổng chuồng.

Đó là lý do vì sao cô tìm mọi cách để lấy lại gói thư từ, nhật ký.

Dĩ nhiên cô biết cũng có vài điều không vui ở những hàng chữ, những ngày bất mãn, cãi vã, và thậm chí buồn chán, nhưng chẳng hề chi. Cô đâu muốn trả lại quá khứ cái thi vị của nó. Cô muốn trả lại quá khứ cái thân xác thất lạc của nó. Nung nấu trong người cô không phải ước muốn cho cái đẹp mà là ước muốn cho đời sống.

Bởi Tamina là kẻ ngồi trên chiếc bè trôi vô định và lúc nào cũng ngoái nhìn phía sau, chỉ phía sau. Toàn thể cuộc đời cô chỉ bao gồm những gì cô thấy ở đằng xa sau lưng cô. Một khi quá khứ co rút, tan rã, tan biến, cô cũng thu nhỏ lại và mất đi hình dạng.

Cô muốn lấy lại những cuốn nhật ký để cái sườn nhà mỏng manh, mà cô xây dựng trên những trang vở học trò, sẽ có bốn bức tường chắc chắn và trở thành ngôi nhà cho cô sống bên trong. Bởi nếu cơ ngơi cái ký ức xiêu vẹo của cô ngã nghiêng và sụp đổ như cái lều dựng vụng về thì tất cả những gì còn sót lại trong cuộc đời Tamina chỉ là hiện tại, và điểm vô hình đó, cái trống không đó sẽ chậm chạp đi dần về cái chết.

6.

Nếu thế tại sao cô không nhờ bà mẹ chồng gửi gói thư từ, nhật ký ấy từ lúc trước?

Ở xứ cô tất cả thư từ ra nước ngoài đều bị kiểm duyệt, đều phải qua tay công an, mật vụ. Tamina chẳng thể nào chấp nhận nỗi những gì thuộc đời tư của cô bị công an chúi mũi vào. Và thêm nữa, tên tuổi chồng cô (và cũng là tên cô) chắc chắn nằm trong danh sách sổ đen, bởi công an luôn luôn theo dõi hành vi những kẻ họ xem là thù địch của chế độ, họ muốn nắm giữ trong tay tất cả những giấy tờ, văn kiện liên quan đến những kẻ có tội với nhân dân, ngay cả những kẻ đó đã chết. (Về điểm này, Tamina không sai lầm chút nào, chúng ta chỉ bắt tử trong hồ sơ của công an.)

Bởi thế, Bibi là hy vọng duy nhất của cô, và cô sẵn lòng làm bất cứ điều gì để giữ lâu bền quan hệ tình bạn này. Nếu Bibi muốn gặp ông Banaka, Tamina nghĩ chỉ ít cô nên biết qua một cuốn sách nào đó của ông. Thật quan trọng trong lúc họ chuyện trò, cô có thể chen vào những câu đại loại như “Vâng, đấy chính là cái gì ông nói trong sách của ông,” hoặc “Ông Banaka, ông và nhân vật của ông sao mà giống nhau thế!” Tamina biết rõ trong nhà Bibi chẳng có một cuốn sách nào, vì cô không thích đọc sách. Bởi thế cô muốn tìm hiểu một chút gì đó về sách ông Banaka viết để giúp cô bạn đến gặp ông nhà văn.

Tamina bùng cả phê cho một người khách, cô hỏi anh ta: “Hugo, anh biết ông Banaka không?”

Hugo có bệnh hôi miệng, nhưng ngoài chuyện ấy ra, Tamina thấy anh ta khá dễ thương: anh là một thanh niên ít nói, hơi nhút nhát, trẻ hơn cô chừng năm tuổi. Anh đến quán mỗi tuần một lần, lúc thì chúi mũi vào

đồng sách, lúc thì nhìn Tamina ngồi sau quầy không chớp mắt.

“Có, tôi biết ông Banaka.” Anh đáp lời cô.

“Hình như ông ấy viết sách. Anh biết ông ấy viết cái gì không?”

“Tamina, cô nghe tôi nói này, chưa ai đọc bất cứ cái gì ông Banaka viết. Chỉ kẻ khùng mới đọc sách của ông ấy. Ai cũng biết ông Banaka là một nhà văn hạng hai hay hạng ba hay thậm chí hạng mười. Tin được hay không, chính Banaka là nạn nhân của sự nổi tiếng của mình, ông ta nổi tiếng là xem thường những ai đọc sách của ông.”

Cô không tìm mua sách của ông Banaka nữa mà quyết định thu xếp cho Bibi gặp ông nhà văn. Căn phòng Tamina sinh sống, ban ngày không ai ở, và để kiếm thêm thu nhập, lâu lâu cô cho một phụ nữ Nhật có chồng, và có biệt danh là Joujou, thuê làm nơi tình tự với một ông giáo sư dạy Triết có vợ. Ông giáo sư quen biết ông Banaka, và Tamina nhờ họ đưa ông Banaka lại phòng cô một hôm nào đó có Bibi lại chơi.

Lúc Bibi hay tin, cô bảo Tamina: “Có lẽ nhờ ông Banaka đẹp trai, đời sống tình dục của chị biết đâu lại thay đổi đấy.”

7.

Quả thực là Tamina không gần đàn ông bao giờ từ ngày chồng mất. Chẳng phải vấn đề nguyên tắc. Ngược lại là đằng khác, đối với cô, cái chuyện thủ tiết thờ chồng ấy xem có vẻ khô khan, và cô chẳng bao giờ tỏ ra hãnh diện về điều đó. Thế nhưng bất cứ lúc nào cô tưởng tượng ra cảnh cô cởi quần áo trước mặt một

người đàn ông (và cô hay tưởng tượng như thế) thì hình ảnh chồng cô lại hiện ra trước mắt. Cô biết cô sẽ thấy anh nếu cô thật sự làm chuyện đó, cô sẽ trông thấy mặt anh với đôi mắt anh đang nhìn cô.

Hiển nhiên điều đó không hợp lý chút nào, thậm chí phi lý, cô biết thế. Cô chẳng tin linh hồn chồng cô vẫn lơ lửng vương đâu đây trên cõi đời này sau khi chết, cô cũng chẳng hề nghĩ nếu cô có tình nhân thì lòng hoài niệm về người chồng sẽ bị thương tổn. Dẫu vậy cô chẳng làm khác hơn được.

Cô còn có trong đầu một ý nghĩ lạ lùng: Cảm sùng chồng trong lúc anh còn sống có lẽ còn dễ dàng hơn bây giờ. Chồng cô là người mạnh mẽ, vui vẻ, giỏi giang, và cô, cô cảm thấy mình yếu đuối hơn anh nhiều lắm, nên cho dù cô phản bội anh chẳng nữa thì chẳng thể nào cô có thể làm tổn thương anh.

Nhưng bây giờ mọi sự biến đổi cả. Bây giờ là lúc cô có thể làm tổn thương kẻ không có khả năng tự vệ, kẻ nằm dưới quyền sinh sát của cô như một đứa trẻ lên ba. Bởi chồng cô chết rồi, anh chẳng còn ai ngoài cô ra, không một ai trên thế gian này!

Đó là lý do vì sao lúc cô định có quan hệ ái tình với một người đàn ông khác thì hình ảnh người chồng đột nhiên hiện ra, và kèm theo đó là cảm giác đớn đau như mong ước điều gì, và với cảm giác mong ước là cảm giác buồn bã cùng cực chỉ muốn khóc.

8.

Banaka là người đàn ông với một nhân dáng xấu thê xấu thảm, và chính ông cũng cảm thấy thật khó khăn đánh thức lửa tình đã nguội tắt trong lòng một phụ

nữ. Tamina rót cho ông một tách trà, và ông lịch sự cảm ơn cô. Ngồi trong phòng Tamina, mọi người ai nấy cảm thấy thoải mái như ở nhà mình. Ông Banaka quay sang Bibi với nụ cười trên môi, bắt đầu cuộc trò chuyện lòng bông:

“Tôi đồ cô đang định viết một cuốn sách. Thế cô định viết cái gì?”

“Rất giản dị,” Bibi đáp lời ông. “Một cuốn tiểu thuyết. Về thế giới trong mắt tôi.”

“Một cuốn tiểu thuyết ư?” Ông Banaka hỏi lại giọng có vẻ không bằng lòng.

Bibi chữa ngay: “Không nhất thiết phải là tiểu thuyết.”

Ông Banaka nói tiếp: “Cô thử nghĩ xem tiểu thuyết là gì. Nó chứa đựng rất nhiều nhân vật khác nhau trong đó. Liệu cô có thể thuyết phục chúng tôi là cô biết tất cả mọi điều về các nhân vật đó không? Tức là cô phải biết nhân dáng, sắc diện họ như thế nào, họ suy nghĩ gì trong nội tâm, họ ăn mặc ra sao, gia thế họ là gì. Cô hãy tự nhận đi, mấy thứ đó đối với cô chắc chẳng thú vị chút nào.”

“Đúng thế, tôi chẳng thấy mấy thứ đó thú vị chút nào.” Bibi thừa nhận.

“Cô biết không,” ông Banaka lại nói, “tiểu thuyết là cái gì do ảo tưởng con người tạo nên. Ảo tưởng về quyền năng mình có thể thấu hiểu kẻ khác. Nhưng thử hỏi chúng ta biết gì về nhau?”

“Không gì cả.” Bibi trả lời ông.

“Đúng thế.” Joujou chen vào.

Ông giáo sư Triết gật gù ra chiều đồng ý. Ông Banaka lại nói:

“Tất cả những gì chúng ta làm được chỉ là một bản tường trình về chính chúng ta. Bất kỳ điều gì khác chỉ

là lạm dụng quyền năng, một lời dối trá.”

Bibi hào hứng đồng ý:

“Đúng thế! Quả là đúng! Tôi chẳng hề muốn viết tiểu thuyết! Chắc tại vì tôi nói chưa rõ. Tôi muốn viết về những điều ông vừa nói, viết về chính tôi, một bản tường trình về kiếp sống của chính tôi. Tôi không muốn che giấu sự kiện là đời sống tôi rất tầm thường, bình thường, như trăm ngàn người khác, nhưng không có nghĩa là tôi không bao giờ có những trải nghiệm đặc biệt.”

Ông Banaka nở nụ cười trên miệng:

“Điều đó thật ra không quan hệ. Nhìn từ phía ngoài, tôi cũng chẳng có những trải nghiệm đặc biệt bao giờ.”

Bibi kêu lên:

“Vâng! Chính xác! Nhìn từ phía ngoài, tôi cũng chẳng có trải nghiệm nào đặc biệt. Nhưng tôi có cảm tưởng là những trải nghiệm *bên trong* của tôi xứng đáng để viết ra chứ và rất có thể nó tạo thú vị cho mọi người.”

Tamina rót thêm trà vào tách cho mọi người, cô thấy vui vui trong lòng vì hai người đàn ông hạ cố từ đỉnh non thần Olympus của trí tuệ loài người lại tỏ ra rất thân thiện hòa nhã với cô bạn của cô.

Ông giáo sư Triết rít một hơi pip dài rồi nhả khói mù mịt như thể ông xấu hổ quá và muốn trốn mặt sau làn khói dày. Ông cất tiếng, giọng từ tốn:

“Kể từ khi có James Joyce, chúng ta biết rằng cuộc phiêu lưu kỳ vĩ nhất của đời sống chúng ta là sự nằm không. Ulysses, người chiến đấu tại thành Troy, tìm đường về nhà bằng cách lái thuyền dọc ngang trên mặt biển, hết biển này sang biển kia, chính chàng tự tay lái thuyền, và trên mỗi hòn đảo, chàng đều có một cô tình nhân – không, đây không phải là đường lối chúng ta

sống. Cuộc hành trình viễn du của Homer bị đem vào bên trong, nó được nội tâm hóa. Những hòn đảo xa xôi, cùng với biển cả mênh mông và những nữ nhân ngư mê hoặc chúng ta, Ithaca thống thiết kêu gọi chúng ta – nhưng ngày nay tất cả còn lại chỉ là những tiếng nói hiện hữu bên trong cái hữu thể tồn sinh nội tại của chính chúng ta.”

Bibi lại kêu lên:

“Đúng! Đó chính là cái gì tôi cảm thấy!”

Đoạn cô quay sang ông Banaka, nói:

“Và đó là lý do vì sao tôi mong được ông chỉ bảo cách thức cho tôi làm được chuyện ấy. Rất nhiều lần tôi có cảm tưởng cơ thể tôi đầy ứ những mong ước được bày tỏ cảm xúc mình. Phải nói ra. Phải khiến mọi người nghe. Đôi khi tôi như muốn nổi điên, bởi vì cảm giác ấy cào cấu tôi khiến tôi như muốn hét lên thật to. Ông Banaka ạ, chắc chắn ông phải biết điều đó. Tôi muốn diễn tả cuộc sống tôi và những gì tôi cảm nhận, mà tôi biết chắc nó là duy nhất, có một không hai trên đời, nhưng khi ngồi xuống bàn viết với tờ giấy trắng trước mặt thì tôi chẳng biết viết cái gì. Đoạn tôi nghĩ phải nhờ đến kỹ thuật. Hiển nhiên có những điều ông biết rõ mà tôi mù tịt. Ông đã viết được những cuốn sách tuyệt vời như thế...”

9.

Tôi sẽ tha cho bạn, không bắt bạn phải nghe bài thuyết giảng về nghệ thuật làm văn của hai ông Socrates dạy dỗ người đàn bà trẻ. Tôi muốn nói sang chuyện khác. Cách đây ít lâu, tôi ngồi trong một chiếc tắc xi chạy xuyên đô thành Paris. Tài xế là một ông lấm mồm, ông

bảo ông bị bệnh mất ngủ kinh niên, không đêm nào ngủ được. Ông bị như thế từ sau chiến tranh. Thời chiến ông là một thủy thủ. Tàu đắm. Ông bơi ba ngày ba đêm. Rồi được cứu. Suốt mấy tháng trời ông sống giữa cái sống và cái chết. Ông hồi phục nhưng sau đó thì hoàn toàn mất ngủ, không bao giờ nhắm mắt ngủ yên được nữa.

Ông mỉm cười bảo tôi: “Tôi có hơn ông cả một phần ba cuộc sống.”

“Thế ông làm gì với một phần ba thời gian thặng dư đó?” Tôi hỏi lại ông.

“Tôi viết.”

Tôi hỏi ông viết cái gì.

Ông viết về cuộc đời của ông. Chuyện người đàn ông bơi ba ngày ba đêm ngoài biển cả, kẻ chiến đấu với cái chết, mất khả năng ngủ nhưng vẫn bảo tồn sức mạnh để sống tiếp.

“Ông viết cho con cháu ông đọc à? Như một giai thoại trong gia đình?”

Ông cố giấu nụ cười chua chát: “Con cháu tôi mà đọc cái gì. Bọn chúng nào có màng gì đến chuyện ấy. Tôi đang viết một cuốn sách. Tôi nghĩ có thể nó sẽ hữu ích cho nhiều người.”

Mẫu đối thoại với người tài xế tắc xi đột nhiên làm tôi thấy sáng tỏ cái cốt yếu của công việc người viết văn. Ta viết sách bởi con cháu ta không thèm quan tâm đến ta. Ta đem chính ta ra hướng về một thế giới vô danh chỉ vì các bà vợ bịt tai không muốn nghe ta nói gì.

Bạn có thể nói rằng bác tài xế tắc xi đó không phải nhà văn, mà là một thư cuồng. Do đó chúng ta cần xác quyết các khái niệm sao cho chuẩn xác. Một phụ nữ viết cho người yêu mình mỗi ngày bốn lá thư không

phải là thư cuồng. Cô là một người tình. Nhưng anh bạn tôi, người làm phóng ảnh tất cả những lá thư tình của anh để ngày nào đó xuất bản, là một thư cuồng. Thư cuồng không phải cuồng tử viết thư từ, nhật ký, hay hệ phả (viết cho chính mình hay người thân), mà là cuồng tử viết sách (để công chúng gồm những người không quen biết đọc). Ở ý nghĩa đó, bác tài xế tắc xi và Goethe cùng chia sẻ một đam mê. Cái làm Goethe khác bác tài xế tắc xi không phải sự khác biệt trong đam mê mà là kết quả khác biệt trong đam mê của mỗi người.

Thư cuồng (cuồng tử viết sách) tất yếu sẽ gây nên một trận đại dịch tràn lan khủng khiếp một khi xã hội triển khai đến mức điểm này sinh ra ba điều kiện cơ bản sau:

- (1) Cuộc sống tổng thể trở nên sung túc ở mức độ cao, nó cho phép người ta chuyên chú vào những việc làm vô bổ;
- (2) Xã hội nguyên tử hóa ở mức độ cao, dẫn đến hậu quả cá nhân bị cô lập;
- (3) Xã hội không có những biến đổi khốc liệt bên trong đời sống quốc gia. (Từ quan điểm này, tôi thấy hình như đây là triệu chứng của nước Pháp, nơi gần như chẳng có biến cố gì xảy ra, và so với Do Thái thì số nhà văn nhiều gấp hai mươi một lần. Và lại, Bibi đã rất đúng khi cô bảo rằng nếu *nhìn từ phía ngoài*, cô chẳng bao giờ có những trải nghiệm đặc biệt. Động cơ chính yếu thúc đẩy cô viết chỉ là sự trống vắng của một nội dung thiết yếu, nó là cái khoảng không thình lặn khiếp hãi.)

Nhưng với cú quật trả lại, cái quả ở đây ảnh hưởng tới cái nhân. Sự cô lập tổng thể khiến nảy sinh ra thư cuồng, và thư cuồng tổng thể hóa khiến sự cô lập gia tăng và trở nên tồi tệ hơn. Phát minh máy in trước đây giúp người ta thông hiểu nhau hơn. Trong kỷ nguyên thư cuồng phổ quát, viết sách mang một ý nghĩa trái ngược: mỗi con người bị vây khốn giữa rừng chữ của chính hắn như bức tường lắp kính vây bọc xung quanh, bất cứ tiếng nói nào từ phía ngoài cũng bị cách âm, và không hề lọt vào tai hắn.

10.

Một hôm trong lúc ngồi nói chuyện vãn trong quán cà phê ế khách, Hugo bảo Tamina: “Tamina, tôi biết tôi chẳng bao giờ tán tỉnh được cô, vì thế tôi sẽ không bao giờ giở trò gì với cô, nhưng cô nhận lời đi ăn trưa với tôi Chủ nhật này nhé, chẳng có gì phải nghĩ ngợi, chỉ là một bữa ăn.”

Gói thư vẫn nằm trong nhà bà mẹ chồng ở cái tỉnh lị xa xôi ấy, và Tamina trong dạ bồn chồn làm thế nào để đưa nó đến nhà cha cô ở Praha cho Bibi về lấy đem sang đây cho cô. Thoạt đầu cô nghĩ chỉ một chuyện còn con như thế thì có gì là phiền toái cơ chứ, nhưng sự thật là cô đã phải tốn khá nhiều thời gian và tiền bạc thuyết phục hai người già lắm cẩm này làm việc cô nhờ. Gọi điện về tốn tiền lắm, mà Tamina kiếm tiền chỉ vừa đủ trang trải tiền ăn tiền ở hằng tháng.

“Được chứ,” Tamina đáp lời Hugo, cô chợt nhớ ra anh chàng trong nhà có điện thoại riêng.

Anh chàng lái xe đến đón Tamina và hai người trực chỉ một nhà hàng ăn vùng quê.

Hoàn cảnh bấp bênh không mấy tương lai của Tamina lẽ ra phải thuận lợi cho Hugo đóng vai kẻ chinh phục, nhưng đằng sau người phụ nữ làm nghề bùng cà phê cho khách với đồng lương chết đói, anh nhìn Tamina, một phụ nữ người nước ngoài, góa chồng, như một trải nghiệm ẩn hiện sau bức màn kỳ bí. Anh cảm thấy ngại ngùng. Sự tử tế của Tamina như cái áo giáp chống đạn. Anh muốn cô chú ý anh, muốn thu hút cô, muốn đi vào tâm tư cô!

Anh gắng hết sức làm bất kỳ điều gì cho cô vui. Trên đường đi, anh tạt xe vào một khu thảo cầm viên tọa lạc trong khuôn viên một tòa lâu đài vùng quê tuyệt đẹp. Hai người bỏ xe ra đi bộ giữa bầy khỉ và két trong một không gian những tòa tháp xây kiểu Gô-tích. Ngoài họ ra chẳng có ai khác ngoại trừ ông lão làm vườn đang quét lá phủ đầy lối đi rộng rãi. Đi ngang một con sói, một con hải ly, và một con hổ, họ đến một khu đất rộng có hàng rào kẽm bao quanh, nơi bầy đà điểu đang đứng.

Có cả thấy sáu con đà điểu. Thấy Tamina và Hugo bước tới, bọn chúng xôn xác chạy ùa lại, cả lũ chen lấn nhau ép thân hình vào hàng rào, thò những cái cần cổ dài ngoằng ngoằng, nhìn trân trối hai người trong lúc mở quác ra đóng mở liên hồi. Hình như chúng đang tranh nhau muốn nói cái gì, những cái mở dài, rộng. Thế nhưng những cái mở đóng mở liên hồi ấy lại không hề phát ra tiếng kêu nào. Hoàn toàn câm, không một âm thanh, dù rất nhỏ.

Bầy đà điểu trông như những kẻ đưa tin biết rõ một nguồn tin quan trọng nhưng thanh quản đã bị kẻ thù cắt phăng trên đường đi, và khi đến nơi báo tin thì chẳng làm được gì ngoài đóng mở cái miệng câm.

Tamina sững sờ nhìn bầy đà điểu, chúng lại càng rối

rít hơn. Đoạn, hai người bỏ đi, thấy thế chúng bèn chạy dọc theo hàng rào, mở quét lắc cắc lên kềm mắt cáo như thể muốn cảnh báo hai người điều gì. Điều gì thì làm sao Tamina biết được.

11.

“Thật là quái đản, cứ y như trong truyện kinh dị không bằng,” Tamina nói trong lúc tay cắt miếng pa-tê. “Tôi có cảm tưởng như mấy con đà điểu đó cố nói với tôi chuyện gì quan trọng lắm. Nhưng là cái gì? Chúng muốn bảo tôi cái gì?”

Hugo giải thích đây là những con đà điểu còn non và chúng luôn luôn có những hành động kỳ lạ, không giải thích nổi. Lần trước anh vào chơi thảo cầm viên, chính sáu con đà điểu ấy cũng chạy ủa lại hàng rào và cũng có hành động y như hôm nay, cũng quác cái mỏ cam ra trông hết sức quái dị.

Thế nhưng Tamina vẫn thấp thỏm, không yên. “Anh biết không, lúc di cư ra nước ngoài tôi có để lại một gói đồ gồm nhiều thư từ và giấy tờ. Tôi có thể nhờ người thân gửi nó cho tôi, nhưng tôi sợ bị tịch thu. Hè này Bibi về thăm Praha. Cô ấy hứa sẽ đem gói đồ cho tôi. Nhưng bây giờ tôi cảm thấy lo sợ. Tôi linh cảm phải chăng mấy con đà điểu hồi chiều đã cố cảnh giác tôi điều gì không hay về gói đồ.”

Hugo biết vợ chồng Tamina di cư vì lý do chính trị.

“Giấy tờ trong gói đồ cô nói đó có liên quan gì đến chính trị không?” Hugo hỏi cô.

Từ lâu Tamina đã biết rằng để những người ở ngoài này hiểu bất cứ điều gì về cuộc sống cô thì cô phải đơn giản hóa nó đến mức tối đa. Sẽ rất khó khăn giải thích

cho họ hiểu vì sao những lá thư riêng tư và vài cuốn nhật ký lại có thể bị công an tịch thu và tại sao cô muốn thu hồi nó. Bởi thế cô nói: “Đúng, giấy tờ trong gói đồ có liên quan đến chính trị.”

Lời nói vừa thốt ra, cô sợ Hugo sẽ hỏi thêm chi tiết những văn kiện chính trị ấy, nhưng mối lo của cô không có căn cứ. Những người xung quanh đây có bao giờ hỏi han cô điều gì đâu. Đôi khi họ nói cho cô nghe điều họ nghĩ về cái xứ sở nơi cô sinh ra và lớn lên, nhưng họ nào muốn biết trải nghiệm đời sống cô ra sao lúc cô còn ở đó.

Hugo hỏi cô: “Bibi biết giấy tờ trong gói đồ là văn kiện chính trị không?”

“Không.”

“Tốt. Đừng cho cô ta biết. Cô ta sẽ e ngại, biết đâu đổ ý vào phút chót và không đi lấy gói đồ cho cô nữa. Tamina, cô không thể nào tưởng tượng nổi con người ta sợ hãi những điều gì trên đời. Phải khiến Bibi nghĩ trong đầu đó chỉ là những thứ hoàn toàn không quan hệ và bình thường, như thư tình của cô, chẳng hạn. Đúng đấy – cô bảo Bibi gói đồ là những lá thư tình cũ của cô!”

Hugo thích thú cười thầm với ý tưởng này của mình: “Những lá thư tình! Đúng đấy! Trúng ý cô nàng lắm! Bibi sẽ hiểu.”

Tamina không hiểu tại sao anh chàng Hugo này lại có thể xem thư tình là tầm thường, vô nghĩa. Dường như chẳng ai nhìn ra cô là người có thể yêu và điều đó quan hệ đối với cô chứ. Hugo nói tiếp: “Nếu Bibi không đi thì tôi sẽ đi. Tôi sẽ sang tận bên đó đem gói thư về đây cho cô.”

“Cảm ơn anh.” Tamina triu mến đáp lời.

“Tôi sẽ giúp cô ngay cả nếu tôi bị bắt.”

“Nào, nào.” Tamina phản đối. “Anh đừng lo, không sao đâu!” Cô giải thích cho Hugo nghe tại xứ cô, du khách nước ngoài sẽ không gặp khó khăn gì. Đời sống nơi đó chỉ khó khăn cho người Czech mà thôi, mà họ cũng quen rồi, chẳng ai quan tâm nữa. Đột nhiên, cô hào hứng nói dông dài thêm nhiều chuyện về cái mảnh đất cổ hương. Cô biết rõ nơi chốn ấy chứ, và tôi có thể minh chứng những gì cô nói đều đúng sự thật.

Một tiếng đồng hồ sau, cô áp vào tai chiếc điện thoại trong phòng Hugo. Cuộc nói chuyện lần này với bà mẹ chồng không khá hơn lần trước bao nhiêu. “Cô có giao cho tôi chiếc chìa khóa nào đâu! Lúc nào cô cũng giấu giấu giếm giếm, làm sao tôi biết được! Tại sao cô bắt tôi phải nhớ lại cách cô đối xử với tôi như thế nào, hử?”

12.

Nếu Tamina quá tha thiết với kỷ niệm như thế, tại sao cô không tự mình quay về Bohemia? Đã có lệnh ân xá cho dân trốn ra nước ngoài sau 1968, thậm chí, họ còn khuyến khích những người này trở về. Tamina sợ hãi điều gì? Thời gian còn ở trong nước cô có là cái gì đâu mà phải sợ?

Vâng, cô có thể trở về mà không sợ hãi gì. Nhưng cô không thể về.

Tại miền đất đó, không ai không phản bội chồng cô. Nếu trở về sinh sống bên cạnh những người đó, cô có cảm tưởng chính cô cũng là kẻ phản bội.

Thuở đó, họ đầy đoạ chồng cô bằng cách đẩy anh xuống công tác ở những vị trí càng ngày càng thấp, và cuối cùng anh mất việc, thế mà không một ai đứng ra

bên vực anh, ngay cả những bằng hữu thân thuộc cũng không. Lẽ dĩ nhiên, tận thâm tâm Tamina biết rõ họ đứng vào phe anh, nhưng họ sợ. Chính cái sợ đã khiến họ im lặng, nhưng bởi họ vẫn xem anh là bạn nên họ cảm thấy xấu hổ mỗi lần tình cờ chạm trán anh ngoài đường sá, và tìm cách lảng tránh, giả vờ không trông thấy nhau. Vợ chồng anh đành chọn giải pháp cũng tránh mặt họ để khỏi phải nhìn thấy vẻ xấu hổ ngượng ngịu hiện rõ trên mặt từng người. Chẳng bao lâu hai người cảm thấy như mình là kẻ cùi hủi. Sau khi họ trốn ra nước ngoài, đồng nghiệp anh ký tên vào bản công bố lên tiếng phỉ báng và kết án anh như một tội phạm. Họ làm thế, chẳng qua chỉ vì không muốn gặp rắc rối với nhà nước, vì có thể cũng bị mất việc dễ dàng như chính anh bị trước đó không lâu. Và họ ký. Thế là, họ đào cái vực sâu hun hút cách chia họ với vợ chồng anh. Tamina chẳng bao giờ có thể nhảy qua cái vực đó, cô không thể tự dẫn xác mình trở về mảnh đất ấy được.

Buổi sáng đầu tiên sau chuyến bay, vợ chồng cô thức giấc bên trong căn phòng khách sạn tọa lạc tại một ngôi làng nhỏ vùng Alps. Hai người nhận ra rằng họ đang hoàn toàn cách biệt với mọi người, cách biệt với thế giới mà đời sống họ gắn liền trước đó, cô có cảm giác như vừa được giải phóng, thoát khỏi cái gì nặng nề trĩu hãm cô bấy lâu. Xung quanh là núi non trùng điệp, không gian yên ắng chưa từng thấy, thật tuyệt diệu vì không ai quấy rầy. Tamina xem sự yên lặng ấy như một món quà tặng, khiến cô nghĩ ngợi lan man rằng chồng cô bỏ xứ ra đi để trốn cảnh giam cầm tù tội và cô thì tìm được sự lặng yên; lặng yên cho cô, cho chồng cô; lặng yên cho tình yêu hai người.

Chồng qua đời, đột nhiên cô cảm thấy thương nhớ

mảnh đất cổ hương hơn bao giờ, nơi vợ chồng có mười một năm trời chung sống bên nhau, với biết bao kỷ niệm. Trong lúc cảm xúc đau buồn tràn dâng, cô gửi cáo phó về cho mười người quen. Không một ai hồi âm.

Một tháng sau, với số tiền dành dụm, cô một mình ra thuê phòng tại một bờ biển. Cô mặc bộ đồ tắm, nốc cạn một tuýp thuốc an thần, xong bơi ra biển. Cô định ninh tuýp thuốc sẽ khiến cô mệt rã rời và cô sẽ chết đuối ngoài biển. Nhưng cô không chết, có lẽ vì nước biển lạnh, thêm mấy viên thuốc an thần chắc không mạnh như cô tưởng, và cô quên rằng cô từng là quán quân bơi lội. Cô bơi ngược vào bờ, lên phòng, ngủ một mạch hai mươi tiếng đồng hồ. Lúc tỉnh dậy cô thấy đầu óc yên tĩnh, thân thể thư thái, bình an. Cô bèn đổi ý và quyết định sống tiếp, sống trong yên lặng và cho sự yên lặng.

13.

Luồng ánh sáng xanh bạc từ màn ảnh TV trong phòng khách nhà Bibi phả lên mặt từng người đang ngồi: Tamina, Joujou, Bibi và Dédé, chồng cô. Anh làm nghề chào hàng ở tỉnh xa và vừa về lại nhà sau một chuyến đi bốn ngày. Mùi nước tiểu lưu cữu hăng hắc lượn vương trong không khí, và trên màn ảnh TV hiện một cái đầu già, tròn, hói, đang được phỏng vấn, nhưng không thấy người phỏng vấn đâu, chỉ nghe tiếng nói:

“Trong cuốn hồi ký ông viết, có những đoạn tự thú gây sốc rất ác liệt về cuộc đời tình dục của ông. Có phải thế không, thưa ông?”

Thì ra đó là một chương trình hằng tuần do một anh

ký giả truyền thông nổi tiếng đảm trách, chuyên đàm thoại với những tác giả sách vừa được tung ra thị trường tuần lễ trước đó.

Cái đầu hói to tướng nở một nụ cười tự mãn: “Ồ! Làm gì có chuyện đó! Chẳng có gì gây sốc cả! Chẳng qua chỉ là những con số thôi, những con số chính xác! Này nhé, chúng ta hãy cùng nhau làm bài tính thì rõ. Cuộc đời tình dục của tôi bắt đầu từ năm tôi mười lăm tuổi.” Đến đây cái đầu hói tròn quay sang hãnh diện nhìn các tác giả đồng nghiệp khác ngồi kế bên: “Vâng, từ năm tôi mười lăm tuổi. Bây giờ tôi đã sáu mươi lăm. Như thế, có phải cuộc đời tình dục của tôi kéo dài đúng năm mươi năm không nào? Cứ theo phỏng tính không có gì quá đáng, thì trung bình mỗi tuần tôi làm tình với đàn bà hai lần, tức là một trăm lần mỗi năm, hay năm ngàn lần suốt thời gian đó. Hãy tính tiếp cho xong bài toán. Nếu thời lượng khoái cảm mỗi lần làm tình là năm giây đồng hồ thì tôi có hai mươi lăm ngàn giây được sướng, tính theo giờ là sáu giờ năm mươi sáu phút. Không đến nổi tệ lắm, phải không, ông?”

Mọi người trong phòng ai nấy gật gù, mặt mày nghiêm trang. Ngoại trừ Tamina. Cô vẽ ra trong đầu hình ảnh lão già đầu hói lên cơn ho rũ rượi sau khi đạt tới tuyệt đỉnh ái ân không dứt đó: người lão vắn vẹo, hai tay ôm lấy ngực, trong vòng mười lăm phút hai hàm răng giả từ miệng lão văng ra ngoài, và năm phút sau lão ngã lăn xuống sàn nhà, chết thẳng cẳng. Nghĩ đến đó, cô phá lên tràng cười khoái trá thật lớn.

Bibi quay sang bảo cô yên: “Chị cười cái gì vậy? Sáu giờ năm mươi sáu phút khoái cảm thì không tệ chút nào!”

Joujou nói chen vào: “Suốt một thời gian dài tôi

chẳng biết sướng là gì. Nhưng mấy năm gần đây thì tôi đạt cảm giác thường xuyên hơn.”

Mọi người quay sang bàn tán về khoái cảm của Joujou, trong lúc trên màn ảnh TV xuất hiện một bộ mặt khác, trông giận dữ, phần nộ khác thường.

“Việc gì mà ông ta lại giận dữ như vậy?” Dédé hỏi mọi người.

Trên màn ảnh ông nhà văn bắt đầu nói:

“Thật là quan trọng! Quan trọng lắm! Những điều tôi giải thích trong cuốn sách của tôi.”

“Cái gì mà quan trọng đến thế nhỉ?” Bibi hỏi.

“Cái quan trọng là ông ấy lớn lên tại làng Rourou.” Tamina đáp lời.

Nhân vật lớn lên tại làng Rourou có một cái mũi lỗ rất dài, dài đến độ nó kéo mặt ông ta càng lúc càng xuống thấp, đôi lúc đầu ông ta như muốn lặn ra khỏi màn ảnh TV rơi cái bịch xuống sàn nhà. Cái mũi dài nhưng cái mặt thì rất linh hoạt trong lúc nói:

“Như tôi đã giải thích tường tận trong sách của tôi, tất cả những tác phẩm tôi viết đều thắt buộc với ngôi làng Rourou nhỏ bé, và bất cứ ai không hiểu điều đó sẽ không hiểu văn chương chữ nghĩa của tôi. Đó là nơi tôi sáng tác những bài thơ đầu tiên. Vâng, theo tôi nghĩ, điều đó quan hệ lắm lắm.”

Joujou bỗng buông thông một câu: “Có những người đàn ông mà tôi chẳng bao giờ đạt khoái cảm lúc làm tình.”

“Đừng quên,” ông nhà văn trên màn ảnh nói tiếp, mặt ông ta càng lúc càng nổi máu hăng, “chính tại ngôi làng Rourou, tôi tập lái chiếc xe đạp đầu tiên trong đời, Vâng, tôi nói rất rõ điều đó trong sách. Và các bạn phải thấy tôi muốn ám chỉ điều gì. Nó là một biểu tượng. Đối với tôi, chiếc xe đạp là bước đầu cho con người

thoát ly khỏi thế giới tộc trưởng để bước vào thế giới văn minh. Trò vờn đùa giỡn với văn minh. Trò bốn cột của cô trinh nữ trước nộ hôn đầu. Vẫn còn trinh trắng nhưng đã nhuộm mùi tội lỗi tục lụy.”

“Đúng đấy,” Joujou kêu lên, “Con nhỏ Tanaka làm việc chung với tôi, lần đầu tiên nó biết sướng là hôm nó chạy xe đạp, mà nó vẫn là gái trinh.”

Thế là mọi người quay sang sôi nổi bàn tán về “cái sướng” của cô gái còn trinh Tanaka. Thấy vậy Tamina hỏi nhỏ Bibi: “Chị vào phòng mượn em cái điện thoại, được không?”

14.

Mùi nước tiểu nặng hơn trong căn phòng, nơi con gái Bibi ngủ.

Tamina nói như thầm thì vào điện thoại: “Con biết Papa và mẹ chồng con không ưa gì nhau, nhưng Papa phải giúp con, nếu không con sẽ không bao giờ lấy lại được gói thư. Chỉ có cách Papa đến thẳng nhà mẹ chồng con lấy cái gói cho con. Trường hợp không tìm ra chìa khóa thì đành phải phá ngăn kéo thôi. Cái gói ấy là thư từ, giấy tờ riêng của con, con có quyền lấy lại.”

“Tamina, cô đừng bắt tôi phải nói chuyện với bà ấy. Tôi không ưng.”

“Papa phải giúp con chuyện này. Mẹ chồng con, bà ấy sợ Papa lắm và sẽ không dám phản đối đâu.”

“Nghe tôi nói này, nếu bạn cô về Praha, tôi sẽ nhờ họ đem sang cho cô cái áo lông thú. Cái đó mới có giá trị chứ ba mớ giấy tờ thư từ cũ rích thì ích lợi gì.”

“Nhưng con không muốn cái áo lông thú, con muốn

gói thư của con!”

“Cô nói to lên, tôi chẳng nghe gì cả.” Ông già phàn nàn, những cô con gái vẫn cố ý nói thật nhỏ vì cô sợ Bibi ở phòng bên nghe cô nói tiếng Tiệp thì sẽ lộ tẩy cô dùng điện thoại gọi ra nước ngoài, mỗi giây đồng hồ là cả một đồng tiền.

“Con nói lần chót, con muốn lấy lại gói thư của con, chứ không phải cái áo lông thú, Papa nghe rõ chưa?”

“Cô lúc nào cũng chỉ thích ba chuyện vợ vẫn khùng điên.”

“Papa, cú điện thoại này hao tiền dễ sợ lắm. Papa cố giúp con.”

Cuộc nói chuyện không dễ dàng chút nào. Ông già cứ “Hả? Hả?” bắt cô lặp lại câu vừa thốt ra khỏi miệng, ông cũng bướng bỉnh nhất định không chịu lại nhà mẹ chồng cô. Sau cùng ông bảo cô:

“Cô gọi cho thằng em cô, bảo nó đến nhà mẹ chồng cô lấy cái gói rồi đem về đây cho tôi. Nó suốt ngày chỉ la cà chơi bời lêu lổng chứ có làm ăn gì đâu!”

“Nhưng nó đâu biết mặt mẹ chồng con.”

“Đó, đó chính là lợi thế,” Tamina nghe ông cười lớn. “Nó mà biết bà ta thì chẳng đời nào nó chịu đặt chân đến.”

Tamina suy nghĩ thật nhanh. Chuyện này, nhờ vả cái cậu em người tuy cục cằn nhưng lanh lợi, chắc không đến nỗi “rách” việc. Nhưng cô không muốn gọi điện cho cậu ta vì từ khi vợ chồng cô bỏ trốn ra nước ngoài, hai chị em không hề thư từ qua lại thăm hỏi nhau. Cậu ta có việc làm tốt, lương cao vì đã cắt đứt tất cả mọi quan hệ với vợ chồng người chị có tội với tổ quốc.

“Papa, con không gọi điện cho nó được. Papa làm ơn giải thích cho nó hiểu giùm con. Papa giúp con!”

15.

Papa người thấp bé, gầy còm, và ở cái thuở xa xưa đó, ông hay dắt tay cô bé Tamina đi dạo phố, ông ưỡn cái ngực lép như muốn khoe với toàn thể thế giới rằng trong cái đêm đầy hào khí anh hùng đó ông đã sáng tạo được một tác phẩm tuyệt vời. Ông không ưa anh con rể chút nào, hai người thường xuyên va chạm, cãi cọ nhau. Khi bảo Tamina ông muốn gửi cho cô cái áo lông thú (chắc chắn là đồ cũ của người nào trong bà con dòng họ), trong đầu ông nghĩ về chuyện đôi co ngày xưa với anh con rể, chứ chẳng phải vì ông quan tâm đến sức khỏe con gái. Ông muốn cô chọn cha mình (cái áo lông thú), thay vì chồng (gói thư kỷ niệm).

Tamina bỗng thấy hoảng sợ, những lá thư của cô nằm trong tay cha mình và bà mẹ chồng, cả hai đều ngững ngoảng, khó ưa như thế này thì làm sao biết chúng sẽ đi về đâu. Từ lâu đã tiêm nhiễm trong đầu cô những ý nghĩ buồn bực không vui nếu một ngày có người lạ nào đọc những dòng chữ nhật ký của cô. Nó như giọt mưa lần hồi xóa mờ dòng chữ chạm khắc trên tường đá. Hay như ánh sáng trong phòng tối phả xuống quá sớm trên mặt giấy rửa ảnh trong chậu làm hỏng mất tấm ảnh.

Cô nhận thức một điều, sở dĩ những ký ức viết thành chữ đó có ý nghĩa và xứng đáng đối với cô, là vì chúng được bảo tồn trong cõi riêng tư của cô, chỉ mình cô biết. Một khi tính cách riêng tư bị xóa nhòa, sợi dây nối liền cô với những dòng chữ cũng bị cắt đứt, cô không thể đọc với đôi mắt của chính cô được nữa, cô chỉ là người đọc những văn kiện vô hồn, không phải về cô mà một kẻ xa lạ khác. Thế rồi, mặc

dù chính cô viết những dòng chữ đó, cô không thấy cô đăng sau trang viết nữa, tác giả là một người khác, không phải cô. Sự tương tự kỳ lạ còn lại giữa cô và tác giả những dòng chữ thể hiện hiệu ứng của sự giấu nhai, khô hài. Không, không bao giờ cô có thể đọc lại nhật ký của cô nếu có kẻ khác chọc mắt vào đọc.

Đó là lý do vì sao cô mất kiên nhẫn, muốn lấy lại những cuốn nhật ký càng sớm càng tốt, khi những hình ảnh quá khứ vẫn còn in đậm trên trang giấy, chưa bị hủy hoại, xóa mờ.

16.

Bibi bất ngờ xuất hiện tại quán cà phê, cô ngồi xuống ghế trước quầy rượu: “Tamina! Chị cho em ly uity-ky!”

Thường Bibi uống cà phê, hoặc đôi khi, vào những buổi ngoại lệ đặc biệt, một cốc bia đen. Gọi uity-ky, cho thấy cô đang ở vào tâm trạng không bình thường.

“Sách em viết đến đâu rồi?” Tamina hỏi cô, tay rót rượu vào ly.

“Em cần phục hồi tinh thần cho tươi tỉnh lên.” Bibi trả lời. Cô ngửa cổ dốc cạn ly rượu rồi gọi thêm ly khác.

Có vài người khách bước vào quán, Tamina chạy ra tiếp, đoạn trở lại sau quầy rót thêm rượu cho cô bạn trẻ. Rót xong, cô bưng khay nước và cà phê ra cho khách. Lúc trở lại, Bibi bảo cô:

“Em chịu hết nổi rồi, chị ạ. Thăng chồng Dédé của em, nó thực cà chớn hết chỗ nói. Chị biết gì không? Nó đi chào hàng xong về nhà, nằm thẳng cẳng trên giường ngủ suốt hai ngày hai đêm. Hai ngày hai đêm trong một bộ pi-gia-ma! Chị nghĩ làm sao em chịu nổi

cơ chứ! Chưa hết, thức dậy, nó đòi chơi em. Chơi em? Chị nghe chưa? Nó không hiểu là em hết thích chơi rồi. Cái trò đàn ông đàn bà đó, em hết thích rồi, hoàn toàn hết, hết sạch sành sanh. Chắc em phải bỏ nó thôi. Suốt ngày nó chỉ nghĩ đến chuyện đi du lịch. Thật là ngu xuẩn. Nằm trên giường trong bộ pi-gia-ma nhàu nát, tay cầm cuốn bản đồ. Thoạt đầu, nó muốn đi Praha. Nhưng bây giờ nó chẳng nói gì đến Praha nữa. Nó tìm thấy cuốn sách về Ireland, và nó bảo bằng mọi giá nó phải đi viếng cái xứ sở khốn nạn đó.”

“Tức là vợ chồng em sẽ đi Ireland nghỉ hè?” Tamina hỏi lại, cô có cảm giác như cổ họng mình có cái gì tắc nghẹn.

“Vợ chồng em? Không, chẳng có vợ chồng nào đi đâu cả. Em, em ở lại ngay nơi đây, chứ chẳng đi đâu hết, em ở nhà viết sách, nó không bắt em đi theo nó được. Em không cần Dédé, nó có đoái hoài gì đến em đâu. Em đang viết sách, thế mà, chị tưởng tượng nổi không, nó còn không thèm hỏi em viết cái gì. Em thấy ra một điều rất rõ là, hai đứa tụi em chẳng còn gì để nói với nhau nữa.”

Tamina rất muốn hỏi: “Thế là em không đi Praha nữa, phải không?” Nhưng cái gì tắc nghẹn nơi cổ họng khiến cô không mở lời được.

Ngay lúc đó Joujou, người đàn bà Nhật với thân hình loắt choắt như một đứa trẻ, bước vào, cô nhảy lên chiếc ghế cao cạnh Bibi. Ngồi chưa yên vị, cô nói: “Mình làm tình ngay giữa nơi công cộng, được không nhỉ?”

“Chị nói cái gì?” Bibi nghe không rõ, hỏi lại.

“Ngay tại đây, dưới sàn quán cà phê này, chẳng hạn, trước mặt mọi người. Hay trong rạp xi-nê giờ giải lao.”

“Im ngay! Con tườu!” Bibi cúi xuống ghế quát mắng

con bé gái đang hả to họng la khóc dưới chân. Đoạn cô quay sang Joujou, nói: “Được chứ! Sao không? Đó là chuyện tự nhiên. Tại sao tôi phải xấu hổ vì làm chuyện tự nhiên?”

Một lần nữa Tamina định hỏi Bibi cô còn giữ ý định về Praha không. Nhưng cô thấy hỏi như thế là thừa thãi, vô ích. Hiển nhiên, Bibi không định về Praha nữa.

Bà chủ quán từ trong bếp bước ra thấy Bibi, bà chào hỏi: “Cô khỏe không?”

“Chúng ta cần có một cuộc cách mạng!” Thay vì một câu xã giao đáp lời bà chủ quán, mặt Bibi nghiêm lại, cô nói giọng đồng dục. “Phải thay đổi! Cuối cùng phải làm cái gì đó để thay đổi mới được.”

Đêm hôm đó, trong lúc nằm ngủ Tamina mơ thấy bầy đà điểu. Chúng đứng bên kia hàng rào kẽm, tất cả như đang tranh nhau nói với Tamina điều gì. Cô hoảng vía. Cô không chạy đi đâu được, cứ đứng chết trân tại đó, như bị thôi miên, mắt nhìn những cái mỏ quác ra liên hồi mà không hề có tiếng kêu, như trong một cuốn phim câm. Cô mím môi thật chặt. Bởi trong miệng cô có một chiếc nhẫn vàng, và cô sợ mất nó.

17.

Tại sao tôi tưởng tượng trong miệng cô có một chiếc nhẫn vàng?

Tại vì tôi thấy như thế, tôi tưởng tượng cô như thế. Đột nhiên, vang vọng trong đầu tôi câu văn: “Một âm thanh kim loại vang nhẹ, trong trẻo – như tiếng chiếc nhẫn vàng rơi xuống và vào thành bồn nước làm bằng bạc.”

Lúc còn rất trẻ, Thomas Mann có viết một thiên

truyện ngô nghê nhưng đầy mê hoặc về cái chết: trong thiên truyện ấy, cái chết đẹp lắm, đẹp như khi ta còn trẻ thơ mơ nghĩ về nó, khi cái chết là không thực và mê hoặc, như giọng nói xanh xao vọng về từ khoảng cách xa xôi.

Một chàng thanh niên mang bệnh nan y đặt chân lên tàu hỏa. Đến một trạm ga xa lạ, chàng bước xuống, đi vào một thị trấn chàng không biết tên là gì, chàng thuê phòng trong nhà một bà cụ có cặp lông mày rậm như mọc rêu. Không, tôi sẽ không thuật lại chuyện gì xảy ra trong ngôi nhà đó, tôi chỉ muốn nhắc đến một chi tiết còn con tằm thường: lúc đi xuyên qua gian phòng phía trước, chàng thanh niên bỗng “nghe thấy một âm thanh lạ, vang lên giữa tiếng giày của chàng gõ trên sàn nhà, âm thanh từ căn phòng bên cạnh, âm thanh kim loại vang nhẹ, trong trẻo – nhưng có lẽ đó chỉ là một ảo giác. Như tiếng chiếc nhẫn vàng rơi xuống va vào thành bồn nước làm bằng bạc, anh nghĩ thế...”

Trong thiên truyện, âm thanh đó không thấy nhắc lại ở đoạn sau, tác giả cũng chẳng giải thích gì thêm. Nếu chỉ nhìn từ góc độ hành động, chi tiết đó dù bị bỏ quên cũng chẳng sao, chẳng mất mát gì. Âm thanh giản dị vang lên, rồi thôi, chẳng dính dáng gì đến các tình tiết khác.

Nhưng tôi nghĩ Thomas Mann đã có dụng ý khi viết như thế. “Âm thanh kim loại vang nhẹ, trong trẻo” được ông sử dụng cốt tạo sự lặng thinh. Ông tạo sự lặng thinh để cái đẹp có tiếng động (bởi vì cái chết ông đang muốn nói đến là *cái chết-đẹp*), và để có thể cảm nhận ra cái đẹp, cần có một cấp độ tối thiểu về sự lặng thinh (đo lường chuẩn xác với “âm thanh kim loại vang nhẹ, trong trẻo – như tiếng chiếc nhẫn vàng rơi

xuống và vào thành bồn nước làm bằng bạc.”)

(Vâng, tôi nhận ra bạn chẳng hiểu tôi đang nói gì, bởi từ lâu lắm rồi, cái đẹp đã biến mất. Nó đã tan biến bên dưới bề mặt của tiếng ồn – tiếng ồn của chữ nghĩa, xe cộ, âm nhạc – trong cuộc sống chúng ta ngày hôm nay. Nó đã bị nhận chìm dưới mặt nước biển, như cổ thành Atlantis. Tất cả còn lại chỉ là chữ, toàn những chữ mỗi năm mỗi trở nên vô nghĩa, vô hồn.)

Lần đầu Tamina nghe âm thanh sự lặng thinh ấy (quý giá như mảnh vỡ pho tượng cẩm thạch của cổ thành Atlantis chìm sâu dưới biển) là vào buổi sáng cô thức giấc trong căn phòng khách sạn bốn bề núi rừng trùng điệp sau khi cô lìa bỏ quê hương đi trốn. Lần thứ hai lúc cô bơi ra biển sau khi uống một bụng thuốc an thần, tưởng chết nhưng vẫn sống và bất ngờ tìm lại sự an bình trong tâm khảm. Cô ao ước được cất giữ sự lặng thinh đó bên trong thân xác mình. Đó là lý do vì sao tôi thấy cô trong giấc mơ đứng chết lặng trước hàng rào kẽm, môi mím chặt ngậm chiếc nhẫn vàng trong miệng.

Đối diện cô là sáu cái cổ dài ngoằng, sáu cái đầu bé tí, và sáu cái mỏ thẳng tắp đóng mở liên hồi nhưng không hề gây tiếng động. Cô chẳng hiểu chúng muốn gì. Cô chẳng hiểu mấy con đà điểu này đang đe dọa cô, hay chúng muốn cảnh báo, khích lệ, van nài cô điều gì. Cô hoàn toàn không hiểu. Và bởi không hiểu nên cô lo sợ lắm. Cô sợ mất chiếc nhẫn vàng (cái âm thoa định âm sự lặng thinh) và cô ngậm chặt nó trong miệng.

Tamina không bao giờ biết mấy con đà điểu đó muốn nói gì. Nhưng tôi biết. Chúng nào muốn cảnh báo cô, cũng chẳng mắng mỏ, đe dọa cô. Đối với chúng, cô chẳng là gì. Mỗi con chạy ào đến cô chỉ để kể lể cho cô nghe về chính nó. Nào là nó ăn ngủ như thế

nào, nó chạy ra hàng rào thấy cô đứng bên kia ra làm sao. Nào là nó lớn lên tại ngôi làng có tên Rourou, và điều đó quan hệ ra sao. Nào là khoái cảm tình dục của nó kéo dài cả sáu tiếng đồng hồ, và cả thế gian phải biết điều đó. Nào là nó thấy người đàn bà đi tản bộ phía bên kia hàng rào, trên cổ quấn chiếc khăn san. Nào là nó đi bơi, bị ốm rồi khỏe lại. Nào là khi còn trẻ nó chạy xe đạp và hôm nay nó ngốn hết một bao cỏ. Tất cả đứng trước mặt Tamina, con nào con nấy không ngớt say sưa, cuống quýt, hăng hái kể cho cô nghe về chúng, bởi trên đời này chẳng có gì quan hệ hơn những điều chúng muốn cô lắng nghe.

18.

Vài hôm sau, ông Banaka xuất hiện tại quán cà phê. Ông ta say bí tỉ, đi đứng nghiêng ngả, hai lần trèo lên ghế tựa xuống cả hai lần, cuối cùng ngồi được, ông gọi một ly *calvados*, và ngay lập tức gục mặt xuống quầy. Tamina để ý thấy ông đang khóc.

“Ông Banaka, việc gì thế?” Cô ân cần hỏi han ông.

Ông Banaka ngừng mặt lên, khuôn mặt không thể xấu xí hơn giàn giụa nước mắt, ông giơ ngón tay trở chỉ vào ngực mình: “Tôi chẳng là cái quái gì, cô hiểu không? Tôi chẳng là gì! Tôi không hiện hữu!”

Đoạn ông đứng lên loạng choạng bước vào toa-lét rồi từ toa-lét ông ra thẳng ngoài đường quên cả trả tiền ly rượu.

Khi Tamina kể chuyện ấy cho Hugo nghe, và cô tỏ vẻ không hiểu nổi thái độ của ông nhà văn, thì anh chàng sinh viên từ tốn giải thích bằng cách rút ra một tờ báo, chỉ cho cô xem mục điểm sách mà trong đó có vở vụn

bốn dòng chữ nói về toàn bộ sáng tác của ông Banaka.

Cái phân cảnh ông Banaka chỉ vào ngực mình khóc lóc bảo ông chẳng là cái quái gì, khiến tôi nhớ lại một câu thơ trong kiệt tác *West-östlicher Diwan*¹ của Goethe: “Người ta sống được không, khi những kẻ khác cũng sống?” Ẩn giấu bên dưới câu hỏi của Goethe là cái kỳ bí của thân phận nhà văn: Bên trong mỗi kẻ viết sách là một thế giới (có phải chúng ta vẫn thường hay nói đến thế giới Balzac, thế giới Chekhov, thế giới Kafka đấy ư?), và bản chất của thế giới này là tính duy nhất. Bất kỳ một thế giới nào khác hiện hữu sẽ là mối đe dọa cho chính bản thể thế giới này.

Hai anh thợ đóng giày, mỗi anh làm chủ một tiệm trên hai con phố khác nhau, mỗi anh một giang san, sẽ sống trong hòa hoãn, yên bình. Nhưng nếu hai anh viết sách trên đất đai của thợ đóng giày thì chẳng bao lâu họ sẽ chạm trán nhau và cùng hỏi câu hỏi: “Thợ đóng giày sống được không, khi những thợ đóng giày khác cũng sống?”

Tamina có cảm tưởng chỉ cần bất cứ một người ngoài nào liếc vào những dòng nhật ký của cô là cả cái gia sản tinh thần quý giá cô hằng lưu giữ riêng tư sẽ bị tiêu hủy. Tương tự như thế, Goethe cũng tin tưởng là bất cứ sinh linh nào không bị những dòng thơ của ông mê hoặc đều có thể xoay ngược lại truy vấn chính sự hiện hữu của ông. Sự khác biệt giữa Tamina và Goethe là sự khác biệt giữa con người và nhà văn.

Kẻ viết sách, hoặc hẳn là tất cả mọi thứ (một thế giới duy nhất bao gồm chính con người hẳn và mọi người khác), hoặc hẳn chẳng là gì. Và bởi không ai có thể là mọi thứ, tất cả những kẻ viết sách chỉ là con số không to tướng. Chúng tôi là những kẻ không ai thừa nhận, đầy máu ganh tị, lúc nào cũng chua chát, và chỉ

mong những kẻ viết sách khác chết phứt đi cho rồi. Ở ý nghĩa đó, tất cả chúng tôi giống hệt nhau: Banaka, Bibi, tôi, và Goethe.

Máu thư cuồng chảy mạnh trong con người chúng ta, chính trị gia, tài xế tắc xi, bà nội trợ, người tình, kẻ sát nhân, kẻ trộm, gái mãi dâm, quan chức nhà nước, bác sĩ, bệnh nhân... Nó cho tôi thấy tất cả mọi người, không có ngoại lệ ở đây, đều có tiềm năng trong người trở thành nhà văn, bởi thế, toàn thể nhân loại có lý do chính đáng để chạy ra đường phố hét lên: "Tất cả chúng tôi là nhà văn!"

Mọi người chúng ta ai nấy đều mang trong người nỗi sợ hãi nhức nhối, đó là chúng ta sẽ tan biến vào hư vô – chẳng ai nghe, chẳng ai thấy – và bởi thế, trong lúc còn kịp, mọi người cuống quýt đôn đáo chạy ngược chạy xuôi đi tìm cách biến bản thân mình thành một thể giới chữ.

Một buổi sáng nào đó (sắp đến thôi), khi mọi người chúng ta thức giấc thấy mình là nhà văn, đó là lúc bắt đầu kỷ nguyên không ai nghe ai, không ai hiểu ai nữa.

19.

Giờ đây Hugo là hy vọng sau cùng của cô. Anh chàng mời cô đi ăn tối, và lần này cô nhận lời không chút do dự, ngập ngừng.

Ngồi đối diện cô trong tiệm ăn, trong đầu anh chỉ lớn vờn một ý nghĩ duy nhất: Tamina vẫn vượt khỏi tay anh. Với cô anh thiếu tự tin và không dám tấn công thẳng. Nhưng càng khó khăn khổ sở tiến chiếm một mục tiêu nhỏ nhoi hiển định bao nhiêu, anh càng điên cuồng muốn chinh phục thế giới, một thế giới

bao la toàn những điều bất định bấy nhiêu. Anh rút trong túi áo khoác một tờ tạp chí, lật đến trang muốn lật, rồi đưa cho Tamina. Trên trang báo là phần mở một bài viết dài, tác giả tên anh.

Anh bắt đầu nói, đúng hơn, đọc một bài diễn từ. Anh nói về bài viết vừa đưa Tamina xem: vâng, lúc này tờ tạp chí chỉ mới phát hành phần nhiều ở địa phương, nhưng ở diện phê bình thì nó có một nền tảng lý thuyết vững chắc lắm, nhóm chủ trương tờ báo là những người can trường và họ sẽ tiến rất xa. Hugo nói, nói, nói. Không dứt. Lời nói, chữ nghĩa cao diệu của anh chẳng qua chỉ là ẩn dụ cho con lợn lòng đang nung nấu bên trong, một cố gắng phô trương sức mạnh. Ẩn chứa bên trong những câu chữ này còn là mưu thuật khá đẹp của cái truru tượng chạy ủa vào thế chỗ tính nan trị của cái cụ thể.

Tamina nhìn thẳng vào mặt chàng thanh niên đang thao thao bất tuyệt, trong đầu cô vẽ ra một hình ảnh khác theo trí tưởng tượng của cô. Nó thành thói quen mất rồi. Cô không biết cách nào khác nhìn mặt đàn ông. Cô thấy không khó khăn, không cần vận dụng một tí cố gắng tưởng tượng, đôi mắt nâu của Hugo bỗng đổi sang màu xanh biếc, và để giữ cái màu xanh ấy không tan biến, cô tập trung vào mắt Hugo, dồn tất cả sức mạnh vào cái nhìn chăm chú.

Thấy cô nhìn chòng chọc vào mắt mình, Hugo cảm thấy khó chịu, và bởi thế anh càng nói nhiều hơn, đôi mắt xanh đẹp, cặp lông mày từ từ giãn ra hai bên trán, mái tóc không còn rủ lòa xòa xuống nữa để lộ vầng trán rộng, sau cùng nó biến thành một cái tam giác hẹp mũi chúi xuống phía dưới.

“Giới phê bình trước đây đều nhắm vào Tây phương. Nhưng vì thiếu công lý nên họ đã dung

đường để các quốc gia khác lợi dụng quyền lực, chà đạp người dân không thương tiếc. Nhưng nhờ cô, cô biết không, chính cô đã giúp tôi có cái nhìn khác. Tôi nhận thức một điều rất rõ là sự lạm dụng quyền lực có thể xảy ra ở bất cứ đâu, trên đất nước cô hay ngay tại nơi đây, xứ sở của tôi, đâu đâu cũng thế, một dạng như nhau, Đông cũng như Tây. Chúng ta không thể thay thế dạng quyền lực này bằng dạng quyền lực khác, chúng ta phải xóa bỏ chính nguyên lý của quyền lực, và xóa bỏ nó khắp nơi, khắp nơi trên thế giới.”

Anh chàng nói hăng đến nỗi mặt anh từ từ nhích về phía cô mà không biết. Cái mùi chua chua thum thum do bệnh hôi miệng như muốn cắt đứt nửa chừng buổi tập thiền quán của Tamina, mái tóc bù xù của anh chàng như đang sắp trở lại vị trí cũ, rủ xuống chạm vào cặp lông mày. Anh nào biết điều đó bởi anh vẫn say sưa lặp lại chính những điều vừa nói xong, và không ngớt cảm ơn người đàn bà đối diện, nhờ cô mà tôi nhìn ra sự thật, nhờ cô mà tôi sáng mắt sáng lòng.

Tamina đột ngột ngắt lời anh chàng, “Sao có thể thế được, chúng ta có nói chuyện này bao giờ đâu!”

Đôi mắt Hugo bây giờ chỉ còn một con màu xanh, và nó cũng đang sắp trở lại màu nâu như cũ.

“Tamina, không cần nói với cô về chuyện ấy cũng đủ cho tôi nghĩ rất nhiều đến cô.”

Cô gái phục vụ bưng ra thức ăn khai vị.

“Tôi sẽ đem cái này về nhà đọc,” Tamina nói, và nhét tờ tạp chí vào xắc tay. Đoạn cô bảo Hugo, “Bibi không đi Praha nữa.”

“Đúng như tôi nghĩ,” Hugo nói, rồi tiếp, “Tamina, cô đừng lo, tôi hứa với cô tôi sẽ đi Praha, tôi sẽ giúp cô.”

20.

“Có tin vui cho cô đây. Tôi đã nói chuyện với thằng em cô, và Thứ Bảy này nó sẽ sang nhà mẹ chồng cô lấy gói thư.”

“Vây hả, Papa! Papa có giải thích tường tận mọi chuyện cho nó nghe không? Papa có dặn nó nếu không tìm ra chìa khóa thì phải phá ngăn kéo ra mà lấy không?”

Lúc Tamina cúp điện thoại, cô có cảm tưởng như đang say rượu.

“Có tin vui?” Hugo hỏi cô.

“Vâng.”

Giọng nói vui vẻ, nhiệt tình của cha mình vẫn chưa tan hết trong đầu Tamina, cô bỗng thấy ân hận vì đã không công bằng với ông.

Hugo đứng lên bước lại tủ rượu trong nhà. Anh rót ứt-ky vào hai cái ly đem lại cho cô.

“Tamina, cô cứ tự nhiên dùng điện thoại nhà tôi bất cứ lúc nào cô cần nhé. Tôi lặp lại một lần nữa. Có cô trò chuyện, tôi vui lắm, ngay cả tôi biết cô sẽ không bao giờ ngủ với tôi.”

Anh chàng cố gắng lắm mới thốt được câu “tôi biết cô sẽ không bao giờ ngủ với tôi,” chỉ để chứng minh cho chính mình rằng anh có thể nói những câu như thế vào mặt người đàn bà cứng cỏi như bức tường thành kiên cố đến vô vọng này. Mặc dù câu nói ở dạng tiêu cực và rất dè dặt, anh thấy mình can đảm quá mức tưởng tượng.

Tamina đứng lên tiến lại gần cầm ly rượu từ tay anh. Cô đang nghĩ đến cậu em: mặc dù đã cắt đứt mọi liên lạc, nhưng chị em vẫn thương yêu nhau, vẫn giúp đỡ nhau lúc cần.

“Chúc mọi điều tốt lành đến với cô!” Hugo nói, đưa ly rượu lên uống cạn.

Tamina cũng uống một hơi hết ly rượu, cô đặt cái ly không xuống mặt bàn cà phê phòng khách, đang định ngồi xuống sô-pha thì Hugo đột nhiên choàng hai tay ra ôm chặt cô vào người.

Cô không chống cự, chỉ xoay đầu sang bên tránh mặt. Miệng cô vắn vẹo, cặp lông mày nhíu lại.

Hugo choàng tay ôm cô, nhưng anh chàng không hề biết chuyện chỉ có thể xảy ra sau đó. Thoạt đầu, anh cảm thấy hãi sợ trong lòng, và nếu Tamina đẩy anh ra thì chắc anh sẽ ngượng ngùng đến chín người buông cô ra, lùi lại rồi ấp úng nói vài lời xin lỗi. Nhưng Tamina đã không đẩy anh ra, và nét mặt nhăn nhó cùng cái đầu nghiêng sang một bên khiến cơn hưng phấn trong cơ thể anh bỗng dâng lên tột độ. Đòi anh cho đến giờ phút này, chẳng có mấy đàn bà và chưa người nào có một phản ứng đầy ý vị như cô. Những người đàn bà đó, nếu chịu làm tình với anh, họ điềm nhiên cởi bỏ y phục rồi nằm chờ, xem anh định làm gì với thân thể họ. Lúc này, ôm Tamina trong tay, với nét nhăn nhó trên khuôn mặt kiêu diễm, Hugo bỗng thấy cả một chiều sâu anh chưa bao giờ trải nghiệm. Anh cuồng nhiệt vồ vập thân thể Tamina và xé tung chiếc váy trên người cô.

Nhưng tại sao Tamina không chống cự?

Suốt ba năm trời, cô thường xuyên tưởng tượng, với nỗi sợ hãi, một hôm nào đó sẽ có chuyện như thế xảy ra. Ba năm trời, cô sống dưới con mắt thôi miên bảo cho cô biết rằng sẽ có ngày cô bị một người đàn ông lạ lột trần truồng. Và giờ đây nó xảy ra, y như cô từng tưởng tượng. Đó là lý do vì sao cô không chống cự. Cô chấp nhận nó như cái gì không thể vượt thoát.

Tất cả những gì cô có thể làm được là nghiêng đầu sang một bên, tránh mặt. Nhưng vô ích. Hình ảnh chồng cô hiện ra trước mắt, cô xoay mặt về hướng khác nhưng nó vẫn cứ chạy theo. Đó là một bức chân dung to lớn dị thường, to hơn thật ngoài đời, vâng, nó đúng là cái gì cô tưởng tượng suốt ba năm nay.

Lúc cô hoàn toàn trần truồng, Hugo hưng phấn lắm bởi anh chàng ngỡ cô cũng đang hưng phấn. Nhưng anh vô cùng kinh ngạc khi khám phá ra cô khô ran như thê ngói nung dưới trời nắng hạ.

21.

Có lần cô phải vào bệnh viện làm tiểu phẫu không thuốc gây mê, để khỏi sợ và cố không nghĩ đến những diễn biến trong phòng mổ, cô đã phải vận dụng tối đa trí óc mình ôn lại những động từ Anh ngữ bất quy tắc. Lúc này, với cái xác nóng như than hầm của Hugo đang chà xát thân thể mình, cô cũng áp dụng phương pháp đó bằng cách nghĩ đến những cuốn nhật ký. Cô nghĩ đến lúc mấy cuốn sổ tay nằm an toàn trong tay cha mình, và anh chàng Hugo tử tế này sẽ thân hành sang tận nơi lấy đem về đây cho cô.

Trong lúc đó thì anh chàng Hugo tử tế vẫn loay hoay nhấp nhóm trên người cô. Cô bỗng nhận ra anh chàng bây giờ đang chống hai tay, còn hạ thể thì thúc tới thúc lui bốn phương tám hướng bắn loạn lên mà không cách chi vào được cô. Cô hiểu anh chàng không thỏa mãn với phản ứng thụ động từ cô, thấy cô thiếu hưng phấn, nên tìm đủ mọi cách đi vào từ nhiều góc độ khác nhau hầu tìm ra từ đâu đó, nơi khoảng không sâu hút, cái gợi cảm kỳ bí trong con người cô, tại sao

nó vẫn không chịu hiện ra cho anh chiêm đoạt.

Vì không muốn trông thấy anh chàng gầy sức loay hoay mãi như thế, cô xoay nghiêng đầu, rồi tiếp tục điều khiển trí óc mình nghĩ ngợi về mấy cuốn sổ tay. Cô cố nhớ lại thứ tự những kỳ nghỉ hè của vợ chồng, như cô đã tìm đủ mọi cách tái dựng nhưng không hoàn tất: thoát đầu là những kỳ nghỉ bên bờ một cái hồ nước nhỏ ở Bohemia, năm sau sang Yugoslavia, năm sau nữa trở lại hồ, và năm kế tiếp tại một thị trấn khoáng tuyến ở Bohemia; nhưng thứ tự những kỳ nghỉ này, cô không nhớ rõ. Năm 1964 vợ chồng viếng Tatras, năm sau đi Bulgaria, nhưng rồi cô không tài nào nhớ tiếp. Năm 1968 suốt kỳ nghỉ hai người không đi đâu, chỉ ở lại thủ đô Praha, năm sau trở lại thị trấn khoáng tuyến, và rồi đến chuyển vượt biên. Lần cuối trước khi chồng cô qua đời, hai người đi Italy nghỉ hè.

Sau một hồi cố gắng không kết quả, Hugo lật thân hình cô lại cho nằm sấp. Cô nhận ra anh chàng muốn cô chống hai tay quỳ hai chân như con chó. Ngay lúc đó, cô bỗng nhớ ra Hugo trẻ tuổi hơn mình, và cô cảm thấy xấu hổ. Nhưng cô vẫn cố gắng làm đông cứng mọi cảm giác và nghe lời anh chàng với thái độ dửng dưng. Đoạn cô cảm thấy đôi mông mình như có người lấy bao cát động mạnh. Cô nhận ra anh chàng Hugo này đang biểu diễn cho cô xem sức mạnh và sự dẻo dai của anh chàng. Anh chàng đang thi thử tài năng trong một trận quyết đấu ác liệt, một trận thư hùng sống mái để chinh phục cô, cho cô thấy mình rất xứng đáng được cô giang hai tay đón nhận.

Cô không biết Hugo không nhìn thấy mặt cô. Hình ảnh chập chờn của đôi mông Tamina (đôi mắt của cặp mông vun tròn tuyệt đẹp, đôi mắt vô cảm nhìn chòng chọc vào anh) khiến cơn hưng phấn dâng tràn đến nổi

anh phải nhắm mắt lại, thúc hông chậm lại, và thở hỗn hển. Bây giờ chính anh cũng muốn nghĩ đến cái gì khác (điểm chung duy nhất giữa hai người), để có thể tiếp tục làm tình với cô.

Trong lúc ấy Tamina thấy khuôn mặt to tướng của chồng cô hiện ra trên mặt chiếc tủ áo màu trắng kê trong phòng trước mặt. Cô vội vàng nhắm mắt và tập trung ý nghĩ về thứ tự những kỳ nghỉ hè như thể đây là những động từ bất quy tắc: trước hết là những kỳ nghỉ ở bờ hồ; rồi đến Yugoslavia, bờ hồ, và thị trấn khoáng tuyến – hay là thị trấn khoáng tuyến trước, Yugoslavia, rồi mới đến bờ hồ; mãi sau mới là Tatras và Bulgaria, rồi không nhớ gì thêm cho đến năm ở lại Praha, thị trấn khoáng tuyến, và sau cùng là Italy.

Tiếng thở phì phò như bò kéo xe của Hugo khiến những hình ảnh kỷ niệm chợt tan biến, cô mở hai mắt và lại thấy chân dung anh chồng hiện ra trên cánh cửa tủ màu trắng.

Đột nhiên Hugo cũng mở mắt. Nhìn thấy đôi mắt trên朦胧 Tamina, khoái cảm trong người anh bỗng lóe lên như một tia chớp giật.

22.

Cậu em Tamina đã không cần phá ngăn kéo lấy gói thư. Ngăn kéo không khóa và mười một cuốn sổ tay vẫn còn nguyên, nhưng cùng với những lá thư, đó là một đồng giấy vung vãi bừa bộn. Cậu hốt tất cả rồi nhét vào một cái cặp da đem về giao cho người cha.

Trên điện thoại, Tamina dặn cha mình dán băng keo cẩn thận tất cả đồng thư và mười một cuốn sổ tay thành một gói, cô lặp đi lặp lại rằng cả ông lẫn cậu em,

không ai được quyền đọc những gì cô viết trong đó.

Bị chạm tự ái, ông già bảo cô ông chẳng bao giờ muốn học theo cái tính tò mò tọc mạch của bà mẹ chồng cô. Nhưng tôi biết (và Tamina cũng biết) rằng có những chuyện không ai có thể ngăn được cảm dỗ: tai nạn xe cộ, chẳng hạn, hoặc thư tình của người khác.

Và thế là những lá thư cuối cùng nằm trong tay cha Tamina. Nhưng cô còn thấy chúng giá trị nữa không? Chẳng phải chính cô đã nói đi nói lại cả trăm lần, nếu có người ngoài đọc được thì nó sẽ như giọt mưa lần hồi xóa mờ dòng chữ chạm khắc trên tường đá, đấy ư?

Không, cô sai rồi. Hơn bao giờ cô vẫn muốn lấy về gói thư, hơn bao giờ nó vẫn là cái gì thật quý giá đối với cô. Mấy cuốn nhật ký đã bị xúc phạm một cách thảm thương, cũng như cô đã bị, bởi thế cô và ký ức cô có cùng một số mệnh ràng buộc lấy nhau. Càng nghĩ ngợi cô càng yêu quý nó nhiều hơn.

Nhưng cô cảm thấy buồn bã vô hạn.

Lâu rồi, năm cô lên bảy tuổi, có một ông chú vô tình bắt gặp cô ở trường trong phòng ngủ. Cô cho đó là điều ô nhục lắm, và cô nổi loạn. Cô thề suốt đời không bao giờ nhìn mặt ông chú, và mặc những người trong gia đình la mắng, chế giễu, cô nhất quyết tránh mặt ông chú mỗi lần ông đến nhà thăm.

Bây giờ cô cũng ở vào một tình huống tương tự. Mặc dù biết ơn hai người, nhưng cô không muốn trông thấy mặt cha và cậu em nữa. Sáng tỏ hơn bao giờ, cô hiểu ra cô không sẽ không bao giờ trở về, dù chỉ để thăm viếng.

23.

Được làm tình với Tamina là một thành công lớn đối với Hugo, nhưng cùng lúc nó cũng đem lại cảm giác thất vọng to lớn không kém. Bây giờ anh có thể làm tình với cô bất cứ lúc nào anh muốn (cho một lần rồi, cô đâu thể từ chối, không cho nữa), nhưng anh cảm thấy rõ ràng anh đã không quyến rũ được cô, không làm cô rung động. Vì sao, trời ơi, vì sao một thân thể trần truồng nằm yên ngoan ngoãn dưới thân thể anh lại có thể đứng vững, quá xa lạ, quá xa cách, như thế được? Chẳng phải anh muốn cô trở thành một phần cái thế giới bên trong anh, cái vũ trụ kỳ vĩ lớn lao định dạng bởi máu và tư tưởng siêu tuyệt của anh, đấy ư?

Ngồi đối diện nhau trong tiệm ăn, anh bảo cô: “Tamina, tôi sắp viết một cuốn sách, một cuốn sách về tình yêu, cô biết không, về cô và tôi, về hai chúng ta, một cuốn nhật ký thân thiết nhất, một cuốn nhật ký về thân xác hai chúng ta, cô biết không, tôi muốn quét đi sạch tất cả những ta-bu, những điều cấm kỵ, tôi muốn thuật tất cả, không giấu giếm điều gì, về chính tôi, tôi là gì, tôi nghĩ gì, và nó sẽ là một cuốn sách chính trị nữa, một cuốn sách chính trị về tình yêu, và cùng lúc, một cuốn sách của tình yêu về chính trị...”

Tamina nhìn chòng chọc vào mắt Hugo, đột nhiên anh chàng không chịu nổi tia mắt ấy nữa và mất hết ý thức mình đang nói gì. Anh muốn giam cầm cô trong cái vũ trụ kỳ vĩ lớn lao định dạng bởi máu và tư tưởng siêu tuyệt của anh, nhưng điều oái oăm là cô cũng bỏ thân bên trong thế giới của riêng cô. Không chia sẻ được với nhau, miệng anh thốt ra những từ càng lúc càng nặng nề, và tiếng nói càng lúc càng chậm lại:

“... Một cuốn sách của tình yêu về chính trị, cô biết

không, bởi vì chúng ta phải tái dựng lại thế giới trên căn bản nhân loại, căn bản của chúng ta, căn bản của thân xác chúng ta, thân xác cô, Tamina, thân xác tôi nữa, cô nghe không, để ngày nào đó sẽ có một cung cách hôn nhau kiểu mới, yêu nhau kiểu mới...”

Chữ nghĩa của anh càng lúc càng nặng nề, như một cái miệng đầy ứ thịt, không thể nào cử động quai hàm nổi. Hugo chột im lặng. Tamina kiêu mị, sao anh ghét cô đến thế! Anh nghĩ cô đang trèo lên số mệnh của chính cô. Cô trèo lên ngai trên quá khứ một di dân, một quả phụ, làm như đó là tòa nhà chọc trời cho cô nhìn xuống mọi người bên dưới với lòng tự phụ phù hư, giả dối. Trong lòng Hugo bỗng dấy lên cảm giác ganh tị, anh suy nghĩ về tòa tháp cao, mà anh cũng đang cố công xây đắp, đối diện với tòa nhà chọc trời của cô. Nhưng cô đâu thèm nhìn sang nó: một tòa tháp dựa trên nền tảng một bài viết đăng báo và một cuốn sách chưa xuất bản, thậm chí chưa viết chữ nào, nói về tình yêu của hai người.

Tamina bỗng cắt ngang dòng suy tưởng của anh: “Bao giờ anh đi Praha?”

Đến đây thì Hugo nhận ra rõ như ban ngày rằng cô chẳng bao giờ yêu anh. Cô đến với anh chỉ vì cô cần anh mò sang cái thành phố khốn nạn ấy đem về cho cô mấy cuốn sổ tay và đồng thư từ khốn nạn không kém. Lòng anh sôi lên với ý tưởng phải trả thù:

“Tamina,” anh bảo cô, “tôi tưởng cô nhìn ra sự việc rồi chứ. Cô đọc bài viết của tôi rồi, phải không?”

“Vâng, tôi đọc rồi.” Cô đáp lời.

Anh không tin. Và nếu quả thực cô đã đọc rồi thì hiển nhiên cô chẳng thấy nó thú vị, hay ho gì. Anh không hề nghe cô nhắc đến nó. Hugo biết rằng cảm giác sâu thẳm duy nhất anh có thể sở hữu là lòng

trung thành với tòa bảo tháp bị bỏ quên, không người thừa nhận (tòa tháp một bài viết đăng báo và một cuốn sách chưa viết, về tình yêu của anh cho Tamina), anh cũng biết rằng anh có khả năng xung ra trận chiến đấu trong mọi trường hợp để bảo vệ tòa tháp đó và bắt Tamina mở to đôi mắt kinh ngạc, thán phục chiều cao của nó.

“Nói cho cùng, chắc cô hiểu bài viết đó của tôi luận về sự lạm dụng quyền lực. Tôi phân tích một cách rạch ròi quyền lực vận động như thế nào. Đoạn tôi gay gắt phê phán những sự việc đang xảy ra trên quê hương cô, và trong bài viết, tôi đã không ngần ngại vạch trần tất cả mọi sự việc sai trái, khuất tất, không kiêng dè một ai.”

“Này, anh nghĩ là ở Praha, họ đọc bài viết của anh à?”

Câu nói mỉa mai khá cay độc của Tamina khiến Hugo bị thương tổn nặng nề. Anh trầm giọng bảo cô: “Cô ra khỏi nước lâu rồi nên không biết đấy thôi, cô quên mất bọn công an xứ cô có thể nhúng tay làm bất cứ chuyện động trời nào. Bài viết của tôi gây xáo trộn không ít. Tôi nhận được không biết bao nhiêu thư từ gửi về từ khắp nơi. Công an xứ cô biết tôi là ai. Tôi biết chắc như thế.”

Tamina im lặng, trông cô càng diêm lệ. Chúa ơi, anh chàng hứa với cô sẽ đi Praha cả trăm lần nhưng với điều kiện cô phải mở một chút xiu đôi mắt đẹp kia để nhìn vào thế giới mà anh muốn nắm tay dắt cô vào, cái thế giới làm bằng máu và ý tưởng của anh! Hugo đột ngột đổi giọng:

“Tamina,” giọng anh đượm buồn, “tôi biết cô khó chịu với tôi vì tôi không thể đi Praha được nữa. Thoạt đầu tôi ngỡ là tôi có thể khoan đăng bài viết, nhưng tôi

nhận ra tôi không có quyền kéo dài thời gian chờ đợi. Cô hiểu không?”

“Không, tôi chẳng hiểu gì cả.” Tamina đáp lời anh.

Hugo biết miệng anh đang thốt ra những điều vô nghĩa lý, những điều lôi kéo anh vào một vị thế anh chẳng muốn tí nào, nhưng anh không thoái lui được nữa, và anh đâm ra chán nản vô cùng. Những vết sần đỏ nổi trên da mặt anh, giọng anh bỗng run rẩy: “Cô không hiểu thật à? Tôi không muốn những điều xảy ra cho cô trên đất nước cô có ngày tái diễn ngay tại đây, cho tôi, cho cô! Nếu chúng ta cứ giữ im lặng mãi thì tất cả chúng ta sẽ biến thành nô lệ!”

Ngay lúc đó, một cảm giác kinh tởm bỗng bốc lên dữ dội trong người Tamina, cô đứng bật dậy chạy ào vào toa-lét; ruột gan, bao tử cô lộn ngược lên cuống họng, cô quỳ xuống trước bàn cầu rồi nôn thốc nôn tháo cả mật vàng mật xanh, người cô gập lại như thể đang khóc, trước mắt cô là hình ảnh cái dương vật lủng lẳng của thằng con trai như cái đầu con rắn chui ra từ đám lông đen xoắn tít, và mùi chua thum thum toát ra từ miệng hắn, và cảm giác gớm ghiếc dúi hẳn cọ xát lên mông cô, chẳng còn cái gì là của chồng cô nữa, cái ghê tởm lưu lại trong trí óc thì mạnh hơn cái dịu êm (ôi, đúng vậy, Chúa ơi, cái ghê tởm lưu lại trong trí óc thì mạnh hơn cái dịu êm!), chẳng còn gì lưu lại trong cái đầu tội nghiệp đáng thương của cô ngoại trừ mùi hôi thối từ miệng thằng con trai, và cứ thế cô nôn mửa, gập bụng lại mà nôn mửa.

Cô bước ra khỏi toa-lét, miệng cô (vẫn còn đầy vị chua của a-xít) khép kín.

Anh chàng Hugo ngượng lắm. Anh muốn đưa cô về nhà, nhưng cô không nói gì, đôi môi mím chặt (như trong giấc mơ cô ngậm trong miệng chiếc nhẫn vàng).

Lúc Hugo mở miệng nói cái gì đó, cô sai chân bước nhanh hơn. Chẳng bao lâu anh hết điều để nói, và bước thêm vài mét nữa bên cạnh cô trong im lặng. Rồi anh dừng lại, đứng ngay đó không nhúc nhích. Cô bước thẳng về phía trước, không hề ngoái lại liếc nhìn.

Cô tiếp tục bùng cà phê cho khách và không bao giờ gọi điện về Praha nữa.

Chú thích của người dịch:

¹ *West-östlicher Diwan* (Thi ca Tây-Đông) nhan đề một tập thơ của thi hào Đức Johann Wolfgang von Goethe [1749-1832], biểu tượng cho văn hóa giao thoa Đông-Tây hòa hợp.

PHẦN V

Litost

Kristyna là ai?

Kristyna là người đàn bà trạc ba mươi tuổi, có một đứa con với anh chồng làm chủ một cửa hàng bán thịt mà cô cảm thấy không tẻ lắm sinh sống dưới cùng mái nhà. Cô có áp-phe với anh thợ sửa xe trong tỉnh, nhưng hai người họa hoằn lắm mới gặp nhau một lần sau giờ làm việc, và mỗi lần như thế anh thợ đề nghị cô ra làm tình ngay trong xưởng sửa xe bề bộn kinh khiếp của anh ta. Cái tỉnh lẻ ấy không phải nơi thuận tiện cho những mối tình vụng trộm, hay đúng hơn, để có những trò phiêu lưu tình ái, người ta phải có óc sáng kiến và tính bạo dạn, cả hai Kristyna đều không có.

Bởi thế sự xuất hiện của anh chàng sinh viên trong cuộc sống Kristyna đã khiến cô có thể ngược đầu lên cao. Anh theo mẹ xuống tỉnh nghỉ hè. Hai lần anh nhìn người đàn bà đứng sau quầy bán thịt không chớp mắt, lần thứ ba anh trao đổi dăm câu xã giao với cô tại bể bơi. Anh rụt rè lắm, và chính cái vẻ thư sinh đáng yêu của anh đã quyến rũ người đàn bà trẻ. Trước đó, cô chỉ biết cái thô lỗ, cục cằn của anh chồng và anh thợ sửa xe. Từ ngày lấy chồng (đã mười năm), cô không dám ôm thân hình người đàn ông nào khác, ngoại trừ bên trong cái xưởng sửa xe an toàn nhưng bề bộn trăm thứ cơ phận ô-tô và bánh xe cũ. Đột nhiên cô

thấy mình bạo dạn hẳn lên, cô không sợ ai nhòm ngó mỗi lần ra ngoài hẹn hò với chàng sinh viên. Mặc dù địa điểm hai người hẹn nhau ra đi bộ khuất xa thị trấn, chẳng có con mắt nào nhìn theo dò xét, nhưng trái tim Kristyna đập loạn xạ và cảm giác hồi hộp nơm nớp lo sợ luôn tràn ngập trong lòng cô. Nhưng càng can đảm đối diện với hiểm nguy cô càng thấy tình cảm với chàng sinh viên dâng lên chan chứa. Hai người không đi xa lắm. Anh chàng chỉ ôm vội cô vài lần, đặt một nụ hôn triu mến lên môi cô, đoạn cô chuôi người ra khỏi tay anh. Lúc anh vuốt ve thân hình cô, cô khép hai đùi lại thật chặt.

Chẳng phải cô không thích chuyện yêu đương xác thịt với anh chàng sinh viên. Chính vì yêu cái dịu dàng nhút nhát của anh chàng mà cô muốn cất giữ nó cho riêng mình. Nghe anh sinh viên giải thích những tư tưởng lạ về cuộc sống và nhắc tên tuổi thi sĩ này, triết gia nọ, Kristyna thấy thú vị, mặc dù cô chẳng bao giờ nghe trong đời. Về phần anh sinh viên, tội nghiệp anh chàng, anh chẳng biết nói gì hơn, tài ăn nói rù quên đàn bà của anh chỉ tới chừng đó, và anh cũng không biết thay đổi phong vị như thế nào cho phù hợp với phụ nữ ở những tầng lớp xã hội khác nhau. Dù sao chẳng nữa, ở mặt này, anh không tự trách mình, bởi những từ chương trích cú anh thuổng từ sách vở nhà trường có hiệu quả với người đàn bà giản dị vợ anh hàng thật hơn là các cô nàng sinh viên bạn học của anh. Tuy thế có một trở ngại đáng kể: câu nói của ngài triết gia nào đó khiến tâm hồn người phụ nữ dung dị này như được nâng cao lên, nhưng nó cũng là bức tường ngăn cản không cho thân xác cô cọ xát thân xác anh. Bởi bên trong cái trí tưởng tượng lãng đãng của mình, Kristyna nghĩ rằng nếu cô hiến dâng thân xác

mình cho anh chàng sinh viên thì cô chỉ tự hạ tình cảm cô ngang với anh chồng hay anh thợ sửa xe, và cô sẽ chẳng bao giờ được nghe một câu danh ngôn của Schopenhauer.

Với anh chàng sinh viên, cô thấy vương vấn trong lòng một cảm giác ngượng ngùng cô chưa từng có trong đời bao giờ. Với anh chồng bán thịt và anh thợ sửa xe, mọi việc cô ứng xử chóng vánh, vui vẻ. Chẳng hạn, cả hai người đàn ông đều đồng ý với cô rằng họ phải cẩn thận mỗi lần gần cô, bởi sau khi hạ sinh đứa con đầu lòng, bác sĩ khuyên cô không nên mang thai lần nữa vì có thể nguy hại đến tính mạng. Chuyện đó xảy ra lâu lắm rồi, từ thời phá thai còn bị nghiêm cấm, và phụ nữ chưa biết cách ngừa thai. Anh chồng và anh thợ, cả hai đều hiểu nỗi lo sợ của Kristyna, và trước khi cô cho phép họ đi vào, với lời lẽ hài hước và tự nhiên, cô khiến họ sử dụng những biện pháp ngăn ngừa cần thiết. Nhưng với thiên thần từ mây trên trời rớt xuống hạ giới này, cô không biết phải dùng thứ ngôn từ gì. Bởi thế, tôi đành đi đến kết luận là, có hai động lực khiến cô trì giữ đam mê thể xác, không cho nó bùng nổ: cô muốn anh sinh viên cứ ở bên trong lãnh địa thần tiên với dáng vẻ rụt rè đáng yêu của anh càng lâu càng tốt, và tránh né cái ghê tởm cô phải lộ ra – những lời dạn dò hết sức khiếm nhã, chẳng tình tứ lãng mạn chút nào, lúc yêu đương anh phải cẩn thận thể này, thể nọ – những điều không thể tránh nếu hai người làm tình.

Nhưng mặc dù là người nho nhã, anh sinh viên quyết không bỏ cuộc. Mặc cho Kristyna khép chặt hai đùi, anh vòng tay ra sau ôm chặt đôi mông cô, có nghĩa là miệng thì tuôn ra những câu chữ cao đẹp của Schopenhauer nhưng hai tay không muốn buông cái thân

hình nóng bỏng, đê mê đó.

Dẫu sao vụ nghỉ hè cũng đến lúc chấm dứt, và hai kẻ yêu nhau nhận ra rằng thật khó khăn nếu phải chờ đợi cả năm trời nữa. Kristyna chỉ cần nại một lý do nào đó để đi gặp anh sinh viên. Cả hai đều hiểu một buổi gặp gỡ như thế có ý nghĩa gì. Tại thủ đô Praha, anh sinh viên trọ học trên một căn gác xép, và Kristyna sẽ ở với anh một đêm trên đó.

Litost là gì?

Litost là một từ tiếng Tiệp không thể dịch sang bất cứ ngôn ngữ nào khác. Âm tiết đầu của nó kéo dài và nhấn mạnh, nghe như tiếng con chó tru thảm thiết vì bị chủ bỏ rơi. Về ý nghĩa của nó, tôi đã cố công tìm kiếm một ý nghĩa tương đương ở những ngôn ngữ khác, nhưng vô ích, và thật khó khăn cho tôi tưởng tượng làm thế nào người ta có thể hiểu được tâm hồn con người mà không hiểu ý nghĩa của nó.

Hãy cho tôi đưa ra một thí dụ: Một hôm, cậu sinh viên cùng cô bạn gái rủ nhau đi bơi sông. Cô là một nữ lực sĩ, nhưng cậu bơi rất kém. Lúc bơi cậu không biết thở cho đúng cách và bơi rất chậm, đầu cậu ngửng lên cứng ngắc trên mặt nước. Cô yêu cậu lắm, và cô ý tứ bơi chậm lại cho ngang hàng với cậu. Nhưng khi gần đến bờ sông bên kia, bản năng lực sĩ khiến cô sải tay bơi vọt lên thật nhanh. Cậu sinh viên cố hết sức bơi đuổi theo và bị nước trào vô miệng. Tեն tò vì thể lực mình yếu hơn cô bạn gái, anh cảm thấy cái *litost* làm tim anh đau buốt. Anh nhớ lại thời thơ ấu hay đau ốm, và bởi thể lực kém lại không có bạn, tuổi thơ anh luôn luôn nằm dưới đôi mắt chăm lo quá đáng của bà

mẹ, anh đâm ra chán nản, không vui, với chính anh và cuộc sống. Anh và cô gái men theo con đường đất về lại thành phố. Bị tổn thương và cảm thấy nhục nhã, anh muốn đánh cô. “Anh làm sao thế?” Cô hỏi anh, và chỉ đợi có thể, anh dùng đùng đùng nổi giận lớn tiếng mắng cô xa xả: cô biết bờ sông bên kia nước chảy xiết như thế nào không? Tôi đã cấm cô không được bơi qua đó mà tại sao cô không nghe lời tôi, cô không sợ chết đuối, hả? Thế rồi anh tát cô một cái nổ đom đóm. Cô gái ôm mặt khóc òa. Thấy những giọt nước mắt trào ra từ mắt cô, giàn giụa hai má, anh thấy thương cô, ôm cô, và cái *litost* của anh tan biến.

Hoặc lấy một cảnh huống khác vào thời thơ ấu của cậu sinh viên: Cha mẹ bắt cậu học vĩ cầm. Cậu không có năng khiếu âm nhạc lắm, và thầy dạy hay la mắng cậu thậm tệ không chịu nổi. Cậu cảm thấy nhục nhã, chỉ muốn khóc. Nhưng thay vì cố gắng sửa đổi để kéo đàn cho đúng, cậu lại cố ý chơi sai. Tiếng mắng chửi của thầy dạy càng dữ dằn bao nhiêu, cậu càng chìm sâu vào cái *litost* của cậu bấy nhiêu.

Vậy, *litost* là gì?

Litost là tâm trạng đau đớn gây nên bởi sự khổ sở đột ngột đến với mình.

Một phương pháp chữa trị khổ đau thường thấy là tình yêu. Bởi kẻ yêu tuyệt đối là kẻ không thể khổ sở. Tất cả những khuyết điểm của hắn đều được cứu chuộc dưới đôi mắt màu nhiệm của tình yêu, mà ngay cả tài bơi kém cỏi với cái đầu ngửng trên mặt nước trông cũng đáng yêu.

Cái tuyệt đối của tình yêu thật ra là ước vọng đạt tới bản nguyên tuyệt đối: người đàn bà ta yêu phải bơi chậm lại cho ngang hàng với ta, cô ấy không được vui sướng ngoài nhìn lại quá khứ. Nhưng khi ảo tưởng

một bản nguyên tuyệt đối tan biến (cô gái vui sướng nhìn lại quá khứ hay bơi nhanh hơn) thì tình yêu biến thành ngọn nguồn vô tận cho mọi khổ đau, mà chúng ta gọi là *litost*.

Bất kỳ kẻ nào có nhiều trải nghiệm về những bất toàn của con người đều được che chắn, không bị những cú sốc của *litost* quật ngã quỵ. Đối với hắn, khổ đau chẳng có gì ghê gớm, thậm chí xoàng xĩnh, tầm thường. Bởi thế, *litost* là tính cách của tuổi đại khờ. Nó là một trong những món trang sức của tuổi trẻ.

Litost vận hành như một động cơ hai thì. Khổ đau dẫn đến cảm tức muốn trả thù. Mục đích của trả thù là khiến người kia cũng khổ sở, đau đớn như mình. Anh chàng bơi không giỏi, nhưng anh tát cô bạn gái đến phát khóc. Cả hai phải đồng đều như nhau thì mới giữ cho tình yêu không mất mát.

Bởi động lực chính xác của trả thù không bao giờ xuất lộ (anh sinh viên chẳng đời nào thú nhận với cô gái anh tát cô chỉ bởi vì cô bơi nhanh hơn anh), nó phải trưng ra những lý do giả tạo. Do đó, đi kèm với *litost* luôn luôn là tính đạo đức giả làm ra vẻ thương xót: anh quát lớn bảo anh chết khiếp vì sợ cô gái chết đuối; cậu bé cố ý kéo đàn trật nốt chỉ để giả vờ mình không có năng khiếu.

Thoạt đầu, chương sách này có tựa đề là “Cậu sinh viên là ai?” Xử lý từ *litost* có nghĩa là miêu tả chàng sinh viên, anh chính là hóa thân của từ đó. Chẳng trách cô gái cuối cùng bỏ anh. Bị tát vì bơi giỏi thì chẳng có gì vui.

Chị vợ anh hàng thịt anh gặp trong dịp về quê nghỉ hè đến với anh như cái băng cứu thương khổng lồ, nó có khả năng băng bó chữa lành tất cả những vết thương trong lòng anh. Cô xem anh như thần tượng,

lúc anh nói về Schopenhauer, cô không để lộ tính cách cá nhân độc lập của mình, cô không ngắt lời anh phản đối (như cô gái nọ trước đây), mà nhìn anh với đôi mắt long lanh nước mắt. Anh nghĩ anh thấy mắt cô có ngấn lệ lúc nhìn anh nói, cũng có thể chỉ vì anh cảm kích tình của cô mà thôi. Và, chúng ta đừng quên anh không gần đàn bà suốt thời gian từ lúc chia tay nữ lực sĩ bơi lội đến nay.

Voltaire là ai?

Voltaire là một giảng viên khoa nghệ thuật và văn học tại trường đại học, ông là người minh triết nhưng hung hăng lắm, lúc nhìn đối thủ, mắt ông long lên sòng sọc, trông thật dữ tợn. Đủ lý do để gọi ông là Voltaire.

Ông mến anh sinh viên, điều đó chẳng dễ đâu, bởi ông rất khó tính trong quan hệ giao tiếp với người xung quanh. Một hôm sau giờ học, ông bước lại gần anh sinh viên hỏi anh tối hôm sau rảnh không. Nhưng than ôi, tối hôm sau Kristyna lặn lội từ dưới tỉnh lên Praha gặp anh. Thu hết can đảm anh sinh viên bảo Voltaire tối mai anh bận việc rồi. Nhưng Voltaire phẩy đi lời từ chối của anh: “Hoãn công việc của anh lại. Bỏ qua dịp này anh sẽ tiếc lắm.” Đoạn ông bảo anh tối mai các thi sĩ danh tiếng nhất nước sẽ tụ họp tại Câu lạc bộ Nhà văn, và ông, Voltaire, sẽ giới thiệu anh với các thi sĩ.

Vâng, ngài thi sĩ vĩ đại, mà Voltaire có viết một chuyên luận về ông, và ông cũng hay ghé nhà riêng thăm viếng, cũng sẽ có mặt. Ông già yếu lắm rồi, đi đứng phải chống nạng. Vì thế ông ít ra khỏi nhà, và cơ

hội gặp ông quả là hãn hữu.

Anh sinh viên đọc rất kỹ sách của tất cả các thi sĩ có mặt tối mai tại Câu lạc bộ Nhà văn, và thơ của ngài thi sĩ vĩ đại thì anh thuộc nằm lòng nhiều bài. Anh vẫn mơ ước có ngày gặp họ và được họ tiếp chuyện suốt một buổi tối để nghe họ nói về cái hay, cái đẹp của thi ca. Nhưng anh nhớ ra cả mấy tháng rồi anh không gần đàn bà, và anh bảo ông Voltaire anh không thể đến được.

Ông Voltaire không hiểu nổi cái gì có thể quan trọng, cấp thiết hơn đi gặp những vĩ nhân của đất nước. Một người đàn bà chẳng? Có thể hoãn lại được không? Đột nhiên cặp kính ông lóe lên những tia nhìn châm biếm. Nhưng trước mặt anh sinh viên là hình ảnh chị vợ anh hàng thịt, rụt rè, khép nép, mà suốt ba tháng hè anh vẫn không tài nào lột được quần áo chị, và anh đã phải vận dụng tối đa cố gắng để lắc đầu nói với ông Voltaire rằng rất tiếc anh không đi được. Ngay lúc đó, Kristyna quý giá tương đương với tất cả thi ca của đất nước.

Thỏa hiệp

Sáng hôm sau cô đến nơi. Ban ngày cô chạy đi làm vài việc vặt để làm bằng chứng cho anh chồng thấy lý do cô vắng nhà vài hôm. Anh sinh viên hẹn gặp cô vào buổi tối tại một nhà hàng do chính anh chọn. Lúc bước chân vào tiệm, anh xuýt đâm hoảng: tiệm đông nghẹt thực khách đang say khướt, và cô tiểu thiên tinh tỉnh lẻ của anh ngồi một mình tuốt trong góc gần toa-lét, bàn cô ngồi không phải cho khách mà là chỗ để bát đĩa bẩn. Bộ y phục cô mặc trên người trông trang

trọng một cách quē kệch, nó là bộ cánh của một chị nhà quē sau thời gian dài không lên tỉnh và bây giờ nôn nao, háo hức, cái gì cũng muốn xem qua, cũng muốn nếm thử. Trên đầu cô đội một chiếc mũ, cổ đeo sợi dây chuỗi hạt màu sắc lòe loẹt, và chân thì đi đôi giày cao gót màu đen.

Hai má anh sinh viên nóng bừng – không phải vì phấn khởi, mà vì thất vọng. Ấn tượng Kristyna, người đàn bà giữa không gian một tỉnh lẻ với anh hàng thịt, chú thợ sửa xe, và các ông già bà cả hưu dưỡng, trông hoàn toàn khác lạ tại Praha, thành phố đô hội với những cô cậu sinh viên thời trang thanh tú, lịch lãm. Với sợi chuỗi hạt kỳ cục đeo trên cổ và chiếc răng vàng lấp lánh (hàm trên gần khoe miệng), hình như cô là âm bản tương phản hoàn toàn với cô gái trong bộ *jean* xinh xắn, tươi trẻ, người đã nhấn tâm bỏ rơi anh mấy tháng trời nay. Anh ngượng ngùng tiến đến bàn cô ngồi, ôm theo cái *litost* của anh.

Anh sinh viên thất vọng, và Kristyna cũng thất vọng không kém. Nhà hàng anh hẹn gặp có cái tên khá hay – Hoàng Đế Wenceslaus – và Kristyna, vốn không quen thuộc Praha lắm, tưởng đó là một nơi sang trọng, và ăn tối với nhau xong anh sinh viên sẽ dẫn cô đi xem cảnh đô hội phố phường. Lúc cô nhận ra cái nhà hàng Hoàng Đế Wenceslaus này chẳng khác chỗ anh thợ sửa xe ngồi uống bia và cô phải ngồi tại bàn tuốt trong góc gần toa-lét, thì lòng cô tràn ứ một cảm xúc, nhưng nó không phải cái *litost* tôi đề cập, mà là nỗi bức dọc rất thông thường. Nói như thế, tôi muốn ám chỉ cô không thấy khổ sở hay ô nhục, cô chỉ giả dị nghĩ anh sinh viên đã không biết ứng xử sao cho đẹp. Và cô không ngần ngại nói tuột ra những ý nghĩ đó với anh. Nét giận dữ hiện rõ trên mặt cô, và những lời lẽ đánh

đá cô buông ra với anh chẳng khác gì lúc cô nói với anh chồng hàng thịt.

Hai người đứng đối diện nhau. Cô mồm năm miệng mười cao giọng mắng nhiếc anh xa xả và anh chỉ biết lí nhí chống đỡ yếu ớt. Anh càng thấy cô quê mùa, khó ưa. Anh chỉ muốn đưa cô về phòng ngay để tránh những tia mắt xoi mói khó chịu của mọi người xung quanh, và hy vọng không gian riêng tư sẽ khiến tình cảm thương mến trở lại. Nhưng cô không chịu. Đã lâu lắm rồi cô không lên thủ đô, và cô muốn đi chơi, xem cảnh đây đó, chứ về phòng thì buồn chết. Đôi giày cao gót và sợi chuỗi hạt to dùng của cô cũng lớn tiếng đòi hỏi quyền lợi của chúng.

“Nhưng cái quán này hay lắm. Tất cả những người tài giỏi danh tiếng ở thủ đô đều vào quán này ăn uống.” Anh sinh viên chống chế, như ngầm bảo chị vợ anh hàng thịt chẳng biết tí gì về thủ đô. “Rất tiếc là hiện giờ quán không còn bàn, và chúng mình đành phải đi tìm nơi khác.” Nhưng hình như mọi thứ toa rập nhau chơi khăm anh chàng, vì chẳng quán nào còn bàn trống, và khoảng cách giữa các quán cũng xa nhau lắm, đi diều ngoài đường phố bên cạnh người đàn bà đội chiếc mũ bé xiu kỳ dị trên đầu, sợi chuỗi lủng lẳng trên cổ và chiếc răng vàng lấp lánh trong miệng, anh chỉ muốn độn thổ. Phố phường đầy đàn bà trẻ đẹp ngược xuôi, anh sinh viên cảm thấy anh sẽ không bao giờ tự tha thứ được vì đã hy sinh một buổi tối đi gặp những thi sĩ lớn nhất nước cho một chị đàn bà chẳng ra gì. Nhưng anh không tỏ thái độ khó chịu với cô, bởi, như tôi nói, đã lâu lắm anh không lên giường với đàn bà. Để giải quyết cái tình cảnh cực kỳ khó phân xử này, cần có một thỏa hiệp thập phần kỳ diệu.

Cuối cùng hai người tìm được chỗ ngồi tại một

quán cách xa trung tâm thị tứ. Anh sinh viên gọi hai ly rượu khai vị rồi buồn bã nhìn thẳng vào mắt Kristyna: Ở thủ đô Praha này, anh bảo cô, cuộc sống có đầy những bất ngờ. Mới hôm qua thôi, ngài thi sĩ nổi tiếng nhất nước gọi điện cho anh. Anh bảo cô thế.

Kristyna giật mình khi nghe anh thốt tên ngài thi sĩ. Thuở cấp sách đến trường, cô học thuộc lòng nhiều bài thơ của ông. Tên tuổi những vĩ nhân chúng ta học ở trường có cái gì siêu phàm, không thực, mà ngay cả khi còn tại thế, họ cũng được đưa vào đền thờ những kẻ đã chết. Kristyna không thể tin anh sinh viên là chỗ quen biết ngài thi sĩ.

Dĩ nhiên anh quen ngài thi sĩ, anh bảo cô. Thậm chí luận văn thạc sĩ của anh, anh viết về ông, một chuyên luận rất có thể sẽ được in thành sách nay mai. Lý do anh chưa kể chuyện này cho cô nghe vì anh sợ cô nghĩ anh có tính khoe khoang, tự phụ, nhưng ngay bây giờ anh phải nói vì ngài thi sĩ vĩ đại đột ngột xuất hiện, khiến anh và cô bị ngăn cản. Một buổi hội luận gồm các thi sĩ danh tiếng nhất nước được tổ chức ngay tối nay tại Câu lạc bộ Nhà văn, và chỉ một số rất ít nhà phê bình cùng những người quen trong nhóm được mời tham dự. Một buổi hội luận cực kỳ hệ trọng. Sẽ có những tranh luận sôi nổi, lửa sáng tạo sẽ bắn ra tứ tung, một buổi trao đổi thi ca nhớ đời. Nhưng hiển nhiên anh sinh viên không đến tham dự, anh dành thời gian cho Kristyna vì anh cảm kích cô đã lặn lội từ dưới quê lên kinh đô gặp anh.

Ở cái xứ sở dĩ thường nhưng thơ mộng của tôi, thi sĩ vẫn còn sức hấp dẫn trái tim phụ nữ. Kristyna thán phục anh sinh viên vô hạn, cô thấy lòng mình chùng xuống với cảm giác thương mến lạ lùng muốn giúp anh đạt ước vọng. Với lòng vị tha bất ngờ và chân

thực, cô bảo anh đây là dịp không thể bỏ qua, anh nên đi gặp ngài thi sĩ vĩ đại.

Anh sinh viên bảo anh đã cố hết sức thuyết phục ban tổ chức cho anh đem cô đi theo. Nhưng không được. Ngay cả ngài thi sĩ vĩ đại cũng không được phép đem vợ theo. Buổi hội luận dành riêng cho những người có trình độ chuyên môn cao. Thoạt đầu anh định sẽ không đi, nhưng bây giờ anh nhận ra Kristyna có lý. Đúng, ý kiến hay lắm. Anh sẽ chạy lại đó chừng một tiếng đồng hồ trong lúc Kristyna ở lại phòng đợi anh về, rồi anh mặc sức mặc tình ôm ấp người đàn bà suốt đêm, chỉ có anh và cô thôi trên căn gác trọ.

Mọi ý định đi xem kịch, văn nghệ tạp lục này nọ, bị dẹp qua một bên, Kristyna theo anh sinh viên về căn gác của anh. Vừa đặt chân vào phòng, cô có cảm giác thất vọng y như lúc cô vào nhà hàng Hoàng Đế Wenceslaus lúc nãy. Nó chỉ là một căn gác áp mái bé xíu, một căn phòng đơn độc, đồ đạc gồm vồn vẹn một cái bàn học và một cái đi-văng làm giường ngủ. Nhưng cô không còn tin tưởng vào phán đoán của mình nữa. Cô đặt chân vào một thế giới với những bậc thang giá trị kỳ bí cô không sao hiểu nổi. Bởi thế, cô nhanh chóng tự thích nghi với căn phòng dơ bẩn chịu không nổi và chẳng tiện nghi chút nào của anh sinh viên, cô vận dụng tất cả bản năng nữ tính của mình để tìm sự thoải mái. Anh sinh viên bảo cô gỡ mũ, rồi anh hôn nhẹ lên má cô, mời cô ngồi xuống đi-văng, và chỉ cho cô thấy cái kệ sách nhỏ, cô có thể lấy đọc cái gì đó giết thì giờ trong lúc đợi anh về.

Kristyna chợt hỏi anh: “Anh có cuốn sách nào của ngài thi sĩ vĩ đại anh sắp đi gặp không?”

Có, anh sinh viên bảo cô.

Cô hỏi tiếp, giọng hơi bền lên: “Anh có thể tặng em

cuốn sách đó của anh làm kỷ niệm, được không? Và anh nhờ ngài thi sĩ ký tên lên sách cho em?”

Anh sinh viên thấy vui vui trong lòng. Chữ ký của ngài thi sĩ vĩ đại sẽ thay thế buổi xem kịch và các màn văn nghệ tập lục. Anh cảm thấy khá áy náy và anh sẵn sàng làm bất cứ điều gì cho Kristyna vui lòng. Quả như anh dự đoán, không gian thân mật trong căn phòng nhỏ đã khiến Kristyna duyên dáng, dễ mến trở lại. Những nàng thiếu nữ trẻ trung, xinh đẹp ngoài đường phố biến mất, nhường chỗ cho một Kristyna hiền lành, dung dị, với cái mê hoặc âm thầm xâm chiếm cả căn phòng. Thất vọng cũng từ từ tan biến, và anh sinh viên đi đến Câu lạc bộ Nhà văn, trong lòng thấy bình yên, sung sướng với ý nghĩ một buổi tối mà có đến hai chương trình tuyệt diệu đang chờ đón.

Các ngài thi sĩ

Anh đứng đợi ông Voltaire trước cửa Câu lạc bộ Nhà văn rồi cùng ông bước lên tầng hai. Hai người đi ngang phòng gửi áo choàng rồi bước vào một gian tiền sảnh. Họ nghe tiếng người nói ồn ào như chợ vỡ từ phòng trong vọng ra. Lúc ông Voltaire đẩy cánh cửa bước vào, anh sinh viên thấy tất cả thi ca của đất nước xung quanh một cái bàn lớn, ngồi cả ở đây, chẳng thiếu một ai.

Tôi quan sát họ từ khoảng cách thật xa, hai nghìn kilô-mét. Đó là mùa Thu năm 1977, chín năm trời quê hương tôi mơ màng trong giấc ngủ ngọt ngào từ khi bị đế quốc Nga siết chặt, Voltaire bị đuổi khỏi trường đại học, và tất cả sách của tôi bị hốt sạch từ thư viện đem về vứt đồng trong gian hầm tối nào đó của nhà nước.

Đợi thêm vài năm, một hôm tôi leo lên xe và cứ thế lái càng xa càng tốt về hướng tây, đến Rennes của Breton thì tôi dừng lại và ngay hôm đầu tôi thuê một căn hộ ở tầng trên cùng một khu chung cư cao nhất thành phố. Khi mặt trời đánh thức tôi dậy sáng hôm sau, tôi nhận ra cái cửa sổ lớn trong phòng hướng về phía đông, phía Praha.

Và thế là tôi quan sát họ từ cái vọng đài trên cao, nhưng khoảng cách quá xa xôi. Rất may, có giọt nước mắt trong mắt tôi khiến tôi như được ban cho thiên lý nhãn, và tôi nhìn thấy thật rõ ràng mặt mũi từng người. Tôi thấy ngài thi sĩ vĩ đại ngồi chắc nịch giữa những người khác. Trông ông chắc chắn phải trên bảy mươi, nhưng mặt còn đẹp, đôi mắt còn tinh anh, thông tuệ. Cặp nặng dựng cạnh bàn ngay bên người ông.

Tôi trông thấy họ giữa một kinh thành Praha tráng lệ cách nay mười lăm năm, lúc sách của họ chưa bị tịch thu đem vứt đồng trong hầm tối nhà nước, lúc họ vẫn có thể ngồi quanh một cái bàn lớn lỏng lỏng ly tách chai lọ, ồn ào và vui vẻ nói đủ thứ chuyện trên đời. Bởi rất quý mến họ nên tôi không muốn đặt bừa cho họ những cái tên tầm thường lấy ra từ cuốn niên giám điện thoại. Không muốn phơi bày tung tích họ, phải che giấu mặt họ đằng sau cái mặt nạ, tôi thích gán cho họ những cái tên lịch sử như một món quà, một bó hoa trao tặng, vinh danh họ.

Vì Voltaire là biệt danh do đám học trò đặt cho ông giảng viên, chẳng có gì ngăn cản tôi gọi ngài thi sĩ vĩ đại là Goethe.

Ngồi đối diện ông là Lermontov.

Và người ngồi đằng kia, với đôi mắt nhung mọ màng, tôi muốn gọi ông là Petrarch.

Rồi đến Verlaine, Yesenin và vài người khác không cần nhắc đến, kể cả vài người có lẽ có mặt trong phòng do nhầm lẫn. Dẫu từ khoảng cách xa xôi (hai nghìn kilô-mét), tôi vẫn thấy một người mà hiển nhiên không được thi ca hôn lên vàng trán, ông không thích thơ. Và tôi gọi ông là Boccaccio.

Voltaire nhắc hai chiếc ghế dựng sát tường đem lại bàn, ra hiệu cho anh sinh viên ngồi xuống cùng với ông, đoạn giới thiệu anh với mọi người. Các thi sĩ gật đầu chào xã giao, mọi người, trừ Petrarch bởi ông đang say sưa tranh luận điều gì đó với Boccaccio và không để ý anh sinh viên. Ông kết thúc bằng câu nói: “Đàn bà luôn luôn có cái gì đó khiến họ nằm thế thượng phong. Tôi có thể nói về điều đó từ tuần này sang tuần khác chưa hết.”

Như để khích lệ, Goethe bảo ông: “Tuần này sang tuần khác thì khí nhiều đấy, ông ạ. Nhưng ông có thể cho chúng tôi ít nhất mười phút nghe chuyện của ông, được chẳng?”

Chuyện của Petrarch

“Tuần rồi có chuyện động trời xảy ra cho tôi, các ông biết không? Vợ tôi vừa tắm xong, cô mặc chiếc áo choàng bông, mái tóc vàng chưa chải gỡ mà trông vẫn xinh đẹp. Chín giờ mười, tôi nghe tiếng chuông cửa. Ra mở tôi thấy một cô gái đứng dựa người vào tường. Tôi nhận ra cô ngay. Mỗi tuần một lần tôi có lớp dạy tại một trường nữ trung học. Họ tổ chức một câu lạc bộ thơ và tôi được mấy cô thầm ái mộ tôn sùng làm thần tượng.

“Tôi hỏi cô gái làm gì ở đây vào giờ này.

“Em cần nói chuyện với thầy!”

“Em cần nói chuyện gì?”

“Chuyện quan trọng lắm, em cần nói với thầy một chuyện vô cùng quan trọng.”

“Này, đã trễ lắm rồi, em không thể vào nhà được, nghe tôi nói này, em đi xuống lầu đợi tôi ngay cửa hầm than. Tôi sẽ xuống ngay.”

“Tôi vào phòng ngủ bảo vợ người ta bấm chuông lắm nhà. Đoạn tôi xách hai cái xô không, và với giọng bình thản như không có chuyện gì, tôi bảo cô tôi đi xuống hầm lấy than. Thật là ngu hết chỗ nói. Suốt ngày hôm đó túi mật tôi có vấn đề và tôi nằm bẹp trong nhà. Tự nhiên bây giờ sung lên đòi đi lấy than thì vợ phải nghi ngờ thôi.”

“Túi mật ông có vấn đề à?” Goethe tò mò hỏi.

“Cả mấy năm nay rồi, chán lắm!” Petrarch đáp.

“Sao ông không đi bệnh viện giải phẫu cho rồi.”

“Không đời nào!”

Goethe gật gù ra vẻ thông cảm.

“Tôi kể tới đâu rồi?” Petrarch hỏi.

“Tới đoạn túi mật có vấn đề và ông xách trên tay hai xô than.” Verlaine nhắc.

Petrarch kể tiếp: “Xuống tới hầm than tôi thấy cô gái đứng đó. Tôi bảo cô theo tôi vào trong và tôi lấy xẻng xúc than bỏ vào xô. Trong lúc tay làm việc tôi hỏi cô gái muốn gì thì cô chỉ lặp đi lặp lại một điều rằng cô phải gặp tôi. Xúc đầy một xô than rồi mà tôi vẫn chẳng hiểu cô gái muốn gì.

“Thế rồi tôi nghe tiếng chân bước xuống cầu thang. Tôi vội vàng xách cái xô than đầy chạy lên khỏi hầm. Vợ tôi đang đi xuống. Tôi nhét xô than vào tay cô: ‘Em xách cái này lên lầu ngay cho anh, anh xuống xúc nốt xô kia.’ Vợ tôi quay lui lên lầu với xô than, và tôi chạy

ào xuống hầm bảo cô gái không thể ở trong này được. ‘Em chịu khó đợi tôi ngoài đường nhé.’ Tôi xúc vội xô than thứ hai rồi bấm môi chạy lên lầu. Xong xuôi tôi hôn lên má vợ bảo cô đi ngủ. ‘Anh đi tắm một phát cho khỏe rồi vào với em, nha.’ Cô vào phòng ngủ và tôi vào phòng tắm mở nước. Tiếng nước xối xả chảy xuống bồn. Tôi tháo dép đi trong nhà, chân đi tất rón rén ra mở cửa căn hộ. Tại ngạch cửa tôi để đôi giày đi ban ngày hôm đó để cho thấy tôi không đi đâu xa. Tôi lấy một đôi giày khác đi vào chân và lên ra khỏi căn hộ.”

Petrarch kể đến đây thì Boccaccio ngắt lời: “Petrarch, tất cả chúng tôi đều biết ông là một thi sĩ vĩ đại. Nhưng bây giờ chúng tôi còn biết thêm ông là người biết tính toán nữa, một tay mưu lược cáo già, không giây phút nào bị đam mê của mình làm mờ mắt! Cái việc ông làm với đôi dép và hai đôi giày quả là một kiệt tác chứ chẳng chơi!”

Tất cả các thi sĩ khác đều đồng ý với Boccaccio và không tiếc lời ca ngợi khiến Petrarch cảm thấy hãnh diện, thấy rõ.

“Cô gái đứng đợi tôi ngoài đường. Tôi cố vồ về cô, bảo cô tôi phải vào nhà và đề nghị chiều mai cô trở lại, lúc vợ tôi đi làm. Ngay trước khu nhà có một trạm xe điện. Tôi bảo cô ra đón xe về đi. Nhưng lúc xe điện trở tới, cô phá lên một tràng cười rồi bước nhanh về phía khu nhà.”

“Đáng lẽ ông phải đẩy con bé xuống gầm xe điện.” Boccaccio mở miệng buông thõng một câu nghe chẳng thuận tai chút nào.

“Hỡi các bạn thân quý của tôi,” Petrarch tuyên bố, giọng trang trọng như đang đọc một bài diễn từ, “Có những lúc, dù đi ngược lại ý muốn, bạn vẫn phải tàn

nhấn với đàn bà. Thế là tôi bảo cô gái: ‘Nếu cô không về nhà ngay bây giờ thì tôi sẽ khóa cửa khu nhà lại. Cô đừng quên đây là nhà tôi và tôi không thể biến nó thành cái sân thóc, ai muốn vô thì vô!’ Và các bạn đừng quên rằng trong lúc tôi đang nhùng nhằng với cô gái trước cửa khu nhà thì vòi nước trong phòng tắm trên lầu vẫn đang tuôn chảy xối xả, và có lẽ nước sắp trào ra khỏi bồn!

“Tôi quay người phóng chân chạy thật nhanh vào cửa khu chung cư. Cô gái chạy theo tôi bèn gót. Tôi lọt vào trong rồi nhưng sự thể hình như không mấy tốt đẹp cho tôi, ngay lúc đó có người vào và cô gái nhân cơ hội cũng lách người vào theo. Tôi ba chân bốn cẳng phóng lên cầu thang! Tôi nghe tiếng chân cô đuổi theo. Căn hộ chúng tôi ở nằm trên lầu tư! Quả là một kỳ công! Nhưng tôi nhanh hơn cô một chút, và thiếu điều tôi đóng sầm cánh cửa vào mặt cô. Tôi cũng có đủ thời gian giật đứt phăng dây chuông điện bởi vì tôi biết cô sẽ đứng đó bấm chuông miết cho đến khi có người ra mở cửa. Sau đó, tôi nhón chân đi vào phòng tắm.”

“Lúc đó nước đã trào ra khỏi bồn tắm chưa?” Goethe hỏi, giọng lo lắng.

“Tôi tắt kịp ngay trước khi nước trào ra, ông ạ. Đoạn tôi ra cửa mở lỗ nhòm và thấy cô gái vẫn đứng đó, bất động, hai mắt tròn trừng nhìn lên cánh cửa. Hỡi các bạn của tôi ơi, tôi hoảng sợ đến phát khiếp, không biết cô gái định đứng đó đến bao giờ, suốt đêm chăng?”

Boccaccio có những hành vi hư đốn

“Petrarch, ông quả là kẻ thờ-phụng-đàn-bà hết thuốc

chữa.” Boccaccio chen vào. “Tôi có thể tưởng tượng mấy đứa con gái đó thành lập hội thơ và tôn sùng ông như thần Apollo. Tôi thì chẳng hề muốn gặp chúng nó làm gì. Một người đàn bà làm thơ bằng hai người đàn bà gộp lại. Chịu không nổi! Không thể nào chịu nổi đối với một kẻ ghét đàn bà như tôi.”

“Này ông Boccaccio,” Goethe ngắt lời Boccaccio, “Tại sao ông cứ hay vỗ ngực tự xưng mình là kẻ ghét đàn bà thế?”

“Bởi vì đàn ông mà ghét đàn bà mới ngon lành, ông hiểu chưa?”

Các thi sĩ khác nghe thế, nhất loạt la ó phản đối. Boccaccio phải cất giọng thật to để át tiếng họ:

“Làm ơn! Xin các bạn đừng hiểu lầm tôi! Kẻ ghét đàn bà không coi thường, khinh rẻ đàn bà, họ chỉ không thích cái tính chất đàn bà thôi. Xưa nay có hai loại đàn ông: Kẻ thờ phụng đàn bà, còn gọi là thi sĩ, và kẻ ghét đàn bà, hay chính xác hơn, sợ đàn bà. Kẻ thờ phụng đàn bà, hay thi sĩ, sùng thượng các giá trị nữ tính truyền thống như cảm xúc, mái nhà, tình mẫu tử, sự phong nhiêu, một giây phút điên loạn thần thánh, và tiếng nói thánh hóa bên trong chúng ta, trong khi đó đối với kẻ ghét đàn bà, hay sợ đàn bà, thì những giá trị này là nỗi kinh hoàng chỉ khiến người đàn ông khiếp hãi. Kẻ thờ phụng đàn bà sùng bái tính chất đàn bà, trong khi kẻ ghét đàn bà thích người đàn bà chứ không phải tính chất đàn bà. Đừng quên: đàn bà chỉ hạnh phúc với kẻ ghét đàn bà. Các ông thử nhìn lại mà xem, đã có người đàn bà nào hạnh phúc với bất cứ ai trong bọn các ông chưa?”

Lý luận cùng lời lẽ của Boccaccio chỉ khiến các thi sĩ phẫn nộ hơn và một lần nữa họ la ó phản đối.

“Kẻ thờ phụng đàn bà, còn gọi là thi sĩ, chỉ biết đem

lại bị kịch, đam mê, nước mắt, và mối lo cho đàn bà, chẳng bao giờ họ đem lại niềm hoan lạc cho người mình yêu. Tôi biết một kẻ như thế. Ông ta thờ phụng vợ mình. Rồi một ngày đẹp trời ông ta đi thờ phụng một người đàn bà khác. Ông ta không muốn gian dối với vợ, mà cũng không muốn bạc đãi người tình, vì làm thế là gây ô nhục cho cả hai. Thế là ông ta thú thật mọi chuyện với vợ, và nhờ vợ giúp cách giải quyết, vợ ông ta nghe xong ngã bệnh, ông ta chỉ biết đau khổ than khóc, còn cô nhân tình sau khi biết chuyện cũng không chịu nổi và đòi bỏ ông ta. Sầu thảm quá sức chịu đựng, ông ta ra nằm trên đường rầy xe điện. Chẳng may, tài xế thấy kịp thắng xe trước khi cán lên người ông ta, và kẻ thờ phụng đàn bà đó bị phạt năm mươi quan tiền vì tội cản trở giao thông.”

“Boccaccio là thằng bố láo!” Verlaine hét lên.

“Chuyện ông Petrarch vừa kể,” không thêm để ý tiếng hét phản đối chói tai của thi sĩ Verlaine, Boccaccio nói tiếp, “nó cũ rích và chẳng khác gì chuyện lão bạn tôi. Bà vợ với mái tóc vàng của ông có tội tình gì mà phải nghe ông nói một cách nghiêm túc về cái cô gái điên loạn ấy?”

“Ông biết gì về vợ tôi, hử?” Petrarch hậm hực đáp lại. “Vợ tôi là người bạn chí thiết luôn luôn chung thủy với tôi! Giữa chúng tôi không bao giờ có chuyện bí mật phải che giấu, giấu giếm!”

“Nếu vậy, tại sao ông thay đôi giày?” Lermontov hỏi.

Nhưng Petrarch tỏ ra chẳng bối rối chút nào. “Hồi các bạn của tôi, tại thời điểm nghiêm trọng đó, lúc cô gái đứng ngoài cửa và tôi bồn chồn trong lòng chẳng biết làm gì, tôi vào phòng ngủ và kể tất cả mọi chuyện cho vợ tôi nghe.”

“Y như gã thờ phụng đàn bà tôi quen!” Boccaccio

phá lên cười. “Kể tất cả! Đó là phản xạ tự nhiên của bất cứ kẻ thờ phụng đàn bà nào! Thế rồi ông nhờ vợ ông giúp cách giải quyết chứ gì!”

Giọng Petrarch bỗng trầm hẳn xuống, dịu dàng, êm ái: “Đúng, tôi nhờ cô ấy giúp tôi. Vợ tôi chẳng bao giờ từ chối giúp tôi điều gì. Lần này cũng thế. Cô đi ra cửa một mình. Tôi ở lại phòng ngủ vì tôi sợ chết khiếp.”

“Đặt địa vị tôi là ông thì tôi cũng sợ chết khiếp thôi.” Goethe gật gù ra vẻ thông cảm.

“Lúc vợ tôi quay lại tôi thấy cô bình tĩnh như chẳng có chuyện gì xảy ra. Sau khi nhìn qua lỗ nhòm, cô mở cửa và chẳng thấy ai. Người ta có thể bảo tất cả là do tôi tưởng tượng. Nhưng đột nhiên chúng tôi nghe tiếng đập phá ầm ầm phía ngoài, rồi tiếng kính vỡ loảng xoảng nghe kinh người; các ông biết đấy, chúng tôi sống trong một khu nhà cổ mà cửa sổ các căn hộ cùng lối đi vào đối diện một khoảng sân rộng. Cô gái bấm chuông mãi không thấy ai ra mở cửa, rồi không biết vớ được ở đâu một thanh sắt, thế là cô đi đập nát tất cả cửa kính căn hộ chúng tôi ở, lần lượt hết cái này đến cái kia. Từ bên trong chúng tôi nhìn cô đập phá, cứng đờ người và chẳng biết làm gì. Rồi từ bóng tối lối đi đối diện, chúng tôi thấy ba cái bóng trắng. Hóa ra đó là ba bà già hàng xóm. Tiếng cửa kính bị đập vỡ khiến họ choàng tỉnh, vội vội vàng vàng, vẫn mặc nguyên áo ngủ trên người hào hứng chạy ra xem chuyện gì đang xảy ra. Các ông hãy thử tưởng tượng mà xem! Một cô gái xinh đẹp, trẻ trung, vung vẩy trên tay thanh sắt, và đứng xung quanh là ba mục phù thủy áo trắng toát trông thật ghê rợn!

“Cô gái đập đến cửa sổ cuối cùng, xong cô điềm nhiên bước qua cái cửa sổ toang hoác đó đặt chân vào phòng ngủ chúng tôi.

“Tôi giơ m bước định lại nói chuyện với cô nhưng vợ tôi nắm cánh tay tôi giữ lại, khẩn khoản: ‘Anh đừng lại, nó giết anh đấy!’ Cô gái đứng đó ngay giữa phòng với thanh sắt trên tay, xinh đẹp, lăm liết, uy nghi như vị anh thư Jean d’Arc với cây thương sẵn sàng tử chiến với quân thù! Tôi giằng người ra khỏi tay vợ tôi, bước lại gần cô gái. Càng đến gần trông cô càng bớt vẻ đe dọa, gương mặt cô dịu dàng trở lại, tỏa ra nét an bình thánh thiện. Tôi giằng thanh sắt trên tay cô ném xuống sàn nhà, và thò tay ra nắm lấy tay cô gái.”

Điều qua tiếng lại

“Láo! Láo khoét! Tôi chẳng tin chuyện của ông tí nào.” Lermontov đột ngột lên tiếng.

“Dĩ nhiên, nó không hẳn xảy ra y như những gì ông Petrarch vừa thuật,” Boccaccio một lần nữa xen vào, “nhưng tôi tin nó có thật. Cô gái ấy chẳng qua chỉ là một kẻ thác loạn, và bất cứ người đàn ông bình thường nào khác ở vào hoàn cảnh tương tự đã tát hai cái vào mặt cô ta rồi. Kẻ thờ phụng đàn bà, còn gọi là thi sĩ, luôn luôn là con mồi béo bở cho những kẻ thác loạn như cô gái ấy, bởi vì họ biết chắc họ chẳng bao giờ bị tát. Kẻ thờ phụng đàn bà mất hết mọi khả năng chống cự khi đối diện với đàn bà, bởi vì họ vẫn ở trong cái bóng của bà mẹ. Nhìn đàn bà nào hẳn cũng thấy đó là sứ giả của mẹ mình và sẵn sàng quy phục. Chiếc váy của bà mẹ phủ trùm lên hẳn như bầu trời xanh.” Ông khoái trá lăm vớ hình ảnh sau cùng trong lời phát biểu, đến nỗi ông lặp đi lặp lại mấy lần. “Hỡi các thi sĩ! Cái các ông nhìn lên không trung không phải bầu trời mà là chiếc váy vĩ đại của mẹ các ông đấy!”

“Ông nói cái gì thế, hử?” Thi sĩ Yesenin đột nhiên đứng phắt dậy, giận dữ hét tướng vào mặt Boccaccio. Ông đứng không vững, thân hình lảo đảo, ngay từ đầu ông đã uống nhiều hơn mọi người. “Ông nói cái gì về mẹ tôi? Ông nói cái gì?” Giọng ông sùng sộ như sẵn sàng gây chuyện.

“Tôi nào có nói gì về mẹ ông,” Giọng Boccaccio vẫn ôn tồn, không chút nóng giận. Ông biết chuyện Yesenin sống chung với một nữ vũ công danh tiếng già hơn ông cả ba mươi tuổi, và ông thực tình cảm thấy ái ngại cho nhà thơ. Nhưng bãi nước bọt đã ra tới môi Yesenin, ông chồm người về phía trước vận hết sức phun ra. Nhưng ông say quá, và thay vì phóng trúng mặt Boccaccio thì nó nằm gọn trên cổ áo Goethe. Boccaccio chẳng nói chẳng rằng, bình thần rút khăn tay chùi cổ áo nhà thơ vĩ đại.

Nhổ bãi nước bọt, Yesenin như mất hết sức lực, ông mệt nhọc buông mình xuống ghế, gục cằm lên ngực, không nói gì thêm.

Petrarch lại nói tiếp: “Các ông nghe tôi nói này, tất cả các ông, bạn bè thân quý của tôi, điều cô gái nói với tôi, không thể quên được, các ông ạ. Cô gái bảo tôi rằng, và nó nghe dịu êm như lời kinh cầu, cô ấy bảo, ‘Tôi chỉ là một cô gái giản dị, tầm thường, rất tầm thường, tôi chẳng có gì cống hiến cho ngài, nhưng tôi đến đây vì tình yêu, chính tình yêu đã đưa đường dẫn lối cho tôi đến đây gặp ngài. Tôi đến đây,’ cô siết chặt tay tôi, ‘để ngài thấy rõ tình yêu chân thực là gì, cho ngài trải nghiệm nó ít nhất một lần trong cuộc đời ngài.’”

“Thế rồi vợ ông nói gì với vị sứ giả tình yêu đó?” Lermontov hỏi, giọng đầy mỉa mai.

Thi sĩ vĩ đại Goethe cười to: “A, còn cái ông

Lermontov này, có người đàn bà nào đến nhà ông đập phá như thế thì ông cho cô ta cái gì? Tôi nghĩ chắc ông còn trả tiền cho cô ta phá nhà ông!”

Lermontov ném cái nhìn căm ghét về phía Goethe, trong lúc Petrarch tiếp tục nói: “Vợ tôi nói gì ư? Ông Lermontov này, nếu ông chỉ đơn thuần nghĩ đây là câu chuyện hài do Boccaccio bịa ra thì ông lắm to. Cô gái quay về phía vợ tôi với cái nhìn thánh thiện và nói, vẫn cái âm giọng ôn nhu như một bài kinh cầu, ‘Thưa bà, xin bà đừng căm ghét tôi, bởi vì bà là người tốt lành và tôi cũng yêu bà lắm, tôi yêu cả ông lẫn bà.’ Với bàn tay còn lại cô gái thò ra nắm lấy tay vợ tôi.”

“Nếu đây là một phân cảnh lấy ra từ chuyện hài của Boccaccio thì tôi chẳng có gì phải chê bai, bình phẩm.” Lermontov cất tiếng. “Nhưng ông Petrarch ời, chuyện ông vừa kể cho chúng tôi nghe, nó tồi hơn thế nhiều. Nó là thứ thơ dở tệ.”

“Ông là kẻ hay ganh ghét!” Petrarch quát to vào mặt Lermontov. “Cả đời ông, ông chẳng bao giờ có cái điểm phúc đó, điểm phúc ở trong một căn phòng với hai người đàn bà đẹp và cả hai đều thương yêu mình! Ông phải thấy vợ tôi lúc đó, nàng đẹp tuyệt trần trong chiếc áo choàng tắm màu đỏ với mái tóc vàng không chải gổ!”

Lermontov phá lên tròng cười nhạo báng, và lần này Goethe nhất định trừng phạt ông ta vì những câu nói khiêu khích như châm chích kia: “Lermontov, ông là một thi sĩ lớn, chúng tôi ai cũng biết, nhưng xin hỏi tại sao ông lại có nhiều mặc cảm đến thế?”

Lermontov lặng người đi một lát, đoạn gắng gượng lấy lại bình tĩnh, ông bảo Goethe: “Johann, lẽ ra ông không nên nói với tôi như thế. Chẳng ra làm sao cả, nó thô lậu lắm, ông biết không?”

Goethe, người yêu mến cái hài hòa, không muốn chọc tức Lermontov thêm nữa, nhưng ông Voltaire vừa cười vừa nói xen vào: “Nó hiện ra rành rành như cái mũi của ông đấy, ông Lermontov ạ, rằng ông là người đầy mặc cảm,” đoạn ông bắt đầu phân tích toàn bộ thi ca của Lermontov, nào là nó thiếu cái duyên dáng tự nhiên hạnh phúc của Goethe, nào là nó không có cái cảm hứng đam mê của Petrarch. Thậm chí ông còn bắt đầu mổ xẻ từng ẩn dụ và trình bày một cách tinh tường cái mặc cảm tự ti của Lermontov là ngọn nguồn trực tiếp cho trí óc tưởng tượng của ông ta và nó bắt rễ từ một ấu thơ nghèo túng, bị người cha khắc nghiệt bóp nghẹt.

Ngay lúc đó Goethe chồm người sang Petrarch ghé tai ông này nói với một âm giọng rõ to cốt ý cho mọi người trong phòng, kể cả Lermontov, nghe rõ: “Thôi, bỏ qua đi ông! Toàn những chuyện vớ vẩn, chẳng ra làm sao cả. Vấn đề của Lermontov là ông ta thiếu đàn bà, thiếu thậm tệ! Thế thôi!”

Anh sinh viên đứng về phe Lermontov

Anh sinh viên nãy giờ ngồi im rót rượu uống (anh phục vụ chốc chốc kín đáo bước vào phòng thu dọn đồng chai không và đặt lên bàn vài chai rượu mới). Anh chăm chú theo dõi cuộc bàn luận nãy lửa giữa các thi sĩ. Đầu anh xoay bên này, xoay bên kia, quay cuồng đến chóng mặt.

Anh cố suy xét xem thi sĩ nào anh yêu thích nhất. Anh tôn sùng Goethe và Kristyna cũng thế, kỳ thực, cả nước có ai là người không yêu thơ ông. Petrarch khiến anh mê hoặc với đôi mắt cháy bỏng. Nhưng lạ lùng

thay, chính Lermontov, người này giờ bị mọi người bêu riếu quá mức, anh mới cảm thấy gần gũi nhất, nhất là sau khi bị Goethe buông cho một câu khá đau, điều này khiến anh chợt có ý nghĩ thoáng qua trong đầu, một thi sĩ vĩ đại (Lermontov là một thi sĩ vĩ đại đấy chứ) cũng nếm trải những khó khăn trong đời y như một sinh viên bình thường như anh. Anh nhìn đồng hồ và thấy đã đến giờ ra về nếu anh muốn tránh lâm vào cảnh huống tương tự như Lermontov.

Thế nhưng, anh không thể nào bỏ ra về được, và thay vì về nhà với Kristyna, anh vào toa-lét. Đầu óc anh đầy ắp những ý tưởng to tát trong lúc đứng nhìn những viên gạch trắng men trắng toát trên tường, anh nghe tiếng Lermontov ngay bên cạnh mình: “Cậu nghe bọn họ nói gì rồi đấy. Một lũ chẳng *tinh tế* chút nào. Cậu hiểu không? Chẳng một tí *tinh tế*.”

Từ “*tinh tế*” Lermontov thốt, nghe như thể nó được viết nghiêng. Vâng, có những từ không giống những từ khác, ý nghĩa đặc biệt của chúng chỉ người nói mới hiểu được. Anh sinh viên không hiểu tại sao Lermontov thốt từ “*tinh tế*” như thể nó được viết nghiêng, nhưng tôi hiểu, tôi biết Lermontov có đọc *pensée* của Pascal về những đầu óc *tinh tế* và những đầu óc kỳ hà, từ đó trở đi ông chia thế gian ra thành hai loại người: người *tinh tế* và tất cả những người khác không *tinh tế*.

“Cậu cũng nghĩ là bọn họ chẳng *tinh tế* chút nào, đúng không?” Lermontov nói như quát vào mặt anh sinh viên.

Trong lúc cài lại khuy quần, anh sinh viên bỗng để ý thấy hai chân của Lermontov ngắn lắm, y như nữ Bá tước Rostopchin viết trong cuốn nhật ký của bà một trăm năm mươi năm trước đây. Anh thầm biết ơn ông

thi sĩ vì đây là lần đầu tiên trong đời anh được một thi sĩ vĩ đại hỏi một câu hỏi nghiêm túc và chờ đợi một lời đáp nghiêm túc không kém.

“Bọn họ thực chẳng tinh tế chút nào.” Từ “tinh tế,” anh viết thường chứ không nghiêng.

Lermontov đứng im, đôi chân ngắn ngủn của ông trông vững chãi lắm: “Đúng! Đúng! Bọn họ chẳng *tinh tế* chút nào.” Đoạn ông cất cao giọng, nói thêm: “Nhưng tôi *tự hào* lắm! Cậu hiểu không? Tôi *tự hào* vô cùng!”

“*Tự hào*” là một từ khác thốt từ miệng ông với dạng chữ nghiêng, để ám chỉ rằng chỉ có kẻ ngu dốt mới nghĩ cái *tự hào* của Lermontov giống như cô gái đẹp *tự hào* về nhan sắc mình, hoặc người chủ tiệm tạp hóa *tự hào* về các mặt hàng trong tiệm mình, bởi nó là loại *tự hào* dị thường, rất chính đáng và cao quý.

“Tôi *tự hào*!” Lermontov la lên, và ông cùng anh sinh viên trở lại phòng họp. Voltaire đang thuyết giảng một bài tán dương Goethe. Lermontov chịu không nổi nữa, ông điên tiết lắm rồi, ông không ngồi xuống ghế mà đứng cạnh bàn, trông ông cao hơn những người khác cả một cái đầu, ông nói to: “Tôi sẽ cho các ông biết tôi *tự hào* về cái gì! Điều tôi sắp nói cho các ông nghe, tôi *tự hào* lắm. Đất nước này chỉ có hai thi sĩ mà thôi: Tôi và Goethe.”

Voltaire cất cao giọng: “Lermontov! Có thể ông là một thi sĩ vĩ đại thật đấy, nhưng ông có một cái xác bé tí như thế kia! Tôi bảo cho mà biết, dù ông là một thi sĩ vĩ đại, nhưng ông không có quyền nói như thế.”

Lermontov khựng lại vài giây, đoạn ông lắp bắp nói không thành câu: “Tại sao tôi không có quyền nói như thế? Tôi *tự hào* lắm mà.”

Lermontov lặp đi lặp lại mấy lần rằng ông *tự hào*

lắm. Đột nhiên Voltaire phá lên cười, và những người khác cũng cười rộ theo. Phòng họp náo động như chợ vỡ.

Anh sinh viên nhận ra thời điểm anh chờ đợi này giờ đã tới. Anh đứng lên như Lermontov, đưa mắt nhìn khắp lượt các thi sĩ, đoạn từ tốn nói: “Các ngài chẳng ai hiểu Lermontov cả. Niềm tự hào của một thi sĩ không giống kẻ bình thường. Chỉ thi sĩ mới hiểu được giá trị những câu chữ hằn viết ra, mãi về sau kẻ khác mới hiểu, hoặc giả có thể chẳng ai hiểu bao giờ. Bởi thế cho nên, nhiệm vụ của thi sĩ là phải tự hào. Nếu không hằn sẽ phản bội lại công trình trước tác của chính hằn.”

Chỉ mấy giây đồng hồ trước đó, mọi người còn ôm bụng cười nghiêng ngả, đột nhiên tất cả ngưng bật tiếng cười và gật gù tán thành câu nói của anh sinh viên, bởi tất cả, ai cũng tự hào như Lermontov. Tự hào nhưng không dám nói ra vì xấu hổ, họ không nhận ra từ “tự hào” một khi phát biểu đúng đắn, nó sẽ không buồn cười nữa, mà trở nên minh triết và cao quý. Bởi thế họ biết ơn anh sinh viên đã lý giải thật đúng ý giùm họ. Một thi sĩ, có lẽ là Verlaine, còn vỗ tay tán thưởng.

Goethe biến Kristyna thành Hoàng hậu

Anh sinh viên ngồi xuống ghế, Goethe xoay lại nhìn anh với nụ cười hiền lành thân thiện: “Cậu trai của tôi ơi, cậu là kẻ hiểu thi ca là gì.”

Những người khác tiếp tục chìm đắm vào những tranh luận lèm bèm trong men rượu, họ bỏ mặc anh sinh viên với nhà thơ vĩ đại. Anh rất muốn nhân cơ

hội quý giá nghìn năm một thuở này làm cái gì đó, nhưng anh chẳng biết mở miệng nói gì. Và bởi anh cứ lúng ta lúng túng tìm một câu nói thích hợp nên Goethe chỉ im lặng nhìn anh miệng khê mím nụ cười thân ái. Anh cũng mím cười nhìn lại nhà thơ. Đột nhiên anh nhớ đến Kristyna, và anh bảo nhà thơ:

“Thưa thi sĩ, cháu đang quen một cô gái, không, một người đàn bà thì đúng hơn. Cô ấy là vợ một anh hàng thịt.”

Nghe vậy nhà thơ vĩ đại bỗng hào hứng thấy rõ, ông cười thân mật.

“Cô ấy thần tượng bác lắm, và nhờ cháu xin bác ký vào một cuốn sách của bác.”

“Sách đâu? Đưa đây cho tôi ký.” Nhà thơ cầm cuốn sách từ tay anh sinh viên, mở trang đầu, miệng hỏi tiếp: “Cô ấy là người như thế nào? Đẹp không?”

Anh sinh viên chẳng thể nào nói dối ngài thi sĩ được. Anh thú nhận chị vợ anh hàng thịt không đẹp. Hơn nữa, hôm nay cô đánh một bộ cánh trông thật buồn cười. Suốt ngày cô thơ thẩn phố phường Praha với sợi chuỗi hạt to tướng và đôi giày cao gót màu đen cổ lỗ.

Goethe lắng nghe với tất cả sự thú vị chân thật, ông nói, giọng đượm chút khao khát: “Tuyệt đến thế cơ à.”

Anh sinh viên cảm thấy can đảm hơn, thậm chí anh còn kể thêm chị vợ anh hàng thịt có một chiếc răng vàng lấp lánh trong miệng như một con ruồi bọc vàng.

Hào hứng, Goethe cười to, sửa lại: “Như một chiếc nhẫn.”

“Như ngọn hải đăng!” Anh sinh viên đáp lời.

“Như một ngôi sao!” Goethe vừa cười vừa đáp trả.

Anh sinh viên bảo chị vợ anh hàng thịt chỉ là người đàn bà bình thường nơi tỉnh lẻ, và chính điều đó đã

thu hút anh đến với cô.

“Tôi biết rõ cậu muốn nói gì,” Goethe đáp lời anh, “Chính những chi tiết đó – quần áo quê mùa, hàm răng không toàn bích, một tâm hồn bình thường, dung dị – mới khiến người đàn bà trở nên sống động và có thật. Hạng phụ nữ thấy trên biển quảng cáo hay tạp chí thời trang, mà gần như tất cả đàn bà thời nay đều cố bắt chước, là đồ giả, bởi vì họ chỉ là tổng thể một quy trình trù tượng. Họ không sinh ra như những cơ thể con người mà là sản phẩm của máy tính! Cậu bạn nhỏ của tôi ơi, tôi dám khẳng định với cậu rằng người đàn bà tỉnh lẻ của cậu chính là cái gì một thi sĩ cần có, và tôi thành thật chúc mừng cậu!”

Đoạn ông cúi xuống trang sách, rút ra chiếc bút và bắt đầu hí hoáy viết. Ông viết thật nhiệt tình gần như xuất thần nhập hóa, nét mặt ông rạng rỡ với thương yêu và thông hiểu, ông viết kín trang sách.

Anh sinh viên cầm lại cuốn sách từ tay ông, anh thấy cảm kích vô cùng. Những điều Goethe viết cho một người đàn bà không quen biết vừa đẹp vừa buồn, vừa khát khao vừa gọi cảm, vừa sống động vừa thông tuệ, và anh sinh viên biết chắc những câu chữ đẹp dễ như thể chưa bao giờ được viết cho bất cứ người đàn bà nào. Anh nghĩ đến Kristyna và thấy yêu cô vô hạn. Thi ca đã khoác lên chiếc áo choàng may bằng thứ ngôn từ linh diệu nhất che phủ bộ cánh buồn cười của cô. Goethe đã biến cô thành một Hoàng hậu.

Khiêng một thi sĩ

Anh phục vụ bước vào phòng, lần này anh không cầm theo chai rượu mới nào. Anh yêu cầu các thi sĩ chuẩn

bị ra về. Đã đến giờ đóng cửa. Người quản lý dọa nếu các thi sĩ không chịu đứng lên ra về, ông ta sẽ khóa cửa nhốt tất cả ở lại đây qua đêm.

Anh ta phải nói đi nói lại mấy lần, lúc to lúc nhỏ, nói với cả phòng và nói riêng vào tai từng người. Anh ta nói mãi các thi sĩ mới nhận ra là ông quản lý không nói bốn khi ông dọa nhốt các ngài ở lại đây qua đêm. Petrarch đột nhiên nhớ đến vợ mình với chiếc áo choàng tằm màu đỏ, ông đứng bật dậy như thể có ai đá vào mông đít.

Goethe nói với giọng buồn bã vô hạn: “Các ông cứ ra về, để mặc tôi một mình ở lại đây.” Cặp nặng vẫn đứng cạnh bàn bên người. Mặc các thi sĩ khác nài nỉ xin ông ra về cùng với họ, ông lắc đầu quầy quậy.

Ai cũng biết vợ ông là một lính bà tai quái, gớm ghê. Mọi người sợ bà ta lắm. Họ biết rằng Goethe mà không về nhà đúng giờ bà ta sẽ nổi tam bành và làm một trận lôi đình ngay trước mặt họ. Họ nài nỉ ông: “Johann, ông phải biết điều hơn một chút. Đứng dậy đi về nào!” Đoạn họ gượng gạo xốc nách ông và cố nhấc ông đứng dậy. Nhưng thân xác ông thần Olympia nặng lắm, và cánh tay những người xốc nách ông lại không mấy quả quyết. Ông hơn bọn họ ít nhất ba mươi tuổi, và họ thật tình xem ông là gia trưởng trong ngôi nhà văn chương; đột nhiên, trong lúc xốc nách và đưa ông cặp nặng, tất cả bỗng cảm thấy nhỏ bé và ngượng nghịu, bối rối. Còn ông thì cứ luôn mồm đòi ở lại một mình!

Không ai đồng ý với ông, ngoại trừ Lermontov. Ông này chụp ngay lấy cơ hội để chứng tỏ mình gian ngoan hơn người khác: “Các ông cứ ra về, để ông cụ ở lại đây với tôi, tôi sẽ tiếp chuyện ông cụ cho tới sáng. Các ông không hiểu à? Thời còn trẻ, ông ấy vắng nhà cả tuần lễ

là chuyện thường. Ông ấy chỉ đang muốn tìm lại tuổi trẻ của mình thôi! Các ông không thấy sao? Các ông toàn là một lũ ngốc nghếch đến buồn cười! Johann, có đúng không nào? Hai chúng ta sẽ nằm dài dưới thảm ngay tại nơi đây với chai rượu đỏ này cho đến sáng. Bọn chúng nó phải ra về hết! Petrarch có thể chạy về ôm bà vợ yêu quý với chiếc áo choàng tắm màu đỏ và mái tóc không chải gỡ!”

Nhưng Voltaire biết rõ chẳng phải vì hoài nhớ tuổi trẻ mà Goethe nằng nặc đòi ở lại. Ông già có bệnh và bác sĩ cấm ông không được uống rượu. Nhưng tối nay mãi vui ông uống khá nhiều và bây giờ đôi chân không tuân lệnh ông nữa. Voltaire cầm lên cặp nạng và ra lệnh cho những người khác phải quả quyết hơn nhắc ông già đứng dậy. Thế là những cánh tay yếu ệp vì rượu luồn dưới nách Goethe và nhắc bóng ông ra khỏi ghế. Họ khiêng ông từ phòng họp ra tới tiền sảnh, hay đúng hơn, họ lôi ông đi xềnh xệch (có lúc chân ông chạm sàn nhà, có lúc co lên như đứa trẻ đánh đu). Goethe nặng lắm, và các thi sĩ khiêng ông, ai nấy đều say bí tỉ cả rồi. Ra đến tiền sảnh, họ vớt ông nằm co quắp dưới sàn nhà, miệng ông không ngớt rên la: “Các ông ơi! Các ông làm ơn làm phúc cho tôi chết ở đây!”

Thấy vậy Voltaire bốc giận, ông quát tháo bảo các thi sĩ khác nhắc Goethe lên ngay lập tức. Các thi sĩ bị mắng, chạm tự ái, hậm hực. Thế rồi, người nắm tay, kẻ cầm chân, và họ khiêng ông già đi qua cửa ra vào câu lạc bộ đến một cái cầu thang. Tất cả hè nhau khiêng ông già. Tất cả, không thiếu một ai. Voltaire. Petrarch. Verlaine. Boccaccio. Thậm chí Yesenin, đứng không vững và vì sợ ngã, cũng thò tay nắm chân ông già.

Anh sinh viên cũng muốn giúp một tay khiêng nhà

thơ vĩ đại xuống lầu, anh biết đây là cơ hội hãn hữu chẳng bao giờ có lần thứ hai. Nhưng Lermontov không để anh rời ông một bước, ông khoác chặt tay anh và miệng nói liên hồi, không cho anh lại giúp những thi sĩ kia.

“Chẳng những bọn họ không *ting tế*, mà còn vụng về nữa. Tất cả là những đứa trẻ được nuông chiều, hư hỏng. Hãy nhìn họ khiêng ông già kia! Thế nào cũng buông ngã ông già! Họ có lao động tay chân bao giờ đâu. Cậu có biết là tôi từng lao động trong xưởng máy không?”

(Chúng ta đừng quên rằng tất cả những người hùng của chúng ta vào thời đó đều đã từng lao động trong xưởng máy, hoặc xung phong vì nô nức hưởng ứng cách mạng, hoặc do bị cưỡng ép như một hình thức trừng trị. Bất luận, họ cảm thấy hãnh diện về điều ấy lắm, bởi hình như đối với họ, lao động trong xưởng máy, hiện thân của Cuộc Sống Khó Khăn viết hoa, là vị nữ thần hiển sáng, và họ được vị nữ thần hôn lên trán một cách thân yêu.)

Kẻ nắm cánh tay, người ôm ống chân ngài tộc trưởng, họ hì hụi khiêng nhà thơ vĩ đại của họ xuống cầu thang. Đó là một cái cầu thang vuông vức, có nhiều chỗ ngoặt thẳng góc, mà mỗi lần đến là một thử thách gay go cho sức mạnh cùng tài khéo léo của người khiêng.

Lermontov lại nói tiếp: “Cậu bạn của tôi, cậu có biết khiêng một thanh gỗ xà ngang khó nhọc như thế nào không? Cậu là một sinh viên, chắc cậu chưa bao giờ phải làm công việc đó. Nhưng mấy thằng cha này chắc cũng chưa bao giờ làm. Xem kìa! Xem bọn họ khiêng lão già kia! Thật là ngu đần hết chỗ nói! Cần thận! Lão già sắp rớt rồi kìa!” Ông la to. “Giữ chặt ông già vào!

Đồ ngu! Ông già rớt xuống đất bây giờ! Mấy ông chẳng biết lao động chân tay là gì! Thật là một lũ ăn hại đái nát!” Trong lúc vẫn khoác chặt tay anh sinh viên, ông chậm chậm lê từng bước theo sau những thi sĩ kia. Và những thi sĩ vẫn bậm môi bậm lợi lặc lè khiêng Goethe xuống cầu thang, ông già hình như mỗi lúc mỗi nặng hơn, và trong lòng họ mỗi lúc mỗi thấy bồn chồn, lo lắng hơn. Cuối cùng họ xuống tới lẽ đường. Họ dựng Goethe đứng dựa cột đèn, Petrarch và Boccaccio, mỗi người đứng một bên giữ chặt hai cánh tay để ông không tụt xuống đất, trong lúc Voltaire chạy ra ngoài đường vẫy xe.

Lermontov lại bảo anh sinh viên: “Cậu có nhận ra sự kiện gì cậu đang chứng kiến không? Cậu là một sinh viên, cậu chưa biết gì về cuộc đời. Nhưng đây là một cảnh tượng hay ho, lạ lùng, hiếm có! Họ đang khiêng một thi sĩ. Cậu có biết nếu đưa tình huống này vào một bài thơ thì nó sẽ ra sao không?”

Trong lúc đó Goethe từ từ tụt xuống đất; Petrarch và Boccaccio cố xốc ông già lên.

Lermontov thấy vậy nói tiếp với anh sinh viên: “Xem kìa! Giữ cho ông già không bị tụt xuống đất, họ còn không làm nổi. Cánh tay họ mất hết sức lực rồi. Họ không hề biết đời sống là gì. Khiêng một thi sĩ. Một cái tựa đề nghe hay ho xiết bao. Cậu có hiểu tí gì không? Lúc này tôi đang soạn hai tập thơ. Hai tập hoàn toàn khác nhau. Một tập theo truyền thống cổ điển, vần điệu niêm luật chỉnh chu. Và tập kia gồm những bài thơ tự do, mà tôi cho cái nhan đề là *Những cảnh huống điển hình*. Bài thơ cuối trong tập này sẽ có tựa đề “Khiêng một thi sĩ.” Nó sẽ là một bài thơ không êm ái. Nhưng chân thật. *Chân thật*.”

Đó là từ thứ ba Lermontov viết nghiêng. Nó biểu

hiện cái đối nghịch lại tất cả những gì có tính cách hoa mỹ hay minh triết. Nó biểu hiện cái đối nghịch với tính cách mơ màng thơ mộng của Petrarch và bông lơn tinh nghịch của Boccaccio. Nó biểu hiện lòng cảm thông với công nhân lao động và đức tin vào vị nữ thần Cuộc Sống Khó Khăn viết hoa.

Không khí trong lành của trời đêm khiến thi sĩ Verlaine thấy ngất ngây, ông ngửa mặt nhìn lên bầu trời đầy sao, miệng cất tiếng hát. Thi sĩ Yesenin thì ngồi bệt dưới đất tựa lưng vào tường tòa nhà, ngủ. Voltaire vẫn đứng ngoài đường, thấy chiếc xe nào chạy qua cũng vẫy vào, và sau cùng ông gọi được một chiếc tắc-xi. Đoạn, Boccaccio giúp ông đẩy Goethe vào băng ghế sau. Ông la lớn bảo Petrarch lên ngồi băng trước cạnh tài xế, bởi Petrarch là người duy nhất trong bọn có hy vọng xoa dịu bà Goethe. Nhưng Petrarch giãy nảy, nhất quyết không chịu làm cái việc khủng khiếp đó.

“Tại sao lại là tôi? Tại sao, hử? Tôi sợ cái bà ấy đến phát khiếp, các ông đừng đùn việc ấy cho tôi.”

Lermontov bảo anh sinh viên: “Cậu thấy chưa? Lúc bạn bè nhờ đến thì họ từ chối phắt rồi chạy biến. Không người nào trong bọn họ có thể đối đáp một câu với mụ vợ già ông Goethe.” Thế rồi, thò hẳn đầu vào băng ghế sau nơi Goethe, Boccaccio và Voltaire đang chen chúc ngồi, ông bảo: “Này các ông, tôi sẽ đi với các ông về nhà cụ Goethe. Các ông hãy xem tôi xử trí bà Goethe như thế nào.” Và ông leo lên ghế trước cạnh tài xế đóng sập cửa xe lại.

Petrarch lên án cái cười của Boccaccio

Chiếc tắc-xi chở đầy nhóc các thi sĩ biến mất vào trời đêm. Anh sinh viên bỗng nhớ ra đã đến lúc phải về nhà với Kristyna.

“Thưa thi sĩ, em phải về nhà.” Anh bảo Petrarch.

Petrarch gật đầu, nắm cánh tay anh sinh viên và kéo anh đi về hướng khác. Ông bảo anh:

“Cậu biết không, cậu còn trẻ nhưng cậu tinh tế và nhạy cảm lắm, cậu là người duy nhất biết lắng nghe kẻ khác.”

Anh sinh viên chộp ngay lấy cơ hội: “Cô gái đứng đó ngay giữa phòng với thanh sắt trên tay, xinh đẹp, lắm liệt, uy nghi như vị anh thư Jean d’Arc với cây thương sẵn sàng tử chiến với quân thù! – Thi sĩ thấy không, em có thể lặp lại từng chữ những điều thi sĩ nói ban nãy, không sót một chữ nào.”

“Hơn nữa, mấy gã say đó không được nghe đoạn kết của câu chuyện! Chúng nó nào muốn nghe chuyện gì ngoài những điều về chính chúng nó.”

“Vâng, nhất là đoạn thi sĩ kể vợ thi sĩ sợ cô gái giết chết thi sĩ, rồi thi sĩ tiến lại gần cô ta thấy mặt cô ta ánh lên nét an bình thánh thiện, như một phép lạ nhiệm màu.”

“A, cậu bạn nhỏ của tôi ời! Chính cậu mới là thi sĩ, chứ không phải mấy gã say kia!”

Petrarch nắm cánh tay anh sinh viên kéo về hướng nhà riêng của ông ở ngoại ô thành phố.

“Thế... đoạn kết câu chuyện ra sao? Thưa thi sĩ.” Anh sinh viên hỏi ông.

“Ra sao à?... Vợ tôi thấy thương hại cô gái và cho cô ngủ lại nhà. Nhưng cậu thử tưởng tượng xem có thể đoán được chuyện gì xảy ra sau đó không. Bà mẹ vợ

tôi ngủ trong căn phòng vẫn dùng làm phòng chứa đồ phía sau nhà bếp. Bà thức dậy sớm lắm, và khi thấy các cửa sổ bị đập phá tan tành, bà chạy vội sang khu nhà kế bên nhờ anh thợ sửa cửa kính, lúc đó tình cờ đang làm việc bên đó, sang thay tất cả cửa kính căn hộ chúng tôi. Lúc chúng tôi thức giấc, mọi thứ trở lại y như cũ, không một dấu vết gì về biến cố kinh động buổi tối hôm trước. Thế có lạ không cơ chứ! Tôi có cảm tưởng như đó là một giấc mơ.”

“Còn cô gái?” Anh sinh viên hỏi.

“Cũng biến mất luôn. Có lẽ cô lặng lẽ lên ra về từ sáng sớm.”

Ngay lúc đó Petrarch đứng giữa đường nhìn anh sinh viên, nét mặt nghiêm lại: “Này cậu bạn nhỏ, tôi sẽ đau lòng lắm nếu cậu đánh đồng chuyện của tôi với những mẩu chuyện bông phèng của lão Boccaccio người ta đọc lúc lên giường ngủ. Cậu nên nhớ rằng Boccaccio là một thằng cha ngu xuẩn hết nước nói. Boccaccio không bao giờ hiểu ai, bởi vì hiểu là chìm đắm vào, đồng hóa với. Đó là bí mật của thi ca. Chúng ta quên mình đi để hòa nhập vào người đàn bà chúng ta yêu thương, vào ý tưởng chúng ta đặt trọn niềm tin, chúng ta bốc cháy bên trong miền đất chúng ta yêu thương.”

Anh sinh viên chăm chú nghe với tất cả nhiệt tâm, trước mặt anh hiện lên hình ảnh Kristyna. Chỉ mấy tiếng đồng hồ trước đó, anh còn nghi ngờ về cái duyên dáng dễ yêu của cô. Bây giờ nghĩ lại anh thấy tự xấu hổ, thậm chí trách sao mình tệ đến thế, bởi lòng nghi ngờ ấy thuộc về cái ít tốt lành hơn (Boccaccio) của phần nửa hữu thể con người anh; nó vọt lên từ phần yếu đuối chứ không phải sức mạnh của anh: nó chứng tỏ anh không dám đi vào một tình yêu toàn diện, với tất

cả tâm hồn và thể xác, nó chứng tỏ anh sợ bị phủ trùm bởi một người đàn bà yêu anh.

“Tình yêu là thi ca, thi ca là tình yêu.” Petrarch lại nói tiếp, và anh sinh viên quyết tâm yêu Kristyna với tất cả nhiệt tình và lòng yêu mến to tát. Mới ban nãy Goethe choàng lên cô chiếc áo hoàng gia lộng lẫy, và bây giờ Petrarch thổi bùng ngọn lửa trong tim anh. Đêm nay anh có đến hai nhà thơ vĩ đại ban phúc lành. Petrarch nói tiếp:

“Mặt khác, cái cười là chất nổ đánh văng chúng ta ra ngoài thế giới và ném chúng ta trở lại cõi cô đơn lạnh lẽo. Đùa cợt là rào cản giữa con người và thế giới, là kẻ thù của tình yêu và thi ca. Đó là lý do vì sao tôi nhắc cậu thêm lần nữa, và tôi muốn cậu hãy ghi nhớ: Boccaccio không hiểu tình yêu là gì. Không bao giờ tình yêu có thể là cái cười được. Tình yêu và cái cười không hề đi đôi với nhau.”

“Vâng,” anh sinh viên tỏ vẻ hết sức đồng ý với ông nhà thơ. Hình như đối với anh thế giới được chia làm hai phe, phe tình yêu và phe đùa cợt, anh biết anh thuộc phe nào, và anh sẽ dẫn bước đứng vào đoàn quân của Petrarch.

Thiên thần bay lượn trên giường ngủ anh sinh viên

Cô không hề bực tức hay giận dữ trong lòng, cô cũng không nóng ruột đi đi lại lại trong căn phòng áp mái nhỏ xíu đó, cô không buồn rầu, không ngồi tựa cửa sổ lo âu mong đợi. Cô thay áo ngủ rồi cuộn mình trong chăn, cái chăn đầy hơi hướm con trai vì có lẽ lâu ngày không giặt. Anh đánh thức cô với nụ hôn trên môi, và

để chặn trước không cho cô trách cứ chuyện anh về trễ, anh huyền thuyên kể cô nghe những chuyện không thể tin nổi vừa xảy ra hồi tối tại Câu lạc bộ Nhà văn, về vụ chạm trán nảy lửa giữa Boccaccio và Petrarch, rồi Lermontov mắng nhiếc các thi sĩ khác như thế nào. Nhưng cô chẳng thấy những chuyện đó thú vị chút nào, cô ngắt lời anh giọng đờm nghi ngờ:

“Chắc anh quên cuốn sách.”

Lúc anh đưa cô cuốn sách với chữ ký và lời tặng của Goethe, cô không tin mắt mình. Cô đọc đi đọc lại mấy dòng chữ, không thể tin được, mà hình như đó là hiện thân toàn bộ cuộc phiêu lưu kỳ lạ không kém giữa cô và anh sinh viên, từ mùa hè vừa qua với những cuộc đi dạo bí mật trong rừng, cho đến tất cả những tình cảm triu mến, thân ái cô chưa bao giờ tận hưởng trong đời.

Trong lúc đó anh sinh viên cởi quần áo và nằm xuống đi-văng bên cạnh cô. Cô xoay người ôm anh thật chặt. Chưa ai ôm anh như thế bao giờ. Chân thật, mạnh mẽ, tha thiết, nồng nàn, như một người mẹ ôm con, người chị ôm em, triu mến, đam mê. Hồi tối, Lermontov lặp đi lặp lại từ “chân thật” mấy lần, và anh sinh viên nghĩ cái ôm của Kristyna xứng đáng nhận lãnh danh hiệu ấy, một tổng hợp tất cả những tính từ biểu hiện một cái ôm tuyệt diệu.

Anh sinh viên có cảm tưởng thân thể anh đã sẵn sàng đón nhận tình yêu. Với một tâm thể khoan khoái chờ đợi, cái của mình không mất đi đâu, anh nằm im nhẩn nha thưởng thức phong vị ngọt ngào của giây phút cái ôm kéo dài.

Cô lua lưỡi vào miệng anh, rồi hôn như mưa khắp mặt anh. Đầu lưỡi anh chạm chiếc răng vàng nằm ở hàm trên bên trái, anh nhớ lại câu nói của Goethe: Kristyna sinh ra làm người chứ không phải cái máy

tính! Cô chính là người đàn bà một thi sĩ cần có để yêu! Anh muốn hét lên vì sung sướng. Và câu nói của Petrarch vẫn văng vẳng bên tai anh, “Tình yêu là thi ca, thi ca là tình yêu,” và “hiếu là chìm đắm vào, đồng hóa với” kẻ khác, bốc cháy bên trong người đó. (Vâng, tất cả ba thi sĩ đều có mặt với anh ngay tại đây, họ bay lượn trên giường ngủ anh như những thiên thần đang vui sướng hát ca, ban phúc lành cho anh!) Cảm thấy hưng phấn dâng lên tột độ, anh sinh viên quyết định đã đến lúc chuyển hóa cái chân thật của Lermontov, một cái ôm suông bất động, thành hành động có thật của tình yêu. Anh lật ngửa thân hình Kristyna, trèo lên người cô, và lấy đùi đẩy hai chân cô giăng ra.

Nhưng ơ hay, cái gì thế này? Kristyna không chịu! Cô khép hai đùi thật chặt, bướng bỉnh y như những lần nằm trong bụi rậm trong rừng!

Anh muốn hỏi tại sao cô cưỡng lại anh, nhưng anh không nói được. Kristyna quá e lệ, quá mong manh đến nỗi sự lên tiếng của cô sẽ làm tan biến tất cả mọi chức năng tình yêu. Anh chỉ dám sử dụng thứ ngôn ngữ duy nhất còn lại là thở và vuốt ve. Nhưng phải chăng hai người đã vượt qua cái nặng nề của ngôn ngữ? Phải chăng anh đang bốc cháy bên trong cô? Cả hai đều bốc cháy cùng một ngọn lửa như nhau! Và bởi thế, trong im lặng dai dẳng, anh hì hụi cố dùng đùi đẩy hai chân cô giăng ra.

Cô cũng im lặng. Cô cũng sợ, không dám mở miệng nói tiếng nào, và chỉ biết diễn tả mọi thứ bằng hôn hít và vuốt ve. Nhưng sau cùng, sau lần thứ hai mươi lăm cố giăng đôi chân cô ra mà không được, cô nói khẽ vào tai anh: “Đừng anh, em sẽ chết mất.”

“Cái gì?”

“Em sẽ chết, thật đấy, em sẽ chết.”

Kristyna lặp lại câu nói, cô lại lua lượi thật sâu vào miệng anh nhưng cặp đùi vẫn khấp chặt.

Trong lòng anh sinh viên dấy lên một cảm giác lạ lùng, thất vọng xen lẫn sung sướng. Anh thêm khát đến hoang dại được làm tình với cô, đồng thời muốn khóc lên vì sung sướng. Chưa bao giờ có người đàn bà nào yêu anh như Kristyna. Tình yêu cô cho anh to lớn đến nỗi nó có thể giết chết cô, cô yêu anh đến độ cô sợ làm tình với anh, bởi nếu làm tình với anh, cô sẽ không bao giờ có thể sống mà không có anh, cô sẽ chết vì buồn khổ thương nhớ mất thôi. Anh sung sướng quá, anh điên lên vì sung sướng, bởi đột nhiên, không thể ngờ, và chẳng phải làm gì để xứng đáng nhận lãnh, anh đạt được ước nguyện anh mong chờ từ bấy lâu nay, một tình yêu vô hạn, mà tất cả hành tinh này với sông ngòi, biển cả, đại lục, núi non chẳng có nghĩa lý gì.

“Anh hiểu! Anh sẽ chết cùng với em!” Anh thăm thẳm rót vào tai cô, rồi lại vuốt ve, hôn hít, gần như rót nước mắt khóc cho tình yêu của cô. Cùng lúc, cảm giác dịu êm to tát ấy chẳng trấn át nổi ham muốn xác thịt đang sôi sục trong lòng anh, và nó khiến anh đau đớn không chịu nổi. Anh lại tiếp tục thúc đùi vào giữa cặp đùi khấp chặt của Kristyna để mở đường cho anh đi vào thân thể cô, mà đột nhiên anh cảm thấy nó còn kỳ bí hơn cả Chén Thánh của Đức Chúa Jesus.

“Không, anh sẽ không sao. Em mới là người bị chết.” Kristyna bảo anh.

Anh tưởng tượng ra nỗi hoan lạc vô biên, một nỗi hoan lạc có thể giết chết anh, và anh đáp lời cô: “Chúng ta sẽ cùng chết với nhau! Cùng chết với nhau một lượt!” Và cứ thế anh tiếp tục thúc đùi cố xoạc hai chân cô ra. Trong vô vọng, bởi cô khấp chặt lắm, và

anh đành thúc thủ. Như muốn đầu hàng.

Hai người không biết nói gì thêm, anh vẫn nằm ép lên người cô. Kristyna lắc đầu trong lúc anh mở thêm vài đợt tấn công nữa vào thành trì cặp đùi trước khi hoàn toàn bó tay (hay chính xác hơn, bó đùi). Anh nằm vật ra giường bên cạnh cô. Cô thò tay nắm cây vương trượng, tình yêu của cô, đang dựng đứng vinh danh cô, và cô nắm chặt lấy nó với tất cả lòng chân thật xán lạn: Chân thành, mạnh mẽ, tha thiết, nồng nàn, như một người mẹ, người chị, triu mến, đam mê.

Trong lòng anh sinh viên là một kết hợp kỳ lạ giữa cái chân phước một tình yêu vô hạn và nỗi chán chường xác thịt không được thỏa mãn, chị vợ anh hàng thịt vẫn nắm chặt vũ khí tình yêu của anh, cô chẳng tìm cách cho anh thỏa mãn cơn thèm muốn, mà chỉ nắm lấy nó trong tay mình như một món vật hiếm quý, giá trị rất lớn, một món vật cô không muốn gây tổn thương, cô chỉ muốn giữ nó mãi mãi như thế. Cương cứng. Nóng bỏng.

Một buổi tối như thế là quá đủ, suốt đêm chẳng có chuyện gì xảy ra nữa cho đến sáng.

Ánh sáng tế nhạt của ban mai

Vì ngủ trễ lắm nên mãi gần trưa hôm sau hai người mới tỉnh giấc, cả hai đều bị nhức đầu. Kristyna sẽ phải ra đón chuyến tàu hỏa về lại dưới quê. Hai người không nói gì nhiều. Kristyna nhét bộ áo ngủ và cuốn sách của Goethe vào xách tay rồi mặc lại bộ cánh quê mùa, vắn đôi giày đen và xâu chuỗi hạt to đùng.

Như thể ánh sáng tế nhạt của buổi mai xuyên thủng bầu không khí im lặng, như thể thi ca của đêm tối bị

văn xuôi của ban ngày đẩy lui, với giọng nói thật thà quê lậu Kristyna bảo anh sinh viên: “Anh biết không, anh đừng nên gần tôi, tôi có thể chết. Bác sĩ dặn tôi sau khi đẻ đứa con đầu lòng tôi không được bao giờ có thai lần nữa.”

Anh sinh viên ném cái nhìn chán nản sang cô: “Cô nghĩ tôi sẽ làm cô có thai à? Cô xem tôi là hạng người gì cơ chứ?”

“Đàn ông nào cũng nói như thế. Họ luôn luôn chắc mẫm về chính họ. Tôi quen một người bạn bị như thế. Những thanh niên trẻ như anh nguy hiểm lắm. Khi nó xảy ra thì tôi biết xoay sở ra làm sao?”

Chán nản đến cùng cực, anh bảo cô anh nào phải tay mơ, anh biết cách không bao giờ để cô có thai. “Có thật là cô so sánh tôi với bạn trai người bạn nào đó của cô không?”

Cô nói lúng búng gì đó trong miệng như xin lỗi. Anh thấy không cần thiết phải nói gì thêm để thuyết phục cô. Chắc cô tin anh. Anh không phải anh chàng nông dân quê mùa dốt nát, về những vấn đề tình yêu này nọ, chắc anh biết nhiều hơn anh thợ sửa xe dưới tỉnh. Có lẽ cô đã không đúng khi không chịu cho anh làm tình đêm qua. Nhưng cô không hối tiếc. Một đêm tối yêu nhau ngắn ngủi (bên trong đầu óc của Kristyna, tình yêu xác thật chỉ có thể là cái gì thực ngắn ngủi và vội vã) luôn luôn để lại trong lòng cô ấn tượng một cái gì hay hay nhưng nguy hiểm và gian trá. Trải nghiệm cô có với anh sinh viên đẹp đẽ hơn thế nhiều.

Anh đưa cô ra trạm tàu hỏa, chưa lên toa tàu cô đã thấy rung động với ý nghĩ ngồi một mình trong phòng toa tưởng nhớ lại tất cả những gì vừa xảy ra trong đêm. Cô cứ thầm nhủ, với tính cách thực tế tũn mủn của một người đàn bà dung dị, rằng cái cô vừa trải

nghiệm là của riêng cô và “không ai có thể tước đoạt của cô được.” Cô vừa trải qua một đêm với một chàng trai mà nhân ảnh như không có thực, lẩn khuất đâu đó, cách xa, và suốt đêm cô nắm cái cửa quý cứng ngắc của anh chàng mà ngủ! Cái gì đó chưa bao giờ xảy ra trong cuộc đời cô! Có thể cô sẽ không bao giờ gặp lại anh, nhưng chẳng hề chi, bởi cô vẫn tin cô không thể tiếp tục gặp anh. Cô vui với ý nghĩ cô có một món vật của anh cô có thể giữ suốt đời làm kỷ niệm: cuốn sách của Goethe với lời ký tặng không ngờ, cô có thể dùng nó bất cứ lúc nào như bằng chứng minh hiển cuộc phiêu lưu của cô không phải là giấc mơ.

Về phần anh sinh viên, anh chán nản vô cùng. Đêm qua, chỉ cần một câu nói có ý nghĩa là đủ! Chỉ cần gọi sự vật bằng những cái tên chính xác của chúng là đủ! Chỉ cần có thể thôi là anh đã chiếm được thân xác cô rồi! Cô sợ anh làm cô có thai, còn anh thì nghĩ cô sợ hãi, bị choáng ngợp bởi tình yêu vĩ đại của cô! Ném cái nhìn vào hồ sâu vô tận nổi xuẩn ngốc của mình, anh muốn phá lên cười, cười điên dại.

Từ trạm tàu hỏa, anh trở về miền đất hoang lạnh với những đêm tối không có tình yêu, cái *litost* theo về với anh.

Thêm vài ghi chú về lý thuyết Litost

Với hai thí dụ lấy ra từ cuộc đời anh sinh viên, tôi đã phân giải hai phản ứng cơ bản của con người khi đối diện với cái *litost* của chính hắn. Nếu kẻ kia yếu đuối hơn, ta sẽ tìm ra lý do và lý lẽ để làm đau kẻ đó, như anh sinh viên đã làm với cô bạn gái bởi nhanh hơn anh.

Nếu kẻ kia mạnh mẽ hơn, ta chỉ có thể gián tiếp trả thù – một cú đánh gián tiếp, giết người bằng cách tự tử. Cậu bé chơi vĩ cầm cổ tình bấm sai nốt, cậu làm đi làm lại cho đến khi ông thầy điên lên và ném cậu ra ngoài cửa sổ. Trong lúc từ lầu cao rơi xuống đất, cậu hả hê sung sướng với ý nghĩ ông thầy sẽ bị ghép vào tội sát nhân.

Đây là hai phương pháp cổ điển. Phương pháp thứ nhất thường thấy xảy ra giữa tình nhân, vợ chồng. Phương pháp thứ hai, ta có thể tìm thấy không biết bao nhiêu thí dụ từ lịch sử loài người. Tất cả những gì ta được dạy dỗ, chủ nghĩa anh hùng chẳng qua chỉ là cái *litost* tôi minh họa với thí dụ cậu bé và ông thầy dạy vĩ cầm. Giống dân Persian chinh phục giống Peloponnesus khi giống Spartan phạm phải hết sai lầm quân sự này đến sai lầm khác. Y như cậu bé không chịu chơi vĩ cầm đúng nốt, họ bị sự phẫn nộ làm mờ mắt và đã hành động không đúng. Không đủ sức đánh trả, cũng không thêm dầu hàng hay bỏ chạy, họ bị cái *litost* sai khiến đến nỗi bị tiêu diệt đến sinh mạng cuối cùng.

Liên tưởng về chuyện này, tôi nghĩ chẳng phải tình cờ mà ý tưởng về cái *litost* có căn nguyên từ miền đất Bohemia. Lịch sử xứ Czech – một câu chuyện không bao giờ dứt về những cuộc nổi dậy chống lại những thế lực mạnh hơn, một chuỗi những chiến bại vinh quang đi vào lịch sử và dẫn đến thảm cảnh bị tiêu diệt của chính những người làm lịch sử đó. Đó chính là *litost*. Tháng Tám năm 1968, hàng ngàn chiến xa Nga tràn sang xâm lăng mảnh đất bé xíu đó, tại một tỉnh lỵ tôi thấy viết trên tường khẩu hiệu sau: “Chúng ta không muốn thỏa hiệp, chúng ta muốn chiến thắng!” Bạn phải hiểu vào thời điểm đó chẳng có chọn lựa nào

khác ngoài chiến bại, và cái tình lị này khước từ thỏa hiệp, chỉ muốn chiến thắng! Đó là *litost* nói! Kẻ bị nó sai khiến trả thù bằng chính cái chết của mình! Xác cậu bé nát như nằm dưới vệ đường, nhưng linh hồn bất tử của cậu sẽ muôn đời mãi nguyện bởi ông thầy dạy đàn đã buộc dây thông lọng lên cái chạc ba cửa sổ, tự tử rồi.

Nhưng bằng cách nào anh sinh viên trả thù Kristyna đây? Trước khi anh nghĩ đến, cô đã ngồi yên vị trên tàu hỏa rồi. Lý thuyết gia quen thuộc với loại tình huống này gọi đó là “*litost* bị chặn.”

Nó là cái gì tệ hại nhất có thể xảy ra. Cái *litost* của anh sinh viên mỗi phút mỗi phình to, và anh không biết phải làm gì để ngăn chặn nó. Bởi không có ai để trả thù, anh đành chọn cách an ủi. Đó là lý do vì sao anh nghĩ đến Lermontov. Anh nhớ Goethe và Voltaire đã làm nhục Lermontov như thế nào, và anh đã đứng lên nói to cho các thi sĩ ngồi quanh bàn nghe về cái tự hào của anh, như thể họ là ông thầy dạy đàn và anh khiêu khích cho họ ném anh ra khỏi cửa sổ xuống vệ đường.

Cần có Lermontov an ủi lúc này như người ta cần ông anh cả khuyên nhủ trong cơn buồn bã, anh sinh viên thọc tay sâu vào túi áo khoác. Tay anh bỗng chạm phải vật gì như tờ giấy gấp tư. Một mảnh giấy lớn xé ra từ cuốn tập học trò, trên viết dòng chữ: “Em chờ anh, em yêu anh, Kristyna. Nửa đêm.”

Anh chợt hiểu ra. Chiếc áo khoác tối hôm qua anh treo trong phòng. Câu viết tìm thấy trẻ chỉ chứng minh điều anh đã biết. Anh không chiếm đoạt được thân xác Kristyna vì chính sự ngu xuẩn của anh. Cái *litost* tràn ứ trong người anh không tìm ra lối thoát.

Ở hố sâu chán nản

Xế chiều, anh nghĩ các ngài thi sĩ chắc đã thức dậy sau cuộc rượu tối hôm qua. Có thể họ đã có mặt tại Câu lạc bộ Nhà văn. Nhảy một bước bốn bậc thang, anh phóng lên tầng hai tòa nhà, đi qua phòng gửi áo choàng, rẽ phải vào khu tiệm ăn. Không phải khách quen, anh ngừng lại tại lối vào đưa mắt nhìn bên trong. Anh thấy Petrarch và Lermontov đang ngồi tại phía cuối phòng cùng hai người lạ mặt. Bên cạnh họ có cái bàn trống và anh đến ngồi xuống. Hình như không ai để ý đến anh. Thậm chí anh có cảm tưởng như Petrarch và Lermontov liếc nhìn anh mà không nhận ra. Anh gọi một ly cô-nhắc; dòng chữ buồn vô hạn và đẹp vô hạn của Kristyna vang vang một cách đờn đau trong đầu anh: “Em chờ anh, em yêu anh, Kristyna. Nửa đêm.”

Anh ngồi đó khoảng 20 phút, nhấp từng ngụm cô-nhắc nhỏ. Petrarch và Lermontov chỉ ngoáy sâu vết thương và nỗi buồn của anh thôi chứ chẳng an ủi anh chút nào. Anh bị mọi người bỏ rơi, Kristyna bỏ rơi anh, các thi sĩ bỏ rơi anh. Anh ngồi đây, một mình trong cô độc, không ai làm bạn ngoại trừ một tờ giấy học trò trên viết dòng chữ “Em chờ anh, em yêu anh, Kristyna. Nửa đêm.” Anh muốn đứng lên giơ tờ giấy lên cao khỏi đầu vẫy vẫy để mọi người trông thấy nó, để mọi người biết rằng anh, một sinh viên, được yêu, yêu vô hạn.

Nhưng anh không làm thế mà chỉ gọi người phục vụ đến trả tiền ly rượu. Đoạn châm một liều thuốc. Anh không muốn ngồi lại Câu lạc bộ Nhà văn nữa, nhưng anh cũng không muốn về căn gác trọ, nơi không có người đàn bà nào nằm chờ đợi anh. Ngay lúc dụi tàn

thuốc lá vào chiếc gạt tàn, anh để ý thấy Petrarch ngoắc tay gọi anh lại. Nhưng trễ quá rồi, cái *litost* của anh đã đẩy anh ra khỏi câu lạc bộ về cõi cô đơn sâu thẳm của anh.

Anh đứng dậy, và trong giây phút chót, một lần nữa anh rút ra mảnh giấy với lời nhắn yêu của Kristyna. Mảnh giấy không còn mãnh lực cho anh niềm vui nữa. Nhưng nếu anh để nó lại trên bàn, rất có thể sẽ có người nhận ra nó và biết rằng anh sinh viên đã được yêu, một tình yêu vô hạn.

Anh bỏ ra cửa.

Vinh quang đến bất ngờ

“Cậu bạn của tôi ời!” Anh sinh viên bỗng nghe tiếng gọi sau lưng, anh quay lại và nhận ra Petrarch. “Cậu về rồi đấy à?” Ông xin lỗi vì đã không nhận ra anh ngay. “Tôi mà uống say thì suốt ngày hôm sau cứ mơ mơ màng màng, chẳng còn biết trời đất gì nữa.”

Anh sinh viên giải thích anh không muốn làm phiền ông vì có người lạ mặt ngồi chung bàn.

“Mấy thằng hâm đấy mà.” Petrarch kéo anh sinh viên trở lại bàn anh ngồi khi nãy. Anh ngượng ngùng nhìn mảnh giấy nằm hơ hổng trên mặt bàn. Phải chi nó chỉ là miếng giấy bé xíu cho anh đỡ ngượng, đằng này nó là tờ giấy to tướng chường ra cho thấy rõ hành vi vụng về của kẻ cố tình bỏ quên nó trên bàn.

Trợn ngược đôi mắt đen tò mò, Petrarch nhìn ngay ra mảnh giấy và ông cầm lên xem xét: “Cái gì thế này? A, cậu bạn của tôi, thư của cậu, phải không?”

Lúng túng cố giả vờ ngượng như thể mình lơ đãng bỏ quên giấy tờ riêng tư, anh đưa tay ra định giật

mảnh giấy từ tay Petrarch.

Nhưng ông thi sĩ đã cất cao giọng, đọc: “Em chờ anh, em yêu anh, Kristyna. Nửa đêm.”

Ông nhìn vào mắt anh sinh viên: “Nửa đêm nào thế? Tôi hy vọng không phải đêm hôm qua!”

Anh sinh viên hạ mắt xuống: “Vâng, chính là đêm hôm qua.” Anh không tìm cách giật mảnh giấy trên tay Petrarch nữa.

Ngay lúc đó Lermontov tiến lại bằng đôi chân ngắn ngủn của ông. Ông bắt tay anh sinh viên:

“Rất vui gặp lại cậu ở đây. Hai thằng cha kia,” ông đưa mắt về phía hai người đàn ông ngồi bàn bên kia, “mắc bệnh ngu, không thể nói chuyện với chúng nó được.” Đoạn ông ngồi xuống cạnh anh sinh viên.

Petrarch không đợi Lermontov yên vị, đọc lời nhắn yêu của Kristyna ghi trên mảnh giấy. Ông đọc đi đọc lại, giọng lên bổng xuống trầm như thể đó là một câu thơ.

Điều này khiến tôi chợt nghĩ ra điều sau: người không thể tát má cô bạn gái vì cô bơi nhanh hơn mình, cũng không biết làm sao cho giống Persian đến giết mình, khi hắn không có lối thoát cái *litost* của hắn, thì cái đẹp của thi ca sẽ bay đến giải cứu hắn.

Cái gì còn lại từ câu chuyện tuy đẹp nhưng hết sức rối rắm, bề bộn này? Chính là thi ca, chỉ có thi ca là còn lại. Lời ký tặng trên cuốn sách của Goethe Kristyna cầm về, và mảnh giấy sơ sài với dòng chữ đóng con dấu vinh quang bất ngờ lên anh sinh viên.

“Cậu bạn của tôi ời,” Petrarch lại nói, ông nắm cánh tay anh, “cậu thú nhận đi, thú nhận cậu có làm thơ, thú nhận cậu là một thi sĩ!”

Anh sinh viên hạ mắt xuống, anh thú nhận rằng Petrarch đúng.

Và Lermontov còn lại một mình

Lermontov là người anh sinh viên muốn tìm gặp tại Câu lạc bộ Nhà văn, nhưng từ giây phút đó trở đi, anh mất Lermontov và Lermontov cũng mất anh. Lermontov ghét cay ghét đắng những kẻ vui sướng vì tình yêu. Ông nhẫn mặt khó chịu tỏ vẻ khinh bỉ loại thơ vói những cảm xúc nhạt nhẽo và câu chữ cao kỳ sáo rỗng. Ông bảo thơ hay là loại thơ chân thật như món vật làm ra từ bàn tay người công nhân. Ông không ngớt chê bai và không che giấu nỗi bức dọc với Petrarch và anh sinh viên. Chúng ta biết rõ tại sao. Goethe cũng biết rõ. Nó có căn nguyên từ sự thiếu đàn bà, thiếu trầm trọng, thiếu thậm tệ. Cái *litost* kinh khiếp đó có căn nguyên từ sự thiếu đàn bà.

Ai là kẻ thấu hiểu điều này hơn anh sinh viên? Nhưng cái gã gốc ghêch không thể cảm hóa nỗi đó chỉ nhìn thấy khuôn mặt cau có của Lermontov, chỉ nghe thấy giọng nói cay độc của ông, chỉ thấy ông đang làm nhục mình.

Tôi quan sát họ từ khoảng cách thật xa, ở tầng cao nhất khu chung cư tôi cư ngụ trên đất Pháp. Petrarch và anh sinh viên đứng lên. Họ lạnh lùng bỏ mặc Lermontov ngồi lại một mình. Và Lermontov ngồi lại một mình.

Hỡi Lermontov thân mến, thần bản mệnh của nỗi thăm sầu đó, người xứ Bohemia chúng tôi gọi là *litost*.

PHẦN VI
Thiên thần

1.

Tháng Hai năm 1948, lãnh tụ cộng sản Klement Gottwald bước ra bao lon tòa dinh thự xây từ thời Baroque thủ đô Praha để hiệu triệu hàng trăm nghìn công dân đứng chật ních dưới quảng trường Phố Cổ. Đó là khúc quanh trọng đại của lịch sử xứ Bohemia. Tuyết rơi tầm tã, trời se sắt lạnh, và Gottwald để đầu trần. Cảm thấy trống trải Clementis ân cần lấy mũ mình đội lên đầu Gottwald.

Cả Gottwald lẫn Clementis đều không biết trong suốt tám năm trời Franz Kafka mỗi ngày trèo lên chính những bậc cấp họ vừa lên để bước ra cái bao lon lịch sử, bởi dưới thời đế quốc Áo-Hung tòa dinh thự là một trường học Đức. Họ cũng không biết ở ngay tầng dưới chính tòa nhà ấy, cha của Franz, Hermann Kafka, có mở một cái tiệm và trên bảng hiệu vẽ hình con quạ bên cạnh tên ông, *kafka* tiếng Tiệp có nghĩa là quạ.

Gottwald, Clementis, và tất cả những kẻ khác chẳng ai biết Kafka từng hiện hữu, nhưng Kafka biết rõ sự ngu dốt của họ. Trong tiểu thuyết của ông, Praha là một thành phố không có ký ức, thậm chí không ai nhớ tên nó là gì. Không ai nhớ bất cứ điều gì và Joseph K. hình như còn không nhớ nổi quãng đời trước kia của hẳn. Không ai nghe bài hát nào gọi nhớ thời điểm nó ra đời và liên kết hiện tại với quá khứ.

Thời của tiểu thuyết Kafka là thời con người đánh mất sự liên tục với con người. Con người sống không biết gì, không nhớ gì, bên trong những thành phố không tên, đường phố không tên, hoặc những cái tên khác với ngày hôm qua, bởi tên gọi là sự liên tục với quá khứ, kẻ không có quá khứ không có tên.

Max Brod gọi Praha là thành phố của tàn ác. Sau khi Phong trào Cải cách Tiệp thất bại năm 1621, những người Dòng Tên cải tạo dân với đức tin Công giáo, họ cho mọc lên khắp Praha những thánh đường xây theo phong cách Baroque. Hàng ngàn ông thánh hóa đá, đứng tứ phía xung quanh bạn, đe dọa, dò xét, thôi miên bạn; các ông thánh là đội quân xâm lăng vào chiếm đóng xứ Bohemia từ ba trăm năm mươi năm trước với chủ đích tước bỏ đức tin và ngôn ngữ người dân Tiệp ra khỏi linh hồn họ.

Tên con đường nơi Tamina sinh ra là Schwerinova. Lúc đó đang còn chiến tranh, và Praha bị Đức chiếm đóng. Tên đường nơi cha cô sinh ra là Cernokostelecka, dưới thời đế quốc Áo-Hung. Khi cha mẹ cô lấy nhau, bà dọn vào đó, tên đường là Thống chế Foch. Đó là thời gian sau cuộc chiến 1914-1918. Từ tuổi ấu thơ lớn lên, Tamina sống tại đường mang tên Stalin, và hôm chồng cô đến đón cô về căn nhà mới của hai người thì đó là đường Vinohady. Tất cả chừng ấy tên cho cùng một con đường, họ thay tên đường không biết chán, họ nhồi sọ cho nó biến thành cái gì thực dở hơi, ngớ ngẩn.

Lang thang giữa những con đường không biết tên gì là bóng ma những bức tượng bị kéo sập. Kéo sập bởi cuộc Cải cách Tiệp, bởi cuộc Phản-Cải cách Áo, bởi Cộng hòa Tiệp Khắc, bởi Cộng sản; thậm chí tượng Stalin cũng bị kéo sập. Thế chỗ những bức tượng bị

kéo sập ấy, cả ngàn tượng Lenin ngày nay mọc lên khắp Bohemia, như cỏ dại mọc giữa phế tích, như những bông hoa buồn rầu hôn ám của sự lãng quên.

2.

Nếu Franz Kafka tiên tri một thế giới không có ký ức, thì Gustav Husak là người xây dựng thế giới ấy. Sau T.G. Masaryk, người được mệnh danh là Tổng thống Người Giải Phóng (tượng ông bị phá hủy đến cái cuối cùng), sau Benes, Gottwald, Zapotocky, Novotny, và Svoboda, ông là Tổng thống thứ bảy của xứ tôi, và người ta gọi ông là Tổng thống của Lãng quên.

Năm 1969 người Nga giao quyền lực vào tay ông. Từ năm 1621, dân Czech chưa bao giờ kinh qua cuộc tàn phá văn hóa và tri thức nào tai hại đến thế. Khắp nơi ai cũng nghĩ Husak chỉ thanh trừng các đối thủ chính trị. Nhưng người Nga đã lợi dụng cơ hội tuyệt hảo ấy, sử dụng tay sai, để thực hiện những mưu đồ cơ bản hơn.

Từ điểm nhìn này tôi xem việc Husak tống xuất một trăm bốn mươi lăm sử gia Czech ra khỏi các đại học và học viện là vô cùng quan hệ. (Người ta bảo nhau cứ mỗi sử gia bị loại thì có một bức tượng Lenin được dựng lên ở nơi nào đó trong xứ, nghe kỳ bí như chuyện thần tiên.) Năm 1971, một hôm Milan Hübl, một trong những sử gia ấy, với cặp kính dày cộm, đến thăm tôi tại căn hộ tôi đang sinh sống trên đường Bartolomejska. Chúng tôi cùng nhìn ra cửa sổ trông lên những ngọn tháp lâu đài Hradcany, lòng buồn rười rượi.

Hübl bảo tôi: “Anh tiêu hủy một giống người bằng cách lấy đi ký ức của họ. Anh tiêu hủy sách vở, văn

hóa, lịch sử của họ. Rồi những kẻ khác viết sách khác thế chỗ, dựng nên một văn hóa khác, phát minh một lịch sử khác. Dần dà người ta sẽ quên cái đang là và cái đã là. Thế giới bên ngoài còn quên mau chóng hơn.”

“Còn ngôn ngữ thì sao?”

“Cần gì phải lấy đi ngôn ngữ? Nó sẽ trở thành một truyền thuyết dân gian, sớm muộn nó cũng chết cái chết tự nhiên.”

Phải chăng đó chỉ là suy tưởng cực kỳ yếm thế bên trong một cảm xúc buồn đau vô vọng?

Hay con người thực sự không có khả năng vượt qua hoang mạc của sự lãng quên?

Chúng tôi không ai biết chuyện gì sẽ xảy ra. Duy có một điều chắc chắn. Ở vào những thời điểm sáng tỏ nhất, người dân Czech thấy hình ảnh cái chết của chính mình đến gần. Không phải một sự kiện hiển nhiên, cũng không phải một tương lai không lối thoát, mà là một khả hữu cụ thể. Cái chết ở ngay đó với họ.

3.

Sáu tháng sau, Hübl bị bắt và lãnh án nhiều năm tù. Lúc đó cha tôi đang chết dần mòn.

Suốt mười năm cuối đời, ông dần dà mất khả năng nói. Thoạt đầu có một số từ, hoặc ông không thể nhớ, hoặc ông thay thế bằng một từ khác có thanh âm tương tự nhưng ngay lập tức ông nhận ra nó sai lạc một cách khôi hài và bật lên cười. Về sau ông chỉ nói được một số rất ít từ, mỗi khi muốn diễn tả điều gì ông nói không ra lời và luôn luôn chấm dứt bằng hai tiếng “Lạ thực!” Mười lần như một.

Miệng ông thốt “Lạ thực!” và đôi mắt ông tỏ vẻ kinh

ngạc cực độ, sao cái gì cũng biết mà chẳng nói được. Sự vật mất hết tên gọi và nhập lại thành một hữu thể duy nhất, bất khả phân biệt. Tôi là người duy nhất còn cố gắng chuyện trò với ông để hy vọng vớt vát được chút nào hay chút nấy thế giới những thực thể với tên gọi từ quăng không mịt mù không chữ, không tên.

Đôi mắt to xanh biếc trên khuôn mặt còn đẹp của ông vẫn ngời lên ánh tinh anh, thông tuệ như xưa. Tôi hay đưa ông ra ngoài đi dạo. Chúng tôi đi quanh một vòng giáp khu phố, bởi ông chỉ đi được bấy nhiêu. Ông đi khó khăn lắm, chậm chạp kéo lê từng bước một, khi thấm mệt thân hình ông ngã về phía trước và ông mất thăng bằng. Đi một chốc tôi lại phải cho ông nghỉ để lấy lại hơi thở điều hòa, ông đứng gục trán vào tường, hai bàn tay giơ lên áp lên tường như quy hàng.

Trong lúc đi như vậy chúng tôi nói chuyện về âm nhạc. Thuở trước lúc Papa còn nói chuyện bình thường, tôi hỏi chuyện ông rất ít. Giờ đây tôi hỏi bù. Chúng tôi nói chuyện về âm nhạc, nhưng đó là cuộc đối thoại lạ lùng giữa người không biết gì nhưng có rất nhiều chữ và người cái gì cũng biết nhưng không có chữ nào.

Suốt mười năm trời ốm bệnh, Papa miệt mài viết một cuốn sách to tướng luận về những tấu khúc Sonata của Beethoven. Có lẽ ông viết dễ dàng hơn là nói, nhưng rồi càng ngày ông càng quên chữ, và không ai hiểu văn bản cuốn sách, nó gồm những từ không hiện hữu.

Một hôm ông gọi tôi vào phòng. Trên piano ông mở hành âm những biến tấu trong khúc Sonata Opus 111. “Nhìn,” ông bảo tôi, tay chỉ lên nhạc (ông không chơi piano được nữa), ông lại bảo tôi “Nhìn,” và sau một lúc khá lâu cố gắng, ông thốt một câu ngắn, “Bây giờ thì

tôi biết rồi!” và ông giải thích điều gì đó rất quan trọng cho tôi nghe, nhưng thốt ra từ miệng ông toàn là những từ vô nghĩa, và thấy tôi có vẻ ngờ ngác chẳng hiểu gì, ông bèn nói một câu: “Lạ thực.”

Dĩ nhiên tôi biết ông muốn nói gì, bởi đó chính là câu hỏi ông tự hỏi từ lâu lắm. Cuối đời Beethoven rất chuộng nhạc thức biến tấu. Thoạt nhìn vào, có vẻ nó là loại nhạc thức hời hợt, nông cạn nhất, một pha phô diễn kỹ thuật ngón đàn tuyệt kỹ, thích hợp cho người dẹt ren hơn là Beethoven. Nhưng Beethoven đã biến nó thành một nhạc thức cao diệu (lần đầu tiên trong lịch sử âm nhạc); những quán niệm cao đẹp nhất của ông được chạm khắc vào đấy.

Vâng, ai cũng biết thế. Nhưng Papa muốn biết phải hiểu nó như thế nào. Chính xác tại sao lại chọn nhạc thức biến tấu? Ý nghĩa gì nằm đằng sau nó?

Đó là lý do vì sao ông gọi tôi vào phòng, bảo: “Bây giờ thì tôi biết rồi!”

4.

Sự im lặng của cha tôi, tất cả chữ trôi tuột đi đâu mất; sự im lặng của một trăm bốn mươi lăm sử gia bị cấm nhớ; sự im lặng phủ trùm Bohemia, tất cả làm thành hậu cảnh cho bức tranh tôi vẽ nên hình ảnh Tamina.

Cô tiếp tục bùng cả phê cho khách tại cái quán tỉnh lẻ miền tây châu Âu ấy. Nhưng khác với dạo trước, cô bây giờ mất hẳn nhiệt tình hỏi han, trò chuyện với khách. Cô không thiết tha lắng nghe ai tâm sự, kể lẽ khức nôi những chuyện riêng tư của họ nữa.

Một hôm Bibi, như mọi lần khác, ngồi trên chiếc ghế cao trước quầy nước và đưa bé gái bò lổm ngổm dưới

đất, miệng quác lên đòi mẹ. Tamina bảo Bibi dỗ con nhưng cô cứ phớt tỉnh để mặc cho đứa bé la hét. Con giận bocc lên và cô bảo thẳng vào mặt Bibi: “Cô không bắt con tườu đó cam hợng lại được à?”

Bực tức không kém, Bibi trả đũa: “Tại sao chị ghét trẻ con vậy?”

Chẳng có bằng cứ nào cho thấy Tamina ghét trẻ con. Nhưng cái âm giọng đượm vẻ khó chịu đó khiến cô có cảm tưởng Bibi muốn gây hấn. Và kể từ lúc đó trở đi, không hiểu sao, tình bạn giữa hai người đàn bà chấm dứt.

Rồi đến một hôm Tamina không đi làm. Điều này chưa từng xảy ra bao giờ. Bà chủ quán đến nhà tìm cô. Bà bấm chuông nhưng không ai ra mở cửa. Hôm sau bà đến lần nữa, vẫn không thấy cô đâu. Bà gọi cảnh sát. Họ phá cửa vào nhà, nhưng chỉ thấy căn hộ y nguyên như cũ, sạch sẽ, đồ đạc ngăn nắp, không mất cái gì, không có gì khả nghi.

Mấy hôm sau vẫn không thấy Tamina trở lại. Cảnh sát tiếp tục điều tra nhưng họ không tìm ra manh mối nào, như thể cô đột ngột biến mất khỏi hành tinh này. Và họ cất hồ sơ của cô vào những trường hợp không giải quyết.

5.

Vào cái ngày định mệnh ấy, một chàng trai trẻ mặc quần *jean* vào quán ngồi xuống quầy nước. Chỉ có mình Tamina trong quán. Chàng trai gọi một ly cô-ca rồi chậm rãi uống từng ngụm nhỏ. Anh nhìn Tamina, và cô nhìn vào khoảng không.

Sau một lúc khá lâu, anh gọi: “Tamina.”

Nếu muốn Tamina chú ý thì anh đã thất bại. Chẳng có gì khó khăn hỏi tên cô, khách trong vùng xung quanh gần như ai cũng biết.

“Tôi biết cô đang buồn.” Chàng trai nói tiếp.

Câu nói của chàng trai chẳng mấy may khiến Tamina xúc động. Cô biết có nhiều cách đàn ông chinh phục phụ nữ, và một trong những con đường chắc ăn nhất để tiến tới thân xác người đàn bà là con đường đi xuyên qua nỗi buồn của chị. Tuy biết thế nhưng cô vẫn quay lại nhìn chàng thanh niên với ánh mắt thiện cảm hơn.

Hai người bắt đầu nói chuyện. Cái làm cô ngạc nhiên là những câu hỏi từ anh chàng. Không phải nội dung câu hỏi, mà chỉ giản dị đó là câu hỏi. Chúa ơi! Đã bao lâu rồi có ai hỏi han cô về bất cứ điều gì không? Dài lâu như một miên viễn! Chỉ có chồng cô hỏi han cô, bởi yêu là hỏi han liên tục. Tôi không biết một định nghĩa nào hay hơn về tình yêu.

(Trong trường hợp đó, ông bạn Hübl của tôi chắc sẽ vạch ra cho tôi thấy rằng không ai yêu chúng ta hơn công an. Đúng. Như *chiều cao* đối xứng với *chiều sâu*, âm bản của hoan lạc trong tình yêu là sự tò mò của công an. Đôi khi ta lẫn lộn chiều sâu với chiều cao, và tôi có thể dễ dàng tưởng tượng những kẻ cô đơn hy vọng lâu lâu được điệu đến ty cảnh sát hay phòng thẩm vấn công an cho họ được nói về chính họ.)

6.

Chàng trai trẻ nhìn vào mắt Tamina, anh lắng nghe cô nói, đoạn bảo cô rằng những gì cô gọi là ký ức thật ra là cái gì hoàn toàn khác: Như bị mê hoặc, nó là cái lắng

quên cô đang nhìn, chứ không phải ký ức.

Tamina gật đầu đồng ý.

Chàng trai nói tiếp: Cô buồn bã nhìn lại quá khứ không phải để biểu hiện lòng chung thủy với người chồng quá cố. Người chồng không còn tại thế và cũng không hiện hữu trong tầm nhìn của cô. Cô chỉ ngoái lại đằng sau và nhìn vào không gian.

Nhìn vào không gian? Nếu thế cái gì đã khiến cái nhìn của cô trở nên quá nặng nề?

Nó nặng nề không phải vì ký ức, chàng trai giải thích tiếp, mà vì ân hận. Tamina sẽ không bao giờ tự tha thứ vì cô đã lãng quên.

“Vậy, anh bảo tôi phải làm cái gì?” Tamina hỏi.

“Cô hãy quên sự lãng quên của cô đi.”

Tamina cười chua chát: “Làm cách nào để tôi quên sự lãng quên của tôi?”

“Cô có bao giờ nghĩ đến chuyện bỏ nơi này để đi về một nơi nào khác?”

“Có chứ,” Tamina thú nhận. “Tôi thèm lắm. Nhưng đi đâu?”

“Về một nơi mà sự vật nhẹ như gió thoảng, nơi sự vật mất hết trọng lượng, nơi không có ân hận.”

“Vâng,” Tamina mơ màng. “Nơi sự vật không có tí trọng lượng nào.”

Và y như trong truyện thần tiên, y như một giấc mơ (dĩ nhiên nó là truyện thần tiên! Dĩ nhiên nó là giấc mơ!), từ sau quầy nước với những món vật quen thuộc suốt mấy năm qua, Tamina bước ra khỏi quán cà phê đi theo chàng trai trẻ. Một chiếc xe thể thao sơn đỏ đậu sẵn bên vệ đường. Chàng trai ngồi vào tay lái và mời Tamina lên ngồi ghế bên cạnh.

7.

Tôi hiểu lời tự trách của Tamina. Khi Papa qua đời, tôi cũng tự trách mình như thế. Tôi không thể tự tha thứ mình vì lúc ông còn khỏe mạnh tôi đã hỏi chuyện ông quá ít, biết về ông quá ít, đã cho phép mình xa cách ông. Chính cảm giác ân hận đã khiến tôi đột nhiên nhận ra điều ông muốn diễn tả lúc ông trở tay vào khúc Sonata Opus 111.

Tôi sẽ cố giải thích bằng một đối sánh. Tấu khúc giao hưởng là một thiên hùng ca âm nhạc. Ta có thể nói nó giống như chuyến du hành dẫn dắt ta từ cái này đến cái kia, càng lúc càng xa, xuyên qua cõi vô tận của thế giới ngoại tại. Biển tấu cũng là một chuyến du hành, nhưng khác ở chỗ nó không dẫn ta đi xuyên qua cõi vô tận của thế giới ngoại tại. Trong một *pensée*, Pascal viết rằng con người sống giữa vực thẳm của cái to lớn vô hạn và vực thẳm của cái nhỏ bé vô hạn. Cuộc du hành nhạc thức biển tấu dẫn dắt ta đến cõi vô hạn khác, đi vào cái muôn trùng của thế giới nội tại nằm ẩn giấu đằng sau tất cả sự vật.

Do đó, với thể biển tấu, Beethoven đã khai phá một miền đất khác. Biển tấu của ông là “lời mời gọi hãy dẫn bước vào chuyến du hành.”

Biển tấu là nhạc thức nơi sự đậm đặc lên đến đỉnh điểm; nó có khả năng khiến nhà soạn nhạc chỉ nói về bản thể, đi thẳng vào cốt lõi của sự vật. Nhạc đề biển tấu thường dài không quá mười sáu phách. Beethoven đi vào mười sáu phách nhạc đó như ôm cái cột trụ chui sâu vào lòng quả đất.

Cuộc du hành đến cõi vô hạn khác không kém mạo hiểm hơn cuộc du hành khúc hùng ca. Nó là cách thế nhà vật lý học tìm cách đi sâu vào hạt nhân nguyên tử.

Với mỗi biến tấu, Beethoven càng lúc càng rời xa nhạc đề nguyên thủy, hai biến tấu liền kề giống như nụ hoa trong nắng bên cạnh hình ảnh chính nó dưới ống kính hiển vi.

Con người biết mình không thể quán triệt vũ trụ bằng cách tìm hiểu hằng hà sa số ngôi sao và thiên thể trên vòm trời. Đối với hẳn, thiếu cái vô hạn khác, một vô hạn trong tầm tay, trong tầm với, còn khổ sở hơn gấp bội. Tamina thiếu cái vô hạn tình yêu. Tôi thiếu Papa, và tất cả chúng ta thiếu nó trong việc làm, bởi trong lúc truy tầm cái tuyệt hảo ta cố tiến đến cốt lõi của sự vật nhưng không bao giờ đạt được nó.

Cái vô hạn của thế giới ngoại tại vượt thoát ta, và ta chấp nhận nó như cái gì tự nhiên. Nhưng cho đến cuối đời ta vẫn tự trách mình vì thiếu nó. Ta suy tưởng về ngôi sao, thiên thể này nọ trên trời, nhưng chẳng hề quan tâm đến cái vô hạn bên trong người cha để ra ta.

Chẳng ngạc nhiên chút nào lúc cuối đời Beethoven yêu chuộng nhạc thức biến tấu. Ông biết rất rõ (cũng như tôi và Tamina biết) rằng không có gì khổ sở hơn nếu ta thiếu cái hữu thể ta yêu thương, mười sáu phách nhạc và thế giới nội tại một cõi vô hạn những khả thể.

8.

Sách này là cuốn tiểu thuyết viết theo dạng thức biến tấu. Những phần của sách nối tiếp nhau như những chặng đường chuyến du hành dẫn đến cái nội tại của chủ đề, nội tại một suy tưởng, nội tại một tình huống duy nhất, giản dị, mà cái hiểu cứ dần dà trôi mất vào cõi xa, ra khỏi tầm nhìn của tôi.

Nó là cuốn tiểu thuyết viết về Tamina, và những chuyện diễn ra lúc Tamina bước ra khỏi sân khấu. Nó là cuốn tiểu thuyết viết cho Tamina. Cô là nhân vật chính diện và cũng là khán giả chính diện. Tất cả những chuyện khác là biến tấu dựa trên chuyện của chính cô, gập gờ đời sống cô như gương soi mặt.

Nó là cuốn tiểu thuyết về cái cười và sự lãng quên, về thành phố Praha, về Praha và những thiên sứ của nó. Bởi thế không phải tình cờ mà chàng trai trẻ đang cầm lái chiếc xe thể thao màu đỏ có tên là Raphael.

Cảnh tượng trên đường đi càng lúc càng hoang vu, vắng vẻ. Mặt đất mất dần màu xanh mà đổi sang màu thổ hoàng, cây cối thưa thớt dần, nhiều cát và đất sét. Đến một đoạn bỗng chiếc xe rẽ vào con đường hẹp rồi đột ngột dừng lại trước một bờ vực sâu thẳng đứng. Chàng trai tắt máy xe. Hai người bước ra. Họ lại đứng bên bờ vực; khoảng mười mét dưới chân họ là cái bờ đất sét tiếp giáp một hồ nước đục, màu nâu vàng nhờ nhờ, mênh mông, ngút mắt, không thấy bờ bên kia đâu.

“Mình đang ở đâu?” Tamina hỏi, cổ họng cô như mắc nghẹn. Cô muốn bảo Raphael cô muốn quay về, nhưng cô không dám nói; cô sợ anh từ chối, và nó sẽ làm tăng nỗi lo sợ của cô.

Họ đứng sát bờ vực, xung quanh không một bóng cây hay bụi rậm, chỉ thấy hồ nước màu nâu vàng và đất sét bê bết. Hình như đây là nơi vết đất sét, và quả nhiên, cách đó không xa lắm có cái máy vét bùn người ta bỏ lại.

Nhìn quang cảnh Tamina chợt nhớ lại công trường nơi chồng cô lao động sau khi bị nhà nước cho nghỉ việc. Công trường cách Praha chừng trăm cây số, anh được giao công tác lái xe ủi đất. Trong tuần anh ăn ở

trong một chiếc nhà xe, chỉ về nhà thăm Tamina vào ngày Chủ nhật. Có lần cô ra thăm anh, hai người đi dạo bên nhau, cảnh tượng vùng đất đỏ rất giống nơi này: ướt, mặt đất không một bóng cây, không một bụi rậm, không gian nằm ép giữa đất màu thổ hoàng và trời đầy mây xám xịt. Chân đi ủng cao su, họ nghiêng ngả giẫm lên lớp bùn trơn trượt mà đi bên nhau. Họ là hai kẻ cô độc trong thế giới này, lòng họ nặng trĩu nỗi buồn, họ lo lắng cho nhau, nhưng họ chìm vào tâm trạng chán chường, tuyệt vọng vì chẳng biết làm gì. Họ chẳng còn gì ngoài tình yêu cho nhau.

Nỗi tuyệt vọng tương tự xâm chiếm tâm khảm cô lúc này/ Đột nhiên cô thấy rung động, cô kinh ngạc vì vừa tìm thấy ngay nơi đây một mảnh đời quá khứ đã mất. Ký ức những tưởng đã hoàn toàn tan biến, lần đầu tiên quay về. Lẽ ra cô phải viết xuống cuốn vở học trò của cô! Thậm chí cô còn nhớ chính xác năm nào!

Cô muốn bảo anh chàng trẻ tuổi cô muốn quay về. Không, anh chàng đã sai khi nói rằng nỗi buồn của cô chỉ có vỏ ngoài mà không có nội dung! Không, không, chồng cô không chết bên dưới nỗi buồn đó, anh chỉ thất lạc và cô phải đi tìm anh! Tìm khắp thế gian! Vâng, vâng! Cuối cùng cô hiểu! Kẻ muốn tìm lại ký ức không được đứng yên một chỗ chờ đợi nó quay lại mình! Ký ức phân tán khắp nơi trong cõi hiện tại này, muốn thấy nó ta phải đi tìm và lôi nó ra khỏi nơi chốn nó ẩn nấp!

Cô muốn nói như thế với anh chàng trẻ tuổi và yêu cầu anh đưa cô về. Nhưng ngay lúc đó, từ bên dưới chỗ giáp mặt nước, có kẻ huýt gió gọi hai người.

9.

Raphael nắm chặt cánh tay Tamina. Anh nắm chặt lắm như ngằm bảo cô không có đường thoát thân đâu, đừng vọng động, vô ích. Anh lôi cô bước xuống một lối đi nhỏ hẹp, trơn trượt.

Ven bờ hồ, mới giây lát trước, không có bóng người nào, nay bỗng hiện ra một cậu trai chừng mười hai tuổi đang đứng chờ. Tay cậu cầm sợi dây thừng giữ một chiếc thuyền chèo đang lắc lư trên mặt nước. Cậu mỉm cười nhìn Tamina.

Cô quay sang nhìn Raphael. Anh cũng mỉm cười nhìn cô. Cô nhìn cậu trai mới đến rồi quay sang Raphael như dò hỏi, bỗng anh chàng và cậu trai cùng bật lên tràng cười. Tiếng cười nghe rất lạ, bởi chẳng có gì đáng cười cả, nhưng nó vui vui và dễ lây: nó bảo cô hãy quên đi nỗi lo sợ, buồn rầu, và hứa hẹn cái gì đó mơ hồ – có lẽ niềm vui, có lẽ sự an bình – vì thế Tamina cũng hưởng ứng cười theo.

“Cô thấy không,” Raphael bảo cô. “Chẳng có gì cô phải sợ hãi cả.”

Tamina đặt chân xuống thuyền, nó trông trơn dưới sức nặng của cô. Cô ngồi xuống chỗ lái, tẩm ván nhem nhếp nước và bởi cô đang mặc trên người chiếc áo mùa hè nên cô cảm thấy đôi mông mình ướt ướt. Chạm làn da với cái gì dính nhớt khiến cô thấy lo âu trở lại.

Cậu trai đẩy thuyền ra hồ rồi vùng mái chèo, con thuyền lừ lừ trôi đi, cô ngoái đầu nhìn vào bờ. Raphael đứng trông theo, trên miệng vẫn giữ nguyên nụ cười mỉm. Tamina thấy nụ cười ấy là lạ. Vâng! Anh vừa cười vừa lắc đầu! Vừa cười vừa lắc đầu nhẹ nhẹ, rất nhẹ.

10.

Tại sao Tamina không hỏi đi đâu?

Nếu bạn chẳng buồn quan tâm nơi chốn bạn sẽ đến, bạn không cần hỏi.

Cô nhìn cậu trai ngồi đối diện đang chèo thuyền. Trông cậu yếu ớt lắm, cô nghĩ cái mái chèo quá lớn đối với cậu.

“Cậu muốn tôi giúp cậu chèo thuyền không?” Cô hỏi và cậu ta đồng ý ngay, cậu đưa mái chèo cho cô rồi đổi chỗ ngồi. Cậu ngồi chỗ tay lái, liếc nhìn Tamina, đoạn lấy ra từ dưới chỗ ngồi một cái máy hát chạy bằng. Ngay tức khắc, tiếng nhạc kích động ghi-ta điện, trống kèn và giọng hát vang lên âm ỹ, cậu trai uốn éo thân người theo tiếng nhạc. Tamina thấy khó chịu, cậu lắc hông theo động tác dâm dật của người lớn, mà cô thấy khó coi hết sức.

Cô hạ mắt xuống để không phải nhìn cậu trai. Cậu ta vặn nhạc cho lớn hơn và bắt đầu hát theo khe khẽ. Một lúc sau Tamina ngược mắt lên, cậu trai hỏi cô: “Sao cô không hát?”

“Tôi không biết bài hát đó.”

“Cái gì? Cô không biết bài hát này à? Ai cũng biết mà cô không biết, là thế nào.”

Cậu ta vẫn lắc lư theo tiếng nhạc, Tamina bắt đầu cảm thấy thấm mệt: “Cậu chèo thuyền giùm tôi một lát được không?”

“Chèo tiếp đi!” Cậu trai trả lời kèm theo tiếng cười lớn.

Nhưng Tamina mệt thật. Cô ngừng tay chèo, hỏi: “Minh sắp đến nơi chưa?”

Cậu ta giơ tay chỉ thẳng về phía trước. Tamina ngoái đầu nhìn thấy thuyền đã sắp vào bờ. Cảnh vật ở đây

khác chỗ hồi nãy: cây cối tươi tốt, xanh um.

Một lát sau chiếc thuyền chạm bãi. Trên bờ có mấy đứa trẻ đang chơi banh, thấy cô và cậu trai cặp bờ, chúng bỏ chơi chạy ra nhìn hai người với ánh mắt tò mò. Tamina theo cậu trai bước ra khỏi thuyền. Cậu buộc dây vào một cái cọc. Con đường nhỏ hai bên trồng ngô đồng từ bãi cát dẫn vào, cô theo cậu trai đi chừng mười phút thì đến trước một ngôi nhà màu trắng, rộng bề ngang nhưng thấp. Trước nhà có vài món vật lớn, nhiều màu, Tamina không biết dùng vào việc gì, và vài lưới bóng chuyền. Tamina thấy mấy món vật đó trông hơi kỳ lạ. Vâng, chúng được treo là trên mặt đất.

Cậu trai cho hai ngón tay vào miệng huýt gió một tiếng to.

11.

Một bé gái không quá chín tuổi bước ra tiến đến gần. Con bé có khuôn mặt xinh xắn dễ ưa và cái bụng tròn ửng hồng như thiên thần hay thấy trong tranh Gô-tích cổ. Nó nhìn Tamina với con mắt dừng dừng, cái nhìn của đứa gái biết mình đẹp và cố tình chẳng thèm để ý chuyện gì khác ngoài mình ra.

Con bé mở cánh cửa ngôi nhà trắng. Tamina theo nó đi thẳng vào (không có hành lang hay tiền sảnh) một gian phòng lớn, chỉ thấy giường nằm kê san sát. Nó nhìn quanh phòng như đang đếm xem có bao nhiêu giường, đoạn giơ tay chỉ một chiếc, bảo Tamina: “Cô ngủ ở chỗ đó.”

Tamina phản đối: “Cái gì? Tôi ngủ chung như thế này à?”

“Một đứa trẻ không cần có phòng riêng.”

“Em nói cái gì, một đứa trẻ là sao? Tôi không phải một đứa trẻ.”

“Tất cả chúng ta ở đây đều là trẻ con.”

“Nhưng phải có người lớn ở đây chứ.”

“Không, không có người lớn nào ở đây.”

“Vậy thì tôi làm gì ở đây?” Tamina kêu lên.

Con bé không thèm để ý về thắng thốt của Tamina. Nó bỏ ra cửa, nhưng trước khi ra nó quay lại bảo Tamina: “Tôi sẽ cho cô gia nhập đội Sóc.”

Tamina chẳng hiểu nó nói gì.

“Tôi sẽ cho cô gia nhập đội Sóc,” nó lặp lại câu nói, xằng giọng như một cô giáo không vừa ý với học trò. “Tất cả mọi người ở đây, ai cũng phải vào đội, mỗi đội lấy tên một con thú.”

Tamina chẳng muốn nghe con bé nói về đội Sóc. Cô nói cô muốn về nhà. Cô hỏi cái cậu trai đưa cô đến đây, cậu ấy đâu rồi.

Con bé làm như không nghe Tamina nói gì, nó vẫn lải nhải giải thích về đội Sóc.

“Tôi không muốn nghe nữa, cô hiểu chưa?” Cô quát to. “Tôi muốn về nhà tôi! Cái cậu trai hồi nãy đâu rồi?”

“Cô đừng la hét như thế.” Không một người lớn nào xất xược như cái con bé có bộ mặt xinh đẹp đó. “Tôi không hiểu nổi cô,” nó nói tiếp, lắc đầu ra vẻ ngạc nhiên. “Cô cứ nằng nặc đòi về nhà, nếu vậy, tại sao cô đến đây?”

“Tôi đâu có yêu cầu ai đưa tôi đến đây.”

“Tamina, cô đừng dối trá như thế. Người ta, không ai không hỏi đi đâu trước khi làm một chuyến du hành dài. Cô hãy bỏ cái tính nói dối đó đi.”

Tamina bỏ mặc đứa gái, cô chạy ngược trở lại con đường nhỏ hai bên trồng ngô đồng. Lúc ra tới bờ hồ,

cô đi tìm chiếc thuyền cậu trai neo nơi cái cọc trước đó chưa tới một giờ đồng hồ. Nhưng tìm mãi cô vẫn không thấy chiếc thuyền, thậm chí cái cọc cũng không thấy đâu.

Cô bắt đầu chạy men theo bờ hồ. Chạy một đoạn thì bãi cát đọng cái đầm lầy, cô phải đi vòng mất một lúc khá lâu mới trở ra hồ nước. Bãi cát luôn xoay về một hướng nhất định, và (tuyệt nhiên không thấy dấu vết thuyền bè hay bến neo nào) sau chừng một giờ đồng hồ, cô thấy mình trở lại chỗ con đường nhỏ với hai hàng ngô đồng đâm ra bãi. Cô nhận ra cô đang ở trên một hòn cù lao.

Cô đi chậm chậm trở lại con đường dẫn đến ngôi nhà. Trước nhà có khoảng mười đứa trẻ, tuổi từ sáu đến mười hai, đang nắm tay nhau thành vòng tròn chơi trò gì đó. Thấy cô, chúng kêu lên: "Tamina, lại đây chơi với chúng tôi!"

Chúng mở vòng tròn ra cho Tamina nhập bọn.

Ngay lúc đó cô chợt nhớ nụ cười của Raphael và cái lắc đầu nhẹ nhẹ của anh chàng.

Rúng động vì khiếp sợ, cô lạnh lùng bỏ mặc lũ trẻ, bước vào nhà và lên giường nằm co ro.

12.

Chồng cô chết trong bệnh viện. Ban ngày cô túc trực bên anh, nhưng anh nhắm mắt lìa đời một mình giữa đêm khuya. Hôm sau, lúc trở lại bệnh viện, cô thấy chiếc giường trống trơn, ông lão nằm cùng phòng bảo cô: "Cô phải làm đơn kiện! Cách họ đối xử với người chết là một tội phạm!" Nét sợ hãi hiện lên trong tia mắt ông lão cho thấy ông biết chẳng bao lâu nữa sẽ tới

phiên ông. “Họ nắm chân chồng cô rồi cứ thế lôi đi xềnh xệch dưới sàn nhà. Họ tưởng tôi ngủ không biết gì. Hừ! Tôi thấy hết. Tôi thấy đầu người chết va mạnh vào ngạch cửa.”

Cái chết có hai mặt song trùng: Phi hữu thể, nhưng nó cũng là một hữu thể, một hữu thể duy vật khiếp hãi của cái cây ma.

Khi còn rất trẻ, cái chết hiện đến với Tamina ở thể dạng thứ nhất, dưới bình diện cái không, và sợ chết (rất mơ hồ) có nghĩa là sợ không còn hiện hữu nữa. Tháng năm trôi qua, nỗi sợ ấy tan biến dần (ý nghĩ một ngày nào đó không nhìn thấy bầu trời, cây cối, không làm cô sợ hãi), nhưng mặt khác, suy tưởng của cô càng lúc càng thiên về mặt vật thể: cô thấy khiếp hãi vô cùng mỗi khi nghĩ có ngày mình biến thành cái cây ma.

Biến thành cái cây ma là một khổ nhục khôn kham. Đang là con người được bảo vệ bởi phẩm tiết, bởi cái thiêng liêng của sự trần trướng, riêng tư, nhưng bỗng nhiên chết, và ngay tức khắc thân xác mình nằm trong tay kẻ khác – họ có thể lột quần áo mình, mổ phanh mình ra, dí mắt vào xem xét nội tạng ruột gan mình, họ bịt mũi vì mùi hôi thối kinh khiếp bốc lên, rồi nhét mình vào ngăn tủ lạnh đông đá hay lò thiêu. Bởi không muốn mang nặng cảm giác đớn đau dằn vặt suốt đời gây nên bởi ý nghĩ thân xác người mình thương yêu bị đối xử khiếp đảm như thế, nên cô cho hỏa thiêu xác chồng mình và đem tro đi rải.

Thế rồi vài tháng sau, lúc nghĩ đến chuyện quyên sinh, cô quyết định chết ngoài biển khơi để chỉ loài cá, những con cá câm khờ khạo, mới biết cái thân xác ô trọc của cô thôi.

Tôi có nhắc đến thiên truyện ngắn của Thomas

Mann: một chàng trai mang bệnh trầm kha, ngày nọ chàng đáp chuyến tàu hỏa và bước xuống tại một thị trấn chàng không biết tên là gì. Trong căn phòng chàng ở trọ có chiếc tủ áo, và mỗi đêm có người đàn bà đẹp nảo nùng, trần truồng từ tủ áo bước ra kể chàng nghe một câu chuyện thần tiên buồn bã ngọt ngào, người đàn bà và câu chuyện thần tiên ấy là cái chết.

Nó là cái chết ngọt ngào màu xanh biếc, như cái phi hữu thể. Bởi phi hữu thể là khoảng không vô hạn và màu xanh là màu của không gian trống rỗng. Không gì đẹp hơn, êm dịu hơn màu xanh. Không phải tình cờ mà Novalis, thi sĩ của cái chết, yêu thích màu xanh, và không tìm kiếm bất cứ cái gì ngoài màu xanh trong những chuyến lãng du của ông. Sự ngọt ngào của cái chết có màu xanh.

Nhưng nếu cái phi hữu thể của chàng trai trong thiên truyện của Thomas Mann đẹp dễ như thế, điều gì xảy ra cho thân xác chàng? Họ có nắm chân chàng lôi đi xềnh xệch qua ngạch cửa không? Họ có mổ phanh xác chàng ra không? Họ có ném chàng xuống lỗ huyết hay vào lửa thiêu không?

Mann viết thiên truyện năm ông hai mươi bốn tuổi, còn Novalis thì sống không quá ba mươi. Không may, tôi già hơn thế, và tôi không thể không nghĩ đến thân xác sau khi chết. Bởi màu của cái chết không phải màu xanh, Tamina biết thế, tôi cũng biết thế. Chết cực nhọc khiếp hãi lắm. Cha tôi nằm nhiều ngày chờ chết với cơn sốt hành hạ trong người, và tôi có cảm tưởng ông cực nhọc với nó lắm. Toàn thân ông mồ hôi vã ra như tắm, ông tập trung tất cả năng lực còn sót lại trong cơ thể để chống chọi cơn đau quặn thắt do cái chết đang đến dần, như thế cái chết vượt quá sức lực ông. Thậm

chí ông không nhận ra tôi đang ngồi bên cạnh. Cái chết khiến ông mệt nhoài, ông cố thu gom tất cả sức tàn như người kỵ mã kiệt sức nhưng vẫn cố giục ngựa về nơi chốn thật xa xôi.

Vâng, ông đang cưỡi ngựa.

Nhưng ông cưỡi ngựa đi đâu?

Một nơi chốn xa xôi lắm, để vui lấp thân xác ông.

Không, không phải tình cờ mà tất cả những bài thơ miêu tả cái chết đều nằm dưới siêu chuyển dụ một chuyến du hành. Chàng trai của Thomas Mann bước lên tàu hỏa, Tamina ngồi vào chiếc xe thể thao màu đỏ. Ai nấy khao khát đi về nơi nào đó để che giấu thân xác mình. Nhưng vô vọng. Cưỡi ngựa ra đi nhưng rồi lại quay về giường, và đầu va mạnh vào ngạch cửa.

13.

Tại sao Tamina lạc loài trên hòn đảo nhỏ toàn trẻ con?
Tại sao tôi tưởng tượng cô như thế?

Tôi không biết.

Có thể do hôm cha tôi chết, tôi nghe vang vang tiếng trẻ con hát những bài hát hùng mạnh, vui tươi.

Tại tất cả những vùng đất phía đông sông Elbe, thanh thiếu niên đều phải tham gia những tổ chức có tên gọi là Thiếu niên Tiền phong. Chúng đeo khăn quàng đỏ, hộp hành y như người lớn, và thi thoảng đồng ca bài “Quốc Tế Ca.” Chúng có tục lệ thắt khăn quàng đỏ vào cổ một nhân vật người lớn quan trọng nào, và trao tặng người đó tước hiệu Tiền phong danh dự. Người lớn thích trò này lắm, và người tuổi càng cao càng thích nhận khăn quàng đỏ từ trẻ con để bài trí, tô điểm quan tài của mình.

Bọn họ, ai cũng từng nhận khăn quàng đỏ – Lenin có một chiếc, Stalin cũng thế, và cả Masturbov, Sholokhov, Ulbricht, Brezhnev. Riêng Husak thì nhận ngay hôm đó trong buổi lễ tại lâu đài Praha.

Cơn sốt của Papa có thuyên giảm đôi chút. Trời tháng Năm, chúng tôi mở cửa sổ trông ra vườn. Màn ảnh TV căn nhà đối diện đang chiếu cảnh buổi lễ, âm thanh len lỏi xuyên qua cành lá cây táo đang đơm bông lọt vào tai chúng tôi. Chúng tôi nghe tiếng trẻ em hát đồng ca giọng cao vút.

Vị bác sĩ cũng có mặt trong phòng, ông ngồi cạnh giường, gương mặt đắm chiêu nhìn Papa. Papa không nói được nữa. Ông bác sĩ quay sang tôi, nói to: “Ông ấy không còn biết gì nữa, não đang chết.” Tôi thấy đôi mắt xanh biếc của Papa vẫn mở to.

Lúc vị bác sĩ rời nhà, tôi cảm thấy luống cuống vì muốn nói gì đó để chặn cái âm thanh từ TV nhà hàng xóm vọng sang. Tôi chỉ tay ra cửa sổ: “Papa nghe thấy gì không? Thực là khôi hài! Chúng nó đang làm lễ trao tặng Husak tước hiệu Tiền phong danh dự!”

Papa bỗng bật lên cười. Ông cười để cho tôi thấy rằng não bộ ông vẫn tốt và tôi có thể tiếp tục nói chuyện cùng vui đùa với ông.

Len lỏi xuyên qua cành lá cây táo, giọng Husak lọt vào tai cha con chúng tôi: “Các cháu thân mến! Các cháu là tương lai.”

Đoạn, tiếp theo: “Các cháu chờ bao giờ quay đầu nhìn lại!”

“Con ra đóng cửa sổ để mình khỏi phải nghe, nhé Papa.” Tôi nháy mắt với Papa, và nhìn tôi với nụ cười đẹp vô hạn, ông khẽ gật đầu.

Vài giờ sau, cơn sốt trong người ông một lần nữa đột nhiên gia tăng. Ông cười ngượng thêm vài hôm, và

không bao giờ thấy lại tôi nữa.

14.

Nhưng lạc lõng giữa đám trẻ con, cô biết làm gì bây giờ, cậu trai chèo thuyền và chiếc thuyền biến mất, xung quanh cô là hồ nước mênh mông.

Cô sẽ chiến đấu.

Thực là buồn, ở cái tỉnh lị nhỏ bé miền tây châu Âu đó, cô chẳng bao giờ phải cố gắng đạt cái gì, còn tại đây, giữa lũ trẻ con (thế giới của sự vật không trọng lượng), cô lại phải chiến đấu ư?

Nhưng cô phải chiến đấu như thế nào?

Hôm mới đặt chân lên đảo, cô không chịu chơi với lũ trẻ và lên giường nằm như trốn tránh trong tòa thành kiên cố, cô có cảm tưởng lũ trẻ không mấy thiện cảm với cô và cô sợ hãi. Giờ đây cô phải cố gắng tự đứng ra cầu thân với chúng. Để làm như thế, cô phải tự đặt mình như bọn chúng, làm quen với thứ ngôn ngữ chúng sử dụng trong lúc nói chuyện. Thế là cô bắt đầu tham dự tất cả những trò chơi, góp ý với lũ trẻ, và dùng sức mạnh của mình để những trò chơi trở nên thú vị hơn. Chẳng bao lâu nhờ sự nhiệt tình thân thiện, bọn trẻ trở nên yêu mến cô hơn.

Tự đặt mình như bọn chúng có nghĩa là cô phải hy sinh phần riêng tư. Cô tắm chung với chúng, mặc dù hôm đầu tiên cô nhất định không chịu theo chúng vào phòng tắm, bởi cô không thể tắm trong lúc chúng dán mắt vào thân hình trần truồng của cô.

Phòng tắm ốp gạch men, rộng lắm. Nó là trung tâm đời sống và những ý nghĩ thầm kín của lũ trẻ. Ở một bên phòng có mười bàn cầu, và phía bên kia là mười

cái bồn tắm. Trong lúc một đội ngồi trên bàn cầu, áo ngủ dài vén lên bụng, thì đội khác đứng trần truồng trong bồn tắm. Những đứa ngồi trên bàn cầu nhìn những đứa đứng trong bồn tắm, những đứa đứng trong bồn tắm nhìn những đứa ngồi trên bàn cầu. Có cái gì đó phảng phất sự mê đắm xâm lấn cả căn phòng, nó đánh thức một ký ức mơ hồ bên trong Tamina, mà cô đã quên từ lâu lắm.

Tamina ngồi trên bàn cầu, áo ngủ vén lên bụng, và tất cả những đứa trẻ đội Hồ đứng trần truồng trong bồn tắm dán mắt vào cô. Đoạn một loạt tiếng nước dội cầu kêu ùng ục, đội Sóc đứng lên cởi áo ngủ và bước lại bồn tắm, đội Hồ đi ra, đội Mèo từ ngoài bước vào, chúng ngồi xuống bàn cầu chỗ đội Sóc vừa đứng lên rồi giương mắt nhìn Tamina với vùng hạ thể đen mướt và cặp vú to đang kỳ cọ trong bồn tắm cùng những đứa trẻ đội Sóc.

Cô không thấy xấu hổ nữa. Cô có cảm tưởng với thân xác người lớn của cô, đứng giữa những cái háng nhẵn thín không một sợi lông, cô là một nữ hoàng.

15.

Bởi thế, có vẻ như chuyến du hành đến hòn cù lao giữa hồ này không phải một âm mưu cốt hãm hại cô như cô tưởng hôm thoát trông thấy ngôi nhà tập thể và chiếc giường. Ngược lại, cuối cùng nó là nơi chốn cô hằng vọng tưởng: cô quay lại thời kỳ thật xa xưa, thời điểm khi chồng cô không hiện hữu, không có trong ký ức và cũng không là cái cô khao khát, thời điểm không có trọng lượng, không có điều gì phải ân hận.

Phẩm tiết cô, chẳng có gì để nói, nó luôn luôn toàn vẹn (phẩm tiết là cái bóng thủy chung của tình yêu), và tại nơi đây cô phơi bày thân thể trần truồng của mình cho hàng chục đôi mắt lạ nhìn vào. Lúc đầu cô cứ giật mình và cảm thấy khó chịu, nhưng chẳng bao lâu cô quen dần, bởi sự trần truồng của cô chẳng đáng gì đến phẩm tiết, nó chỉ giản dị mất đi mọi ý nghĩa và trở nên vô cảm, xơ cứng, chết. Thân xác mà mỗi phân vuông trên đó đều mang dấu vết tình yêu vợ chồng nay co rút lại thành cái vô nghĩa, và trong đó là sự an nghỉ thanh thoi.

Nhưng vào lúc cảm giác rạo rực xác thịt người lớn trong cô bắt đầu tan biến, thì bỗng dưng một kích thích khác từ quá khứ xa xăm dần dà lộ dạng. Ký ức tưởng đã hoàn toàn lãng quên bỗng quay về. Thí dụ như (thảo nào từ lâu lắm cô đã quên bằng chuyện ấy, bởi một Tamina trưởng thành sẽ thấy nó buồn cười đến độ lố bịch, và không thể xảy ra được): năm học lớp Một bậc Tiểu học, cô thần tượng cô giáo trẻ đẹp trong lớp, và suốt mấy tháng dài cô mơ mình tắm chung với cô giáo.

Bây giờ ngồi trên bàn cầu, miệng mỉm cười và hai mắt mơ màng nửa khép nửa mở, cô tưởng tượng cô là cô giáo lớp Một đó và đưa bé gái mặt tàn nhang ngồi tại bàn cầu bên cạnh đang nhìn cô không chớp mắt là con bé Tamina của thưở xa xăm. Đôi mắt đắm đuối bên trên hai gò má lấm tẩm tàn nhang của con bé khiến cô thấy rung động đến nỗi nó chui vào thật sâu trong ký ức mịt mù, và nửa tỉnh nửa mê, cô cảm thấy rạo rực trong lòng y như lúc cô mơ được tắm chung với cô giáo mình.

16.

Nhờ Tamina, đội Sóc thắng gần như tất cả các trò chơi, và chúng quyết định chính thức ban thưởng cô. Bọn trẻ thi hành mọi trừng phạt hay ban thưởng trong phòng tắm, và phần thưởng của Tamina là mọi đứa trong đội sẽ phục vụ cô tối hôm đó: tối đó, cô không được phép đụng đến thân thể mình – mọi việc sẽ do những đầy tớ trung thành của cô, tức đội Sóc, tận tình thi hành, chúng sẽ làm tất cả cho cô.

Và thế là chúng phục vụ cô: chúng bắt đầu bằng việc chùi cô thật sạch trên bàn cầu, xong nhắc cô lên và đội cầu, đoạn chúng cởi áo ngủ trên người cô và đưa cô lại bồn tắm, tại đây tất cả xúm vào tắm cho cô, chúng lau rửa đôi vú và bụng cô, tranh nhau nhìn vào phần da thịt nằm giữa hai đùi cô, thò tay vào sờ xem nó như thế nào. Đôi lúc cô đẩy chúng ra, nhưng khó khăn lắm: cô không thể nào tàn nhẫn thẳng thừng với lũ trẻ, bởi chúng đang chơi một trò chơi với tất cả hào hứng đáng khâm phục, chúng chỉ giả vờ phục vụ cô như một hình thức ban thưởng thôi.

Sau cùng chúng đưa cô vào giường chuẩn bị đi ngủ, và một lần nữa chúng kiểm tra cả ngàn lý do để sờ soạng, vuốt ve thân thể cô. Chúng đông quá đến nỗi cô không thể nào nhận ra tay hay môi đứa nào. Cô cảm thấy thân thể cô chỗ nào cũng có bàn tay chúng, nhất là những chỗ cô khác chúng. Cô nhắm hai mắt, và có cảm tưởng thân thể cô đang đong đưa, đong đưa chầm chậm như nằm trong nôi: một cảm giác khoan khoái, hoan lạc, an bình kỳ thú chưa từng có bao giờ lan tỏa khắp người cô.

Cảm giác ấy khiến khoe môi cô run lên. Cô mở mắt thấy một đứa trẻ đang dí mặt sát vào mặt cô, nó nhìn

khỏe môi cô run run rồi quay sang nói với đứa bên cạnh: “Nhìn! Nhìn này!” Cô thấy hai cái mặt chụm vào chăm chú quan sát khỏe môi đang mấp máy trên mặt cô một cách thú vị như thể chúng đang nhìn những cơ phận cái đồng hồ được tháo gỡ hay một con ruồi bị vạt cả hai cánh.

Nhưng cô có cảm tưởng cái cô nhìn thấy bằng mắt hoàn toàn không giống cái cơ thể cô đang va chạm, giữa thị giác và xúc giác không có sự liên lạc nào, những đứa trẻ bò lổm ngổm thò tay sờ soạng khắp thân thể cô chẳng dính dáng gì đến cảm giác khoan khoái đong đưa, êm ả râm ran trong người cô. Và cô lại nhắm mắt để tận hưởng cảm giác mê mải ấy, bởi lần đầu tiên trong đời thân xác nếm mùi hoan lạc với sự vắng mặt của tâm hồn. Không tưởng tượng, không hoài nhớ, tâm hồn cô đã lặng lẽ bước ra khỏi phòng.

17.

Năm tôi năm tuổi, đây là điều Papa dạy tôi: trong âm nhạc, mỗi khóa nhạc là một triều đình hoàng gia nho nhỏ. Ông vua (quãng nhất của âm giai) thi hành quyền lực với sự trợ giúp của hai hoàng tử (quãng năm và quãng tư). Dưới trướng họ là bốn ông quan khác, mỗi ông có riêng một quan hệ đặc biệt với nhà vua và hai hoàng tử. Triều đình cũng thu nạp năm âm khác, mà ta gọi là bán âm. Dĩ nhiên ở những khóa nhạc khác, chúng chiếm ngôi vị thứ nhất, nhưng ở đây chúng chỉ là khách.

Bởi mỗi âm trong mười hai âm đều có riêng một vị trí, một tước hiệu, một chức năng, nên bất kỳ khúc nhạc nào ta nghe đều không hẳn chỉ là một khối âm

thanh vô tổ chức: nó là một hành động triển khai trước mặt ta. Đôi khi những biến cố đó rối mù vào nhau (như nhạc của Mahler, hay càng rối rắm hơn ở nhạc của Bartók hay Stravinsky), nơi đây, các hoàng tử từ những triều đình khác bỗng nhiên xen vào và chẳng bao lâu mình chẳng biết âm nào thuộc về triều đình nào, hay là nó cùng lúc tôn phù nhiều ông vua khác nhau. Nhưng ngay cả thế, kẻ dốt nhạc nhất vẫn có thể đồ chừng âm nhạc nghe như thế nào. Cho dù phức tạp đến đâu chẳng nữa, âm nhạc vẫn nói *cùng một ngôn ngữ*.

Papa bảo tôi thế, và tiếp theo sau là của riêng tôi: một hôm, một vĩ nhân thấy rằng, sau cả ngàn năm, ngôn ngữ âm nhạc đã hao mòn đến độ nó chỉ biết lặp lại chính nó cái thông điệp sáo rỗng, cũ mèm. Bằng một sắc lệnh mang tính cách mạng, ông phá bỏ cấu trúc cấp bậc của các âm và cho chúng bình đẳng ngang nhau. Ông đưa ra điều luật rất nghiêm khắc, không cho bất cứ âm nào trong một khúc nhạc có quyền xuất hiện nhiều hơn các âm khác, tức là ông tước bỏ đặc quyền phong kiến xưa cũ để tiến tới một thế giới đại đồng, không ai hơn ai. Thế là những triều đình hoàng gia bị phế bỏ một lần và mãi mãi, và được thay thế bởi một đế quốc duy nhất dựa trên nguyên lý bình đẳng, gọi là hệ mười hai âm.

Có thể nhờ vậy âm nhạc nghe lạ tai và thú vị hơn trước, nhưng người nghe, vốn cả ngàn năm đã quá quen thuộc với khóa nhạc tuân thủ trật tự vua quan trong triều đình hoàng gia rồi, nên họ nghe mà chẳng hiểu gì. Dẫu sao, đế quốc mười hai âm chẳng bao lâu biến mất. Sau Schoenberg là Varèse, ông này phá bỏ chẳng những khóa nhạc mà cả âm nữa (âm giọng hát con người, âm nhạc cụ), và thay vào là một cấu trúc

các tiếng động tinh tế, và không thể nghi ngờ, phi thường. Ông khai mở lịch sử của cái khác dựa trên những nguyên lý khác và một ngôn ngữ khác.

Hôm Milan Hübl đến thăm tôi, ông chia sẻ với tôi ý nghĩ dân Czech có thể tan biến vào đế quốc Nga. Cả hai chúng tôi đều biết rằng ý tưởng này tuy hợp lý nhưng nằm ngoài tầm với của chúng tôi, chúng tôi đang nói về cái *không sao tưởng tượng nổi*. Con người không bắt tử, và có những điều hăn không sao tưởng tượng nổi: chung cuộc của không gian, thời gian, lịch sử, và dân tộc, bởi hăn luôn luôn sống trong một vô hạn ảo.

Kể bị mê hoặc bởi ý tưởng tiến bộ không bao giờ có thể ngờ rằng bất cứ cái gì xê dịch về phía trước cùng lúc tiến gần đến chung cuộc. Những cụm từ văn hoa bóng bẩy như “tiến lên” hay “xa hơn” là tiếng gọi quyến dụ của cái chết thúc giục ta hãy nhanh lên đến với nó.

(Nếu sự mê hoặc với cụm từ “tiến lên” đã trở thành phổ quát, thì phải chăng tiếng gọi của cái chết đã vắng vắng đâu đây xung quanh ta?)

Khi Schoenberg thiết lập đế quốc mười hai âm, âm nhạc trở nên phong phú hơn bao giờ, nó khiến ta say đắm với tự do. Ý tưởng âm nhạc có ngày tàn lụi không hề xệt ngang đầu óc bất cứ ai. Không mệt mỏi! Không hoảng hồn xế bóng! Cái tinh thần táo bạo trẻ trung đã khích động Schoenberg. Chọn lựa con đường khả hữu duy nhất tiến lên, niềm tự hào chính đáng tràn trề trong người ông. Lịch sử âm nhạc cáo chung với sự táo bạo và ước vọng tung bừng nở hoa.

18.

Nếu âm nhạc thật sự đã cáo chung thì cái gì còn lại?
Sự lặng thinh ư?

Không đâu! Âm nhạc bây giờ có nhiều lắm, nhiều hàng chục, hàng trăm lần so với thời kỳ hoàng kim nhất của nó. Âm nhạc bây giờ là những loa phóng thanh ngoài đường phố, những chiếc máy hát kinh hãi trong nhà, trong tiệm ăn, những chiếc *radio* con con người ta cầm theo lúc ra ngoài đường.

Schoenberg chết rồi, Ellington cũng chết, nhưng chiếc đàn ghi-ta thì sống mãi. Hòa âm khuôn đúc, giai điệu tầm thường, nhịp tiết lặp đi lặp lại độc nhất một điệu nhảm chán – đó là tất cả những gì còn lại của âm nhạc, đó là miên viễn của âm nhạc. Qua phương tiện một kết hợp đơn giản những thanh âm, ai cũng có thể kết bạn với nhau được, bởi âm nhạc ở đây là tiếng kêu vui sướng “Tôi ở đây!” Không có sự đồng thuận nào ồn ào, nhất trí hơn sự đồng thuận với nhân sinh. Ở ý nghĩa đó, người Á Rập nhập bọn người Do Thái, người Czech khoác tay người Nga. Những thân hình lắc lư điên cuồng theo điệu nhạc, họ say sưa với ý thức họ đang hiện hữu. Đó là lý do vì sao không một trước tác âm nhạc nào của Beethoven tạo được đam mê tập thể như tiếng thùng thùng liên miên không dứt của chiếc đàn ghi-ta.

Quãng một năm trước khi Papa mất, trong lúc đi bộ xung quanh khu phố, chúng tôi nghe tiếng hát, tiếng nhạc ồn ỹ vang lên khắp nơi. Càng buồn người ta càng mở nhạc. Họ khuyên bảo cái xứ sở bị chiếm đóng đó hãy quên đi niềm cay đắng của lịch sử để đắm chìm vào nỗi vui của đời sống. Papa dừng chân ngừng đầu lên nghe ngóng xem tiếng nhạc từ đâu phát ra, tôi có

cảm tưởng ông muốn nói điều gì quan hệ lắm. Tôi thấy ông cố gắng tập trung tư tưởng để diễn tả ý nghĩ, và rồi, thật chậm chạp và khó khăn, ông nói: “Cái ngu xuẩn của âm nhạc.”

Ông muốn nói gì khi bảo tôi vậy? Có thật ông muốn hạ nhục âm nhạc không? Âm nhạc là đam mê cả đời ông, chẳng lẽ bây giờ ông đành đoạn ruồng bỏ nó sao? Không đâu, tôi nghĩ ông muốn bảo tôi rằng có một *trạng thái nguyên sơ của âm nhạc*, một trạng thái tiền lịch sử, trước khi có những câu hỏi ban đầu, trước những suy ngẫm khởi đầu, trước những trò chơi với mô-típ và nhạc đề. Trạng thái nguyên sơ đó của âm nhạc (âm nhạc không tư duy) phản ánh tính ngu xuẩn cố hữu của con người. Để âm nhạc vượt lên trên sự ngu xuẩn cốt lõi đó, cần có một tâm lực cố gắng phi thường, và nét huy hoàng rực sáng của châu Âu hàng thế kỷ đã như cái tên lửa lên đến đỉnh điểm đường bay trên không trung thì đột ngột tắt ngúm.

Lịch sử âm nhạc có thể tan mất, nhưng tiếng thùng thùng điên loạn của chiếc đàn ghi-ta thì còn mãi. Âm nhạc ngày nay trở về trạng thái nguyên sơ của nó, trạng thái sau câu hỏi cuối cùng, sau suy ngẫm cuối cùng, sau khi lịch sử cáo chung.

Năm 1972, khi Karel Klos, một ca sĩ nhạc thời trang người Czech bỏ xứ ra đi thì Husak thấy lo sợ. Ngay lập tức ông ta viết một lá thư riêng cho anh chàng ca sĩ, lúc đó đã ở Frankfurt, mà tôi trích dẫn sau đây, không bịa một chữ nào: “Karel thân mến: Chúng tôi không muốn gì từ anh. Làm ơn trở về, chúng tôi sẽ làm bất cứ điều gì anh muốn. Chúng tôi sẽ giúp anh, anh sẽ giúp chúng tôi...”

Hãy suy nghĩ về điều này: Không một chút đắn đo, do dự, Husak cho phép bác sĩ, học giả, khoa học gia

thiên văn, lực sĩ, nhà dựng kịch, nhà làm phim, công nhân viên, kỹ sư, kiến trúc sư, sử gia, ký giả, nhà văn, họa sĩ ra nước ngoài sinh sống, nhưng ông ta không thể nào chấp nhận nỗi anh ca sĩ Karel Klos bỏ xứ ra đi. Chỉ vì Karel Klos đại biểu cho âm nhạc không có ký ức, thứ âm nhạc mà chôn vùi muôn kiếp bên dưới là xương của Beethoven và Ellington, tro của Palestrina và Schoenberg.

Tổng thống của Lãng quên và gã Khùng của Âm nhạc là hai biệt loại, nhưng cả hai làm cùng một việc như nhau. “Chúng tôi sẽ giúp anh, anh sẽ giúp chúng tôi.” Không ai có thể xoay sở được nếu không có kẻ kia.

19.

Nhưng bên trong ngọn tháp nơi sự minh triết của âm nhạc ngự trị, đôi khi chúng ta khao khát một nhịp tiết đơn điệu của tiếng kêu vô hồn đến với chúng ta từ bên ngoài. Lúc nào cũng chỉ biết Beethoven thôi thì nguy hiểm lắm, tương tự những vị trí ưu đãi thường dẫn đến tai họa.

Tamina luôn cảm thấy xấu hổ khi phải thừa nhận rằng cô hạnh phúc với chồng mình. Cô sợ người khác có lý do ganh ghét cô.

Giờ đây cô bị giằng xé giữa hai cảm giác: Tình yêu là sự ưu đãi, và tất cả ưu đãi đều không đáng được và phải trả giá. Để trừng phạt, cô bị đẩy ra hòn đảo toàn trẻ nít này.

Nhưng cảm giác ấy chẳng bao lâu nhường chỗ cho cảm giác khác: Sự ưu đãi của tình yêu không chỉ là thiên đường, nó còn là địa ngục. Cuộc sống trong tình

yêu là căng thẳng, sợ hãi, bồn chồn thường xuyên. Cô ở đây giữa đám trẻ nít là để nhận ban thưởng, cuối cùng cô được hưởng chút yên bình, tĩnh lặng.

Cho đến thời điểm này, dự vọng xác thịt trong người cô bị tình yêu chiếm cứ (tôi nói “bị chiếm cứ” bởi dự vọng xác thịt không phải tình yêu mà chỉ là phần đất bị tình yêu chiếm cứ), và do đó nó tham dự vào cái gì đầy kịch tính, cái gì hữu nhiệm, nghiêm túc. Ở đây, giữa bọn trẻ nít, vương quốc của cái thô thiển, đại khờ, sinh hoạt dự tính biến thái ngược trở lại thành cái nó vốn nguyên thủy là: một món đồ chơi còn con đem hoan lạc cho thể xác.

Hoặc nói cách khác: dự tính một khi không bị quỷ yêu trói buộc vào tình yêu nữa thì nó trở thành niềm vui thiên thần vô tư lự.

20.

Nếu lần đầu bọn trẻ nít hiệp dâm Tamina mang ý nghĩa lạ lùng đó, thì ở những lần sau nó mau chóng tan mất tính cách màu nhiệm, như một thông điệp càng lúc càng trở nên trống rỗng và chẳng còn lại gì ngoài một trò chơi bắn thủ.

Chẳng bao lâu sau, lũ trẻ cãi cọ lẫn nhau. Những đứa thích trò chơi xác thịt bắt đầu ra mặt ghét những đứa không thích. Và giữa những đứa yêu Tamina, sự hục hặc bất hòa cũng càng ngày càng lớn. Đó là giữa những đứa cảm thấy được Tamina âu yếm chiều chuộng và những đứa cảm thấy bị hắt hủi, bỏ quên. Tất cả những thái độ bất bình, chống đối bắt đầu chĩa vào Tamina, cô như bị đè nặng xuống.

Một hôm trong lúc bọn trẻ bầu xung quanh thân thể

trần truồng của cô (chúng hoặc quỳ trên giường, hoặc đứng bên cạnh, đưa gối xoạc chân bên người cô, đưa gối xồm ngay đầu hay giữa hai chân cô), đột nhiên cô thấy đau nhói. Một đứa trẻ ngắt đầu vú cô. Cô thét lên, và không kềm chế được, cô vung hai tay đập lia lịa, đuổi tất cả bọn chúng ra khỏi giường.

Cô nhận ra là đứa quỷ nhỏ nào đó cố tình làm cô đau, vì nó ghét cô chứ chẳng có lý do nào khác. Thế là cô quyết định chấm dứt trò chơi thân mật và dâm dật với lũ trẻ.

21.

Đột nhiên bên trong cái vương quốc nơi sự vật nhẹ như làn gió thoảng không có hòa bình nữa.

Chúng chơi lò cò, nhảy từ ô vuông này sang ô khác, thoát đầu chân phải, rồi chân trái, xong đặt cả hai chân xuống mặt đất. Tamina cũng nhảy với bọn chúng. (Tôi hình dung thân hình cao lớn của cô giữa đám trẻ thấp bé, co chân nhảy từng bước, mái tóc tung bay lòa xòa trước mặt, với nỗi chán chường dè dặt trong lòng.) Ngay lúc đó, đội Kim Tước bỗng kêu lớn bảo cô giẫm chân lên đường vạch.

Dĩ nhiên đội Sóc phản đối: cô đâu có giẫm chân lên đường vạch. Cả hai đội chạy lại chúi đầu xuống sát mặt đất quan sát dấu chân cô. Nhưng đường vạch trên cát không rõ, và vết gót chân Tamina cũng chỉ thấy lờ mờ. Hai phe gân cổ cãi nhau đến cả mười lăm phút mà không ngã ngũ.

Đến đây Tamina làm một hành vi chết người; cô giơ hai tay lên, nói: “Được rồi, đúng là tôi đã giẫm lên đường vạch.”

Mấy đứa đội Sóc quay lại tru tréo bảo cô nói điều, cô điên à, cô đâu có giẫm lên đường vạch. Nhưng chúng nó thua, nói gì cô cũng không chịu nghe, và đội Kim Tước hò hét sung sướng vì thắng cuộc.

Lũ trẻ đội Sóc tức điên lên, chúng la lớn bảo Tamina phản bội, một thằng con trai còn xô cô thật mạnh khiến cô xuýt ngã. Cô đánh trả, và đó là dấu hiệu cho bọn chúng xúm vào cấu xé cô. Tamina chống trả tự vệ, cô là người lớn, mạnh hơn một đứa trẻ nhiều (và lòng chán ghét tràn ứ trong người cô, vâng, cô đánh lũ trẻ như đánh cái gì cô căm ghét bấy lâu), và chẳng bao lâu mặt mũi đứa nào cũng bê bết máu. Nhưng rồi một hòn đá vụn ném trúng ngay trán cô, cô loạng choạng, đưa tay lên bịt vết máu trên trán trong lúc lũ trẻ giạt sang một phía. Cả đám đột nhiên im lặng, và cô chậm chạp lê bước về ngôi nhà tập thể. Cô nằm vật xuống giường, nhủ thầm sẽ không bao giờ tham dự trò chơi với lũ trẻ nữa.

22.

Tôi thấy Tamina đứng giữa ngôi nhà tập thể, xung quanh lũ trẻ nằm ngổn ngang trên giường. Cô là trung tâm cho tất cả mọi đứa trông vào. Từ góc phòng có tiếng la lớn: “Vú! Vú!” Những đứa khác phụ họa theo, và chuỗi âm thanh “Vú! Vú! Vú...” biến thành tiếng kêu từng hồi như tiếng hò từ từng ấy cái miệng dồn dập vang dội căn phòng.

Đôi vú tuyệt đẹp và lớp lông mịn đen dưới háng cô, mới đây thôi, cô còn hãnh diện và dùng làm khí giới, giờ đây là mục tiêu cho lũ trẻ tấn công, hành hạ. Trong mắt lũ trẻ, thân hình người lớn của cô biến thành một

quái hình: đôi vú trông quái đản như hai cục u bườu, còn hạ thể lông lá như thể kia chỉ súc vật mới có.

Cô bị đẩy vào chân tường mất rồi. Chúng đuổi theo cô khắp nơi trên hòn đảo nhỏ, thấy cô đâu là ném đá, ném gỗ vụn. Cô chỉ có cách ôm đầu chạy trốn, nhưng trốn đâu cô cũng nghe tiếng chúng gọi tên cô: “Vú! Vú! Vú! Vú...”

Chẳng gì nhục nhã hơn kẻ mạnh phải chạy trốn kẻ yếu. Nhưng chúng đông quá. Cô chạy và thấy nhục vì mình chạy.

Một hôm cô phục kích chúng. Cô tóm được ba đứa; một đứa nằm quay lơ sau khi bị cô đập cho một nhát, hai đứa kia bỏ chạy, nhưng cô nhanh chân hơn và tóm được tóc chúng.

Bỗng một chiếc lưới từ trên cao phủ xuống chụp lên người cô, và một chiếc khác, rồi một chiếc nữa. Vâng, đó là những chiếc lưới bóng chuyền giăng thấp là là mặt đất trước ngôi nhà tập thể. Chúng giăng bẫy đợi cô lọt vào. Ba đứa bị cô tóm chỉ là mỗi nhử. Cô lẫn lộn gào thét bên trong lưới trong lúc lũ trẻ miệng tru lên từng hồi và tay lôi cô xềnh xệch đằng sau.

23.

Tại sao mấy đứa trẻ tẻ đến thế?

Này, bọn chúng có gì tẻ đâu! Trái lại là chẳng khác, chúng luôn luôn tử tế với nhau và cho thấy tình bạn thiết thân. Không đứa nào muốn giữ Tamina cho riêng mình. “Nhìn! Nhìn này!” Lúc nào chúng cũng la to lên với nhau như thế. Thân thể Tamina bị những sợi lưới bó chặt, cắn sâu vào da thịt, lũ trẻ lại chỉ trở cho nhau nhìn những vết máu trên người cô, và khuôn mặt lăm

lem giòn giũa nước mắt, nhăn nhó vì đau đớn. Chúng đồng chia sẻ niềm vui thú, cô trở thành chất keo gắn chặt tình huynh đệ của chúng.

Lý do cho sự bất hạnh của cô không phải vì bọn chúng tệ, mà vì cô nằm ngoài biên thù thế giới bọn chúng. Con người không phản đối việc bò bị giết trong lò sát sinh. Bò nằm ngoài luật pháp con người, y như Tamina nằm ngoài luật pháp của bọn trẻ con.

Chính Tamina mới là kẻ chất chứa thù hận trong lòng, không phải bọn trẻ. Chúng thích gây đau đớn cho kẻ khác, điều đó tích cực và vui vẻ lắm, đáng được gọi là niềm vui. Chúng nhắm vào kẻ ở ngoài biên thù để gây đau đớn chỉ vì chúng muốn nâng cao thế giới và luật pháp của chúng lên.

24.

Thời gian tích cực làm công việc của nó, và tất cả những thú vui cùng trò tiêu khiển trở nên nhàm chán nếu cứ lặp đi lặp lại mãi; kể cả trò săn đuổi Tamina. Hơn nữa, lũ trẻ đâu đến nỗi quá tệ. Thằng bé đá lên người cô lúc cô bị bó rọ trong lưới nằm dưới chân nó, mấy hôm sau gặp cô, nó nở một nụ cười đẹp, rất ngây thơ.

Tamina trở lại chơi với bọn trẻ con, nhưng bây giờ cô im lặng trong lúc chơi. Một lần nữa, cô nhảy từ ô vuông này sang ô khác, thoát đầu chân phải, rồi chân trái, xong đặt cả hai chân xuống mặt đất. Cô sẽ không bao giờ đặt chân vào thế giới của bọn chúng, nhưng cô cũng cẩn thận không để mình lọt ra ngoài quá xa. Cô cố giữ sao cho vị thế đứng ngay tại lần ranh biên giới.

Thế nhưng cái lắng dịu, cái bình thường, cái *modus*

*vivendi*¹ dựa trên một thỏa hiệp ngầm không chắc chắn thường đem lại viễn ảnh khủng khiếp. Trước đó không lâu, là con vật bị săn đuổi, Tamina quên hết mọi ý niệm thời gian cùng khoảng trống bao la của nó, giờ đây những vụ tấn công bạo hành như thể qua đi, và sự trống rỗng hoang phế của thời gian từ bóng tối mon men tiến lại gần, như cái vô hạn, làm đau đớn, nghiền nát cô.

Tuy nhiên, một lần nữa, xin bạn ghi khắc điều này vào tâm trí: Tamina phải nhảy từ ô vuông này sang ô khác, thoát đầu chân phải, rồi chân trái, xong đặt cả hai chân xuống mặt đất, và cô phải hết sức cẩn thận không để chân mình giẫm lên đường vạch. Cô sẽ phải nhảy như thể ngày này qua ngày khác, và trong lúc nhảy, hai vai cô như bị trì kéo xuống bởi sức nặng của thời gian như chiếc thập tự giá càng ngày càng nặng hơn.

Cô còn nhìn lại quá khứ nữa không? Cô còn nghĩ đến chồng cô và thành phố Praha nữa không?

Không. Hoàn toàn không.

25.

Bóng ma những tượng đài bị kéo sập đi luẩn quẩn xung quanh những cái bệ trống không, và ông Tổng thống của Lãng quên đứng trên diễn đàn với chiếc khăn quàng đỏ quẩn trên cổ. Trẻ con bên dưới vỗ tay reo hò tên ông.

Tám năm trời trôi qua rồi mà tôi vẫn nhớ lời ông nói xuyên qua kẽ lá cây táo đang đơm bông vắng vào tai tôi.

Ông nói, “Hỡi các cháu! Các cháu là tương lai!” và

giờ đây tôi nhận ra lời nói này không cùng một ý nghĩa hiển nhiên tôi hiểu lúc ban đầu. Trẻ con là tương lai không phải vì ngày nào đó chúng sẽ trở thành người lớn, mà vì con người càng ngày càng giống trẻ nít, vì trẻ nít là ảnh tượng của tương lai.

Ông hét to: “Hỡi các cháu! Các cháu chờ bao giờ quay đầu nhìn lại!” và điều này có nghĩa là chúng ta chờ bao giờ cho phép sức nặng của ký ức trĩ kéo tương lai xuống. Bởi trẻ nít không có quá khứ, và đó chính là tất cả bí nhiệm nơi nụ cười ngây thơ của chúng.

Lịch sử là một chuỗi những thay đổi phù vân, chóng tàn, trong khi những giá trị miên viễn thì không thể chia cắt, và vĩnh viễn vận hành bên ngoài lịch sử, chúng không cần đến ký ức. Husak là Tổng thống của cái miên viễn, không phải cái phù vân. Ông ta đứng về phe trẻ nít, và trẻ nít là đời sống, và sống là “nhìn, nghe, sờ mó, ăn uống, tiêu tiểu, nhảy xuống nước, nhìn bầu trời, khóc, cười.”²

Hình như sau khi Husak đọc xong bài diễn từ phủ dụ đám khán giả thanh thiếu niên (lúc đó tôi đã đóng cửa sổ, và Papa đang chuẩn bị một lần nữa trèo lên ngựa), thì anh chàng ca sĩ Karel Klos bước lên sân khấu bắt đầu hát. Nghe anh chàng hát, nước mắt chảy dài trên hai gò má Husak, những giọt nước mắt do cảm xúc dâng lên quá mạnh, và những nụ cười tươi tắn, rạng rỡ nở ra khắp nơi như ánh tinh quang khúc xạ qua nước mắt của Husak. Ngay tại thời điểm trọng đại đó, người ta thấy cầu vồng hiện trên bầu trời thành phố Praha.

Ngước mặt nhìn lên cầu vồng, đám trẻ con vỗ tay, cười.

Gã Khùng của Âm nhạc kết thúc bài hát, ông Tổng

thống của Lãng quên đứng dậy dang rộng hai cánh tay la lớn: “Hỡi các cháu! Sống là vui!”

26.

Cả hòn đảo nhỏ bây giờ rung rinh với tiếng ồn, tiếng hát, tiếng đàn ghi-ta điện đinh tai nhức óc. Chiếc máy hát chạy bằng được đem ra đặt tại sân chơi trước ngôi nhà tập thể. Đứng bên cạnh là một cậu trai, Tamina nhận ra cậu chính là người đã chèo thuyền đưa cô đến đây. Bất giác cô tỉnh người. Nếu nó là người chèo thuyền thì chiếc thuyền phải ở ngoài bãi. Đây là cơ hội cho cô thoát hiểm, không thể bỏ qua được. Tim cô đập mạnh, và từ lúc đó trở đi, không phút giây nào trôi qua mà cô không nghĩ đến chuyện bỏ trốn.

Cậu trai, mắt nhìn chiếc máy hát, thân hình lắc lư theo điệu nhạc. Lũ trẻ từ trong nhà chạy túa ra sân, chúng bắt chước cậu trai làm những động tác nhảy múa: tay này đưa ra, tay kia vung lên, tiến tới, đầu hất ngược phía sau, lúc vẩy tay, lúc đưa ngón trở ra như đe dọa ai, và miệng ngoác ra hát theo bài hát đang phát từ máy.

Tamina núp sau một thân ngô đồng to, cô không muốn chúng thấy cô, nhưng cũng không rời mắt khỏi chúng được. Chúng nhảy múa những điệu dân dật như người lớn, hạ thể uốn tới uốn lui như đang giao cấu. Cảnh tượng thô bỉ chập lên những hình dáng trẻ con cho thấy sự tương phản rõ rệt giữa thô bỉ và ngây thơ, giữa trong sáng và nhơ nhớp. Cái gọi cảm trở nên kinh tởm, cái ngây thơ trở nên kinh tởm, ngôn từ tan vữa cả, và Tamina cảm thấy buồn nôn: như thể dạ dày cô trống rỗng.

Tiếng ghi-ta điện điên khùng vẫn rú lên từng hồi, lũ trẻ vẫn lắc lư cuồng nhiệt theo điệu nhảy, uốn người, uốn éo bụng, và cô thấy cảm giác buồn nôn trong người cô xuất phát từ cái vô trọng lượng. Sự trống rỗng trong dạ dày cô chính xác là sự vắng mặt khôn kham của cái nặng. Và như tất cả những gì đi đến cực điểm có thể bất cứ lúc nào quay đầu về lại thái cực trái ngược bên kia, cái nhẹ đi đến cực điểm trở thành *sức nặng của cái nhẹ*. Nó khiếp hãi khôn lường, và Tamina biết rằng cô không thể nào chịu nổi thêm giây phút nào nữa. Cô quay người bỏ chạy.

Cô chạy dọc theo con đường nhỏ hai bên trồng ngô đồng ra đến bờ hồ.

Đến nơi cô đảo mắt nhìn xem chiếc thuyền có neo ở đó không. Tuyệt nhiên không có chiếc thuyền nào.

Cô men theo bờ nước chạy vòng quanh đảo như hôm đầu tiên đến. Không thấy thuyền đâu. Sau cùng cô quay lại chỗ con đường nhỏ đâm xuống hồ. Lũ trẻ hào hứng bỏ sân chơi chạy xuống.

Cô dừng lại.

Lũ trẻ thấy cô rồi và chúng chạy ủa tới, vừa chạy vừa la hét inh ỏi.

27.

Cô nhảy xuống nước.

Không phải cô sợ lũ trẻ. Thật ra cô đã nghĩ đến điều này từ lâu. Hôm từ đất liền đi thuyền ra đảo, cô thấy không lâu lắm. Mặc dù không thấy bờ bên kia đâu, nhưng cô đồ chừng không cần sức mạnh một siêu nhân để bơi vào bờ!

Lũ trẻ chạy đến chỗ cô vừa nhảy xuống nước, một

vài hòn đá ném xuống nước xung quanh cô. Nhưng cô bơi nhanh lắm và chẳng bao lâu đã ra khỏi tầm ném đá của những cánh tay yếu ớt.

Trong lúc bơi, lần đầu tiên sau một thời gian dài, cô cảm thấy tinh thần phấn chấn. Cô cảm nhận được thân thể mình, cảm nhận được sức mạnh khi xưa của mình. Cô là tay bơi hạng cừ mà, và cô thấy mỗi sải tay là một niềm thống khoái trong lòng. Nước hồ lạnh, nhưng cái lạnh làm cô vui thích, như thể nó rửa sạch da thịt cô những thứ bẩn thỉu của lũ trẻ, nước bọt trong miệng chúng, ánh mắt tò mò, soi mói nhiều trên da thịt cô.

Cô cứ thế bơi, lâu lắm, và mặt trời bắt đầu lừ đừ chạm mặt nước.

Rồi bóng tối phủ trùm, chẳng bao lâu trời tối đen, không trăng sao, và Tamina vẫn gắng hết sức nhắm hướng trước mặt, bơi.

28.

Cô đang cố quay về đâu? Về Praha ư?

Không. Thậm chí cô quên nó từng hiện hữu.

Về cái thị trấn nhỏ ở miền tây châu Âu ư?

Không. Cô chỉ giản dị muốn bỏ đi.

Điều đó có nghĩa là cô muốn chết?

Không, không, không đời nào. Ngược lại là đằng khác, cô muốn sống, muốn sống ghê gớm lắm.

Nếu thế, chắc cô có vài ba ý tưởng về thế giới cô muốn sống bên trong!

Không nốt. Cô chẳng hề biết thế giới cô muốn sống bên trong phải có những gì. Tất cả còn lại trong cô là nỗi khao khát được sống, và thân xác mình. Không gì

khác ngoài hai điều này. Hoàn toàn không. Cô muốn bứng hai điều đó ra khỏi hòn đảo và cất giữ chúng. Thân xác cô và nỗi khao khát được sống.

29.

Trời sáng dần. Cô nheo mắt cố nhìn xem có bến bờ đâu không.

Chẳng có gì ngoài nước và nước trước mắt cô. Cô quay đầu nhìn phía sau. Không xa lắm, khoảng trăm thước thôi, là bãi cát của hòn đảo cây xanh.

Cái gì? Bơi suốt đêm mà vẫn ở nguyên một chỗ à? Cô bỗng thấy tuyệt vọng cùng cực, và từ lúc đó trở đi tay chân cô trở nên yếu ớt, làn da tê buốt vì nước lạnh không chịu nổi. Cô nhắm mắt và cố bơi tiếp. Cô không còn hy vọng bơi đến bờ bên kia nữa, tất cả những gì cô suy nghĩ bây giờ là cái chết, và cô muốn chết ở nơi nào giữa hồ nước mênh mông, cách xa tất cả con người, không gì khác, chỉ mình cô với đàn cá. Hai mắt cô nhắm lại, và cô bỗng thiếp đi trong một khoảnh khắc, nước trào vào phổi, và trong lúc ho sặc sụa, cô bỗng nghe tiếng trẻ con léo nhéo bên tai.

Rẽ nước, ho, nhìn quanh. Cách cô vài sải tay, cô trông thấy chiếc thuyền chở đầy trẻ con. Chúng đang la hét, nhưng khi biết cô nhìn thấy thì chúng im lặng. Chúng lại gần nhìn cô chăm chăm. Cô thấy chúng nhốn nháo trên thuyền.

Cô sợ chúng vớt cô lên và bắt cô tiếp tục chơi với chúng. Cô kiệt sức lắm rồi, tay chân cô đã bắt đầu tê cứng.

Chiếc thuyền trôi đến gần sát bên cô, năm khuôn mặt trẻ con cúi xuống nhìn cô như nhìn một hiện

tượng lạ.

Tamina lắc đầu trong tuyệt vọng, như thể cô muốn bảo, Hãy để tôi chết, đừng cứu tôi.

Nhưng cô không có lý do để sợ. Mấy đứa trẻ trên thuyền chẳng làm gì cả, không đứa nào đưa mái chèo ra, một cánh tay cũng không, không đứa nào tìm cách cứu cô. Chúng chỉ nhìn cô, đứa nào đứa nấy hai mắt mở to nhìn. Một đứa trai dùng mái chèo làm tay lái để giữ chiếc thuyền không trôi ra xa.

Nước lại trào vào phổi, lại ho, hai cánh tay cô đập đập trên mặt nước, cô biết mình không còn hơi sức nữa và cô sắp chìm. Hai chân cô càng lúc càng nặng, như muốn kéo cô xuống đáy hồ.

Đầu cô chìm dưới mặt nước. Vùng vẫy, cô ngoi lên được vài lần; mỗi lần như thế cô vẫn thấy chiếc thuyền và mắt của mấy đứa trẻ đang nhìn cô.

Đoạn cô biến mất dưới mặt nước.

Chú thích của người dịch:

¹ *modus vivendi*: Tạm ước.

² Trích ngôn này tác giả lấy từ cuốn *Parole de femme* (Lời đàn bà) của nhà văn Annie Leclerc, xuất bản năm 1976. (Xem thêm Phần III của sách).

PHẦN VII

Biên thùy

1.

Anh luôn luôn thấy gương mặt người đàn bà trong lúc đang làm tình là cái gì thú vị nhất. Cử động của hai thân hình như hình ảnh một cuốn phim chiếu lên mặt người đàn bà, như trên màn ảnh TV, một cuốn phim mê say đầy cảm xúc rung động, đầy chờ đợi, và không thiếu những cơn nổ bùng, đờn đau, những tiếng kêu la, và thậm chí cả sự ác độc. Nhưng mặt Edwige trống trơn như màn ảnh không hình và Jan không thể nào đặt mắt lên mặt cô được, anh thấy khổ sở với những câu hỏi không có trả lời: Cô chán anh rồi chẳng? Hay cô mệt? Hay cô chỉ làm tình một cách miễn cưỡng? Hay anh không bằng những người tình cũ của cô trước anh? Hay đằng sau bộ mặt bất động vô cảm ấy, cô che giấu một cảm xúc gì đó mà anh chẳng mảy may nhận ra?

Lẽ dĩ nhiên, anh có thể hỏi thẳng cô. Nhưng có cái gì không bình thường xảy ra giữa hai người. Mặc dù họ hay nói chuyện và cởi mở với nhau, nhưng khi trút bỏ y phục, khi hai thân xác trần truồng cọ xát vào nhau, họ mất mọi khả năng trò chuyện, hỏi han.

Anh không hiểu nổi sự im lặng đó. Có lẽ bởi vì, ngoài chuyện làm tình, Edwige luôn luôn là người dạn dĩ, tháo vát hơn anh. Mặc dù kém tuổi anh, cô nói nhiều hơn anh gấp ba lần, còn bảo ban, khuyên lơn

này nọ thì hơn anh cả chục lần. Cô như một bà mẹ khôn ngoan, dịu dàng cầm lấy tay anh dẫn dắt anh đi qua cuộc đời.

Lúc làm tình, anh muốn thăm thì rút vào tai cô những lời dâm tục để gợi hứng. Nhưng thậm chí giữa giây phút tình tứ như thế anh vẫn thất bại. Nếu làm thế, anh đoán chắc hiện ra trên mặt cô sẽ là một nụ cười trách cứ hiền lành, một cử chỉ mắng yêu, nó là nụ cười của bà mẹ bắt gặp quả tang thằng con trai yêu quý lấy trộm cái bánh quy trong tủ chè.

Hoặc giả anh tưởng tượng thăm thì vào tai cô câu nói tầm thường, thô lỗ nhất một người đàn ông có thể nói với người tình của mình: “Này, em thích như thế này không?” Với những người đàn bà khác, hỏi như thế luôn luôn nghe như có cái gì dâm ô, gợi dục. Cụm từ tránh tục “như thế này” dùng để gợi ý hành vi làm tình, ngay tức khắc khiến anh muốn tìm kiếm những từ khác, những từ phản chiếu tình yêu nhục dục như thể hai thân xác nhập cuộc trong một gian sảnh ốp toàn gương soi. Nhưng hình như anh biết trước phản ứng của Edwige: Dĩ nhiên, em thích chứ, cô sẽ ôn tồn bảo anh. Anh nghĩ em không thích mà làm được sao? Jan à, anh hãy hợp lý hơn một chút đi.

Và bởi thế anh chẳng bao giờ rút vào tai cô lời dâm tục, mà cũng không hề hỏi cô có thích “như thế này” không. Anh im lặng suốt thời gian thân xác hai người vờ vập nhau, như một cuộn phim không có phim chạy ro ro trong máy chiếu.

Anh hay ngẫm nghĩ và cho rằng chính anh là kẻ có lỗi, anh là thủ phạm những đêm làm tình trong câm lặng. Anh vẽ ra trong đầu bức biếm họa người tình Edwige giờ đây là vật cản giữa hai người, nó không cho anh tiến đến con người thật của cô. Trí tuệ cô, cái

dâm bị che đậy kín đáo, cả hai anh đều không cách gì với tới được. Thật tình, sau mỗi lần làm tình trong im lặng, anh lại tự nhủ sẽ không làm tình với cô nữa. Anh yêu cô vì cô thông minh, chung thủy, cô là người bạn không người thay thế, chứ không phải nhân tình. Nhưng quả vô cùng khó khăn tách biệt bạn ra khỏi nhân tình. Mỗi lần anh đến thăm cô, hai người ngồi nói chuyện đến khuya, Edwige rót rượu uống, đưa ra thuyết này thuyết nọ, ban lời dạy bảo, và cuối cùng, lúc Jan đã mệt lử thì cô đột nhiên im lặng, nụ cười hiền hậu nở sáng trên khuôn mặt. Thế rồi, như thể bị lôi cuốn bởi một sức hút không kèm hãm được, Jan đưa tay sờ ngực cô, và cô đứng dậy cởi bỏ áo quần.

Tại sao nàng muốn làm tình với mình? Anh thường tự hỏi như thế, nhưng anh không tìm ra câu trả lời. Anh chỉ biết rõ một điều, anh làm tình với cô trong im lặng, không khác hơn được, như người công dân đứng nghiêm chỉnh khi nghe bài quốc ca vang lên, mặc dù chắc chắn cả bản thân người công dân lẫn cái quốc gia của hắn chẳng hề xem đó là vui thích.

2.

Trong vòng hai trăm năm qua, loài hắc điểu dần dà bỏ rừng để trở thành chim thành phố. Thoạt tiên là ở Anh vào cuối thế kỷ thứ mười tám, rồi vài thập kỷ sau là Paris và Thung lũng Ruhr. Suốt thế kỷ thứ mười chín, chúng lần lượt chinh phục hết thành phố này đến thành phố nọ ở châu Âu. Chúng xâm chiếm Vienna và Praha vào quãng năm 1900, rồi tràn lan về hướng đông đến Budapest, Belgrade, Istanbul.

Nhìn từ quan điểm của hành tinh quả đất thì sự việc

loài hắc điểu xâm lăng thế giới loài người chắc chắn là hệ trọng hơn cuộc xâm lăng đất đai Nam Mỹ của người Tây Ban Nha hay sự trở về Palestine của người Do Thái. Sự xoay chuyển quan hệ giữa những sinh vật khác nhau trên mặt đất (muông thú, con người, cây cỏ) là một dịch chuyển ở tầm mức cao hơn nếu đem so với thay đổi trong quan hệ giữa những nhóm khác nhau trong cùng một giống. Đối với quả địa cầu, sự việc người Celt hay người Slav vào xâm chiếm đất Bohemia, hoặc người Romania hay người Nga chinh phục Bessarabia đều chẳng khác biệt bao nhiêu. Nhưng khi giống hắc điểu từ bỏ thiên nhiên theo gót con người đi vào một thế giới nhân tạo, phi tự nhiên, thì đó là thay đổi thuộc về cấu trúc hữu cơ của quả đất.

Thế nhưng chẳng ai dám diễn dịch hai thế kỷ qua là lịch sử loài hắc điểu vào xâm chiếm các thành phố con người. Tất cả con người chúng ta, ai nấy là tù nhân của một tư duy cứng nhắc nhận thức cái gì hệ trọng và cái gì không, chúng ta dán đôi mắt lo lắng vào những điều hệ trọng, trong lúc ẩn nấp sau lưng ta những điều không hệ trọng âm thầm tiến hành chiến tranh du kích, để cuối cùng thay đổi vận mệnh thế giới và bất thần giáng xuống đầu ta những đòn chí tử.

Nếu có kẻ viết tiểu sử của Jan, kẻ ấy có thể tóm lược thời đoạn cuộc đời anh mà tôi đang miêu thuật nơi đây như sau: Cuộc tình giữa anh và Edwige đánh dấu một giai đoạn mới trong cuộc đời anh chàng Jan bốn mươi lăm tuổi. Sau cùng, từ bỏ lối sống vô tích sự và trống rỗng, anh quyết định dọn nhà từ một thị trấn miền tây châu Âu sang Mỹ để tập trung nguồn năng lực mới vào những việc quan trọng, mà những thành tựu đáng kể đạt được là, vân vân và vân vân.

Nhưng làm cách nào kẻ viết tiểu sử tưởng tượng ấy có thể giải thích cho tôi hiểu rằng cuốn sách Jan ưa thích vào thời điểm ấy lại là cuốn truyện cổ *Daphnis và Chloe*? Chuyện tình của hai kẻ yêu nhau, hai đứa trẻ thì đúng hơn, và cả hai chẳng biết tí gì về tình yêu xác thịt. Tiếng kêu be be của con sơn dương hòa lẫn tiếng sóng biển, một đàn cừu gặm cỏ dưới tàn cây ô-liu. Hai người trẻ tuổi trần truồng nằm bên nhau, cả hai đều cảm thấy trong tim nổi đam mê cuồng nhiệt nhưng thật mơ hồ. Họ quấn quýt ôm nhau không rời, và cứ như thế thật lâu, lâu lắm mà không biết làm gì thêm. Họ nghĩ ôm nhau như vậy là khởi đầu và kết thúc của hoan lạc tình yêu. Họ cảm thấy hưng phấn, tim họ đập nhanh, nhưng họ không biết làm tình là gì.

Vâng, Jan cảm thấy mê hoặc với đoạn văn này.

3.

Cô diễn viên Hanna ngồi xếp bằng như một tượng Phật bày bán trong bất cứ tiệm bán đồ cổ nào trên thế giới. Miệng cô nói liên tục trong lúc nhìn ngón tay cái của mình chậm chậm vẽ hình vòng tròn trên mặt chiếc bàn nhỏ kê cạnh sofa.

Không phải cử chỉ máy móc của người thần trí bất an có thói quen giậm chân hay gãi đầu, mà là hành vi ý vị, yêu kiều có ý thức và chủ đích. Cô muốn vạch một vòng tròn màu nhiệm xung quanh cô để cô có thể tập trung toàn diện vào cô và những người khác cũng có thể tập trung vào cô như thế.

Cô thích thú nhìn theo ngón tay cái của mình, chốc chốc ngược nhìn Jan đang ngồi đối diện. Cô bảo anh cô mới trải qua một cơn chấn động tâm thần bởi vì

cậu con trai cô, vẫn sống với người chồng cũ, đã trốn nhà bỏ đi mấy hôm rồi. Người cha của cậu tàn nhẫn đến độ anh ta gọi điện báo tin cho cô biết nửa giờ trước khi cô lên sân khấu. Hanna quy xuống, nhiệt độ trong người tăng cao, đầu thì nhức khủng khiếp và lạnh băng. “Cái mũi tôi, nó nghẹt đến nỗi tôi không tài nào hỉ ra được!” Cô bảo Jan trong lúc ngược nhìn anh với đôi mắt to đẹp nào nùng. “Cái mũi tôi, nó như một bông cải súp-lơ!”

Cô có nụ cười của người đàn bà biết trên mặt mình, thậm chí cái mũi đỏ ửng cũng duyên dáng, xinh đẹp. Cô sống với sự hài hòa khuôn mẫu với chính cô. Cô yêu cái mũi, và cô cũng yêu sự dạn dĩ dám gọi cảm lạnh là cảm lạnh và cái mũi là bông cải súp-lơ. Bởi thế, cái đẹp bất quy ước của cái mũi lên tiếng ngợi khen cái dạn dĩ thông minh, và vòng tròn ngón tay cái cô đang vẽ thu gom cả hai cái duyên dáng đó vào bên trong chu vi huyền nhiệm của nó, biểu hiện sự nhất quán không thể chia cắt của cá tính con người cô.

“Tôi lo tôi bị sốt nặng. Anh biết bác sĩ của tôi, ông ấy nói gì không? ‘Hanna, tôi có một lời khuyên cho cô, cô đừng lấy nhiệt độ trong người!’”

Cô phá lên tràng cười sau câu nói đùa của ông bác sĩ, đoạn nói tiếp: “Anh biết tôi mới gặp ai không? Passer!”

Passer là một người bạn cũ của Jan. Lần cuối anh gặp Passer là cách đây vài tháng, lúc anh ta sắp phải lên bàn mổ. Ai cũng biết anh ta bị ung thư, mọi người trừ chính Passer, anh ta vẫn sinh hoạt bình thường như người khỏe mạnh đầy năng động đáng kinh ngạc, và nhất quyết không tin bác sĩ, cho rằng hội đồng y khoa đã chẩn bệnh sai. Dù sao chẳng nữa, ca mổ của anh ta thập phần nguy hiểm, và sau đó lúc chỉ có Jan

bên cạnh, anh ta bảo: “Sau vụ mổ, cậu biết tôi không còn là đàn ông nữa. Đời sống tôi như một người đàn ông chấm dứt rồi.”

Hanna lại nói: “Tôi gặp anh ta tuần rồi tại căn nhà dưới quê của vợ chồng Clevis. Thật là một con người tuyệt vời! Anh ta trẻ hơn bọn mình! Tôi thích anh ta lắm cơ.”

Lẽ ra Jan phải vui khi biết bạn mình được một diễn viên đẹp yêu thích, nhưng điều đó chẳng gây ấn tượng gì nơi anh bởi vì ai cũng yêu thích Passer. Những năm gần đây, danh vọng xã hội của anh chàng bỗng nổi lên như cồn. Tại các tiệc tùng ăn uống linh tinh phù phiếm trong thị trấn, bao giờ người ta cũng bàn tán đôi điều hay ho về Passer, điều đó trở nên gần như một thông lệ.

“Anh biết cánh rừng tuyệt đẹp xung quanh căn nhà dưới quê của vợ chồng Clevis chứ gì? Có nhiều nấm mọc trong cánh rừng đó lắm, và tôi rất mê đi hái nấm! Lúc tôi hỏi có ai muốn theo tôi đi hái nấm không thì không ai muốn đi, ngoại trừ Passer, anh ta bảo: ‘Tôi sẽ đi hái nấm với cô!’ Anh thử nghĩ xem, Passer, một người bệnh! Tôi đã bảo anh rồi đấy, anh ta trẻ hơn bọn mình!”

Cô lại cúi xuống nhìn theo ngón tay cái, nó vẫn không giây phút ngừng chuyển động thành vòng tròn trên mặt chiếc bàn nhỏ. Cô nói tiếp: “Thế là chúng tôi đi hái nấm, tôi và Passer. Tuyệt lắm, anh Jan ạ. Chúng tôi lạc đường, quên mất lối về nhà, rồi chúng tôi thấy một quán cà phê. Một quán cà phê ở đồng quê trông đen đúa, xấu xí, bụi bặm, nhưng tôi thích lắm. Ở những nơi như vậy, anh uống vang rẻ tiền y như khách trong vùng hay lui tới. Passer tuyệt vời lắm. Tôi thích anh ta quá mất thôi!”

4.

Vào thời điểm đó, tại những bờ biển miền tây châu Âu, mùa hè phụ nữ ra tắm biển, phơi nắng, mặc áo tắm thường để ngực trần. Dân chúng chia thành hai phe, chống và ủng hộ. Gia đình Clevis – gồm có cha, mẹ và cô con gái mười bốn tuổi – ngồi xem TV, đang theo dõi một buổi tranh luận về đề tài áo tắm không che ngực, trong đó đại diện của gần như tất cả các nhóm trí thức của thời đại đều có mặt. Họ hùng hồn bảo vệ luận điểm của mình. Nhà phân tâm học nhiệt tình bênh vực việc phụ nữ để ngực trần ngoài bờ biển. Ông ta nói về sự phá vỡ các quy ước, để giải phóng chúng ta ra khỏi cái toàn năng của huyền tượng tình dục. Nhà lý luận Mác-xít thì lừng lờ, không bênh cũng không chống (Đảng Cộng sản có người bảo thủ nhưng cũng có đảng viên tin theo chủ nghĩa tự do, ngả về một phe là thất sách, thiếu khôn ngoan), thay vào đó, ông ta khôn khéo chuyển hướng tranh luận nhằm vào một vấn đề cơ bản hơn, tính đạo đức giả của xã hội tư sản, mà theo ông ta thì sắp đến hồi cáo chung. Suy nghĩ của đại diện phe Thiên Chúa Giáo có vẻ nghiêng về quan điểm nên duy trì áo che ngực, nhưng ông ta trình bày luận điểm của mình một cách yếu ớt, chỉ bởi ông ta không thoát ra nổi cái tinh thần thời đại phủ trùm; để chống việc phụ nữ để ngực trần, ông ta chỉ có thể nói rằng sự ngây thơ trong trắng của trẻ em thì ai cũng phải có nhiệm vụ và bổn phận tôn trọng và bảo vệ. Ông ta chưa dứt lời, một phụ nữ năng nổ trong bàn hội luận đã lớn tiếng cắt lời bảo nên dẹp bỏ những tabu đạo đức giả ấy đi. Hãy cho trẻ em thấy trần truồng không xấu và cha mẹ nên tập cho con cái có cái nhìn mới mẻ này bằng cách không mặc quần áo đi lại trong

nhà.

Jan đến nhà Clevis ngay lúc trên TV người đàn bà điều hợp chương trình kết thúc buổi hội luận, nhưng sự hào hứng sôi nổi vẫn tiếp tục hâm nóng mọi người trong căn hộ một lúc khá lâu. Vợ chồng Clevis là người có viễn kiến, và bởi thế họ ủng hộ phụ nữ để ngực trần. Đối với họ, hành vi hàng triệu phụ nữ đồng loạt, như thể nghe theo tiếng hô ra lệnh, ném vào sọt rác mảnh vải không mấy hay ho đó, là biểu tượng con người bứt phá xích xiềng nô lệ. Thử tưởng tượng một đoàn phụ nữ ngực trần diễu hành trên con phố ngang căn hộ vợ chồng Clevis trông như đoàn giải phóng quân hùng dũng tiến bước.

Như tôi đã nói, vợ chồng Clevis là người có viễn kiến, họ có những quan niệm cấp tiến. Có nhiều loại quan niệm cấp tiến khác nhau, và vợ chồng Clevis luôn luôn ủng hộ những quan niệm tốt đẹp nhất. Một ý tưởng cấp tiến tốt đẹp nhất chứa đựng một liều lượng kích động đủ mạnh để những kẻ hỗ trợ cảm thấy hãnh diện về tính cách độc đáo của nó, nhưng đồng thời nó thu hút thật nhiều người ủng hộ để nguy cơ có thể biến thành một ngoại lệ riêng lẻ ngay tức khắc tan biến với sự đồng lòng ồn ã của đám đông say men chiến thắng. Thí dụ, giả sử vợ chồng Clevis chẳng những ủng hộ phụ nữ để ngực trần, mà còn chống cả chuyện mặc áo quần nói chung, giả sử họ tuyên bố rằng người ta nên trần truồng khi đi dạo phố, thì đó cũng là một ý tưởng cấp tiến, nhưng chắc chắn không hay nhất. Nó khiến người ta khó ăn khó nói bởi có cái gì quá đáng, người ta sẽ phải hao tổn năng lượng nhiều lắm để bênh vực nó (trong khi một ý tưởng cấp tiến hay nhất, tự thân, đã bênh vực được cho chính nó), và những kẻ nhiệt tâm hỗ trợ sẽ không bao giờ có

được thỏa mãn nhìn vị thế bất tùng phục lẽ thói của mình đột nhiên trở thành vị thế của tất cả mọi người.

Ngồi nghe gia đình nhà Clevis lên án mảnh vải che ngực phụ nữ, Jan bỗng nhớ đến một dụng cụ nhỏ bằng gỗ gọi là ống thẳng bằng, mà ông nội anh, một người thợ nề, thường dùng để lấy độ bằng phẳng của bức tường đang xây. Tại ngay giữa món đồ là cái ống thủy tinh nhỏ bên trong đựng chất lỏng với cái bong bóng không khí, vị trí của bong bóng cho biết bức tường gạch ngang hàng hay bị lệch. Gia đình Clevis có thể phục vụ như cái bong bóng không khí trí tuệ. Đặt gia đình này vào một ý tưởng nào đó, ta sẽ biết ngay nó là một ý tưởng cấp tiến tốt đẹp nhất hay không.

Cả ba cái miệng nhà Clevis tranh nhau thuật lại toàn bộ buổi hội luận hào hứng cho Jan nghe, sau đó Papa Clevis chồm người về phía anh, nói với giọng mỉa mai, chế giễu: “Cậu có nghĩ là, nếu ngực các bà trông đẹp thì rất có thể vụ cải cách này sẽ được dễ dàng chấp thuận không?”

Tại sao Papa Clevis lại biểu lộ suy nghĩ của mình bằng thứ ngôn từ đó? Ông là một chủ nhà tuyệt hảo và luôn luôn tìm những câu nói thích hợp cho mọi người xung quanh. Nhưng bởi Jan mang tiếng là gã đàn ông săn đuổi đàn bà, nên Clevis đã không trình bày thái độ ủng hộ phụ nữ để ngực trần của mình dựa trên nguyên lý quyền lợi hay ý nghĩa sâu sắc của nó; đó là sự đồng lòng mang *tính đạo đức*. Đảng này, ông đưa ra một thỏa hiệp (tương ứng phẩm vị của Jan và trái ngược niềm xác tín của chính ông); đó là sự đồng lòng mang *tính thẩm mỹ* về cái đẹp của vú đàn bà.

Ông cố tìm sự chính xác, và cùng lúc, khôn khéo như một nhà ngoại giao: ông không dám nói toạc ra là các cặp vú xấu thì nên che lại. Tuy thế, dù không nói

thẳng thừng, cái ý tưởng tuyệt đối không thể chấp nhận, quá rõ ràng từ câu nói của ông, biến thành mục tiêu cho cô con gái mười bốn tuổi tấn công bố.

“Còn cái bụng to tướng của các ông thì Papa tính sao? Những cái bụng phệ phưỡn ra đi lại trên bờ biển chẳng biết xấu hổ là gì!”

Mama Clevis bật lên tràng cười khoái trá, bà vỗ tay khen con gái: “*Bravo!*”

Papa Clevis cũng vỗ tay theo. Ngay tức khắc ông hiểu con gái ông đúng, và thêm một lần nữa ông là nạn nhân của cái thiên hướng thỏa hiệp không tốt, mà vợ con ông luôn luôn trách móc. Nhưng ông là con người ưa chuộng sự hòa giải sâu đậm đến nỗi ông bênh vực ý kiến trung dung của mình bằng vẻ nhún nhường hiếm có và ngay lập tức đồng ý với cô con gái cực đoan. Hơn nữa, lời lẽ đáng kết tội ông vừa thốt ra khỏi miệng không phải suy nghĩ của ông, mà là của Jan, ông dám chắc như vậy; và bởi thế, ông có thể hoan hỉ đứng về phe con gái, không chút do dự, chưa kể còn thấy hãnh diện về con mình.

Thấy cha mẹ vỗ tay tán thưởng, cô gái bèn nói tiếp: “Các ông nghĩ là chúng tôi cởi áo che ngực là để cho các ông thỏa mãn ư? Lầm! Lầm to! Chúng tôi làm vậy là cho chính chúng tôi, bởi vì chúng tôi thích thế, bởi vì chúng tôi cảm thấy sung sướng, bởi vì làm như thế thân thể chúng tôi gần mặt trời hơn! Các ông chỉ có khả năng nhìn chúng tôi như một món đồ chơi tình dục mà thôi!”

Papa và Mama Clevis lại vỗ tay, nhưng lần này sự tán dương của hai người đượm một giọng điệu khàng khác. Câu nói của cô con gái hiển nhiên là đúng, chẳng thể cãi lại được, nhưng nó chẳng thích hợp tí nào với một thiếu nữ mười bốn tuổi. Nó như cậu trai tám tuổi

bảo mẹ mình: “Mama, có tên cướp nào trấn lột Mama, con sẽ bảo vệ Mama đến cùng.” Ở trường hợp đó, cha mẹ cậu bé cũng sẽ hoan hô tán thưởng cậu là đứa trẻ dũng cảm, nhưng bởi nó cho thấy sự tự tin thái quá, lời tán dương từ miệng cha mẹ cậu như bị nhiễu xạ bởi nụ cười nào đó. Với nụ cười như thế, lời tán dương con gái lần thứ hai nghe không như lần đầu. Cô gái “nghe” được nụ cười trong giọng nói của cha mẹ cô và cô không bằng lòng, cô bướng bỉnh một cách khó chịu, lặp lại câu nói: “Không thêm nói nữa. Nhưng một điều chắc chắn, tôi không là đồ chơi tình dục của bất cứ ai.”

Không cười, cha mẹ cô chỉ gật gù, ông bà thấy vậy đã đủ rồi, và không muốn khích động con gái mình thêm nữa.

Nhưng Jan không kèm chế được, anh bảo cô gái:

“Hỡi cô gái mến yêu của tôi, phải chi cô biết được để không trở thành một món đồ chơi tình dục thì dễ dàng như thế nào.”

Anh thốt câu nói với giọng nhỏ nhẹ, nhưng đượm một nỗi buồn chân thật nên nó vang vọng trong gian phòng một lúc lâu. Thật khó khăn giữ im lặng bỏ ngoài tai câu nói, nhưng cũng chẳng biết phải trả lời sao. Nó không xứng đáng để tán đồng, bởi nó không cấp tiến, nhưng cũng không thể tranh luận, bởi hiển nhiên nó không ngược lại sự tiến bộ. Chẳng có gì tệ hại hơn câu nói Jan vừa thốt ra, bởi nó nằm ngoài mọi vấn đề tranh cãi chỉ đạo bởi tinh thần của thời đại. Nó ở xa cái tốt lành, cũng không gần cái ác, nó là một ý tưởng không xứng hợp với bất cứ điều gì người ta đang quan tâm.

Gian phòng bỗng chìm vào im lặng, Jan cười gượng gạo như thể xin mọi người thứ lỗi cho điều mình vừa thốt, thế rồi Papa Clevis, bậc sư của nghệ thuật hàn

gắn sát mẻ giữa những người thân, đối đề tài nói về Passer, người bạn chung của hai người. Cả hai đều ngưỡng mộ Passer: vùng đất này an toàn hơn. Clevis tán dương tính lạc quan của Passer, một cõi lòng khát sống không một biện pháp y khoa nào có thể dập tắt. Và giờ đây hiện hữu của Passer bị đóng khung vào một khoảnh hẹp đời sống, không đàn bà, không ăn ngon, không rượu, không đi đứng bình thường, và không tương lai. Mới đây anh chàng đến thăm gia đình Clevis tại ngôi nhà dưới đồng quê, và hôm đó cô diễn viên Hanna cũng có mặt.

Jan thắc mắc nếu đem cái ống thẳng bằng Clevis đặt lên cô diễn viên Hanna thì sẽ thấy ra điều gì. Ở con người Hanna anh thấy toàn những dấu hiệu của tính duy ngã không chịu đựng nổi. Nhưng Jan đã đoán sai cái bong bóng nước nói điều gì. Clevis hoàn toàn tán đồng cung cách đối xử của cô diễn viên đối với Passer. Cô đã nhiệt tình quan tâm tới anh chàng. Cô quả có tính độ lượng thương người, mặc dù ai cũng biết cô vừa trải qua bi kịch gia đình.

“Bi kịch gì?” Jan ngạc nhiên hỏi lại, anh thật tình quên khuấy chuyện con trai Hanna bỏ nhà đi mấy hôm rồi. Cô ấy bị chấn động, tâm thần hoảng loạn, nhưng với Passer, kẻ đang đứng bấp bênh bên bờ tử sinh, thì cô ấy không nghĩ đến mình nữa, và để tìm cách giải khuây cho Passer, cô vui vẻ nói to với mọi người: “Tôi mê đi hái nấm lắm! Có ai muốn theo tôi đi hái nấm không?” Passer nói anh muốn đi, những người khác không muốn tháp tùng anh ta vì họ nghĩ anh ta muốn đi riêng với cô. Họ đi lang thang trong cánh rừng cả ba tiếng đồng hồ trước khi đặt chân vào một quán cà phê uống rượu đỏ. Bác sĩ đã cấm Passer không được đi bộ nhiều và nhất là không uống rượu. Lúc trở lại trông

anh chàng vui vẻ lắm, nhưng ngày hôm sau thì phải đưa vào nhà thương.

“Tôi nghĩ tình trạng của Passer không khá lắm đâu,” Papa Clevis nói thêm như trách móc: “Cậu nên vào thăm hẳn.”

5.

Jan tự nhủ: “Tại khởi đầu của đời sống tình dục, có hưng phấn nhưng không có cực khoái, và tại kết thúc, có cực khoái nhưng không có hưng phấn.”

Hưng phấn mà không cực khoái là Daphnis. Cực khoái mà không hưng phấn là cô gái bán hàng trong tiệm cho thuê đồ thể thao.

Cách đây khoảng năm trời, lúc mới gặp cô, anh rủ rê cô lại chỗ anh ở, cô tuyên bố một câu để đời: “Nếu chúng mình làm tình, về mặt kỹ năng tôi chắc sẽ tốt lắm, nhưng tôi không chắc về mặt cảm xúc.”

Anh bảo cô rằng, riêng về phần anh, cô có thể tuyệt đối chắc chắn về mặt cảm xúc, và cô chấp nhận sự đảm bảo đó từ anh y như cô thường ngày nhận tiền đặt cọc của khách hàng vào tiệm thuê dụng cụ trượt tuyết, và cô không bao giờ hé môi nói thêm nửa lời về cảm xúc. Còn về mặt kỹ năng thì thật tình cô làm anh càng ngày càng đuối sức.

Cô là loại đàn bà cuồng dâm và cô thích đạt tuyệt cảm ái ân. Đối với cô tuyệt cảm ái ân là một tôn giáo, một mục đích, một yêu cầu cao nhất cho sự sạch sẽ, một biểu tượng tốt về sức khỏe, nhưng nó cũng là nguồn hãnh diện, một phương tiện để tách rời cô ra khỏi những người đàn bà thiếu may mắn khác, như sở hữu một chiếc du thuyền hay có một vị hôn phu tiếng

tăm lừng lẫy.

Nhưng chẳng dễ dàng cho Jan chút nào để thỏa mãn cô. Lúc làm tình, cô cứ la lên: “Nhanh lên, nhanh lên,” đoạn, “Chậm lại, chậm lại, từ từ nào,” rồi, “Mạnh vào, mạnh vào,” như người trưởng toán thuyền đua luôn mồm hối thúc đoàn chèo thuyền chèo thật mạnh để chiếc thuyền phóng tới như tên bắn. Cô tập trung vào những vùng nhạy cảm trên da thịt mình rồi hướng dẫn tay anh vào đúng chỗ, đúng lúc. Mồ hôi mồ kê tươm ra nhễ nhại trên người, anh nhìn thấy vẻ mất kiên nhẫn trong mắt cô gái, thân thể cô quằn quại không ngừng như lên cơn sốt, cái cơ thể như một cỗ máy cho ra một cảm giác nổ bùng, một cảm giác mang ý nghĩa và cũng là mục đích của mọi thứ trên đời.

Hôm rời chỗ ở của cô lần cuối cùng, Jan bỗng nhớ đến Hertz. Ông ta là giám đốc đoàn opera tại thành phố vùng Trung Âu nơi anh lớn lên. Tại những buổi tập dượt đặc biệt, ông ta bắt các ca sĩ nữ phải cởi bỏ y phục, hoàn toàn trần truồng từ trên xuống dưới trong suốt buổi tập. Để nắm chắc dáng điệu thân thể các ca sĩ, ông ta bắt họ cầm một cây bút chì vào hậu môn. Cây bút chì chỉ xuống sàn sân khấu là đường nối dài của cột sống, nhờ đó ngài giám đốc nặng tính khổ luyện ấy có thể kiểm tra từng bước đi, cử chỉ, điệu bộ thân hình các ca sĩ, với mức độ chuẩn xác khoa học.

Một hôm, một cô ca sĩ *soprano* trẻ cãi nhau với ngài giám đốc, và cô đem vụ việc tố cáo lên ban điều hành. Hertz tự bào chữa, nói ông ta chưa bao giờ lợi dụng sàm sỡ các cô, chưa bao giờ đặt tay lên người bất cứ cô nào. Điều đó đúng, nhưng nó khiến cái trò tiểu xảo cầm bút chì vào hậu môn thậm chí bị ối hơn, và Hertz phải bỏ thành phố mà đi biệt trong ô nhục.

Vụ đó gây xôn xao dư luận, và bởi thế ngay từ khi

còn rất trẻ Jan đã thích đi xem opera. Nhìn những cô ca sĩ hát trên sân khấu, bộ tịch này nọ, đầu hất ngược về phía sau, miệng há thật to, anh tưởng tượng tất cả đều trần truồng. Giàn nhạc rên xiết, các cô đưa tay lên bóp vú trái, và Jan tưởng tượng cây bút chì thò ra từ những móng út trần trụi. Tim anh đập mạnh: hưng phấn của Hertz khiến anh hưng phấn! (Cho đến tận ngày hôm nay, anh vẫn không thể thưởng thức một vở đại nhạc kịch bằng cách nào khác, anh đặt chân vào đại thánh đường với lòng dạ hồi hộp của cậu trai mới lớn lén lút chui vào rạp chiếu phim con heo.)

Jan lại tự nhủ: Hertz quả là tay phù thủy lão luyện khi lão tìm ra công thức tạo hưng phấn với cây bút chì cắm vào đít. Và anh cảm thấy xấu hổ với lão già quái quỷ: Hertz sẽ không bao giờ chịu vất vả lao động như Jan đã hì hụi đổ mồ hôi hột trên thân thể trần truồng của cô gái bán hàng trong tiệm cho thuê đồ thể thao.

6.

Loài hắc điều xâm lăng vào thành phố xảy ra ở mặt trái lịch sử châu Âu, tương tự như thế, câu chuyện tôi đang thuật cũng xảy ra ở mặt trái đời sống Jan. Tôi đang thu gom những biến cố rời rạc, mà có lẽ Jan không mấy để ý đến, bởi ở mặt phải đời sống anh lúc đó là những biến cố và lo toan khác: anh được nhận sang Mỹ làm việc, một công việc chuyên ngành, và anh đang chuẩn bị lên đường.

Mới đây anh tình cờ chạm trán Barbara ngoài phố. Cô trách móc tại sao anh chẳng bao giờ quá bộ đến nhà cô lúc cô mở tiệc. Ai cũng biết nhà Barbara là cái tổ quỷ chuyên bày những trò giao hợp tập thể. Jan

thậm ghét thói ngồi lê đôi mách ác độc của thiên hạ và suốt mấy năm qua anh từ chối lời mời của cô. Nhưng lần này anh cười cười nhận lời: “Vâng, tôi sẽ vui vẻ đến.” Anh biết anh sẽ chẳng bao giờ quay lại thị trấn này nữa, vì thế chẳng sợ ai nói gì về mình. Anh tưởng tượng cảnh nhà Barbara đầy đàn ông đàn bà trần truồng, vui vẻ lui tới tự nhiên, ồn ỹ tiệc tùng, và anh nhủ thầm, tốt, một cách rất tốt để ăn mừng ngày mình ra đi.

Bởi Jan sắp đi. Vài tháng nữa thôi anh sẽ bước chân ngang qua đường biên ranh giới, một biên thù. Và khi nghĩ đến đó, từ “biên thù” trong ý nghĩa địa dư thông thường nhắc nhở anh một biên thù khác, một biên thù phi hình tượng và phi vật thể, mà anh nghĩ đến nhiều trong thời gian gần đây.

Biên thù gì?

Người đàn bà anh yêu nhất (lúc đó anh ba mươi tuổi) bảo anh (lúc nghe chuyện anh gần như tuyệt vọng) rằng cô đang bám víu vào sự sống bằng một sợi tơ. Vâng, cô muốn sống lắm, đời sống đem lại cho cô nhiều vui sướng, nhưng cô cũng biết rằng cái “em muốn sống” của cô chỉ được nâng đỡ trên những sợi tơ mong manh của cái mạng nhện. Chỉ cần một chút xiu, một chút xiu cực nhỏ, để thấy ta đứng ở bên kia biên thù, nơi tất cả mọi thứ – tình yêu, niềm xác tín, đức tin, lịch sử – không còn ý nghĩa gì nữa. Toàn thể cái bí nhiệm của đời sống con người nằm trong sự kiện nó ở ngay sát biên thù, và thậm chí trực tiếp va chạm nhau, khoảng cách giữa nó và biên thù không đo bằng kí-lô mét mà mi-li mét.

7.

Mỗi người đàn ông đều có hai bản tiểu sử đời sống tình dục. Bản thứ nhất là những điều người đời bàn tán về anh ta, nó liệt kê những cuộc tình anh ta nếm trải.

Bản tiểu sử kia chắc chắn thú vị hơn: nó trưng ra một đoàn đàn bà anh ta thèm muốn nhưng chẳng bao giờ có, một lịch sử đốn đau về những khả thể không có được.

Nhưng cũng tồn tại một bản thứ ba, một thể loại kỳ bí khó hiểu khiến ta khổ sở. Đó là những đàn bà ta thích và cũng thích ta, nhưng ta chỉ thấy họ trong một thoáng chốc và chẳng bao giờ tiến đến gần, bởi trong quan hệ giữa ta và họ, ta là kẻ đứng ở *phía bên kia biên thùy*.

Trên một chuyến tàu hỏa Jan ngồi đọc sách. Bỗng cửa buồng xích mở và một người đàn bà trẻ đẹp bước vào ngồi xuống đối diện anh (ghế chỉ còn mỗi chỗ đó trống), anh không biết cô, nhưng lúc ngồi xuống cô nhìn anh gật đầu chào. Anh gật đầu chào lại, và cố lục lạo trí nhớ xem mình có gặp cô ở đâu không. Đoạn anh quay về với cuốn sách đang đọc dở trên tay, nhưng anh không tài nào đọc sách được nữa. Anh có cảm tưởng người đàn bà ngồi đối diện đang tò mò nhìn anh và chờ đợi anh lên tiếng.

Anh gấp sách, hỏi cô: "Hình như tôi gặp cô ở đâu rồi, phải không?"

Vâng, cô bảo anh, tôi gặp anh tại nhà một người bạn, cách đây năm năm. Nhớ lại chuyện cũ, anh hỏi cô từ đó đến nay làm gì, những người bạn đó ra sao, hiện tại cô đang làm nghề gì, có thú vị không.

Anh luôn luôn biết cách biến báo để tạo sự thân mật

giữa anh và bất cứ người đàn bà nào. Nhưng lần này anh có cảm tưởng mình là người của phòng nhân viên một công ty đang phỏng vấn người đàn bà xin việc.

Anh ngưng nói, mở sách ra đọc tiếp, nhưng cảm giác của anh bây giờ là đang ngồi trước một hội đồng giám tuyển, với hồ sơ của anh mở rộng trên bàn, và bị chú mục chăm chăm. Anh cố đặt mắt vào trang sách, nhưng vẫn không đọc được, anh biết cái hội đồng giám tuyển đó đang kiên nhẫn đếm từng giây phút im lặng để tính toán hạng điểm cho anh.

Một lần nữa anh gấp sách và gọi chuyện với người đàn bà trẻ, lần này câu chuyện nhẹ nhàng hơn, nhưng cũng chẳng đi tới đâu.

Có lẽ tại ngồi chung buồng với người lạ nên không có cảm giác riêng tư? Anh đoán thế và anh rủ cô xuống toa ăn uống, tìm bàn hai chỗ ngồi, và nói chuyện tiếp. Tại đây anh nói chuyện dễ dàng hơn nhưng vẫn không tài nào đánh que diêm lóe sáng điều muốn đạt.

Hai người quay về buồng tàu. Anh mở sách đọc tiếp, và vẫn như cũ, không đọc được chữ nào.

Người đàn bà ngồi im lặng trước mặt anh một lúc lâu, đoạn cô đứng dậy bước ra hành lang tựa thành cửa sổ xem cảnh.

Anh cảm thấy khó chịu lắm với chính mình. Anh thích cô, và hành động cô bước ra ngoài hiển nhiên là sự mời mọc không lời bảo anh ra theo với cô.

Vào phút cuối, một lần nữa anh cố cứu vãn tình thế. Anh bước ra hành lang đứng cạnh cô. Anh bảo cô anh không nhận ra cô vì có lẽ cô đổi kiểu tóc. Anh đưa tay lên trán cô vén mớ tóc lòa xòa trên khuôn mặt mà nhìn vào anh thấy đột nhiên đổi khác.

“A, bây giờ tôi nhận ra cô rồi,” anh bảo cô. Dĩ nhiên, anh nào nhận ra cô, nhưng chuyện đó không quan hệ.

Anh chỉ muốn đặt tay mình lên mái tóc cô, nhè nhẹ đẩy khuôn mặt ngược lên một chút, và nhìn vào đôi mắt.

Trong đời, đã bao nhiêu lần anh làm cử chỉ đó với đàn bà? Lấy tay đẩy nhẹ khuôn mặt cho ngược lên rồi nói bằng giọng êm ái du dương: “Xem nào, cái mặt đẹp của em.” Sự va chạm sống sượng và cái nhìn kẻ cả ngay tức khắc đảo ngược tình thế, như thể nó chứa đựng mầm mống (lấy từ tương lai) viễn ảnh rực sáng anh hoàn toàn làm chủ cô.

Nhưng lần này hành động tình tứ đó của anh không hề có một hiệu ứng nào. Cái nhìn của anh vào mắt cô yếu hơn nhiều so với cái nhìn của hội đồng giám tuyển đang chiếu tia mắt nghi ngờ lên anh, cái hội đồng ấy biết rõ anh đang lặp lại chính anh và bảo anh rằng tất cả những gì lặp lại chỉ là đồ mạo hóa và tất cả đồ mạo hóa đều vô giá trị. Đột nhiên Jan nhìn thấy chính anh trong đôi mắt người đàn bà. Nhưng đó là một gã đóng kịch cảm thâm thương diễn đi diễn lại một hành động cũ kỹ sáo mòn, chẳng còn ý nghĩa gì nữa. Nó mất cái ngẫu phát tự nhiên rồi, ý nghĩa tức thời cũng không có, và anh cảm thấy cổ tay mình như đeo quả tạ sáu kí-lô. Ánh mắt người đàn bà chiếu vào anh tạo một từ trường lạ lùng khiến quả tạ nặng lên gấp mười lần.

Anh không thể nào tiếp tục cái trò diễn dở ấy được nữa. Anh lấy tay về, im lặng, đưa mắt nhìn phong cảnh chạy giạt lùi ngoài cửa sổ.

Chuyến tàu đỗ tại trạm đến. Anh và người đàn bà cùng bước ra khỏi ga, cô bảo anh chỗ cô ở gần đây và mời anh quá bộ đến chơi.

Anh từ chối lời mời.

Anh nghĩ ngợi về chuyện đó cả mấy tuần lễ sau: làm sao mình có thể từ chối một người đàn bà mình thích?

Trong quan hệ giữa anh và người đàn bà đó, anh đứng ở phía bên kia biên thùỵ.

8.

Người ta hay nói về cái nhìn của đàn ông lên đàn bà. Nó có vẻ như là cái nhìn lạnh lẽo dán lên người đàn bà như thể đang đo lường, đong đếm, định lượng, chọn lựa, nói cách khác, như thể biến cô thành món đồ.

Ít nghe hơn là người đàn bà không hẳn hoàn toàn vô phương tự vệ trước cái nhìn đó. Nếu cô bị biến thành món đồ thì cô cũng nhìn lại đàn ông với đôi mắt của món đồ. Như thể chiếc búa đột nhiên có mắt và nó nhìn chăm chăm người thợ mộc đang nắm chặt nó giáng xuống cây đinh. Thấy con mắt dữ dội của chiếc búa, người thợ mộc hoảng hốt mất tự tin và đập trúng ngón tay cái mình.

Người thợ mộc là chủ chiếc búa, nhưng chiếc búa có lợi thế hơn người thợ mộc, bởi tuy chỉ là một dụng cụ nhưng nó biết chính xác phải sử dụng như thế nào, trong khi kẻ sử dụng nó chỉ biết đại khái phải làm gì thôi.

Khả năng nhìn lại khiến chiếc búa biến thành một sinh vật, người thợ mộc giỏi là kẻ biết chịu đựng cái nhìn ngạo ngược của nó, và với tay nắm thật chắc biến nó trở lại thành món đồ. Như thế người đàn bà biến thiên từ hạ giới lên thượng giới, từ thượng giới xuống hạ giới, từ vật thể biến thái thành sinh thể và từ sinh thể biến thái thành vật thể.

Chuyện này xảy ra càng ngày càng thường xuyên hơn cho Jan khiến anh không đem cái trò cây-búa-người-thợ-mộc ra chơi được nữa. Đàn bà nhìn lại anh

với ánh mắt chao chác, ngạo ngược. Họ phá hỏng trò chơi. Phải chăng bởi họ đã bắt đầu tổ chức và nhất quyết cải cách truyền thống ngàn đời của phụ nữ? Hay bởi Jan già đi và anh nhìn đàn bà khác thuở trước, anh thấy cái nhìn của họ lên anh cũng khác? Thế giới đổi thay, hay tại anh?

Khó nói. Điều chắc chắn là người đàn bà trẻ đẹp trên chuyến tàu hỏa nhìn anh từ trên xuống dưới với đôi mắt nghi ngờ dè dặt, và anh đã buông chiếc búa, thậm chí không buồn nhắc nó lên.

Mới đây anh tình cờ gặp Pascal. Vừa gặp nhau, anh chàng đã mở lời than phiền về Barbara. Barbara mời Pascal lại nhà dự tiệc, tại đó anh ta gặp hai cô gái lạ. Chủ khách chuyện trò rôm rả, bỗng Barbara bỏ vào bếp đem ra một chiếc đồng hồ báo thức lớn loại cổ bằng thiếc. Chẳng nói chẳng rằng cô cởi quần áo và hai cô gái kia cũng làm theo.

Pascal rên lên với Jan: “Cậu phải biết chúng nó cởi quần áo một cách bình thản, đứng đưng như thể tôi là con chó hay cái bình hoa.”

Đoạn Barbara ra lệnh cho Pascal cũng phải cởi quần áo. Không muốn đánh mất cơ hội làm tình với hai cô gái lạ, anh chàng mau mắn tuân lời. Lúc anh chàng trần truồng như nhộng, Barbara nâng cao chiếc đồng hồ báo thức: “Pascal, anh nhìn vào kim chỉ phút. Trong vòng một phút mà anh không cứng thì anh phải cút xéo khỏi nhà tôi.”

“Chúng nó nhìn chăm chăm vào hạ bộ tôi, và trong lúc chiếc đồng hồ kêu tíc tóoc tíc tóoc thì chúng nó bắt đầu phá lên cười ngặt nghẽo!”

“Thế rồi?...” Jan hỏi.

“Chúng nó ném tôi ra khỏi nhà chứ còn gì nữa.”

Đó là trường hợp cây búa quyết định thiên người

thợ mộc.

“Em biết Pascal là thằng đàn ông ham hố và thô lỗ, anh đồng ý với biện pháp trừng trị của Barbara và hai nữ tướng của cô ta, đã cho hắn một bài học.” Jan nói với Edwige. “Hơn nữa, Pascal và mấy tên bạn khả ố của hắn từng xử ác với đàn bà con gái y như Barbara làm với hắn. Một lần, có cô gái tới chỗ hắn để tham gia cuộc vui, Pascal và mấy tên bạn đó hè nhau lột quần áo cô rồi trói cô vào giường. Cô không phản đối chuyện bị trói, vì đó là một phần trò chơi. Cái gây xì-căng-đan chính là việc mấy gã đó chẳng làm gì cô, chạm tay vào da thịt cô cũng không, bọn chúng để cô nằm đó không đi đâu được, rồi bầu xung quanh xem xét thân thể cô như thể đó là một hiện vật kỳ lạ. Cô gái có cảm tưởng như cô bị bề hội đồng.”

“Điều đó có thể hiểu được.” Edwige đáp lời anh.

“Nhưng anh có thể dễ dàng tưởng tượng cô gái thấy hưng phấn lúc bị trói và những con mắt đàn ông hau háu nhìn vào từng phân vuông da thịt mình. Ở hoàn cảnh tương tự, Pascal sẽ không thấy hưng phấn. Hắn như bị thiến.”

Đêm đã khuya, họ ngồi uống rượu tại nhà Edwige, trên bàn trước mặt, chai *whiskey* còn lưng nửa. “Anh muốn nói cái gì?” Edwige không hiểu, hỏi lại.

Jan bảo cô: “Anh chỉ muốn nói là cùng một chuyện, đàn ông đàn bà không giống nhau. Đàn ông hiếp đàn bà, đàn bà thiến đàn ông.”

“Ý anh muốn nói thiến đàn ông thì ác độc, còn hiếp đàn bà thì không sao, có phải thế không?”

“Anh chỉ muốn nói hiếp là một phần của tình dục, còn thiến là cái gì ngược lại.”

Edwige ực một hơi cạn ly rượu, cô giận dữ trả lời anh:

“Nếu hiệp là một phần của tình dục thì toàn bộ cái gọi là tình dục ấy quay lại chống đàn bà, và nếu thế thì cần phát minh ra một loại tình dục khác.”

Jan nhấp một ngụm rượu, anh im lặng một lúc lâu rồi nói tiếp:

“Nhiều năm trước, khi anh còn ở xứ anh, anh và mấy thằng bạn lúc đó có làm một bảng liệt kê những tiếng các cô gái nói nhiều nhất trong lúc làm tình. Em biết tiếng gì thốt ra từ miệng con gái nhiều nhất không?”

Egwigie bảo không biết.

“Tiếng ‘không.’ Tiếng ‘không’ phát ra liên tục thành: ‘Không, không, không, không, không, không, không...’ Cô gái đến chỗ ở của cậu trai để làm tình, nhưng khi cậu trai ôm cô vào lòng thì cô đẩy cậu ra và nói ‘Không.’ Tiếng ‘không’ khiến hành động yêu đương như rục rỏ và biến nó thành hiệp dâm. Thậm chí lúc sắp lên đến tuyệt đỉnh, các cô gái cũng kêu ‘Không, không, không, không, không,’ và nhiều cô còn kêu lớn ‘Không’ ngay lúc tuyệt đỉnh. Từ lúc đó trở đi, đối với anh, ‘không’ là một từ khoác ngực bào. Còn em thì sao? Có bao giờ em nói ‘Không’ không?”

Edwigie bảo anh cô không bao giờ nói “Không.” Tại sao phải nói điều mình không muốn nói? Đàn bà nói ‘không’ tức là ‘có.’ Cái câu truyền miệng của đàn ông hạ giá đàn bà ấy luôn luôn làm em nổi giận. Nó ngu xuẩn như tất cả lịch sử loài người.”

“Thế nhưng lịch sử ấy nằm bên trong ta, và ta chẳng thể nào vượt thoát nó được,” Jan đáp lời cô. “Đàn bà chạy trốn và tự vệ. Đàn bà cho, đàn ông nhận. Đàn bà lấy vải che người, đàn ông xé toạc ra. Đây là những ảnh tượng từ ngàn xưa mà ta mang trong người!”

“Cổ hủ và ngu xuẩn hết nước nói! Ngu xuẩn như

những ảnh tượng thánh thần. Nhưng nếu đàn bà bắt đầu chán, không thích tuân theo lễ thói nữa, nếu sự lặp lại muôn đời ấy khiến đàn bà muốn mưa, nếu họ muốn sáng tạo những ảnh tượng khác, trò chơi khác, thì sao?”

“Đúng, đó là những ảnh tượng ngu xuẩn được lặp lại một cách ngu xuẩn. Em hoàn toàn đúng. Nhưng nếu lòng ham muốn thân xác đàn bà của đàn ông tùy thuộc vào chính những ảnh tượng cổ hủ ngu xuẩn ấy, thì sao? Nếu triệt tiêu những ảnh tượng ấy trong lòng đàn ông thì liệu đàn ông còn làm tình với đàn bà được nữa không?”

Edwige phá lên cười: “Jan ơi, em nghĩ anh không cần lo lắng như thế.”

Đoạn cô nhìn anh với ánh mắt một từ mẫu: “Và anh cũng không nên nghĩ tất cả đàn ông đều giống anh. Làm sao anh biết được đàn ông khác như thế nào lúc họ nằm một mình với đàn bà?”

Thực tình làm sao Jan biết được đàn ông khác như thế nào lúc họ nằm một mình với đàn bà. Giây phút im ắng sau đó nụ cười hạnh phúc nở trên môi Edwige, có nghĩa là đã khuya lắm rồi, và đã đến lúc Jan bấm máy cho chạy cuốn phim không hình ảnh trên thân thể cô.

Sau một lúc ngẫm nghĩ, cô nói thêm: “Nói cho cùng, làm tình không quan trọng.”

Hai tai Jan vênh lên: “Em không nghĩ làm tình là quan trọng ư?”

Nụ cười triu mến vẫn đọng trên môi cô, cô dịu dàng bảo anh: “Không, em nghĩ làm tình không quá quan trọng như người ta thường nghĩ.”

Jan đột nhiên quên sạch mọi chuyện anh và cô vừa tranh luận, bởi anh vừa khám phá ra điều hệ trọng hơn nhiều: đối với Edwige, tình yêu xác thịt chỉ là một

dấu hiệu, một hành động tượng trưng khẳng định tình bạn giữa hai người.

Đêm hôm đó, lần đầu tiên Jan dám mở miệng than mệt với cô. Anh nằm cạnh cô trên giường như một người bạn trong sạch, anh không bấm máy, mà để cuốn phim đứng im. Trong lúc vuốt tóc cô, anh thấy cái cầu vồng an bình mọc cao trên vòm trời tương lai của hai người.

9.

Mười năm trước, Jan hò hẹn với một người đàn bà có chồng. Họ quen nhau đã lâu nhưng họa hoằn mới gặp nhau vì người đàn bà bận nhiều công việc. Tìm được chút thời gian gặp nhau, họ không bỏ phí giây phút nào. Cô ngồi xuống ghế bành nói vài ba câu thăm hỏi, nhưng chỉ hai ba phút thôi, rồi Jan đứng dậy lại gần nâng cô đứng dậy ôm vào lòng và hôn cô.

Đoạn anh buông cô ra, hai người rời nhau một chút và họ vội vã cởi áo quần. Jan ném chiếc áo khoác xuống ghế. Cô cởi áo len vắt trên thành ghế. Anh cởi khuy quần và cho nó tụt xuống chân. Cô cúi xuống lột vớ dài ra khỏi chân. Sắp sắp ngửa ngửa. Họ đứng, áp mặt gần sát nhau, Jan rút một chân ra khỏi quần, xong đến chân kia (anh giơ chân lên như người lính điều hành), cô cúi gập người về chiếc vớ tới mắt cá chân, xong ngồi xuống ghế bành giơ hai chân chĩa lên trần nhà, lột ra.

Lần nào cũng thế, cùng một phân cảnh lặp đi lặp lại, nhưng bỗng một hôm xảy ra một chuyện, còn con chẳng có gì ghê gớm, nhưng không hiểu sao anh không quên được: Cô nhìn anh và cô không giữ được

nụ cười. Nó gần như là nụ cười triu mến, đầy âu yếm và thông cảm, một nụ cười e thẹn như tìm kiếm sự tha thứ cho chính nó, nhưng không thể chối cãi được, nó là nụ cười gây nên bởi một cảnh tượng khôi hài mà đột nhiên tràn lan ra toàn cảnh. Anh không biết phải đáp lại nụ cười ấy của cô ra sao. Bởi, hiện ra từ bóng tối của thói quen, anh cũng nhận ra sự khôi hài bất ngờ cái cảnh hai người sắp ngã giờ chân lên cao như vậy. Chỉ cách một đường tơ kẽ tóc là anh phá lên cười. Nhưng anh biết nếu anh cười thì hai người không thể làm tình với nhau được nữa. Cái cười ở tình huống đó là cái bầy khổng lồ kiên nhẫn chờ đợi trong căn phòng, ẩn nấp đằng sau vách ngăn. Khoảng cách giữa tình yêu xác thịt và cái cười chỉ là vài mi-li-mét, và anh sợ bước chân qua nó lắm. Chỉ vài mi-li-mét giữa anh và phía bên kia biên thù, nơi sự vật mất mọi ý nghĩa.

Anh cố nhin cười, đá văng chiếc quần và vội vàng ôm chầm người đàn bà, thân thể ấm áp của cô đánh lui con quỷ sứ yêu ma có tên gọi là cái cười.

10.

Anh được báo tin tình trạng của Passer càng lúc càng nguy kịch. Chỉ một liều moóc-phin mới giúp anh ngồi dậy, và mỗi ngày chỉ khỏe được vài tiếng đồng hồ. Jan lấy tàu hỏa đi thăm anh tại một bệnh viện ở xa, ngồi trên tàu anh không ngớt tự trách mình đã không đi thăm bạn thường hơn. Thật dễ sợ nhìn thấy Passer già đi như thế nào. Mái tóc nâu dày dợn sóng trước đây bây giờ chỉ còn lại vài sợi bạc thưa thớt. Khuôn mặt anh chỉ là kỷ ức của khuôn mặt đạo trước.

Như thường lệ, Passer mừng rỡ thấy Jan đến thăm,

anh ôm Jan rồi lôi vào phòng ngồi xuống bàn trò chuyện.

Hồi mới quen, Passer hay nói với Jan về hy vọng của anh đối với con người, anh có thói quen đấm tay xuống mặt bàn mỗi khi sôi nổi nói điều gì anh xem là hệ trọng, đôi mắt to của anh lóe sáng. Giờ đây anh không nói về hy vọng của con người nữa mà của chính cơ thể anh. Các bác sĩ bảo nếu anh tiếp tục cho chích thuốc loại mạnh và chịu đau nhiều trong vòng hai tuần lễ nữa, thì rất có thể anh sẽ vượt qua cơn bệnh. Trong lúc nói, anh lại đấm nắm tay xuống mặt bàn, và đôi mắt trợn ngược. Anh vẫn sôi nổi hy vọng cơ thể anh sẽ lành mạnh như xưa, nhưng nó là tiếng dội buồn bã của hy vọng vào con người trước đây. Cả hai đều mù quáng như nhau. Nhưng mắt anh vẫn lóe lên tia hy vọng, lúc trước cũng như bây giờ.

Đoạn anh nói về cô diễn viên Hanna. Với giọng ắp úng, anh thú nhận với Jan rằng thêm một lần nữa anh lên cơn điên. Điên với một người đàn bà đẹp, và vẫn biết đó là thứ điên khùng dễ sợ nhất trong các loại điên. Đôi mắt vẫn long lanh sáng, anh kể hôm anh và cô diễn viên rủ nhau vào rừng hái nấm như đi tìm kho tàng, và quán cà phê nơi hai người ghé vào uống rượu đỏ.

“Hanna tuyệt vời lắm! Cậu biết không, cô ấy không giả dối đóng vai y tá lẳng xăng hỏi han tôi này nọ, cô ấy không nhìn tôi với cặp mắt thương hại, nhắc nhở bệnh tật và sự yếu đuối của tôi. Không, cô ấy cười nói luôn miệng và uống rượu với tôi. Chúng tôi uống cạn cả lít rượu đấy! Tôi cảm thấy mình trẻ lại như tuổi mười tám! Tôi đang ngồi ở phòng đợi, chờ tử thần đến rước đi và tôi muốn cất tiếng hát vui sướng.”

Passer lại đập tay xuống bàn, anh nhìn Jan mắt trợn

ngược, trên đầu anh mái tóc nâu dày biến đâu mất, chỉ còn lại ba sợi bạc rung rinh.

Jan bảo tất cả chúng ta, ai nấy đều đang ngồi ở phòng đợi, chờ tử thần đến rước đi. Cả thế giới, một thế giới chìm đắm trong bạo động, tàn nhẫn, mọi rợ, cũng đang ngồi ở phòng đợi đó. Anh bảo Passer rằng anh phần nộ lắm, bởi vì Passer, người anh thương mến, người chỉ biết đập bàn mỗi khi sôi sục điều gì trong lòng, mà lại chết trước cái thế giới khốn nạn không xứng đáng được yêu thương này. Anh cố tìm cách kéo ngày tận thế lại gần hơn để Passer có thể chịu đựng nổi những ngày còn lại. Nhưng Passer không chấp nhận tận thế và anh lại đập bàn nói về hy vọng của loài người. Anh bảo chúng ta đang sống trong một kỷ nguyên có những thay đổi lớn lao.

Jan chẳng bao giờ chia sẻ với Passer về quan điểm này, anh cảm phục lòng khao khát của Passer muốn thế giới thay đổi, anh xem nó như là lòng khao khát xưa cũ nhất của con người, tính cách bảo thủ nhất của chủ nghĩa bảo thủ của loài người. Mặc dù đồng ý với lòng khao khát ấy, nhưng anh muốn lấy nó ra khỏi con người Passer bây giờ bởi anh đang ngồi ở phòng đợi, chờ tử thần đến rước đi. Anh cố xóa mờ tương lai trong mắt Passer để anh bớt tiếc nuối, được chút nào hay chút đó, cuộc sống anh đang mất.

Anh bảo Passer: “Mọi người, ai nấy đều bảo là chúng ta đang sống trong một kỷ nguyên vĩ đại. Clevis nói về sự cáo chung của chủ thuyết Do-Thái-Thiên-Chúa-Giáo, những kẻ khác nói về cách mạng thế giới và chủ nghĩa cộng sản, tất cả những điều ấy đều vô nghĩa lý. Nếu kỷ nguyên của chúng ta là một khúc quanh trọng đại thì nguyên do là cái khác chứ không phải mấy điều vớ vẩn đó.”

Passer nhìn anh chăm chăm, đôi mắt vẫn sáng, ba sợi tóc bạc rung rinh thế chỗ cho mái tóc nâu dày.

Jan nói tiếp: “Cậu có nghe chuyện tiểu lâm về vị lãnh chúa người Anh bao giờ không?”

Passer nói chưa, nắm tay lại đập xuống mặt bàn.

“Buổi sáng sau đêm tân hôn, vị lãnh chúa bảo cô dâu: ‘Hỡi người vợ yêu quý của ta, ta hy vọng nàng đã thụ thai, vì không ai có thể bắt ta lặp lại cái hành động khô hời hợt ấy được.’”

Passer mỉm cười, nhưng anh không đập tay xuống bàn. Nó không thuộc về chuyện có thể làm anh sôi nổi.

Jan lại nói: “Nhắc đến chuyện cách mạng thế giới! Chúng ta đang sống trong một kỷ nguyên lịch sử mà hành động tình dục biến thái thành hành động khô hời hợt.”

Một nụ cười tinh tế khó hiểu nở trên môi Passer, nhưng Jan biết rõ nụ cười ấy. Nó không phải nụ cười vui thích hay đồng ý, mà là bao dung. Suy nghĩ của hai người khác nhau xa, ở vài trường hợp sự khác biệt quá lộ liễu, và họ nở nụ cười như thể để khẳng định với nhau rằng tình bằng hữu giữa họ chẳng hề sút mẻ.

11.

Tại sao hình ảnh biên thù cứ lớn vồn trong suy nghĩ của Jan?

Anh tự bảo, bởi vì mình già đi: Mỗi lần sự vật lặp lại, chúng lại mất đi một phần nhỏ ý nghĩa. Hay chính xác hơn, chúng mất dần sức mạnh vốn cần thiết để duy trì ý nghĩa ảo của chúng. Do đó, đối với Jan, biên thù là liều lượng cực đại của sự lặp lại.

Có lần anh đi xem một chương trình diễn hài. Đang

diễn, anh hài nổi tiếng bỗng ngừng lại, anh ta chậm chạp đếm “một, hai, ba, bốn...” với sự tập trung tinh thần tuyệt đối, mỗi con số, anh ta hô lớn với giọng chắc nịch, như thể nó bay vượt mất và bằng mọi giá anh ta phải tóm nó lại: “năm, sáu, bảy, tám...” Đến con số “mười lăm,” khán giả bắt đầu cười, con số càng cao anh ta càng tập trung tâm trí đếm càng chậm, và khi đến con số “một trăm” thì khán giả cười ngả nghiêng lộn ra khỏi ghế.

Tại một buổi diễn khác, cũng anh chàng đó, lần này anh ta ngồi xuống piano và với tay trái chơi phần đệm một bản *Valse*: ùm-pá-pá, ùm-pá-pá. Tay phải anh ta giơ lên cao, tức là không có giai điệu mà chỉ có những tiếng ùm-pá-pá, ùm-pá-pá lặp đi lặp lại, anh ta vênh mặt nhìn xuống khán giả như thể khúc *Valse* anh ta đang chơi là khúc nhạc tuyệt luân đầy cảm xúc, và đáng được ngợi khen hết lời. Anh ta chơi đi chơi lại chỉ chừng đó, ùm-pá-pá, ùm-pá-pá, hai chục, ba chục, năm chục, một trăm lần, và khán giả lại được một trận cười no bụng.

Vâng, khi bạn vượt qua biên thùi, cái cười phải tuôn ra. Nhưng nếu bạn tiếp tục đi dần, vượt qua cả cái cười, thì sao?

Jan tưởng tượng những thần linh Hy Lạp thoát đầu tham gia một cách nhiệt tình vào những cuộc phiêu lưu của con người. Nhưng rồi họ rút về bám trụ trên đỉnh núi Olympus, nhìn xuống trần gian cười khoái trá. Và bây giờ họ đã ngủ, ngủ từ lâu lắm rồi.

Tuy thế, tôi nghĩ Jan đã sai khi anh nghĩ rằng biên thùi là đường biên đánh dấu một giai đoạn đời người tại một thời điểm đặc trưng, rằng nó là phút giây nào đó trên chiếc đồng hồ cuộc sống. Không. Tôi dám chắc, trái lại là đằng khác, biên thùi thường hằng ở

với chúng ta, bất kể thời điểm nào trong đời, nó hiện hữu ở đó, lúc ẩn lúc hiện tùy vào những cảnh ngộ khác nhau.

Người đàn bà Jan thương yêu nhất đã đúng khi cô bảo cô chỉ còn dính vào đời sống bằng một sợi tơ. Chỉ cần một làn gió rất nhẹ là có thể dịch chuyển sự vật từ trạng thái này đột biến sang trạng thái khác, cái ta tưởng có thể hy sinh mạng sống vì nó, chỉ vài giây đồng hồ, đột biến thành cái phi lý.

Jan có nhiều bè bạn cũng lìa bỏ quê hương ra đi như anh, họ bỏ tâm trí, thời gian vào việc phục hưng lại tự do cho tổ quốc. Nhưng đôi khi tất cả đều có cảm tưởng rằng sợi dây nối liền họ với quê hương chỉ là ảo tưởng và đó chẳng qua chỉ là một quán tính cổ hữu sẵn sàng chết cho cái họ chẳng quan tâm. Tất cả đều biết rõ cảm tưởng đó và cùng lúc họ sợ, không dám nhìn nhận nó; họ quay mặt đi, bởi họ sợ nhìn thấy biên thù, họ sợ nếu họ bước qua nó đi về phía bên kia, họ sẽ ngã lộn nhào (như thể đứng cạnh bờ vực bị choáng). Bên kia biên thù tiếng kêu của đồng bào họ đang bị hành hạ nghe tầm thường chẳng khác tiếng chim kêu.

Bởi định nghĩa biên thù của Jan là liều lượng cực đại có thể chấp nhận của sự lặp lại, tôi thấy có bốn phạm sửa sai anh: biên thù không phải phó sản của sự lặp lại. Sự lặp lại chỉ là một trong những đường lối khiến biên thù hiện ra thôi. Đường biên bị lớp bụi che phủ, và sự lặp lại là cái phất trần dùng phẩy đi lớp bụi.

Tôi muốn nhắc lại một trải nghiệm khó quên từ thời thiếu niên của Jan để anh nhìn thấu đáo hơn: Lúc đó mười ba tuổi, anh nghe người ta bàn tán nhiều về đời sống người hành tinh ngoài địa cầu, và anh thả trí

tượng tượng mình bay bổng, ngẫm nghĩ rằng rất có thể người hành tinh có nhiều bộ phận sinh dục hơn người quả đất. Lấy trộm được từ đâu bức ảnh khỏa thân một cô vũ nữ, cậu trai mười ba tuổi lên nhà xem một mình và thấy hưng phấn, nhưng cậu cũng có cảm tưởng là đàn bà quả đất tầm thường, giản dị quá, chỉ có một tam giác gồm hai cái vú và bộ phận sinh dục, họ thiếu hấp dẫn. Cậu mơ tưởng đàn bà hành tinh lạ với một thân hình có mười, hai mươi bộ phận gọi dục thay vì cái tam giác nghèo nàn, một thân thể cho con mắt thỏa mãn đến cực độ, không bao giờ biết chán.

Điều tôi muốn nói là vào quãng giữa đường cuộc hành trình rất dài của chàng trai Jan còn trinh, cậu đã biết chán ngấy thân thể đàn bà rồi. Ngay cả trước khi thật sự nếm mùi đàn bà lần đầu, tinh thần cậu đã đến hồi kết thúc, chẳng còn thấy hưng phấn nữa. Một tình trạng kiệt quệ hưng phấn.

Do đó, từ thuở thanh xuân Jan đã sống luẩn quẩn phía bên kia vùng biên thủy kì bí, nơi đôi vú đàn bà chỉ là hai cái gò mềm mềm thông xuống trên ngực. Biên thủy đó là miền đất của anh từ lúc ban đầu. Ở tuổi mười ba, cậu trai Jan mơ các phần gọi dục trên thân thể đàn bà và đã biết rõ y như người đàn ông Jan ba mươi năm sau.

12.

Trời gió và xám xịt. Người đưa đám đứng túm tụm thành hình bán nguyệt trước huyệt mộ chưa chôn. Jan có mặt tại đó cũng như tất cả bạn anh, cô diễn viên Hanna, vợ chồng Clevis, Barbara, và dĩ nhiên vợ con Passer: người vợ và cậu con trai nước mắt giàn giụa,

nhưng cô con gái thì ráo hoảnh.

Tang lễ hình như đã xong, hai công nhân mặc áo bảo hộ kéo dây chèo nâng quan tài lên. Ngay lúc đó, một người đàn ông tay cầm mảnh giấy từ đâu chạy vào trước huyệt, quay mặt về phía hai công nhân đoạn giơ mảnh giấy lên và bắt đầu đọc to. Nhìn ông ta, hai người đào mồ ngập ngừng không hiểu có nên đặt quan tài trở lại xuống mặt đất hay tiếp tục hạ huyệt, nhưng chỉ trong giây lát họ đưa quan tài chậm chậm hạ xuống cái lỗ sâu hoắm, như thể họ quyết định giúp kẻ xấu số vừa qua đời không phải nghe thêm bài điệu văn thứ tư.

Chiếc quan tài đột nhiên biến khỏi mặt đất khiến người đàn ông lúng túng. Toàn bộ bài điệu văn của ông viết ở ngôi thứ hai. Nó tâm tình với người vừa nhắm mắt, nó hứa hẹn, đồng ý, bảo đảm, cảm ơn, và trả lời những câu hỏi của người đó do người đọc dựng ra. Quan tài chạm đáy huyệt, hai công nhân rút dây chèo lên rồi nghiêm trang đứng cạnh huyệt. Thấy người đọc điệu văn hùng hồn như lửa bốc, họ chỉ biết lặng lẽ cúi đầu.

Người đàn ông hình như nhận ra tình cảnh trái ngược này, bài điệu văn của ông chủ đích nói với người nằm trong quan tài, nhưng chiếc quan tài biến đâu mất rồi, ông nhìn hai người đào mồ đang đứng nghiêm trang kính cẩn, đoạn nhướng mắt về phía đám đông, nhưng ngay cả thể bài điệu văn viết ở ngôi thứ hai nghe vẫn kỳ quặc làm sao, bởi nó khiến người ta nghĩ người chết đang ẩn núp đâu đó phía sau đám đông.

Người đàn ông phải nhìn vào chỗ nào bây giờ? Bối rối quá, ông ta bèn quay lại với mảnh giấy trên tay, và mặc dù thuộc lòng bài điệu văn, mắt ông ta từ giây

phút đó trở đi không nhìn vào đâu khác.

Gió bỗng thổi mạnh và đám đông có vẻ xao động. Papa Clevis kéo mũ xuống quá thái dương, nhưng một luồng gió thốc thổi bay chiếc mũ khỏi đầu ông, rơi xuống khoảng đất trống giữa huyết và hàng đầu chỗ gia đình Passer.

Thoạt đầu ông định lách người chạy ra nhặt chiếc mũ, nhưng nghĩ lại ông thấy không nên, bởi ông sợ người ta nghĩ ông xem chiếc mũ quan trọng hơn không khí trang nghiêm của buổi lễ tiễn đưa bạn ông. Ông đứng yên xem như chẳng có gì xảy ra. Nhưng đó không phải một giải pháp hay. Từ phút giây chiếc mũ đáp xuống khoảng đất trống trước huyết, đám đông trở nên xao động hơn và không cách nào lắng nghe bài điệu văn của người đàn ông được nữa. Chiếc mũ nằm im tuồng vô hại nhưng thật ra đã gây xáo trộn buổi lễ nhiều hơn là Clevis chạy ra nhặt nó. Thế là cuối cùng ông nói "Xin lỗi" người đứng trước và bước lên. Ông ra khoảng đất trống (trông như một sân khấu nhỏ) giữa đám người và cái huyết. Ông cúi xuống nhặt chiếc mũ, nhưng ngay lúc đó một cơn gió mạnh nữa lại thổi ào tới nhấc nó lên, và lần này nó rơi trúng ngay chân người đàn ông đang đọc điệu văn.

Bây giờ Papa Clevis và chiếc mũ biến thành trung tâm của buổi lễ, chẳng ai còn tâm trí đâu nghe người đàn ông nói gì. Thậm chí ông ta cũng cảm thấy có chuyện đang xảy ra cho đám khán giả của mình, mặc dù ông không hề biết có chiếc mũ nằm dưới chân. Ông rời mắt khỏi mảnh giấy và kinh ngạc tột độ khi thấy có người đứng cách mình hai bước trong tư thế như đang sà xuống vồ mồi. Ông vội vàng hạ mắt xuống tờ giấy với hy vọng lúc nhìn lên thì cái cảnh tượng kỳ quái đó sẽ biến mất. Nhưng ngược mắt lên ông vẫn

thấy người đó đứng nhìn mình.

Papa Clevis không tiến cũng chẳng lùi. Ông thấy kỳ cục hết sức nếu mình cúi mọp xuống chân người đang đọc điệu văn nhật chiếc mũ, nhưng cũng khôì hài quá thể nếu mình tay không trở về chỗ cũ. Và thế là ông cứ đứng đó như bị trời trồng, chẳng biết làm sao bây giờ.

Ông ước ao phải chỉ có người giúp ông. Ông liếc nhìn hai người đào mồ. Họ đứng yên phía bên kia huyết, mắt nhìn vào chân người đọc điệu văn.

Một cơn gió khác lại thổi đến, chiếc mũ bay là là gần tới bờ huyết. Clevis quyết định. Ông bước mạnh về phía trước, cúi xuống chụp chiếc mũ, nhưng hụt, ông xuyết nắm được nó trong tay, nó vẫn bay là là, cuối cùng ra tới bờ huyết và rơi xuống bên dưới.

Clevis vẫn duỗi tay như ra dấu cho chiếc mũ trở lại với ông, nhưng rồi ông nhận thấy chẳng làm gì được nữa và đành giả bộ tịch như thể chiếc mũ không hề hiện hữu và chỉ là sự tình cờ vớ vẩn nào đó ông bước ra cạnh huyết người bạn ông thôi. Ông cố giữ bộ dáng tự nhiên và thoải mái, nhưng không dễ dàng chút nào bởi hàng chục cặp mắt đang đổ dồn vào ông. Sự thật là ông ngượng đến chín cả người; ông bước lại hàng đầu đứng cạnh cậu con trai của Passer, lúc đó vẫn đang sụt sùi khóc.

Không còn bóng ma của người trong tư thế sà xuống vồ mồi, người đàn ông với mảnh giấy trên tay lấy lại bình tĩnh nhướn mắt nhìn đám đông. Chẳng ai buồn nghe ông nói nữa, và ông đóng lại bài diễn văn. Nhìn hai người đào mồ, ông long trọng tuyên bố: "Victor Passer! Những người yêu thương bạn sẽ không bao giờ quên bạn. Xin trái đất nhẹ tay với bạn!"

Đoạn ông tiến lại huyết, bên cạnh có một ụ đất trên cắm một chiếc sừng không lớn lắm. Ông lấy sừng xúc

một ít đất rồi nghiêng người nhìn xuống huyết như kéo dài nghi thức trọng thể ông là người đầu tiên lấp mộ người bạn thương quý. Ngay lúc đó, mọi người ai nấy phải cố gắng lắm mới không bật lên tiếng cười. Bởi họ biết người đàn ông với chiếc sừng trên tay nhìn xuống huyết sẽ thấy một chiếc mũ nằm trên nắp quan tài, như thể người chết, trong một ước vọng hão huyền muốn mình trịnh trọng ngay cả lúc chết, không thể để đầu trần giữa giây phút như thế này được.

Người đàn ông lấy lại tự chủ, ông hất sừng đất xuống huyết và cố không cho rơi trúng chiếc mũ, như thể đó là mũ Passer đang đội. Đoạn ông trao sừng cho quả phụ. Vâng, tất cả đều phải uống cạn chén cám dỗ đến tận cạn. Họ phải sống qua cuộc chiến kinh khiếp chống lại cái cười. Tất cả, kể cả người vợ và cậu con trai, sẽ phải cầm sừng xúc tí đất và nghiêng mình trên huyết, bên dưới là cái quan tài với chiếc mũ nằm trên nắp, như thể Passer, với hoạt khí và tính lạc quan đến bất trị, đang cố thò đầu ra khỏi quan tài.

13.

Có khoảng hai mươi người tụ tập tại biệt thự của Barbara. Phòng khách rộng và họ ngồi la liệt trên sofa, ghế bành, và cả dưới sàn. Giữa phòng, xung quanh một đám khách không mấy chú tâm, một cô gái bộ dáng như dân tỉnh lẻ đang vận vẹo thân hình đủ kiểu cho mọi người xem.

Barbara ngồi chễm chệ như một bà hoàng trong chiếc ghế bành lớn. “Này, có vẻ như cô kéo dài cái trò này hơi lâu rồi đấy nhé!” Cô nhìn cô gái với cái nhìn ngoa ngoắt.

Cô gái nhìn lại Barbara, cô xoay vai như có ý trở vào những người xung quanh và than phiền mấy người này chẳng ai thèm để ý cô. Nhưng cái nhìn ngoa ngoắt của Barbara không cho phép cô chạy tội dễ dàng, và cô gái, vẫn đưa đẩy thân hình những động tác vô duyên nhạt nhẽo, bắt đầu đưa tay lên cởi áo.

Từ giây phút đó trở đi, Barbara không quan tâm đến cô gái nữa, cô chú mục vào những người khác, hết người này đến người kia. Hình như hiểu được cái nhìn đó, họ ngưng trò chuyện quay lại nhìn cô gái đang thoát y. Đoạn Barbara tốc váy mình lên, giăng hai chân và đặt bàn tay xuống hạ thể. Trong lúc làm như thế, cô quắc mắt quan sát khắp phòng xem các vận động viên có làm đúng theo chỉ thị của mình không.

Mọi việc từ từ rồi cũng ăn nhịp đều vào đấy, cô gái tỉnh lẻ, trần truồng đã lâu, nằm gọn trong tay một gã đàn ông, những cặp khác tản mác ra khắp các phòng. Barbara thì xông xáo khắp nơi, cô không cho phép bất cứ cặp nào trốn riêng vào chỗ kín đáo. Thấy Jan ôm vai một cô gái trong góc buồng tối, cô xông lại quát to: “Nếu cô muốn hẳn cho riêng mình thì cô lại phòng hẳn mà làm! Đây là một bữa tiệc!” Đoạn cô nắm cánh tay cô gái lôi sang phòng khác.

Jan bắt gặp tia mắt của một gã trẻ hói đầu nhưng trông khá thiện cảm. Gã không có ai và nãy giờ ngồi theo dõi hành vi của Barbara. Jan mỉm cười với gã, thấy vậy gã cũng mỉm cười đoạn bước lại gần, nói nhỏ: “Thống chế Barbara đấy!”

Gã cười lớn, nói tiếp: “Cô ả là huấn luyện viên của chúng tôi đi thi Olympic.”

Hai người đàn ông, Jan và gã trẻ đầu hói, ngồi quan sát những việc làm tuần tự của Barbara:

Quỳ bên cạnh một cặp đang làm tình, cô thò đầu

chen vào giữa mặt hai người rồi ép miệng mình lên môi người đàn bà. Gã đàn ông vội nhường chỗ cho Barbara vì gã tưởng cô muốn chiếm người đàn bà hết cho mình. Barbara ôm chặt người đàn bà và trong lúc môi cô vẫn dính cứng môi cô ta, cô giơ ngón tay trở lên vẽ những đường tròn thật nhanh trong không khí. Gã đàn ông ngoan ngoãn đứng xem hai người đàn bà hôn nhau, gã biết Barbara đang ra dấu cho mình, nhưng gã không rõ cô ra lệnh cho gã xéo đi chỗ khác hay ở lại. Gã cứ đứng đó luống cuống không biết phải làm gì trong lúc ngón tay trở của Barbara vẽ vòng tròn càng lúc càng nhanh như mất cả kiên nhẫn. Cuối cùng Barbara rời môi người đàn bà và ngược đầu lên bảo gã cô muốn gì. Nghe xong gã gật đầu và chuôi xuống ép sát thân hình vào lưng người đàn bà. Cô ta bây giờ bị kẹp giữa gã đàn ông và Barbara.

“Tất cả bọn ta là những nhân vật trong giấc mơ của Barbara.” Jan bảo gã trai hỏi đầu.

“Đúng,” gã đáp lời. “Nhưng nó không bao giờ hoạt động theo ý muốn. Barbara giống như người thợ làm đồng hồ, nhưng cái đồng hồ tự nó không chạy được mà người thợ cứ phải đẩy hai mũi kim cho nó chạy.”

Gã đàn ông nằm đúng vị trí, nhưng Barbara bỏ hai người nằm đó, bước lại góc phòng nơi có một cặp trai gái còn rất trẻ có vẻ ngượng nghịu lúng túng đang quần lấy nhau. Họ chỉ mới tháo bỏ y phục nửa người, và gã con trai tìm mọi cách dùng thân thể mình che đậy con gái. Giống như những diễn viên không đối thoại trên sân khấu kịch, dùng cử chỉ thể cho lời nói, hai người cố làm ra vẻ như đang chìm đắm trong hoan lạc, không muốn ai quấy rối và tránh người khác.

Nhưng làm sao qua mắt Barbara được. Cô lại gần quỳ xuống cạnh hai người trẻ, vuốt tóc họ và nói gì đó.

Đoạn cô biến dạng vào phòng khác và trở lại cùng ba gã đàn ông trần truồng. Cô lại quỳ xuống bên cặp trai gái trẻ, ôm đầu cậu trai và hôn cậu ta. Trước đó cô đã lừ mắt ra hiệu cho ba gã đàn ông phải làm gì, ba gã cúi xuống cô gái và lột nốt y phục trên người cô.

“Sau cái màn cụp lạc này sẽ có một buổi họp,” gã trẻ hỏi đầu bảo Jan. “Barbara sẽ tụ họp bọn mình lại đứng thành hình bán nguyệt, cô ả đứng trước mặt, đeo cặp kính lên mắt và phân tích bọn mình đã làm cái gì đúng và cái gì sai, rồi cô sẽ khen thưởng những học viên cần mẫn, tốt, và khiển trách những kẻ lười biếng.”

Hai người trẻ tuổi có tính e thẹn cuối cùng chia sẻ thân xác mình với kẻ khác. Barbara bỏ họ đấy quay sang Jan và gã hỏi đầu. Cô nhìn Jan nhoẻn miệng cười nhưng quay sang ôm gã hỏi đầu. Cùng lúc, Jan cảm thấy một làn da mềm mại ôm lấy mình, thì ra là cô gái tỉnh lẻ mà màn thoát y của cô khai mạc chương trình đêm nay. Anh nhủ thầm cái đồng hồ của Barbara làm việc không đến nỗi tệ lắm.

Cô gái tỉnh lẻ săn sóc anh kỹ lắm, nhưng mắt anh cứ nhìn về phía bên kia căn phòng, nơi gã hỏi đầu đang được đôi tay Barbara tận tình chiếu cố. Cả hai cặp đều ở vị thế giống nhau. Hai người đàn bà cúi xuống thân thể hai người đàn ông cùng làm một động tác, một việc như nhau; trông họ như hai người làm vườn đang chăm chỉ trồng bón luống hoa của mình. Mỗi cặp là tấm gương soi phản chiếu cặp kia. Tia mắt hai người đàn ông gặp nhau, Jan thấy thân hình gã hỏi đầu run lên vì cố nén cười. Anh và gã, hai người liên kết nhau, như món vật và hình ảnh nó trong gương, cho nên một người run, người kia cũng run theo. Jan quay mặt đi chỗ khác bởi anh không muốn xúc phạm cô gái tỉnh lẻ đang vuốt ve mơn trớn anh. Nhưng thật khó cưỡng

được hình ảnh phản chiếu của chính mình, nên anh lại quay sang nhìn, anh thấy hai con mắt gã như lồi ra vì nín cười. Hai người đàn ông như có luồng điện thần giao cách cảm mạnh gấp năm lần giao nhau. Người này chẳng những biết người kia đang nghĩ gì, mà còn biết người kia biết điều mình nghĩ. Tất cả những so sánh hai người kháo nhau vừa rồi về Barbara quay trở lại, và họ còn phát minh ra nhiều điều mới. Họ chạm mắt nhau nhưng ngay tức khắc phải ngoảnh ra chỗ khác, bởi họ biết cái cười ở đây là sự phạm thánh như trong giáo đường lúc vị linh mục dâng thánh lễ. Nhưng từ lúc sự so sánh ấy thoáng qua trí óc, họ chỉ muốn cười. Họ yếu lắm, trong khi cái cười thì mạnh, người họ căng cứng.

Barbara nhìn lên đầu gã bạn tình. Gã hỏi đầu chịu thua rồi, gã phá lên cười như điên dại. Như thể biết được nguyên do của trò yêu quý này, cô ngược sang nhìn Jan. Ngay lúc đó, cô gái tỉnh lẻ thăm thì hỏi anh: “Chuyện gì vậy anh? Tại sao anh khóc?”

Nhưng Barbara đã xuất hiện ngay bên cạnh, cô rít lên qua kẽ răng: “Anh đừng tưởng là anh giờ được với tôi cái trò xảy ra tại đám tang Passer!”

“Xin lỗi,” Jan đáp lời; anh cười đến nỗi nước mắt giàn giụa hai bên má.

Barbara yêu cầu anh ra khỏi nhà cô.

14.

Trước khi dọn nhà sang Mỹ, Jan đưa Edwige đi chơi biển. Đó là một hòn đảo nhỏ vắng vẻ chỉ có vài ngôi làng nhỏ xíu, thảo nguyên có đàn cừu gặm cỏ vô tư lự. Bờ biển hàng rào che kín và trên đó có một cái khách

sạn duy nhất. Họ thuê phòng ở riêng.

Anh gõ cửa phòng cô. Tiếng cô vọng ra từ cuối căn phòng bảo anh cứ vào. Bên trong, anh không thấy ai. “Em đang tè,” từ phía trong cánh cửa phòng tắm khép hờ, cô nói to với anh.

Anh quá quen chuyện đó. Ngay cả khi có khách khứa trong nhà, cô vẫn thản nhiên tuyên bố cô đi tè và để cửa mở hờ nói chuyện với khách. Đó không phải sự đùa cợt chót nhả, cũng không phải bản tính không biết xấu hổ là gì. Ngược lại là đằng khác, nó là sự quyết tâm dẹp bỏ tính đùa cợt chót nhả và tính không biết xấu hổ.

Edwige không chấp nhận những truyền thống gây phiền toái cho con người. Cô không chịu chấp nhận lý lẽ cái mặt trần trụi thì ngây thơ dễ thương, còn cái miệng dít trần trụi thì nhục nhã xấu hổ. Cô không hiểu tại sao chất lỏng mẩn mẩn chảy ra từ đôi mắt thì thi vị một cách linh diệu, còn chất lỏng thải ra từ hạ thể dưới bụng thì kinh tởm phát khiếp. Tất cả nghe ngu xuẩn, giả dối và không hợp lý đối với cô. Cô ứng xử những quy ước đó như cô gái nổi loạn trong ký túc xá trường đạo Công giáo.

Từ phòng tắm bước ra, cô cười với Jan và để anh hôn lên hai bên má: “Mình đi chơi biển chứ?”

Anh gật đầu.

“Anh để quần áo lại đây,” cô bảo anh, đoạn cô lấy khăn tắm trên người xuống để lộ thân hình trần truồng.

Jan luôn luôn cảm thấy không tự nhiên khi cởi quần áo trước mặt người khác, và anh ghen tị với Edwige bởi, có mảnh vải trên người hay hoàn toàn khỏa thân, cô đều đi lại thoải mái, bình thường. Kỳ thực, không mặc gì hết trông cô tự nhiên hơn là có mặc, như thế

chối bỏ quần áo cô cũng chối bỏ luôn thân phận khó khăn của đàn bà để giản dị trở thành một con người không giới tính. Như thể giới tính nằm nơi y phục, còn trần truồng là trạng thái trung tính, phi giới tính.

Hai người khỏa thân theo bậc cấp xuống bờ biển, tại đó có nhiều nhóm người khỏa thân đang chơi đùa, tắm bộ, bơi: những bà mẹ và đám con khỏa thân, bà nội, bà ngoại, cháu, chắt khỏa thân, đàn ông già, trẻ khỏa thân. Có không biết cơ man nào mà kể vú đàn bà, đủ mọi kiểu: đẹp nhiều, đẹp vừa, xấu, xấu vừa, to bự, teo tóp. Jan buồn bã nhận ra rằng bên cạnh vú trẻ, vú già không trẻ lại, ngược lại là đẳng khác, vú trẻ già đi, và tất cả gộp lại trông vừa lạ lùng vừa vô nghĩa.

Một lần nữa cái ý nghĩ mơ hồ, kỳ bí về biên thùy lại quấy nhiễu tâm trí anh. Anh có cảm tưởng như đang ở ngay trên lằn ranh, đang bước qua nó. Một cảm giác buồn bã lạ lùng xâm chiếm tâm tư anh, và từ cảm giác ấy như từ trong sương mù, một ý nghĩ khác thậm chí lạ lùng hơn hiện ra: một đám người Do Thái trần truồng đi vào phòng hơi ngạt. Anh không hiểu vì sao hình ảnh đó cứ lớn vồn quay lại trí óc anh, và ý nghĩa của nó là gì, anh cũng không rõ. Có lẽ ý nghĩa của nó là vào thời khắc đó người Do Thái cũng đang ở *phía bên kia biên thùy* và do đó, sự trần truồng là đồng phục đàn ông đàn bà mặc ở phía bên kia. Rằng sự trần truồng là tấm màn che phủ.

Nhìn những thân thể trần truồng trên bờ biển, Jan thấy nổi buồn vô hạn trong lòng mình càng lúc càng không chịu nổi. Anh bảo Edwige: “Những thân thể trần truồng ở đây, thật lạ lùng...”

Edwige gật đầu: “Đúng, và cái lạ lùng hơn nữa là tất cả những thân hình ấy đều đẹp. Nhìn kìa, thậm chí người già yếu không mặc áo quần trông cũng đẹp. Đẹp

như thiên nhiên. Cây già không xấu hơn cây non, con sư tử ốm đau vẫn là chúa sơn lâm. Cái xấu của con người là cái xấu của quần áo.”

Edwige và anh, họ chẳng bao giờ hiểu nhau, nhưng họ luôn luôn đồng ý với nhau. Người này diễn dịch ý người kia theo cách hiểu và suy nghĩ của mình, nhưng có sự hài hòa tuyệt vời giữa họ. Không thông hiểu nhau dẫn đến sự nhất trí tuyệt diệu. Anh biết rõ chứ, và anh thấy vui vui chứ không bức dọc.

Họ đi chậm chậm bên nhau dọc theo bờ biển, cát dưới chân nóng bỏng, tiếng kêu be be của con sơn dương hòa lẫn tiếng sóng biển, một đàn cừu gặm cỏ dưới tàn cây ô-liu. Jan nhớ Daphnis. Chàng trai trẻ nằm bên cạnh Chloe, cả hai trần truồng, chàng trai thấy hưng phấn, nhưng chàng không hiểu sự hưng phấn đó dẫn dắt chàng về đâu, bởi thế nó kéo dài vô tận và không thể nào thỏa mãn nó được. Jan bỗng thấy một nỗi khao khát dấy lên trong lòng, nỗi khao khát muốn quay trở về. Quay về chàng trai trẻ đó. Quay về nguyên thủy loài người, nguyên thủy đời sống, nguyên thủy tình yêu. Anh khao khát chính sự khao khát. Anh khao khát nhịp đập cuồng loạn của trái tim. Anh muốn nằm bên cạnh Chloe, không biết tình yêu xác thịt là gì, không biết tuyệt đỉnh nhục cảm là gì. Để biến chính anh thành sự hưng phấn, sự hưng phấn kỳ bí, kỳ diệu, không hiểu nổi của người đàn ông trước thân xác người đàn bà. Anh buột miệng kêu to: “Daphnis!”

Đàn cừu vẫn đang gặm cỏ, Jan thở dài lẩm bẩm: “Daphnis, Daphnis...”

“Anh đang gọi Daphnis đấy ư?”

“Ừ, anh đang gọi Daphnis.”

“Hay lắm. Chúng ta cần quay trở lại với Daphnis, trở lại thời trước khi Thiên Chúa giáo hủy hoại loài người.

Ý anh muốn nói là như thế, phải không?”

“Đúng,” Jan trả lời, mặc dù điều anh muốn nói hoàn toàn khác.

“Thuở đó, có lẽ còn có một tí thiên đường. Đàn cừu và người chăn cừu. Con người thuộc về thiên nhiên. Tự do ăn ngủ, hít thở. Có phải Daphnis nghĩa là như thế đối với anh?”

Một lần nữa anh khẳng định điều cô vừa nói đúng là ý nghĩ của anh. Edwige kêu lên: “Đúng rồi! Anh nói đúng, và mình phải gọi hòn đảo này là Đảo Daphnis!”

Và bởi anh thấy thích thú thói phòng sự đồng ý giữa hai người dựa trên sự hiểu lầm nhau, Jan nói thêm: “Và khách sạn chúng ta ở phải gọi là Ở Phía Bên Kia.”

“Đúng!” Edwige hào hứng cất tiếng phụ họa. “Ở phía bên kia nhà tù, phía bên kia văn minh của chúng ta!”

Vài nhóm nhỏ người khỏa thân tiến đến gần, Edwige giới thiệu Jan với họ. Họ bắt tay xã giao chào anh, tự giới thiệu tên tuổi chức tước. Đoạn họ nói lan man từ nhiệt độ nước biển đến tính đạo đức giả của xã hội đang làm suy đồi linh hồn và thể xác con người, đến vẻ đẹp của hòn đảo.

Khi nói đến vẻ đẹp của hòn đảo, Edwige bảo những người đó: “Jan vừa đặt tên cho hòn đảo này là Đảo Daphnis. Tôi nghĩ anh ấy đúng.”

Mọi người tươi cười thấy thú vị với ý nghĩ độc đáo bất ngờ đó. Một người đàn ông với cái bụng phệ vĩ đại bắt đầu tràng giang đại hải nói văn minh Tây phương cuối cùng sẽ thoái lui và nhân loại sẽ được giải phóng ra khỏi truyền thống Do-Thái-Thiên-Chúa-giáo. Những điều đó Jan đã nghe qua cả chục, cả trăm, cả ngàn lần trước đây. Khoảng đất vài mét vuông trên bờ hòn đảo chẳng mấy chốc biến thành một thánh đường. Người đàn ông bụng phệ vẫn nói, những người khác

lắng nghe, bộ phận sinh dục của họ nhìn xuống cát một cách ngu xuẩn và buồn thiu buồn thiu.

ĐÔI ĐIỀU VỀ TRỊNH Y THƯ

Trịnh Y Thư sinh 1952 tại Hà Nội. Viết văn, làm thơ, dịch. Nguyên chủ bút tạp chí *Văn Học* (California).
Đương chăm sóc cơ sở xuất bản Văn Học Press.

Tác phẩm dịch đã xuất bản:

- *Đời nhẹ khôn kham* (*The Unbearable Lightness of Being*), tiểu thuyết của nhà văn Pháp gốc Tiệp Milan Kundera; ấn bản thứ nhất, tạp chí *Văn Học* (California) xuất bản, 2002; ấn bản thứ hai, Nhã Nam & NXB Hội Nhà Văn xuất bản, 2018.
- *Căn phòng riêng* (*A Room of One's Own*), tiểu luận văn học của nữ sĩ Virginia Woolf, Tri Thức xuất bản, ấn bản thứ nhất 2009; ấn bản thứ hai 2016.
- *Jane Eyre*, tiểu thuyết của nữ sĩ Charlotte Brontë, Nhã Nam & NXB Văn Học (Hà Nội) xuất bản, 2016.
- *Gặp gỡ với định mệnh*, tuyển văn dịch nhiều tác giả, Văn Học Press xuất bản, 2020.

- *Tập sách cái cười & sự lãng quên (The Book of Laughter and Forgetting)*, tiểu thuyết của nhà văn Pháp gốc Tiệp Milan Kundera; Văn Học Press xuất bản, 2021.

Sáng tác đã xuất bản:

- *Người đàn bà khác*, tập truyện, Song Thúy Bookstore & NXB Thế Giới (Hà Nội) xuất bản, 2010.
- *Chỉ là đồ chơi*, tạp bút; ấn bản thứ nhất, tạp chí *Hợp Lưu* xuất bản, 2012; ấn bản thứ hai, Văn Học Press xuất bản, 2019.
- *Phế tích của ảo ảnh*, thơ, Văn Học Press xuất bản, 2017.

Hiện định cư tại California, Hoa Kỳ.

email: trinhythu2000@yahoo.com;
 trinhythu@gmail.com

Facebook: Van Hoc Press



CPSIA information can be obtained
at www.ICGtesting.com
Printed in the USA
LVHW042026190621
690612LV00001B/2





Milan Kundera

Đây là cuốn sách xuất sắc và độc sáng, được viết với sự trong trẻo và minh triết, nó mời mọc chúng ta trực tiếp đi vào.

— John Updike, *The New York Times Book Review*

“Tập sách cái cười & sự lãng quên” tự gọi là một cuốn tiểu thuyết, mặc dù nó là một phần truyện thần tiên, một phần phê bình, một phần chính luận, một phần nhạc học, một phần tự truyện. Nó có thể gọi bất kỳ cái gì nó muốn, bởi tổng thể cuốn sách là một thiên tài.

— John Leonard, *New York Times*

Ảo diệu... Nếu bạn đọc cuốn sách này một cách kiên nhẫn và thành tâm, nó có thể thay đổi cuộc sống bạn.

— Ted Solotaroff, *The New Republic*

ISBN 978-1-666-29825-3



9 781666 298253 >